

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  
**HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**










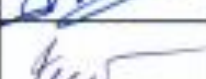



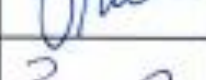




**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH KINH TẾ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
*(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

*(Hồ sơ đề nghị thẩm định và công nhận kết quả  
đánh giá chất lượng chương trình đào tạo)*

**Hà Nội - 2020**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH KINH TẾ  
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**

(Kèm theo Quyết định số 147/QĐ-HVCSPT ngày 12 tháng 8 năm 2019  
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH, CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ	CHỮ KÝ
1	Đào Văn Hùng	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện	Chủ tịch	
2	Trần Trọng Nguyên	P.GĐ Học viện	Phó Chủ tịch	
3	Lê Huy Đoàn	P.Trưởng Khoa KHPT	Phó Chủ tịch thường trực	
4	Lê Minh Văn	Giám đốc TTKT&ĐBCL	Thư ký	
5	Lê Hồng Quân	Chủ tịch công đoàn, Trưởng P.TCHC	Ủy viên	
6	Vũ Đình Hòa	Bí thư đoàn thanh niên, P.Trưởng khoa QTKD	Ủy viên	
7	Bùi Thị Hoàng Mai	Giảng viên khoa KHPT	Ủy viên thường trực	
8	Trần Thị Trúc	Giảng viên khoa KHPT	Ủy viên	
9	Nguyễn Thế Hùng	Trưởng phòng QLĐT	Ủy viên	
10	Ngô Minh Thuận	P.Trưởng bộ môn Triết	Ủy viên	
11	Đỗ Thị Hoa	P. trưởng Bộ môn NN	Ủy viên	
12	Nguyễn Tiến Hùng	Trưởng phòng CT& CTSV	Ủy viên	
13	Nguyễn Văn Tuấn	P.Trưởng bộ môn toán	Ủy viên	
14	Chu Thị Ngọc Trâm	Kế toán trưởng	Ủy viên	
16	Nguyễn Thị Đông	P.Trưởng phòng QLĐT	Ủy viên	
17	Nguyễn Thị Thu Hương	Sinh viên K7, chuyên ngành KHPT	Ủy viên	

(Danh sách gồm có 17 người).

## MỤC LỤC

PHẦN 1: KHÁI QUÁT -----	5
1.1. Đặt vấn đề-----	5
1.2. Tổng quan chung -----	13
PHẦN 2: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ-----	5
TIÊU CHUẨN 1 -----	21
TIÊU CHUẨN 2. -----	35
TIÊU CHUẨN 3 -----	45
TIÊU CHUẨN 4 -----	56
TIÊU CHUẨN 5 -----	64
TIÊU CHUẨN 6 -----	86
TIÊU CHUẨN 7 -----	108
TIÊU CHUẨN 8 -----	119
TIÊU CHUẨN 9 -----	119
TIÊU CHUẨN 10:-----	151
TIÊU CHUẨN 11-----	166
PHẦN 3. KẾT LUẬN-----	185
3.1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy -----	185
3.2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng-----	191
3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT -----	195
3.4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT -----	202
PHẦN 4. PHỤ LỤC -----	206

## DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
CĐR	Chuẩn đầu ra
CS&PT	Chính sách và phát triển
CT&CTSV	Chính trị và Công tác sinh viên
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CVHT	Cố vấn học tập
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐGN	Đánh giá ngoài
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDDH	Giáo dục đại học
HTQT	Hợp tác quốc tế
KHCN	Khoa học công nghệ
KHPT	Kế hoạch phát triển
KQHT	Kết quả học tập
KT&ĐBCL	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
KTPT	Kinh tế phát triển
MC	Minh chứng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NXB	Nhà xuất bản
QLĐT	Quản lý đào tạo
TC-HC	Tổ chức - Hành chính
TĐG	Tự đánh giá
ĐTQLDA	Đầu thầu và Quản lý dự án
PTDL	Phân tích dữ liệu trong Kinh tế và kinh doanh
KTQLC	Kinh tế và Quản lý công

## DANH MỤC BẢNG VÀ SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.0-1: Cơ cấu tổ chức Học viện Chính sách và Phát triển .....	15
Bảng 1.2.1: Mô tả mối quan hệ giữa mục tiêu và CDR của CTĐT ngành Kinh tế, trường hợp ví dụ là Chương trình KHPT .....	26
Bảng 2.2.1: Sự thay đổi đề cương môn học năm 2018 so 2015.....	39
Bảng 3.1.1: Ma trận tích hợp các phương pháp giảng dạy đáp ứng CDR .....	47
Bảng 6.2.1: Tỷ lệ giảng viên/người học ngành Kinh tế .....	90
giai đoạn 2014-2019 .....	90
Bảng 6.2.2: Định mức giờ nghiên cứu khoa học.....	91
đối với giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển .....	91
Bảng 6.2.3. Khối lượng giờ dạy và giờ nghiên cứu khoa học .....	92
bình quân/1giảng viên/ năm của Giảng viên Ngành Kinh tế .....	92
Bảng 6.7.1. Thống kê về hoạt động nghiên cứu khoa học .....	104
của giảng viên Ngành Kinh tế giai đoạn 2014 – 2019 .....	104
Bảng 8.1.1: Kết quả tuyển sinh ngành Kinh tế .....	122
Bảng 8.2.1. Thống kê tình hình tuyển sinh ngành Kinh tế giai đoạn 2014 -2019	125
Bảng 8.3.1: Tình hình sinh viên ngành Kinh tế thôi học .....	128
giai đoạn 2014 -2019 .....	128
Bảng 8.3.2: Bảng theo dõi tỷ lệ sinh viên hoàn thành CTĐT Kinh tế giai đoạn 2014 – 2019 .....	129
Bảng 8.4.1: Thống kê tình hình sinh viên tốt nghiệp .....	131
và được hỗ trợ giới thiệu có việc làm trong 5 năm 2014 - 2019.....	131
Bảng 10.4.1: Danh sách các đề tài được ứng dụng .....	158
trong hoạt động giảng dạy, học tập .....	158
Bảng 11.1.1: Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành Kinh tế.....	169
giai đoạn 2014 - 2019 .....	169
Bảng 11.3.1: Đối sánh tỷ lệ % sinh viên có việc làm.....	174
sau 12 tháng tốt nghiệp.....	174
Bảng 11.4.1: Đối sánh hoạt động NCKH của sinh viên ngành Kinh tế Quốc tế và Kinh tế tại Học viện Chính sách và Phát triển .....	177
Bảng 11.5.1: So sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT Ngành Kinh tế giai đoạn 2014 – 2019 .....	181
Bảng 11.5.2: So sánh mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp Ngành Kinh tế có việc làm đúng ngành đào tạo .....	181

## **PHẦN 1: KHÁI QUÁT**

### **1. Đặt vấn đề**

Học viện Chính sách và Phát triển (CS&PT) được Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) cho phép đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế theo quyết định số 4814/QĐ-BGDĐT ngày 30/07/2009. Theo đó, Học viện đã tiến hành xây dựng Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Kinh tế với chuyên ngành đầu tiên là chuyên ngành Kế hoạch phát triển (KHPT), chuyên ngành Quy hoạch phát triển từ năm 2010. Năm 2014-2015, Ngành Kinh tế mở thêm chuyên ngành Đấu thầu, tuyển sinh khóa sinh viên 03 khóa sinh viên vào năm học 2014-2015, 2015-2016 và 2016-2017. Năm học 2015 – 2016, do sự thay đổi về hướng đào tạo và nhu cầu nhân lực của ngành Kế hoạch Đầu tư, chuyên ngành Quy hoạch phát triển không còn tuyển sinh từ năm 2015-2016, thay vào đó Ngành Kinh tế đã mở thêm chuyên ngành Đầu tư và đã tuyển sinh được 4 khóa (từ khóa 7 đến nay), dự kiến khóa đầu tiên của chuyên ngành Đầu tư sẽ tốt nghiệp trong tháng 7/2020. Trong năm học 2018-2019, chuyên ngành Đấu thầu không còn tuyển sinh do nhu cầu nhân lực của ngành Kế hoạch – Đầu tư.

Sau khi hoàn thành khóa học, cử nhân Kinh tế có thể làm các công việc liên quan đến quản lý, lập, thẩm định dự án cả khu vực công và khu vực tư; có năng lực tham gia phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư tài chính tại các tổ chức kinh tế và doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ; có thể làm công tác hoạch định, quản lý nhà nước về đầu tư tại các cơ quan quản lý nhà nước cấp địa phương và trung ương. Thông qua CTĐT ngành Kinh tế, Học viện đã góp phần đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu về kinh tế đầu tư đáp ứng nhu cầu to lớn của xã hội. Năm học 2019 – 2020 ngành Kinh tế mở thêm 3 chuyên ngành là Đấu thầu và Quản lý dự án (ĐTQLDA) và Phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh (PTDL) và Kinh tế và Quản lý công (KTQLC). Mục đích mở các ngành mới nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực được đào tạo bài bản về đấu thầu, quản lý dự án, quản lý công, phân tích, xử lý dữ liệu lớn đang có nhu cầu cao của xã hội trong khi chưa nhiều các cơ sở đào tạo khác (thậm chí một số chuyên ngành chưa có cơ sở đào tạo khác) triển khai đào tạo. Công tác tuyển sinh năm 2019 cũng cho thấy, việc mở các chuyên ngành mới là quyết định đúng, đáp

ứng được nhu cầu xã hội và thực hiện theo đúng định hướng phát triển của Học viện Chính sách Phát triển.

Mục tiêu đào tạo của ngành Kinh tế là đào tạo ra các cử nhân kinh tế có có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về kinh tế, kế hoạch phát triển, đầu tư, đấu thầu & QLDA và phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người học, Học viện đã triển khai tự đánh giá các ngành trong đó có ngành Kinh tế.

Báo cáo TĐG ngành Kinh tế với kết cấu gồm 04 phần: Phần I. Khái quát, nêu tóm tắt về Học viện, về ngành Kinh tế, về báo cáo TĐG; Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục (1) Mô tả, (2) Điểm mạnh, (3) Điểm tồn tại, (4) Kế hoạch hành động, (5) Tự đánh giá; Phần III: Kết luận, tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại, kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT và tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT; Phần IV: Phụ lục. Nội dung của báo cáo tập trung TĐG 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí, được khái quát như sau:

- Về mục tiêu, chuẩn đầu ra của ngành Kinh tế: Mục tiêu của CTĐT ngành Kinh tế được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện CS&PT, phù hợp với mục tiêu của Giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục Đại học. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

- Về bản mô tả CTĐT: Bản mô tả CTĐT ngành Kinh tế được xây dựng trên cơ sở CTĐT ban hành từ năm 2018 theo các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Học viện, của Khoa, được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu nhân lực cho các tổ chức. Bản mô tả CTĐT ngành Kinh tế cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CĐR của toàn bộ chương trình và của từng học

phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, mô tả học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá học phần.

- Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (CTDH): Chương trình dạy học ngành Kinh tế được cấu trúc hợp lý và hệ thống; tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Học viện với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, chuẩn kỹ năng, chuẩn thái độ; đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá sinh viên được sử dụng nhằm đảm bảo đạt các CĐR chung của CTDH và các CĐR của từng học phần. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Đồng thời, CTDH ngành Kinh tế liên tục được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể và ở CTDH tổng thể.

- Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học: Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Học viện ngành Kinh tế được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

- Về đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học: Đánh giá KQHT của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong GD đại học. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cung cấp cho Học viện và Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá KQHT của người học của chuyên ngành Kinh tế được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được CĐR, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành. Các quy định về đánh giá KQHT của người học đều được thông báo công khai tới người học thông qua Sổ tay sinh viên khi mới nhập học và trong quá trình học. Trước khi bắt đầu học mỗi học phần, người học được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá sử dụng trong học phần đó. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. kết quả đánh giá được



phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT.

- Về đội ngũ giảng viên: Đội ngũ giảng viên của ngành Kinh tế được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên ngành có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình NCKH khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Quá trình tuyển dụng, đề bạt cán bộ giảng viên được thực hiện công khai, đúng quy định; dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của giảng viên. Bên cạnh đó, công tác quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của giảng viên được triển khai đồng bộ nhằm tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng. giảng viên tham gia giảng dạy, nghiên cứu các CTĐT ngành Kinh tế bao gồm 26 giảng viên cơ hữu ngành, giảng viên cơ hữu giáo dục đại cương và đội ngũ giảng viên thỉnh giảng. Chất lượng của đội ngũ giảng viên được đánh giá thông qua chất lượng của công tác quy hoạch giảng viên, tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên, năng lực của đội ngũ giảng viên, kế hoạch phát triển chuyên môn cho đội ngũ giảng viên, đánh giá kết quả công việc của giảng viên, kết quả các hoạt động nghiên cứu của giảng viên.

- Về mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT: Mục tiêu của CTĐT ngành Kinh tế được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện CS&PT, phù hợp với mục tiêu của Giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục Đại học. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Chuẩn đầu ra (CDR) của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

- Về bản mô tả CTĐT: Bản mô tả CTĐT ngành Kinh tế được xây dựng trên cơ sở CTĐT ban hành từ năm 2018 theo các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Học viện, của Khoa, được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu nhân lực cho các tổ

chức. Bản mô tả CTĐT ngành Kinh tế cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CĐR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, mô tả học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá học phần.

- Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (CTDH): Chương trình dạy học ngành Kinh tế được cấu trúc hợp lý, các chuyên ngành có chương trình đào tạo riêng được xây dựng, thẩm định tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Học viện với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, chuẩn kỹ năng, chuẩn thái độ; đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá sinh viên được sử dụng nhằm đảm bảo đạt các CĐR chung của CTDH và các CĐR của từng học phần. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Đồng thời, CTDH ngành Kinh tế liên tục được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể và ở CTDH tổng thể.

- Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học: Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Học viện và của ngành Kinh tế và các chuyên ngành được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

- Về đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học: Đánh giá KQHT của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong GD đại học. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cung cấp cho Học viện và Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá KQHT của người học của ngành Kinh tế được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được CĐR, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành. Các quy định về đánh giá KQHT của người học đều được thông báo công khai tới người học thông qua Sổ tay sinh viên khi mới nhập học và trong quá trình học. Trước khi bắt đầu học mỗi học phần, người học được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm

tra đánh giá sử dụng trong học phần đó. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT.

- Về đội ngũ giảng viên: Đội ngũ giảng viên của ngành Kinh tế được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên của ngành Kinh tế có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình NCKH khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Quá trình tuyển dụng, đề bạt cán bộ giảng viên được thực hiện công khai, đúng quy định; dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của giảng viên. Bên cạnh đó, công tác quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của giảng viên được triển khai đồng bộ nhằm tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng. giảng viên tham gia giảng dạy, nghiên cứu các CTĐT ngành Kinh tế bao gồm 27 giảng viên cơ hữu ngành, giảng viên cơ hữu giáo dục đại cương và đội ngũ giảng viên thỉnh giảng. Chất lượng của đội ngũ giảng viên được đánh giá thông qua chất lượng của công tác quy hoạch giảng viên, tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên, năng lực của đội ngũ giảng viên, kế hoạch phát triển chuyên môn cho đội ngũ giảng viên, đánh giá kết quả công việc của giảng viên, kết quả các hoạt động nghiên cứu của giảng viên.

- Về đội ngũ nhân viên: Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, Học viện CS&PT luôn xác định xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Học viện đã thực hiện tốt công tác phát triển đội ngũ nhân viên. Chất lượng của đội ngũ nhân viên được đánh giá thông qua chất lượng của công tác quy hoạch nhân viên; qua quá trình tuyển dụng nhân viên với các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn rõ ràng, minh bạch; qua năng lực của đội ngũ nhân viên; qua các kế hoạch đào tạo phát triển chuyên môn cho đội ngũ nhân viên và qua quá trình đánh giá kết quả công việc của đội ngũ nhân viên.

- Về người học và hoạt động hỗ trợ người học: Tất cả các hoạt động của Học viện đều hướng đến mục tiêu hỗ trợ người học phát huy tối đa năng lực bản thân trong học tập và nghiên cứu khoa học (NCKH). Để giúp người học tham gia quá trình đào tạo, Học viện đã có các đơn vị chức năng như Phòng QLĐT, Phòng CT&CT sinh viên, Trung tâm hỗ trợ đào tạo, đội ngũ CVHT, các câu lạc bộ. Trong các năm qua, Học viện CS&PT, Khoa Kinh tế đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ và rèn luyện của người học một cách minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh tiện ích, từ đó nâng chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo chung của Học viện.

- Hiện nay Học viện đã đầu tư xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị khá đầy đủ, sử dụng có hiệu quả, phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu bao gồm: (1) Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng phù hợp với các trang thiết bị đảm bảo cho việc dạy và học; (2) Hệ thống thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật; (3) Hệ thống phòng thực hành và trang thiết bị phù hợp và sử dụng hiệu quả; (4) Hệ thống công nghệ thông tin ngày càng được nâng cấp; (5) Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai hợp lý.

- Về nâng cao chất lượng: Học viện CS&PT và khoa Kinh tế đang từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng đào tạo. Cụ thể, tiến hành rà soát, CTDH, CTĐT, rà soát nội dung giảng dạy, phương pháp dạy – học... các công tác này được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan gồm giảng viên, người học, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng, qua đó giúp Khoa có cơ sở thiết kế và phát triển CTDH hiệu quả. Trong quá trình triển khai giảng dạy, học tập, các kết quả từ việc dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan thúc đẩy việc cải tiến chất lượng đào tạo.

- Về kết quả đầu ra: Nhằm đảm bảo chất lượng (ĐBCL) của các CTĐT, việc

định kỳ đánh giá kết quả đầu ra được xem là một trong số những cách thức quan trọng. Những vấn đề mà Học viện quan tâm khi tiến hành đánh giá về kết quả đầu ra bao gồm tỉ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp, NCKH của sinh viên và mức độ hài lòng của các bên liên quan.

**Mã hóa minh chứng:** Đối với từng tiêu chí trong tiêu chuẩn, nội dung mô tả có MC kèm theo. MC được mã hóa theo cách thức Hn.ab.cd.ef, trong đó: H là hộp MC, n là số thứ tự hộp MC, ab là số thứ tự tiêu chuẩn, cd là số thứ tự tiêu chí, ef là số thứ tự của MC trong tiêu chí. Ví dụ, H1.01.02.11 nghĩa là minh chứng đó thuộc Hộp minh chứng thứ nhất của tiêu chuẩn 01 phục vụ cho tiêu chí thứ 2 và đây là minh chứng thứ 11.

**Mục đích tự đánh giá:** giúp Khoa, Học viện tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo hiệu quả hơn; thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Khoa và Học viện trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã xác định; tạo điều kiện cần thiết để Học viện đăng ký đánh giá ngoài.

**Quy trình tự đánh giá:** Bước 1. Thành lập Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành Kinh tế trình độ đại học; Bước 2. Lập kế hoạch TĐG; Bước 3. Họp Hội đồng TĐG, ban thư ký, nhóm công tác để triển khai và phân công; Bước 4. Triển khai viết báo cáo TĐG (phân tích nội hàm yêu cầu tiêu chí, thu thập số liệu thông tin MC, viết phiếu đánh giá tiêu chí, tổng hợp báo cáo TĐG); Bước 5. Họp Hội đồng thông qua báo cáo TĐG và công bố toàn Học viện.

**Phương pháp tự đánh giá:** dùng phương pháp SWOT, mỗi tiêu chí được viết theo trình tự: Mô tả thực trạng của CTĐT; Phân tích và chỉ ra những điểm mạnh nổi bật và những tồn tại từ đó đưa ra kế hoạch hành động phù hợp và khả thi.

**Công cụ tự đánh giá:** Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT ban hành tại Thông tư 04/2016 ngày 14/3/2016, theo yêu cầu của công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo, Công văn số 769 ngày /QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của

GDĐ đại học và Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD.

**Phạm vi đánh giá:** TĐG CTĐT trình độ đại học ngành Kinh tế giai đoạn từ tháng 01/2015 đến tháng 12/2019

Học viện đã ban hành Kế hoạch số 15/KH-HVCSPT ngày 8/11/2018 về TĐG CTĐT trình độ đại học ngành Kinh tế và Quyết định số 738/QĐ-HVCSPT ngày 15/10/2018 về việc thành lập Hội đồng TĐG. Học viện đã tập huấn, hướng dẫn chi tiết quy trình TĐG và viết báo cáo; các nhóm công tác chịu trách nhiệm một số tiêu chuẩn được phân công. Để triển khai TĐG, lãnh đạo các Khoa, chuyên ngành đã tiến hành họp, phổ biến kế hoạch tiến độ chi tiết và phân công rõ ràng từng mảng công việc như: khảo sát các bên liên quan; thu thập, phân loại, mã hóa MC; viết báo cáo tiêu chí; dự thảo báo cáo TĐG; sắp xếp MC. Ngoài ra, các đơn vị thuộc Học viện cung cấp số liệu thông tin MC cần thiết để làm minh chứng.

## **2. Tổng quan chung**

### ***2.1. Khái quát về Học viện Chính sách và Phát triển***

Học viện Chính sách và Phát triển (APD) được thành lập theo Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 04/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ, là trường đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục đại học quốc dân. Về tổ chức, Học viện trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư – cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tham mưu đề xuất các chính sách kinh tế vĩ mô và thống kê.

- Tên bằng tiếng Anh: Academy of Policy and Development

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt: HCP; Bằng tiếng Anh: APD

- Cơ quan Bộ chủ quản: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Địa chỉ:

+ Trụ sở chính: Khu đô thị Nam An Khánh, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội.

+ Cơ sở 2: Tòa nhà D25 Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ngõ 7, phố Tôn Thất Thuyết, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội.

- Số điện thoại: (024) 37473186; Fax: (024) 37475217.

- Website: <http://apd.edu.vn>

**TẦM NHÌN:** Đến năm 2030, Học viện trở thành trường đại học định hướng

ngiên cứu đạt chuẩn quốc gia về chất lượng, nằm trong nhóm các trường đại học có uy tín ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á; trở thành trung tâm nghiên cứu có uy tín trong nước và khu vực.

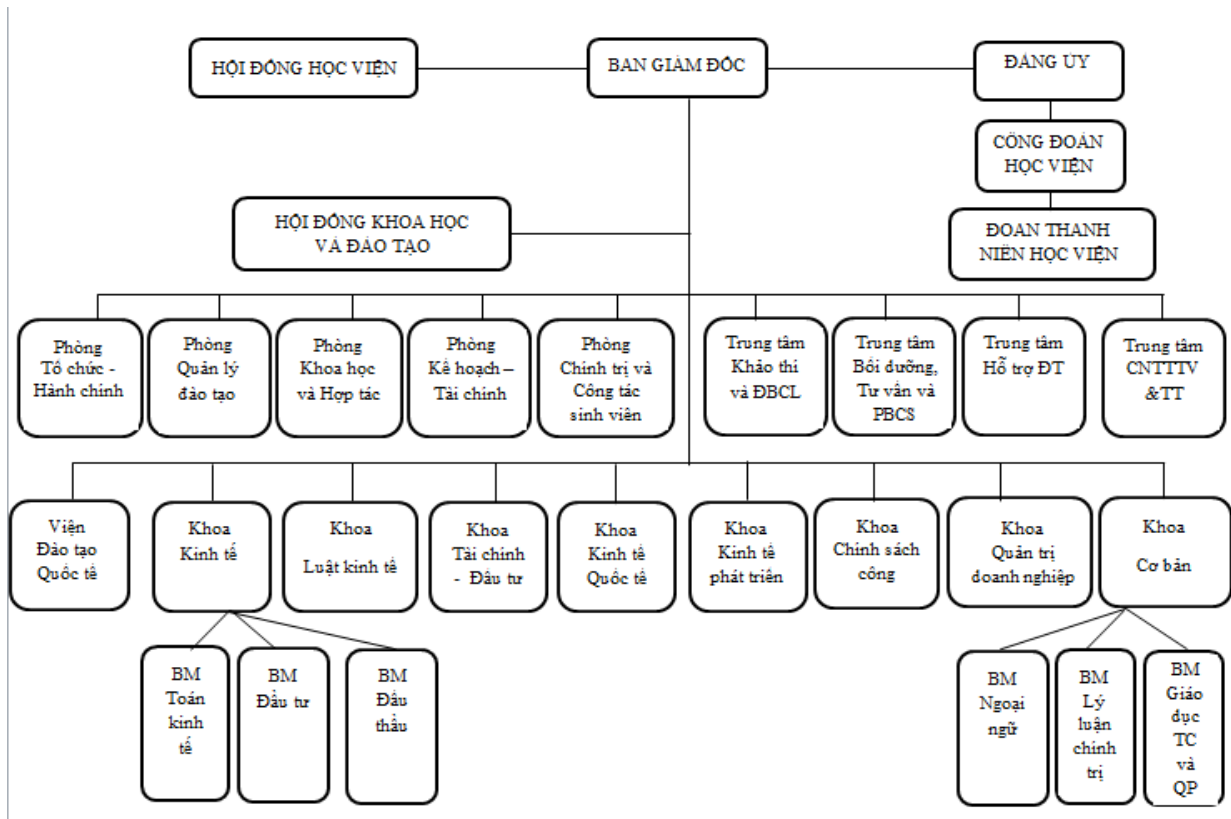
**SỨ MỆNH:** Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học, thạc sỹ, tiến sỹ về chính sách công, kinh tế và quản lý, có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong nước và quốc tế; nghiên cứu, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách.

**GIÁ TRỊ CỐT LÕI:** Chất lượng – Minh bạch – Trí tuệ và Phát triển.

**TRIẾT LÝ GIÁO DỤC:** Chất lượng, phát triển bền vững và Hội nhập quốc tế

**Về cơ cấu tổ chức:** hiện nay cơ cấu tổ chức của Học viện gồm: Đảng bộ Học viện; các tổ chức đoàn thể (Công đoàn, Đoàn Thanh niên); Ban Giám đốc; Hội đồng Khoa học và Đào tạo; 09 đơn vị chức năng giúp Giám đốc Học viện thực hiện hoạt động quản lý và 15 đơn vị đào tạo gồm 01 Viện Đào tạo Quốc tế, 07 khoa chuyên ngành, 01 khoa cơ bản và 06 bộ môn (*Sơ đồ 1.1*). Tổng số cán bộ giảng viên của Học viện tính tại thời điểm 31/11/2019 là 124 người, trong đó có 78 giảng viên cơ hữu, chiếm tỷ lệ 61,3% tổng số cán bộ, giảng viên cơ hữu toàn Học viện. Cơ cấu gồm 04 người là Phó Giáo sư, 23 người là Tiến sĩ (không kể PGS), 54 người là Thạc sĩ. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên (không kể PGS) trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện là 22,3%. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện là 71,1%. Học viện chưa thành lập Hội đồng Học viện.

### Sơ đồ 1.0-1: Cơ cấu tổ chức Học viện Chính sách và Phát triển



**Các hoạt động chính:** (1) Đào tạo đại học và sau đại học; (2) Hoạt động Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế (nghiên cứu các lĩnh vực chính là Kinh tế vĩ mô, quy hoạch phát triển, quản lý chính sách và đầu tư tài chính); (3) Tư vấn, chính sách; (4) Đào tạo và bồi dưỡng.

#### *Đào tạo đại học và sau đại học*

Hiện nay, Học viện đang đào tạo 07 ngành trình độ đại học, 04 ngành trình độ Thạc sĩ với quy mô trên 3.000 sinh viên, học viên cao học.

Đối với đào tạo đại học Học viện có 17 theo chương trình đạo tạo hệ chuẩn (hệ đại trà) và 04 chương trình đào tạo (CTĐT) chất lượng cao. Việc tuyển sinh đầu vào được thực hiện theo Quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với đào tạo sau đại học, Học viện đang triển khai 04 CTĐT thạc sĩ trong nước (Chính sách công, Tài chính – Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển) và 01 CTĐT liên kết Kinh tế quản lý công với Trường Đại học Rent của Pháp).

#### *Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế*

Hoạt động NCKH tại Học viện CS&PT bao gồm các hoạt động về nghiên cứu, tư vấn và phản biện chính sách tập trung các lĩnh vực: Chính sách phát triển,



kinh tế vĩ mô, kinh tế quốc tế, tài chính ngân hàng; triển khai, xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Học viện. Học viện chú trọng đầu tư vào các đề tài NCKH gắn liền với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu về đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ và các vấn đề nghiên cứu công nghệ phục vụ trực tiếp cho việc dạy học của giảng viên và sinh viên. Đồng thời, khuyến khích cán bộ, giảng viên, sinh viên tập trung đầu thầu đề tài NCKH các cấp; có bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế phù hợp với định hướng nghiên cứu để có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Học viện đã đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế trong việc NCKH và tiếp cận khai thác chương trình quốc tế theo phương thức hiện đại, thông qua các chương trình hợp tác, liên kết quốc tế với các nước có nền giáo dục hiện đại hơn, tiệm cận với các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, tạo điều kiện cho giảng viên được bồi dưỡng năng lực giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của Học viện; góp phần thực hiện kiểm định CTĐT, kiểm định cơ sở giáo dục. Học viện đã từng bước khẳng định vị thế của mình trong quan hệ HTQT với các trường đại học và các tổ chức trên thế giới. Học viện đã phát triển quan hệ hợp tác với các trường đại học nổi tiếng trên thế giới, như Trường Đại học Tổng hợp Kinh tế, Thống kê và Tin học Matxcova (MESI) - Nga, Đại học Portland - Mỹ, Đại học Quốc gia Seoul - Hàn Quốc, Trường Lý Quang Diệu (Đại học Quốc gia Singapore) - Singapore, Đại học Nam California – Mỹ. Học viện tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác với 02 tổ chức quốc tế là USAID và KOICA. Các tổ chức này đã tài trợ kinh phí cũng như giới thiệu các chuyên gia nước ngoài đến làm việc và hỗ trợ trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) của Học viện. Hoạt động hợp tác quốc tế đã góp phần không nhỏ giúp Học viện nhanh chóng thực hiện các mục tiêu chiến lược trở thành cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học có uy tín trong nước cũng như trong khu vực.

**Cơ sở vật chất:** Từ năm 2015 – 2019, Học viện tổ chức đào tạo sinh viên và học viên cao học tại trụ sở tòa nhà làm việc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, địa chỉ: Ngõ 7, phố Tôn Thất Thuyết, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội với

tổng diện tích phòng học là 1.950 m<sup>2</sup>. Từ học kỳ 2 năm học 2019 – 2020, Học viện đã chuyển ra trụ sở đào tạo tại Lô CT11 khu đô thị Nam An Khánh phân mở rộng – Khu B, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội với quy mô đất thuộc dự án là 50.700m<sup>2</sup>, dự kiến tổ chức đào tạo tại cơ sở này từ tháng 2/2020. Học viện có tổng diện tích phòng học, phòng thực hành là 13.811 m<sup>2</sup> với trang thiết bị giảng dạy hiện đại phục vụ cho việc giảng dạy, học tập với quy mô 7.000 sinh viên và học viên.

**Tài chính:** Học viện CS&PT là một đơn vị sự nghiệp công lập đồng thời là đơn vị dự toán cấp 2 trực thuộc trực tiếp Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Công tác quản lý tài chính được thực hiện theo luật ngân sách bao gồm các khâu lập, chấp hành và quyết toán ngân sách. Công tác quản trị tài chính nội bộ được thực hiện tốt và đảm bảo phát huy hiệu quả cho các hoạt động của Học viện. Các chế độ chính sách của sinh viên được đảm bảo và đóng góp vào nguồn thu ngân sách Nhà nước thông qua nộp các nghĩa vụ thuế. Đời sống cán bộ giảng viên ngày càng được cải thiện. Các kết luận của kiểm toán 2014 và biên bản xét duyệt ngân sách hàng năm đều khẳng định hoạt động quản lý tài chính của Học viện đều công khai và minh bạch.

Trong 3 năm trở lại đây (2017-2019), trong cơ cấu nguồn thu của Học viện, nguồn thu từ ngân sách Nhà nước chiếm khoảng 27-30%, nguồn thu từ học phí, lệ phí các loại chiếm khoảng 60-70%, nguồn thu từ hoạt động dịch vụ chiếm khoảng 3-8%. Năng lực tự chủ tài chính của Học viện đáp ứng được khoảng 60-70%.

**Khen thưởng:** Học viện CS&PT nhiều năm liền đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tặng Bằng khen. Năm 2013 được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Công đoàn Học viện được 02 Bằng khen của Ban Chấp hành Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, 15 bằng khen của Công đoàn Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho tập thể và các cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn cơ sở trong những năm qua. Từ 2012 đến nay, Đoàn Thanh niên Học viện đã nhận được 03 Bằng khen của Trung ương Đoàn và 05 Bằng khen của Đoàn Thanh niên Khối các cơ quan Trung ương, nhiều giấy khen của Đoàn Thanh niên Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

## ***2.2. Giới thiệu về Khoa Kinh tế***

Khoa Kinh tế (tiền thân là Khoa Kế hoạch phát triển) được thành lập năm 2010, ngay từ khi thành lập Học viện, chịu trách nhiệm quản lý, triển khai CTĐT

ngành Kinh tế với các hướng chuyên sâu là kế hoạch phát triển. Từ năm 2017, Học viện bổ sung tuyển sinh sinh viên ngành Kinh tế với hướng chuyên sâu là Đầu tư. Năm 2019, Học viện bổ sung tuyển sinh sinh viên ngành Kinh tế với hướng chuyên sâu Đầu thầu và Quản lý dự án, Kinh tế và Quản lý công và Phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh. Từ 2010 đến nay, CTĐT ngành Kinh tế đã có thay đổi và chỉnh sửa định kỳ nhiều lần theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cụ thể, CTĐT ngành Kinh tế đã thay đổi theo hướng tăng các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, giảm dần các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho người học sau khi tốt nghiệp; chính sách tuyển sinh cũng được chú ý với điểm thi đầu vào của chương trình được tăng dần qua các năm đào tạo; các điều kiện thực hiện chương trình được cải thiện; chuẩn đầu ra của CTĐT và tính liên kết của CDR với nội dung của CTĐT được đề cao và đảm bảo.

Khoa đặc biệt quan tâm việc xây dựng và lựa chọn đội ngũ giảng viên có trình độ cao, tận tâm với nghề tham gia giảng dạy và hướng dẫn sinh viên NCKH với 100% giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên. Khoa Kinh tế luôn tạo môi trường học thuật, NCKH, và các hoạt động hỗ trợ nhằm giúp nâng cao chất lượng đào tạo. Hầu hết giảng viên tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có chất lượng khá, tốt và xuất sắc. Hàng năm, giảng viên của khoa có số giờ NCKH quy đổi lớn, đều có các bài báo công bố quốc tế và trong nước. Hoạt động NCKH của sinh viên của Khoa cũng được đẩy mạnh với nhiều giải Nhất, Nhì NCKH cấp Học viện và cấp Quốc gia. Đồng thời, thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, năng lực của cán bộ, giảng viên được nâng cao.

**Cơ cấu tổ chức của Khoa:** Khoa Kinh tế có Trưởng khoa, trợ lý khoa và các giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy. Hội đồng Khoa được thành lập theo Quyết định của Giám đốc Học viện, bao gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 01 Thư ký và các thành viên. Về công tác Đảng, các cán bộ, giảng viên của Khoa là Đảng viên tham gia sinh hoạt tại Chi bộ 2 (Chi bộ khối cán bộ phòng ban) và Chi bộ 3 (Chi bộ khối cán bộ giảng viên). Về công tác Đoàn, một số cán bộ, giảng viên của Khoa tham gia sinh hoạt tại Chi đoàn khối cán bộ giảng viên của Học viện. Các cán bộ

giảng viên trong Khoa đều là thành viên của Tổ công đoàn Khoa trực thuộc Công đoàn Học viện CS&PT.

***Hoạt động đào tạo của Khoa:***

Tính đến tháng 12/2019, đã có 06 khoá sinh viên ngành Kinh tế ra trường với 590 sinh viên tốt nghiệp. Tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm sau khi ra trường sau một năm tốt nghiệp đạt khoảng 90%, số sinh viên làm đúng chuyên ngành đạt khoảng 87%.

***Hoạt động NCKH của Khoa:*** Hoạt động NCKH của Khoa được triển khai đối với cả giảng viên và sinh viên. Các giảng viên trong Khoa hàng năm đều đảm bảo định mức NCKH theo quy định của Học viện. Nhiều giảng viên trong Khoa đã tham gia và hoàn thành các đề án, các đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Học viện với kết quả được đánh giá cao. Bên cạnh đó, giảng viên trong Khoa cũng đã có các bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế và trong nước có uy tín; tích cực tham gia các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; xuất bản giáo trình, sách chuyên khảo (như Giáo trình “Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô” – NXB Đại học Quốc gia Hà Nội 2014; sách tham khảo “Chất lượng tăng trưởng công nghiệp Thành phố Hà Nội-Rào cản và gợi ý chính sách” – NXB Dân Trí Hà Nội 2018; sách chuyên khảo “Cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng ở Việt Nam” – NXB Dân Trí Hà Nội 2019; sách chuyên khảo “Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và làn sóng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam” – NXB Dân Trí Hà Nội 2019...).

Về hoạt động NCKH của sinh viên: sinh viên Khoa Kinh tế có truyền thống NCKH tốt, được đánh giá cao trong Học viện. Hoạt động NCKH sinh viên được triển khai hàng năm theo kế hoạch NCKH của Học viện. Nhiều đề tài NCKH của sinh viên khoa đã giành giải Nhất, Nhì cấp Học viện. Ngoài ra, sinh viên Trịnh Thị Huyền - còn được giải Nhì trong cuộc thi Olympic Kinh tế lượng ứng dụng toàn quốc năm 2017 – 2018 với đề tài “Lợi suất giáo dục tại các khu vực kinh tế của Việt Nam theo số liệu VHLSS 2016”. sinh viên của Khoa cũng đã có bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín như Trịnh Thị Huyền (2017) – The relationship between fiscal status with economic growth, inflation and unemployment in Vietnam period 1996 – 2016 – International Journal of Research in Economics and Social Science (IJRESS); Hoang Lan Chi (2017) – Analysis of factor impacting on

money demand in Vietnam – International Journal of Research in Finance and Marketing; hoặc bài báo đăng trên kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp Học viện như Vũ Hải Đăng (2017 – đồng tác giả) - Các yếu tố đóng góp vào thay đổi giá trị xuất khẩu của Việt Nam trên thị trường ASEAN - Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Giảng dạy và NCKH trong bối cảnh quốc tế”.

Hoạt động về công tác sinh viên: Khoa Kinh tế luôn là lá cờ đầu trong các hoạt động văn nghệ và thể thao. sinh viên của khoa đã nhiều năm giành được cúp vô địch trong các giải thể thao, văn nghệ, nấu ăn, sinh viên thanh lịch... của Học viện.

Với vai trò là Khoa quản lý sinh viên, lãnh đạo và cán bộ giảng viên trong Khoa đã thường xuyên phối hợp cùng các đơn vị khác trong Học viện triển khai nhiều hoạt động cho sinh viên trong suốt quá trình học tập tại Học viện như chào tân sinh viên, Tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, thi tiếng Anh, thi Rung chuông vàng... Các bạn sinh viên mới luôn nhận được sự hướng dẫn, giúp đỡ nhiệt tình của các anh chị sinh viên các khóa trước, được kết nối, chia sẻ từ chỗ ở, kinh nghiệm học tập, thi cử ...v.v

Công tác quản lý sinh viên, khai báo tạm trú luôn được Khoa và Học viện thực hiện nghiêm túc, góp phần định hướng sinh viên tránh xa các tệ nạn xã hội, tập trung cho công việc học tập và rèn luyện tại Học viện.

Đội ngũ cố vấn học tập là các giảng viên trong Khoa luôn sâu sát, quan tâm đến các lớp sinh viên được phân công phụ trách, qua đó nhanh chóng nắm bắt được những khó khăn của sinh viên để kịp thời hỗ trợ, tìm ra các giải pháp phù hợp. Học viện ý thức được việc kiểm định chất lượng giáo dục, đặc biệt là kiểm định các CTĐT là hết sức quan trọng, quyết định đến sự mạng nên Học viện CS&PT đã chỉ đạo quyết liệt TĐG chất lượng giáo dục và các CTĐT. Năm 2018, Học viện đã được chứng nhận Chất lượng đào tạo đại học của cơ quan đánh giá ngoài về cơ sở giáo dục đại học theo Quyết định số 93/QĐ-KĐCLGD ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Hiệp hội các trường đại học cao đẳng Việt Nam.

## PHẦN 2: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

### TIÊU CHUẨN 1.

#### MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

##### Mở đầu

Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành Kinh tế được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện CS&PT, phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại luật GDDH. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kì rà soát, điều chỉnh và công bố công khai.

***Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục Đại học.***

##### 1. Mô tả:

Mục tiêu của CTĐT ngành Kinh tế được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng, điều chỉnh CTĐT với các yêu cầu về hình thức, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của đào tạo trình độ đại học. Theo đó, tại bước 3 nêu rõ nhóm soạn thảo CTĐT cần: “*Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể (kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí làm việc sau tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ tin học) và chuẩn đầu ra (kiến thức, kỹ năng, thái độ) của CTĐT trên cơ sở nghiên cứu CTĐT hiện hành của cơ sở đào tạo có uy tín trong nước và nước ngoài, tham khảo ý kiến chuyên gia*”. [H1.01.01.01]. Mục tiêu của CTĐT ngành Kinh tế được nêu cụ thể trong các quyết định ban hành CTĐT năm 2012, sửa đổi vào các năm 2015 và 2018 [H1.01.01.02].

Ở lần sửa đổi cập nhật năm 2018, mục tiêu của CTĐT ngành Kinh tế được đề xuất theo hướng: các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành có cùng học phần, có cùng mục tiêu và CĐR của từng học phần và đóng góp vào chuẩn đầu ra chung của các học phần; CĐR của các học phần chuyên ngành là khác nhau giữa các chuyên ngành. Cụ thể, mục tiêu của CTĐT Ngành Kinh tế, chuyên ngành Đầu tư, KHPT, Kinh tế và Quản lý công, Phân tích dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh,

Đầu thầu và Quản lý dự án là “Đào tạo cử nhân đại học về Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về kinh tế kế hoạch phát triển; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.”. **[H1.01.01.02].**

Trên cơ sở mục tiêu chung của CTĐT, các mục tiêu cụ thể và CDR của CTĐT Cử nhân ngành Kinh tế, được thiết kế để từ đó xây dựng các mục tiêu cụ thể và CDR của các môn học thuộc CTĐT. Trường hợp ví dụ là mục tiêu cụ thể và CDR của CTĐT chuyên ngành KHPT, theo đó mục tiêu đào tạo cụ thể của chương trình KHPT là: *Về kiến thức*, cử nhân Kinh tế, chuyên ngành KHPT được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về quản lý, quản trị kinh doanh và kinh tế học hiện đại; có kiến thức rộng về lý luận và thực tiễn của kinh tế thị trường; có đủ năng lực tham gia phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi nền kinh tế, ngành và địa phương, tham gia phân tích, hoạch định xây dựng kế hoạch phát triển tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. *Về năng lực*, cử nhân Kinh tế, chuyên ngành KHPT có năng lực thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và xã hội, kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát vấn đề, khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc trong chuyên môn. *Về đạo đức*, cử nhân Kinh tế, chuyên ngành KHPT có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc. Về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, cử nhân Kinh tế, chuyên ngành KHPT sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các quỹ đầu tư, các tổ chức tư vấn đầu tư, phát triển; các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế - xã hội từ Trung ương đến địa phương; các tổ chức quốc tế; các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp; các cơ quan nghiên cứu và hoạch định chính sách kinh tế - xã hội. *Về kỹ năng*, Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành KHPT, chuyên ngành Đầu tư, chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công, Phân tích dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh khi tốt nghiệp đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và Tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện CS&PT **[H1.01.01.02].**

Mục tiêu đào tạo và CDR của chương trình chuyên ngành Đầu tư, chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công, Đấu thầu và Quản lý Dự án, Phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh cũng được thiết kế tương tự **[H1.01.01.02]**

Mục tiêu của CTĐT ngành Kinh tế được thiết kế thống nhất cho các chuyên ngành đào tạo, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện CS&PT. Sứ mạng và tầm nhìn của Học viện được thể hiện trong Kế hoạch Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 361/QĐ-HVCSPT ngày 06/6/2011 và Kế hoạch phát triển Học viện giai đoạn 2019-2020, tầm nhìn 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-HVCSPT ngày 10/01/2016. Bên cạnh đó, trong Quyết định về việc công bố sứ mạng, tầm nhìn của Học viện Chính sách và Phát triển (Quyết định số 766/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016) đã khẳng định sứ mạng của Học viện là: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học, thạc sỹ, tiến sỹ về chính sách công, kinh tế và quản lý, có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong nước và quốc tế; nghiên cứu, bồi dưỡng, phản biện chính sách”. Cũng trong Quyết định 766, tầm nhìn của Học viện được công bố là: “Đến năm 2020, Học viện trở thành trường đại học theo định hướng nghiên cứu, đạt các chuẩn quốc gia về chất lượng, nằm trong nhóm các trường đại học có uy tín thuộc khối ngành kinh tế và quản lý ở Việt Nam” và “Đến năm 2030 Học viện trở thành trường đại học theo định hướng nghiên cứu nằm trong nhóm các trường đại học hàng đầu về kinh tế và quản lý ở Việt Nam, có uy tín trong khu vực Đông Nam Á; trở thành trung tâm nghiên cứu có uy tín trong nước và khu vực” **[H1.01.01.03]**.

Mục tiêu chung của CTĐT Ngành Kinh tế cũng phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại mục 1 Điều 5, Luật Giáo dục Đại học năm 2012, sửa đổi năm 2018, đó là: “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế”. **[H1.01.01.04]**.

Các mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Kinh tế, cụ thể đối với các chuyên ngành chuyên biệt đã đáp ứng được các yêu cầu của mục tiêu cụ thể về giáo dục đại học được quy định tại điểm a) và b) Khoản 2, Điều 5 của Luật Giáo dục đại học năm 2012, sửa đổi năm 2018, đó là đào tạo người học có “...kiến thức chuyên môn



*ơ bản, kỹ năng thực hành thành thạo, hiểu biết được tác động của các nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội trong thực tiễn và có khả năng giải quyết những vấn đề thông thường thuộc ngành được đào tạo” và “có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo” [H1.01.01.04].*

## **2. Điểm mạnh:**

Mục tiêu của CTĐT ngành Kinh tế được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện CS&PT.

## **3. Điểm tồn tại:**

Mục tiêu của CTĐT ngành Kinh tế được xác định theo hướng dẫn trong Quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT của Học viện, cụ thể là tại bước 3 như đã nêu trong mô tả tiêu chí này; tuy nhiên hướng dẫn đó chưa thực sự chi tiết về yêu cầu đối với việc xây dựng mục tiêu của CTĐT nên khi xác định mục tiêu, tổ soạn thảo chương trình đã có các khó khăn nhất định trong việc phân biệt mục tiêu và CDR của CTĐT.

## **4. Kế hoạch hành động:**

- **Phát huy điểm mạnh:** Khoa Kinh tế và các Khoa quản lý chuyên ngành thường xuyên cập nhật các văn bản pháp quy quy định mục tiêu của giáo dục đại học, tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan về thị trường lao động để có thể chỉnh sửa vào các lần tiếp sau đảm bảo tính phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện CS&PT và mục tiêu của giáo dục đại học Việt Nam. Đơn vị thực hiện: các Khoa quản lý chuyên ngành, Phòng Quản lý đào tạo. Thời gian: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong năm học 2020-2021, Học viện giao P.QLĐT rà soát, đề xuất ban hành lại quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT sao cho có các hướng dẫn xác định mục tiêu CTĐT chi tiết hơn.

## **5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

***Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo***

### **1. Mô tả:**

CĐR của CTĐT ngành Kinh tế được xác định rõ ràng. Trong giai đoạn 2015 - 2019, khi xây dựng CĐR và CTĐT ngành Kinh tế, đã thực hiện theo đúng các bước được quy định trong Quyết định ban hành Quy trình thiết kế và xây dựng CTĐT, CTDH của Học viện [H1.01.01.01] và theo các văn bản quy định của Chính phủ và Bộ GD&ĐT [H1.01.02.01].

CĐR của CTĐT Ngành Kinh tế và các chuyên ngành chuyên biệt thuộc ngành được ban hành tại Quyết định số 533/QĐ-HVCSPT ngày 10/8/2018 với 20 CĐR. Trong đó, 11/20 chuẩn đầu ra về kiến thức (5/11 chuẩn đầu ra về kiến thức cơ bản là hoàn toàn giống nhau giữa các chuyên ngành thuộc Ngành); 6/20 chuẩn đầu ra về kỹ năng (04 kỹ năng nghề nghiệp và 02 kỹ năng mềm); 3/20 chuẩn đầu ra về đạo đức. Về Tiếng Anh, sinh viên phải đạt chuẩn TOEIC 450 quốc tế hoặc tương đương trở lên; Về Tin học, sinh viên phải đạt chuẩn IC3 hoặc MOS [H1.01.02.02].

CĐR của CTĐT ngành Kinh tế được mô tả rõ ràng trong CTĐT, các chuẩn này thể hiện qua các yếu tố cốt lõi mà sinh viên cần đạt được sau khi tốt nghiệp, đó là: kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Vì vậy, CĐR của CTĐT Cử nhân ngành Kinh tế, cụ thể đối với các chuyên ngành, lấy chuyên ngành KHPT, chuyên ngành Đầu tư để phân tích cụ thể, đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho người học và người dạy dễ dàng xác định được mục tiêu trong suốt quá trình giảng dạy và học tập các kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm [H1.01.02.04]. Tại Quyết định số 533/QĐ-HVCSPT ngày 10/8/2018, CĐR của CTĐT Ngành Kinh tế về kiến thức được chi tiết bằng 11 chuẩn cụ thể, trong đó có 5 CĐR về kiến thức cơ bản (cụ thể, chuẩn số 4 là: Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách); có 6 CĐR về kiến thức chuyên sâu (chẳng hạn,

chuẩn số 11 là: Hiểu về các loại hình doanh nghiệp và quy trình thành lập, tái cơ cấu, giải thể, phá sản doanh nghiệp); có 4/6 CDR về kỹ năng nghề nghiệp (ví dụ: Có kỹ năng tư vấn kinh tế, hùng biện, phản biện, tranh luận; có kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và phân tích độc lập các vấn đề liên quan đến kinh tế - xã hội); trong 3 CDR về phẩm chất đạo đức, có CDR số 19 cụ thể là: “*Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như: Say mê nghiên cứu, khám phá kiến thức và có trách nhiệm trong công việc.*” hoặc ở Chương trình Đầu tư là: “*Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp*” [H1.01.02.02].

**Bảng 1.2.1: Mô tả mối quan hệ giữa mục tiêu và CDR của CTĐT ngành Kinh tế, trường hợp ví dụ là Chương trình KHPT**

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
<p>Đào tạo cử nhân đại học về Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về kinh tế kế hoạch phát triển; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.</p> <p>1. Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành KHPT được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về quản lý, quản trị kinh doanh và kinh tế học hiện đại; có kiến thức rộng về lý luận và thực tiễn của kinh tế thị trường; có đủ năng lực tham gia phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã</p>	<p>1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.</p> <p>2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.</p> <p>3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.</p> <p>4. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực</p>

<p>hội trên phạm vi nền kinh tế, ngành và địa phương, tham gia phân tích, hoạch định xây dựng kế hoạch phát triển tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.</p> <p>2. Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành KHPT có năng lực thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và xã hội, kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát vấn đề, khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc trong chuyên môn.</p> <p>3. Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành KHPT có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc.</p> <p>4. Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành KHPT sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các quỹ đầu tư, các tổ chức tư vấn đầu tư, phát triển; các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế - xã hội từ Trung ương đến địa phương; các tổ chức quốc tế; các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp; các cơ quan nghiên cứu và hoạch định chính sách kinh tế - xã hội.</p> <p>5. Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành KHPT khi tốt nghiệp đạt chuẩn về trình</p>	<p>hiện và đánh giá chính sách.</p> <p>5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.</p> <p>6. Vận dụng các quy luật cơ bản trong lĩnh vực xã hội, tự nhiên vào việc phân tích và đề xuất các chính sách trong các lĩnh vực kinh tế, đầu tư – kinh doanh</p> <p>7. Hiểu được vai trò của nhà kinh tế, xây dựng được các phương án sản xuất kinh doanh trong tương lai nhằm đem lại lợi ích cho xã hội và doanh nghiệp.</p> <p>8. Hiểu và vận dụng vào thực tiễn các công cụ toán kinh tế, khoa học tự nhiên, kiến thức cơ bản về kinh tế; mối quan hệ giữa các yếu tố nguồn lực phát triển, tương tác giữa các nguồn lực phát triển, lựa chọn nguồn lực phát triển cho nền kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp;</p> <p>9. Hiểu về kế hoạch nguồn lực, xây dựng mục tiêu phát triển của doanh nghiệp, thực hiện các kế hoạch phát triển của nền kinh tế và doanh nghiệp;</p> <p>10. Vận dụng các lý thuyết phát triển hiện đại, phân tích bối cảnh phát triển, phân tích SWOT trong phát triển của nền kinh tế và của doanh nghiệp, định hướng phát triển phù hợp với điều kiện và nguồn lực của nền kinh tế và doanh nghiệp;</p>
--	---

độ ngoại ngữ và Tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển.

11. Hiểu về các loại hình doanh nghiệp và quy trình thành lập, tái cơ cấu, giải thể, phá sản doanh nghiệp.

12. Có kỹ năng làm việc độc lập: Khả năng tự học, và nghiên cứu khoa học độc lập, tư duy phản biện, tư duy hệ thống, nghiên cứu các vấn đề kinh tế phát triển

13. Có kỹ năng giao tiếp và thuyết trình: Trình bày một cách rõ ràng, tự tin và thuyết phục các chủ đề về kinh tế-xã hội bằng văn bản và lời nói.

14. Có kỹ năng tư vấn kinh tế, hùng biện, phản biện, tranh luận; có kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và phân tích độc lập các vấn đề liên quan đến kinh tế-xã hội

15. Khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách khoa học; có kỹ năng làm việc và tổ chức công việc theo nhóm; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

16. Có khả năng sử dụng Ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế. Đạt chứng chỉ ngoại ngữ đầu ra theo quy định của Học viện;

17. Có trình độ Tin học tối thiểu theo chuẩn chung của Học viện Chính sách và Phát triển: đạt chứng chỉ IC3 hoặc tương đương; có kiến thức tin học căn bản, kỹ năng giải quyết các vấn đề chuyên môn

	<p>bằng các ứng dụng phần mềm của Microsoft Office; vận dụng thành thạo kỹ năng thuyết trình và truyền đạt thông tin sử dụng phần mềm MS- Power Point; nắm vững kỹ năng tham gia quá trình phát triển các hệ thống thông tin hỗ trợ các hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn của mình với tư cách người sử dụng; Sử dụng hiệu quả phần mềm ứng dụng phục vụ chuyên môn trong môi trường Internet, các phần mềm phân tích kinh tế vĩ mô và vi mô như Eviews, SPSS, STATA,...).</p> <p>18. Có phẩm chất đạo đức cá nhân như: tự tin, linh hoạt, kiên trì, nhiệt tình...;</p> <p>19. Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như: say mê nghiên cứu, khám phá kiến thức và có trách nhiệm trong công việc;</p> <p>20. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.</p>
--	--

(Nguồn: Bản mô tả CTĐT ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT năm 2018)

CĐR Tiếng Anh đối với các chuyên ngành đào tạo hệ đại học của Học viện CS&PT thực hiện theo Quyết định số 432/QĐ-HVCSPT ngày 27/08/2014 theo đó quy định CĐR đối với sinh viên ngành Kinh tế là 450 TOEIC quốc tế trở lên hoặc tương đương áp dụng từ khoá tuyển sinh năm 2014 [**H1.01.02.02**]; Quyết định số 462/QĐ-HVCSPT ngày 12/09/2014 về việc Ban hành quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tin học đối với sinh viên ngành Kinh tế là IC3 hoặc MOS áp dụng từ khoá tuyển sinh năm 2014 [**H1.01.02.02**]. Như vậy, các CĐR của CTĐT Cử nhân ngành Kinh

tế, chuyên ngành KHPT, chuyên ngành Đầu tư, Kinh tế và Quản lý công, Phân tích Dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh đã hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản vững chắc về kiến thức xã hội; kiến thức vững chắc về cơ sở ngành và chuyên ngành sâu, rèn luyện các kỹ năng mềm cùng các kỹ năng nghề nghiệp vững vàng, đủ và phù hợp với nhu cầu xã hội, thái độ học tập và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, để khi ra trường sinh viên có thể làm việc được ngay, lại vừa có thể học tiếp lên bậc cao hơn hoặc làm công tác nghiên cứu [H1.01.02.02].

Ý kiến của các bên liên quan đánh giá CĐR khá tốt: người học đánh giá ở mức Khá đầy đủ (10%), Đầy đủ (59%), Rất đầy đủ 27%, và các ý kiến khác; nhà tuyển dụng đánh giá ở mức: Khá đầy đủ (9,5%), Đầy đủ (62,5%), Rất đầy đủ 21%, và các ý kiến khác [H1.01.02.03]; nhà quản lý đánh giá ở mức: Khá đầy đủ (14%), Đầy đủ (62%), Rất đầy đủ (19%), và các ý kiến khác.

## **2. Điểm mạnh:**

CĐR của CTĐT đảm bảo được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt trong đào tạo đó là trang bị cho người học chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp, chuẩn đầu ra về Tiếng Anh và Tin học giúp người học có triển vọng nghề nghiệp tốt trong tương lai.

## **3. Điểm tồn tại:**

Việc lấy ý kiến của các đối tượng liên quan để góp ý cho CĐR chưa nhiều, cần phải gia tăng số lượng ý kiến của từng đối tượng khảo sát.

## **4. Kế hoạch hành động:**

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục cải tiến CĐR theo hướng chuyên biệt cho người học, đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu về CĐR của sinh viên tốt nghiệp. Thực hiện đúng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cho người học theo CĐR đã xây dựng. Đơn vị thực hiện: các Khoa quản lý chuyên ngành, Phòng Quản lý đào tạo. Thời gian thực hiện từ năm 2021.

- **Khắc phục tồn tại:** Từ năm học 2020 – 2021, Trung tâm KT&ĐBCL phối hợp với Khoa và các Phòng, Ban liên quan triển khai lấy nhiều hơn ý kiến của các bên liên quan đối với CĐT của CTĐT.

## **5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.**

### **1. Mô tả:**

*CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan; có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng.* Khoa quản lý chuyên ngành đã tiến hành tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là Nhà tuyển dụng về CDR của CTĐT Cử nhân ngành Kinh tế qua 2 giai đoạn: (1) khảo sát khi xây dựng CDR, CTĐT và (2) khảo sát khi CTĐT đang triển khai áp dụng để cập nhật, cải tiến.

Khi xây dựng CDR và CTĐT, Học viện thực hiện theo đúng các bước của Quy trình xây dựng CDR và CTĐT, các Khoa đã tiến hành khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực trình độ đại học theo ngành đào tạo. Trong quá trình xây dựng CTĐT, các Khoa đã tiến hành khảo sát và thu thập ý kiến của sinh viên (đặc biệt là sinh viên năm cuối, cựu sinh viên), Nhà tuyển dụng về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục hệ thống CDR [H1.01.02.03]. Cấu trúc CTĐT được góp ý bởi các Nhà khoa học, các chuyên gia nổi tiếng đầu ngành và chuyên sâu trong ngành. CDR được kết cấu dựa trên quá trình hệ thống hoá quan điểm của các bên liên quan sau khi khảo sát nhằm đưa ra một bảng danh mục CDR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như tính chất chuyên môn đặc thù của Ngành Kinh tế và của các chuyên ngành trực thuộc [H1.01.03.04]. Việc lấy ý kiến Nhà tuyển dụng được các Khoa và Trung tâm Thanh tra khảo thí và đảm bảo chất lượng của Học viện triển khai bằng nhiều hình thức như: khảo sát online, trao đổi hoặc phát phiếu khảo sát thông qua các ngày hội việc làm, qua các đợt liên hệ cho sinh viên đi kiến tập, thực tập,... là những ý kiến được các Khoa tham khảo để điều chỉnh CDR trong các CTĐT nhằm đáp ứng yêu cầu Nhà tuyển dụng, tăng cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp.

Ý kiến của các nhà tuyển dụng trong biên bản lấy ý kiến về CDR của chương trình là: “Chuẩn đầu ra phù hợp với yêu cầu chuyên môn của chuyên môn ngành kinh tế, làm việc trong các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế” [H1.01.03.04]. Tổng hợp các ý kiến khảo sát cho thấy nhà tuyển dụng đánh giá ở mức Khá đầy đủ (9%), Đầy đủ (63%), Rất đầy đủ 24%, và các ý kiến khác [H1.01.02.03].

*CDR của CTĐT ngành Kinh tế được định kỳ rà soát điều chỉnh theo đúng kế hoạch của Học viện* [H1.01.03.03]. Năm 2015 Học viện công bố CDR của các



ngành đào tạo trong đó có Ngành Kinh tế với CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ, yêu cầu về CDR Tin học quốc tế và tiếng Anh quốc tế [H1.01.02.02]. Hàng năm, khi kết thúc năm học, Học viện và khoa Kinh tế luôn có các biên bản họp đánh giá kết quả CDR Tiếng Anh, Tin học, biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp..., những đề xuất góp ý nhằm hoàn thiện hơn kiến thức và kỹ năng cho người học [H1.01.03.01], [H1.01.03.02]. Trên cơ sở ý kiến của các bên liên quan [H1.01.03.04], [H1.01.02.03], năm 2018 CDR của CTĐT Ngành Kinh tế được điều chỉnh, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện đã thông qua tại biên bản họp [H1.01.03.05] theo hướng đáp ứng nhu cầu của thực tiễn với 20 chuẩn đầu ra cụ thể tương ứng với 3 nhóm chuẩn chủ yếu: kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp [H1.01.02.02], tiếp tục được rà soát bổ sung các điều kiện đảm bảo chất lượng ngành đào tạo theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT và hoàn thiện tổ chức đào tạo theo danh mục giáo dục đào tạo cấp IV của Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT.

*CDR của CTĐT ngành Kinh tế được công bố rộng rãi công khai bằng nhiều hình thức, phương tiện khác nhau theo đúng quy định để các bên liên quan thuận tiện trong việc tiếp cận:* (1) đăng trên trang chủ của Học viện và trên trang của các Khoa quản lý chuyên ngành, Học viện CS&PT. Ví dụ, CDR của CTĐT Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT được công bố tại <http://apd.edu.vn/khoa-ke-hach-phat-trien>; (2) đăng trên trang tin chỉ tới từng sinh viên của chương trình <http://tinchi.apd.edu.vn>; (3) giới thiệu tới sinh viên trong tuần sinh hoạt sinh viên đầu khóa, được nhắc lại trong các buổi tập huấn, sinh hoạt chính trị đầu năm vào kỳ 1 hàng năm; công bố trong kế hoạch tuyển sinh và trên các phương tiện thông tin đại chúng [H1.01.03.06]. Điều này giúp cho người học và các bên liên quan có thể dễ dàng tiếp cận.

## **2. Điểm mạnh:**

CDR của CTĐT ngành Kinh tế được kịp thời bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các tài liệu, các ý kiến của các bên liên quan theo hướng đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội và được công bố rộng rãi tới xã hội.

## **3. Điểm tồn tại:**

Việc rà công bố CDR tới các bên liên quan mặc dù được triển khai định kỳ nhưng cần có nhiều kênh công bố thông tin rộng khắp hơn nữa.

#### **4. Kế hoạch hành động:**

- **Phát huy điểm mạnh:** Học viện và các Khoa duy trì các mối quan hệ tư vấn, góp ý hiệu quả của hệ thống cộng tác viên, các chuyên gia, nhà tuyển dụng để sự góp ý của họ đối với CĐR và CTĐT có sự hiệu quả.

- **Khắc phục tồn tại :** Trong năm học 2020-2021, Học viện trang bị phần mềm khảo sát online nhằm thuận tiện hơn trong việc tiếp cận tới các bên liên quan, tiếp cận nhiều hơn từng loại đối tượng, đặc biệt nhà tuyển dụng, người học để công bố rộng rãi hơn CĐR của CTĐT.

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

#### **KẾT LUẬN VỀ TIÊU CHUẨN 1:**

##### **- Điểm mạnh và những yếu tố cần phát huy của tiêu chuẩn:**

+ Mục tiêu của CTĐT ngành Kinh tế được xác định rõ ràng phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Học viện CS&PT.

+ CĐR của CTĐT đảm bảo được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt trong đào tạo đó là trang bị cho người học chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp, chuẩn đầu ra về Tiếng Anh và Tin học giúp người học có triển vọng nghề nghiệp tốt trong tương lai.

+ CĐR của CTĐT ngành Kinh tế được kịp thời bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các tài liệu, các ý kiến của các bên liên quan theo hướng đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội và được công bố rộng rãi tới xã hội.

##### **- Những tồn tại của tiêu chuẩn:**

+ Mục tiêu của CTĐT ngành Kinh tế được xác định theo hướng dẫn trong Quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT của Học viện. Tuy nhiên hướng dẫn đó chưa thực sự chi tiết về yêu cầu đối với việc xây dựng mục tiêu của CTĐT nên khi xác định mục tiêu, tổ soạn thảo chương trình đã có các khó khăn nhất định trong việc phân biệt mục tiêu và CĐR của CTĐT.

+ Việc lấy ý kiến của các đối tượng liên quan để góp ý cho CĐR chưa nhiều, cần phải gia tăng số lượng ý kiến của từng đối tượng khảo sát.

+ Việc rà công bố CĐR tới các bên liên quan mặc dù được triển khai định kỳ nhưng cần có nhiều kênh công bố thông tin rộng khắp hơn nữa.

Học viện, các Khoa đã có những kế hoạch hành động nhằm phát huy các điểm mạnh và khắc phục những tồn tại này.

- **Tóm tắt mức đạt của các tiêu chí trong tiêu chuẩn:** Tiêu chuẩn 1 có 03 tiêu chí, trong đó cả 3 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

## **TIÊU CHUẨN 2.**

### **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **Mở đầu**

Bản mô tả CTĐT ngành Kinh tế có đầy đủ thông tin và cập nhật theo quy định tại thông tư 04/2016/TT-BGD&ĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ đại học. Tất cả các học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin và cập nhật. Bản mô tả CTĐT xây dựng dựa trên nhu cầu của người học, nhu cầu nhân lực của xã hội và công bố công khai, giúp các bên liên quan dễ tiếp cận. Bản mô tả CTĐT ngành Kinh tế và các chuyên ngành thuộc ngành là tài liệu cung cấp các thông tin về thời gian đào tạo; mục tiêu; thông tin tuyển sinh, CĐR; cấu trúc và nội dung CTĐT, mô tả tóm tắt các học phần, hoạt động hỗ trợ sinh viên, ma trận liên kết thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần; các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần, điều kiện tốt nghiệp.

#### ***Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.***

##### **1. Mô tả:**

Bản mô tả CTĐT ngành Kinh tế có đầy đủ thông tin và cập nhật theo quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ đại học và theo hướng dẫn xây dựng mô tả CTĐT của Học viện tại ban hành kèm theo Công văn số 01/HVCSPT-QLĐT ngày 09/8/2018 [H1.02.01.01]. Dựa trên các căn cứ đó, các Khoa quản lý chuyên ngành đã chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng bản mô tả CTĐT, thuộc ngành Kinh tế. Bản mô tả CTĐT Ngành Kinh tế, các chuyên ngành trực thuộc Ngành có đầy đủ các nội dung nhằm cung cấp thông tin rõ ràng cho người học và các đối tượng có quan tâm, làm cơ sở cho sự lựa chọn của mình về ngành học và gồm đầy đủ các thông tin chung: tên cơ sở cấp bằng; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; trình độ đào tạo; ngành đào tạo; mã ngành; loại hình đào tạo; bằng tốt nghiệp; mục tiêu của CTĐT; CĐR của CTĐT; thời gian đào tạo; khối lượng kiến thức toàn khóa; đối tượng tuyển sinh; quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp; thang điểm; nội dung chương trình; kế hoạch giảng dạy; hướng dẫn thực hiện chương trình; ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CĐR của CTĐT. Bản mô tả

CTĐT xây dựng dựa trên nhu cầu của người học, nhu cầu nhân lực của xã hội. Bản mô tả CTĐT ngành là tài liệu cung cấp các thông tin về thời gian đào tạo; mục tiêu; thông tin tuyển sinh, CĐR; cấu trúc và nội dung CTĐT, mô tả tóm tắt các học phần, số lượng tín chỉ từng học phần, hoạt động hỗ trợ sinh viên, ma trận liên kết thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần; các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần, điều kiện tốt nghiệp được đối sánh với các CTĐT cùng trình độ [H1.02.01.02]. Toàn bộ các học phần trong CTĐT ngành Kinh tế và các chuyên ngành được mô tả tóm tắt theo đúng các đề cương học phần đã được ban hành [H1.02.01.05].

Tại bản mô tả CTĐT ngành Kinh tế cũng quy định về quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp, theo đó điều kiện tốt nghiệp được quy định là: (i) trong thời gian học tập tối đa của khóa học; (ii) cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự; (iii) tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong CTĐT; (iv) điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.50 trở lên; (iii) đạt trình độ tiếng Anh TOEIC quốc tế (nghe, đọc) ở mức  $\geq 450$  điểm hoặc tương đương theo quy định.; (iv) đạt trình độ Tin học chứng chỉ IC3 hoặc MOS; (v) được đánh giá đạt các học phần Giáo dục quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất. Điều này cũng phù hợp với Điều 34, quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện CS&PT [H1.02.01.06].

Tính đầy đủ thông tin trong bản mô tả CTĐT được các bên liên đánh giá khá tốt: người học đánh giá tính đầy đủ thông tin trong bản mô tả CTĐT ở mức: Khá đầy đủ (11%), Đầy đủ (61%), Rất đầy đủ 22%, và các ý kiến khác; nhà tuyển dụng đánh giá tính đầy đủ thông tin trong bản mô tả CTĐT ở mức Khá đầy đủ (18%), Đầy đủ (52%), Rất đầy đủ (29%), và các ý kiến khác [H1.01.02.03]. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật. Tuy nhiên, thông tin về nội dung chi tiết của đề cương các học phần chưa đầy đủ các thông tin chỉ được mô tả dạng vắn tắt và tổng quát, do vậy, tính thuận tiện cho việc tra cứu các nội dung chi tiết của các bên liên quan có thể bị hạn chế. Bản mô tả CTĐT ngành Kinh tế được thiết kế gắn với các vị trí việc làm của chuyên ngành, các CĐR, các học phần có nội dung kiến thức và kỹ năng để phục vụ cho một số vị trí việc làm thuộc lĩnh vực doanh nghiệp [H1.02.01.02].

Bản mô tả CTĐT Cử nhân ngành Kinh tế được xây dựng theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới trên thế giới về lĩnh vực liên quan như Kế hoạch phát triển, Đầu tư, Kinh tế và quản lý công, Phân tích dữ liệu kinh tế và kinh doanh. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các Nhà tuyển dụng, nhấn mạnh tính chất thực hành của các kiến thức được đào tạo. Từ khi CTĐT ngành Kinh tế được ban hành, việc cập nhật, rà soát đã được thực hiện định kỳ theo theo hướng dẫn của Học viện, cụ thể (i) giai đoạn 2010 - 2015 xây dựng và hoàn thiện CTĐT theo hệ thống tín chỉ của Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT; chương trình khung do Bộ GD&ĐT quy định và quy định theo Bộ chuẩn đầu ra ngành đào tạo trình độ đào tạo đại học áp dụng từ 2015 do Học viện CS&PT ban hành; (ii) Bộ CTĐT 2018 áp dụng cho khóa tuyển sinh 2019 trở đi được các Khoa tổ chức đánh giá, sửa đổi, cập nhật CTĐT theo quy định tại Điều 8, Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT và xây dựng lại CTĐT mới theo ngành cấp IV. Theo đó, CTĐT 2018 được xây dựng theo hướng quốc tế hoá với mục tiêu đào tạo và CĐR cụ thể thông qua ma trận các kỹ năng và các học phần trong CTĐT, phương pháp đánh giá hiệu quả, phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của Học viện. Cấu trúc toàn bộ CTĐT theo chương trình cập nhật năm 2018 do các Khoa xây dựng được thể hiện rõ qua bảng so sánh CTĐT [H1.01.02.04].

## **2. Điểm mạnh**

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ nội dung và các thông tin cần thiết, thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào CĐR rõ ràng.

## **3. Điểm tồn tại**

Bản mô tả CTĐT chưa giới thiệu đề cương các học phần theo khối kiến thức như Giáo dục đại cương, Cơ sở ngành, Ngành, Chuyên ngành. Việc mô tả một số đề cương còn hơi ngắn gọn, sơ sài, chưa cung cấp đủ thông tin cho người đọc quan tâm.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục chi tiết hoá đóng góp của các học phần và lượng hoá đóng góp này trong CTĐT. Đơn vị thực hiện: các Khoa quản lý chuyên ngành như Khoa Kinh tế, Khoa KTPT, phối hợp với các khoa, bộ môn. Thời gian thực hiện từ năm học 2020-2021.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong năm học 2020 - 2021, Học viện giao P.QLĐT ban hành lại hướng dẫn xây dựng bản mô tả CTĐT, trong đó nêu rõ yêu cầu mô tả đề cương học phần chi tiết hơn, theo khối kiến thức. Khoa Kinh tế, KTPT, Chính sách công thực hiện mô tả lại theo hướng dẫn và đề xuất ban hành bản cập nhật.

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

### ***Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật***

#### **1. Mô tả:**

Đề cương các học phần trong CTĐT của ngành Kinh tế và các chuyên ngành thuộc ngành được xây dựng theo các quy định hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết học phần bậc đại học tại Công văn số 82/CV-HVCSPT ngày 08/08/2012 và quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 494/QĐ-HVCSPT ngày 7/8/2018 [H1.02.02.01].

CTĐT của ngành Kinh tế năm 2018 có số học phần tương đương giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành; khác nhau ở số học phần chuyên ngành giữa các chuyên ngành cụ thể. Cụ thể, đối với chương trình KHPT, tuyển sinh khoá 9 có 56 học phần, chương trình Đầu tư tuyển sinh khóa 9 (năm 2018) có 55 học phần, v.v. [H1.01.01.02]. Tất cả đề cương các học phần trong CTĐT ngành và các chuyên ngành đều được xây dựng theo quy định chung của Học viện theo đúng mẫu đề cương gồm 10 mục: thông tin chung về học phần, bộ môn phụ trách, điều kiện học trước, mô tả học phần, mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra, nội dung học phần, tài liệu học tập, phương pháp dạy học và đánh giá học phần [H1.02.02.01]. Đề cương các học phần trong CTĐT có đầy đủ các thông tin như: tên đơn vị/ tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; tên môn học/học phần; số tín chỉ; mục tiêu, CDR của môn học/học phần, ma trận liên kết giữa mục tiêu và CDR, có ma trận liên kết giữa nội dung học phần và CDR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo, hướng dẫn tự học [H1.02.01.05].

Việc xây dựng và hoàn thiện đề cương các học phần thuộc CTĐT được tiến hành thông qua các biên bản tổng kết/ sơ kết hội nghị về các phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập [H1.02.02.02]. Đề cương học phần với đầy đủ các thông tin nêu trên tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên và sinh viên

trong quá trình giảng dạy và học tập, cụ thể là nội dung bài giảng sẽ luôn bám sát theo đề cương đã được xây dựng, đồng thời người học cũng xác định được các yêu cầu cụ thể của môn học/học phần để có phương pháp học tập phù hợp, giúp người học đạt được CDR trong từng học phần và đạt được CDR của CTĐT.

Tất cả đề cương môn học phần thuộc CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh và cập nhật. Khoa Kinh tế phối hợp với các đơn vị trong Học viện tiến hành triển khai rà soát, cập nhật đề cương học phần theo định kỳ; lần điều chỉnh gần nhất là năm 2018, Khoa đã tiến hành rà soát, cập nhật đề cương dựa trên các kế hoạch chung của Học viện [H1.01.03.03]. Các lần rà soát điều chỉnh đặc biệt chú trọng đến cập nhật các thông tin về nội dung của môn học cũng như danh mục tài liệu tham khảo [H1.02.01.05]. Hoạt động rà soát được tiến hành từ hình thức, nội dung, cách sắp xếp từng nội dung, cập nhật tài liệu tham khảo cho từng học phần trong đề cương học phần dựa trên biên bản họp Hội đồng Khoa về rà soát đề cương môn học/học phần [H1.02.02.04]. Ý kiến của sinh viên về công tác giảng dạy của giảng viên [H1.02.02.05]; ý kiến của sinh viên năm cuối về học phần [H1.02.02.06].

**Bảng 2.2.1: Sự thay đổi đề cương môn học năm 2018 so 2015**

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung đề cương</b>
Năm 2015	Mẫu đề cương môn học gồm 9 mục: (1) tên học phần, (2) bộ môn phụ trách giảng dạy, (3) điều kiện học trước, (4) mô tả học phần, (5) mục tiêu học phần, (6) nội dung học phần, (7) giáo trình/bài giảng, (8) tài liệu tham khảo, (9) phương pháp đánh giá.
Năm 2018	<p>Gồm 10 mục, với các nội dung được bổ sung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục tiêu học phần được cụ thể hóa với ba nội dung bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ chuyên cần với CDR</li> <li>- Bổ sung thông tin chi tiết về CDR của học phần về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chịu trách nhiệm thể hiện sự liên kết giữa mục tiêu và CDR</li> <li>- Bổ sung về phương pháp, phương tiện giảng dạy và phương pháp học cho sinh viên.</li> <li>- Học phần được chi tiết hóa các nội dung và tương ứng các CDR của học phần.</li> <li>- Bổ sung thông tin về phương pháp đánh giá môn học và đánh giá việc đáp</li> </ul>



<p>ứng CDR của học phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung hướng dẫn sinh viên tự học với chi tiết nhiệm vụ dành cho sinh viên tương ứng với các nội dung của học phần.</li> <li>- Cập nhật nội dung giảng dạy, giáo trình và tài liệu tham khảo.</li> </ul>
---

*Nguồn: Quy định về xây dựng đề cương học phần năm 2015, 2018*

Kết quả khảo sát về tính đầy đủ thông tin trong đề cương chi tiết các học phần giúp người học đạt được CDR được các bên liên quan đánh giá ở mức khá khả quan; điểm trung bình của các bên liên quan đánh giá về tính đầy đủ thông tin trong bản mô tả là: 4.3/5. Cụ thể, ý kiến trả lời Đóng góp khá (9%), Đóng góp tốt (71%), Đóng góp rất tốt 11%, và các ý kiến khác [H1.01.02.03], [H1.02.02.05], [H1.02.02.06].

## **2. Điểm mạnh:**

Đề cương các học phần trong CTĐT được chuẩn hóa theo quy định của Bộ GD&ĐT, đảm bảo đầy đủ thông tin theo mẫu chung của Học viện Chính sách và Phát triển. Đề cương môn học trong CTĐT được xây dựng đầy đủ thông tin, tạo điều kiện cho người học có thể dễ dàng tra cứu nội dung của môn học cũng như các tài liệu tham khảo phục vụ cho việc học và nắm vững phương pháp đánh giá đối với môn học. Đề cương các học phần được rà soát và điều chỉnh định kỳ trên cơ sở những điều chỉnh của CTĐT và các ý kiến đóng góp của các bên liên quan.

## **3. Điểm tồn tại:**

Việc lấy ý kiến khảo sát từ các bên liên quan đối với CTĐT đủ đủ đối tượng, nhưng số lượng ý kiến của từng đối tượng đối với đề cương môn học trong CTĐT còn chưa nhiều.

## **4. Kế hoạch hành động:**

- **Phát huy điểm mạnh:** Khoa Kinh tế sẽ cùng với các tổ bộ môn tiếp tục rà soát, điều chỉnh đề cương trong CTĐT có lộ trình, theo hướng cập nhật kiến thức theo lĩnh vực và ngành học, bổ sung thêm các case study để tăng tính thực tiễn của học phần, đáp ứng với yêu cầu giảng dạy trong tình hình mới. Đơn vị thực hiện: Khoa Kinh tế, bộ môn. Thời gian thực hiện: Từ năm học 2020 – 2021.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong học kỳ 2 năm học 2020-2021, Khoa Kinh tế sẽ phối hợp với các phòng, ban liên quan lấy nhiều hơn ý kiến phản hồi của người học năm cuối, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về đề cương môn học trong CTĐT để cập

nhật, chỉnh sửa phù hợp.

## **5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

### ***Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.***

#### **1. Mô tả:**

Bản mô tả CTĐT ngành Kinh tế được phê duyệt chính thức theo Quyết định số 553/QĐ-HVCSPT, ngày 14/8/2018 [**H1.02.01.02**], được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau: (1) trên website của Học viện tại địa chỉ <http://apd.edu.vn/khoa-ke-hoach-phat-trien> [**H1.01.03.06**]. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT còn được in trong sổ tay giảng viên, sổ tay sinh viên, trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo và kết quả học tập của người học tại các địa chỉ: <http://qltd.apd.edu.vn> và [tinchi.apd.edu.vn](http://tinchi.apd.edu.vn) [**H1.01.03.06**], brochure Học viện, ... để sinh viên tham khảo và tư vấn cho sinh viên được dễ dàng.

Kết quả khảo sát về mức độ công khai phổ biến bản mô tả CTĐT được các bên liên quan đánh giá khá cao. Việc công khai bản mô tả CTĐT còn giúp cán bộ, giảng viên, sinh viên và những người có nhu cầu tìm hiểu về chuyên ngành biết và nghiên cứu [**H1.02.02.06**].

Tất cả đề cương của các môn học/học phần trong CTĐT đều được công bố đầy đủ thông tin trên website của Học viện tại địa chỉ [www.decuongmonhoc.apd.edu](http://www.decuongmonhoc.apd.edu), trang thông tin giới thiệu về CTĐT tại địa chỉ <http://apd.edu.vn/khoa-ke-hach-phat-trien>, trang tư vấn tuyển sinh tại địa chỉ [www.apd.edu/tvtsapd](http://www.apd.edu/tvtsapd) tạo điều kiện thuận lợi cho người học và các đối tượng quan tâm có thể tra cứu dễ dàng [**H1.01.03.06**], trong hồ sơ giảng dạy của giảng viên [**H1.02.03.01**]. Trong suốt quá trình học, thông qua cố vấn học tập, sinh viên luôn được hướng dẫn và tiếp cận đầy đủ thông tin về học phần trước khi đăng ký môn học, nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học. Ngoài ra, theo quy định tại quy chế đào tạo của Học viện, giảng viên phải công bố công khai đề cương học phần cho sinh viên trong buổi học đầu tiên từ số tín chỉ, nội dung giảng dạy, tài liệu học tập, phương pháp học tập... [**H1.02.01.06**]. Ngoài ra Học viện tổ chức phát hành bộ đề cương các học phần thuộc CTĐT được lưu ở Thư viện để

sinh viên tham khảo và học tập [H1.02.01.05]. Như vậy, việc công khai bằng nhiều hình thức khác nhau sẽ giúp người học có nhiều kênh khác nhau để tiếp cận nội dung của từng môn học/học phần thông qua đề cương học phần.

Đối với các bên liên quan khác, CTĐT và đề cương học phần được phản biện bởi các chuyên gia trong và ngoài Học viện. Vì vậy, CTĐT và các đề cương học phần được định kỳ được điều chỉnh dựa trên việc thu thập ý kiến của các Nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên năm cuối. Thông qua việc thu thập ý kiến này, nội dung CTĐT và đề cương học phần trong CTĐT được phổ biến tới các bên liên quan.

Các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, người học, cựu người học...) đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất bằng việc truy cập vào website của Học viện theo các đường link <http://apd.edu.vn/khoa-ke-hoach-phat-trien> và [www.decuongmonhoc.apd.edu](http://www.decuongmonhoc.apd.edu) [H1.02.03.02]. Ngoài ra, các nội dung nói trên cũng được cung cấp trong các ấn phẩm: Sổ tay cố vấn học tập, Sổ tay sinh viên. Bên cạnh đó, các cán bộ, giảng viên và sinh viên của Học viện có thể dễ dàng tiếp cận với CTĐT trên phần mềm quản lý đào tạo tại địa chỉ: <http://qltd.apd.edu.vn>; phần mềm đăng ký tín chỉ tại địa chỉ <http://tinchi.apd.edu.vn> [H1.01.03.06].

Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho cán bộ, giảng viên, sinh viên và những người có nhu cầu tìm hiểu về chuyên ngành học biết và thực hiện. Ngoài ra, việc này cũng giúp sinh viên nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học.

## **2. Điểm mạnh:**

Bản mô tả CTĐT ngành Kinh tế và 100% đề cương các học phần trong CTĐT được công bố đầy đủ bằng một phần mềm riêng và cá nhân hóa tới từng sinh viên, công khai tới các cơ quan chủ quản và các bên liên quan (nhà sử dụng lao động, giáo viên, sinh viên, cựu sinh viên...) dễ dàng tiếp cận.

## **3. Điểm tồn tại:**

Khoa chưa chủ động gửi thông tin bản mô tả CTĐT, đề cương học phần tới các bên liên quan nên việc tiếp cận thông tin trong bản mô tả CTĐT và đề cương học phần của người sử dụng lao động còn khó khăn.

#### **4. Kế hoạch hành động:**

- **Phát huy điểm mạnh:** Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần trong CTĐT cử nhân ngành Kinh tế được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên theo hướng quốc tế hóa các tri thức và mang tính ứng dụng cao, dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau và được công bố công khai. Đơn vị thực hiện: Khoa Kinh tế và Phòng QLĐT. Thời gian thực hiện: Từ năm học 2020 – 2021.

- **Khắc phục tồn tại:** Đầu năm học 2020 - 2021, Khoa Kinh tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong Học viện như Trung tâm KT&ĐBCL, Phòng TC-HC triển khai gửi bản mô tả CTĐT tới các bên liên quan giúp Khoa có nhiều kênh thông tin hơn cho việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh bản mô tả CTĐT; bổ sung các hình thức khảo sát online đối với các bên liên quan.

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

#### **KẾT LUẬN VỀ TIÊU CHUẨN 2:**

**- Điểm mạnh và những yếu tố cần phát huy của tiêu chuẩn:**

+ Bản mô tả CTĐT có đầy đủ nội dung và các thông tin cần thiết, thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào CĐR rõ ràng.

+ Đề cương môn học trong CTĐT được xây dựng đầy đủ thông tin, tạo điều kiện cho người học có thể dễ dàng tra cứu nội dung của môn học cũng như các tài liệu tham khảo phục vụ cho việc học và nắm vững phương pháp đánh giá đối với môn học. Ngoài ra, đề cương các môn học trong CTĐT được cập nhật định kỳ để đảm bảo phù hợp với thực tế đào tạo và nhu cầu của người sử dụng lao động, đảm bảo cập nhật các thông tin mới nhất.

+ Bản mô tả CTĐT ngành Kinh tế và đề cương học phần trong CTĐT được công bố đầy đủ bằng một phần mềm riêng và cá nhân hóa tới từng sinh viên, công khai tới các cơ quan chủ quản và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

**- Những tồn tại của tiêu chuẩn:**

+ Bản mô tả CTĐT chưa giới thiệu đề cương các học phần theo khối kiến thức như Giáo dục đại cương, Cơ sở ngành, Ngành, Chuyên ngành. Việc mô tả một số đề cương còn hơi ngắn gọn, sơ sài, chưa cung cấp đủ thông tin cho người đọc quan tâm.

+ Việc lấy ý kiến khảo sát từ các bên liên quan đối với CTĐT dù đủ đối

tượng, nhưng số lượng ý kiến của từng đối tượng đối với đề cương môn học trong CTĐT còn chưa nhiều.

+ Khoa chưa chủ động gửi thông tin bản mô tả CTĐT, đề cương học phần tới các bên liên quan nên việc tiếp cận thông tin trong bản mô tả CTĐT và đề cương học phần của người sử dụng lao động còn khó khăn.

Học viện, Khoa Kinh tế đã có những kế hoạch hành động nhằm phát huy các điểm mạnh và khắc phục những tồn tại này.

- **Tóm tắt mức đạt của các tiêu chí trong tiêu chuẩn:** Tiêu chuẩn 2 có 03 tiêu chí trong đó cả 3 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

## **TIÊU CHUẨN 3.**

### **CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

#### **Mở đầu**

Cấu trúc và nội dung CTĐT Cử nhân ngành Kinh tế được thiết kế bám sát theo CĐR của CTĐT. Trên cơ sở của CĐR, cấu trúc và nội dung chương trình dạy học được thiết kế theo trình tự thời gian và khối lượng kiến thức. CTDH Ngành Kinh tế, cụ thể trong các chương trình dạy học chuyên ngành, thể hiện được sự cân bằng giữa khối lượng các kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, đảm bảo CĐR của CTĐT và tính logic giữa các môn học. Thêm vào đó, CTĐT được thiết kế với đa dạng số học phần tự chọn, giúp cho người học có sự chủ động và linh hoạt trong việc lĩnh hội những kiến thức, kỹ năng. Nội dung và phương pháp giảng dạy, đánh giá của các học phần giúp cho người học có thể đạt được những CĐR của CTĐT.

***Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.***

#### **1. Mô tả**

Căn cứ vào các CĐR đã được ban hành, Khoa quản lý chuyên ngành đã thiết kế, xây dựng CTDH, đó là: xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT; xây dựng CTDH đảm bảo mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học sau khi tốt nghiệp [**H1.01.01.01**]. Việc thiết kế CTDH hợp lý đáp ứng hợp lý các CĐR về kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm thông qua kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực, trình tự và tiến độ trong CTDH: từ lịch trình giảng dạy các học phần theo hướng tiếp cận các khối kiến thức mang tính thống nhất. Sự phù hợp của các môn học trong CTDH với các CĐR được thể hiện ở Ma trận kỹ năng [**H1.01.02.04**]. Ví dụ, với CĐR là “*Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách*” CTDH đã được thiết kế các học phần về Chính sách công 3 tín chỉ, các học phần về Kinh tế học (vi mô, vĩ mô)... Hoặc để đạt được CĐR các kỹ năng nghề nghiệp trong CTDH đã bố trí một số học phần tăng kiến thức thực tiễn của sinh viên như học phần Chuyên đề thực tế (2 tín chỉ), học phần Phương pháp NCKH (3 tín chỉ), học phần Phân tích và Dự báo Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ) và

Thẩm định dự án đầu tư (3 tín chỉ)... Hoặc trong việc thiết kế triển khai chương trình, Học viện sẽ mời một số chuyên gia chia sẻ các vấn đề thực tiễn trong các học phần chuyên ngành, hay tổ chức cho sinh viên đi thực tế tại doanh nghiệp nhằm giúp người học không chỉ được trang bị nền tảng kiến thức vững chắc mà còn có đầy đủ các kỹ năng về chuyên môn và thực hành nhằm đảm bảo CDR của CTĐT [H1.03.01.02].

Để hoàn thành CTĐT sinh viên cần tích lũy đủ 131 tín chỉ (đối với chương trình KHPT), 130 tín chỉ (đối với chương trình Đầu tư), 130 tín chỉ (đối với chương trình Phân tích dữ liệu lớn trong Kinh tế và Kinh doanh), v.v. Trong đó, bao gồm 45 tín chỉ kiến thức giáo dục đại cương (34,35%) và 86 tín chỉ kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (65.65%). Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng tổng quát. Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp giúp cho sinh viên đáp ứng được các CDR của CTĐT hướng tới mục tiêu đào tạo những chuyên viên tư vấn, phân tích chính sách về kinh tế phát triển ở góc độ vĩ mô và vi mô của nền kinh tế, cán bộ dự án, nhân viên trong doanh nghiệp [H1.02.01.02].

Để đảm bảo sự gắn kết giữa các môn cơ sở và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất, các học phần trong CTĐT Ngành Kinh tế và các chuyên ngành trực thuộc Ngành thường được bố trí qua 8 học kỳ, sắp xếp các môn học có kiến thức phát triển trong đó có lưu ý đến các học phần tiên quyết, học phần học trước, học phần song hành; đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, thể hiện được tính hệ thống của các học phần, tính linh hoạt còn được thể hiện qua sự lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp với yêu cầu của nghề nghiệp của người học [H1.01.01.02].

CTDH ngành Kinh tế và các chuyên ngành thuộc ngành được xây dựng đáp ứng các yêu cầu của Bộ GD&ĐT và quy định của Học viện. CTDH được thiết kế dựa trên cả chuẩn đầu ra của Học viện và chuẩn đầu ra của Ngành. Học viện đã quy định về chuẩn đầu ra Tiếng Anh và chuẩn đầu ra Tin học cho tất cả các CTĐT tại Học viện, đồng thời, Học viện cũng đã có quy định về chuẩn đầu ra cho Ngành [H1.01.02.02]. Vì vậy, CTDH Ngành Kinh tế đảm bảo đầy đủ các khối kiến thức Giáo dục Đại cương (45 tín chỉ), khối Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc (26 tín chỉ),

Khối Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn (6 tín chỉ), Khối Kiến thức chuyên ngành bắt buộc (26 tín chỉ), Khối Kiến thức chuyên ngành lựa chọn (6 tín chỉ), Khối kiến thức ngành bắt buộc (12 tín chỉ), Khối kiến thức ngành lựa chọn (4 tín chỉ), Khối kiến thức lựa chọn tốt nghiệp (6 tín chỉ).

Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTĐT được giảng viên lựa chọn phù hợp, đa dạng, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR [H1.03.01.03], [H1.03.01.04]. Dựa trên CĐR của học phần, giảng viên khoa thiết kế hoạt động dạy và học chi tiết cho từng môn học do mình phụ trách, chuẩn bị và tổ chức bài giảng sinh động, lôi cuốn, hệ thống các câu hỏi chất vấn gợi mở đa dạng nhằm giúp sinh viên tham gia xây dựng bài. Đặc biệt là các môn học được thiết kế dự trên tình huống thực tế sẽ giúp người học rèn luyện được các kỹ năng phân tích, đưa ra lập luận, cập nhật và nắm bắt các vấn đề thực tế. Còn các môn học yêu cầu sinh viên thuyết trình cá nhân/nhóm sẽ tăng được các kỹ năng làm việc nhóm, vận dụng các kiến thức đã học để giải thích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn của mình [H1.02.01.05].

**Bảng 3.1.1: Ma trận tích hợp các phương pháp giảng dạy đáp ứng CĐR**

PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY	CHUẨN ĐẦU RA																			
	KIẾN THỨC											KỸ NĂNG						PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1. Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x							x
2. Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x
3. Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
4. Mời chuyên gia nói chuyện chuyên đề						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5. Đi thực tế	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6. Làm bài tập			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x
7. Tiểu luận/ Bài tập lớn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8. Làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9. Liên hệ thực tế	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x



10. Thực hiện mô phỏng						x	x	x	x	x	x									x	x	x
------------------------	--	--	--	--	--	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--	--	--	--	--	---	---	---

(Nguồn: Bản mô tả CTDH Ngành Kinh tế, Chuyên ngành KHPT năm 2018)

## 2. Điểm mạnh:

Công tác thiết kế CTDH Ngành Kinh tế hợp lý, CTDH được gắn kết chặt chẽ với CĐR, giúp phối hợp các nguồn lực, các phòng chức năng, các đơn vị trong Học viện; phối hợp trách nhiệm tham gia của doanh nghiệp, các đơn vị ngoài Học viện trong vận hành CTDH được thuận lợi và đạt CĐR một cách hiệu quả.

## 3. Điểm tồn tại:

Việc thiết kế CTDH để đạt được các kỹ năng nghề nghiệp chưa được thể hiện rõ, đặc biệt trong một số học phần ngành như Phân tích và Dự báo kinh tế vĩ mô, Thẩm định dự án đầu tư, Kinh tế đầu tư, Lý thuyết Tài chính và Tiền tệ.

## 4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Khoa phối hợp với Phòng QLĐT tiếp tục phối hợp với các bên liên quan nhằm triển khai có hiệu quả hơn nữa CTDH đáp ứng tốt CĐR của chương trình. Đơn vị thực hiện: Khoa và Phòng QLĐT. Thời gian thực hiện: Từ năm học 2020 – 2021.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2020 – 2021, Khoa phối hợp với Phòng QLĐT và các khoa, bộ môn trong Học viện tiến hành rà soát, điều chỉnh CTDH, tăng thời lượng thực hành so với lý thuyết của học phần chuyên ngành Phân tích và Dự báo Kinh tế vĩ mô và Thẩm định dự án đầu tư, Kinh tế đầu tư, Lý thuyết Tài chính và Tiền tệ trong CTĐT.

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.**

### 1. Mô tả:

Tất cả học phần trong CTĐT ngành Kinh tế được xây dựng dựa vào CĐR của CTĐT [H1.01.02.04] có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR của chương trình. Điều này thể hiện rõ nét trong ma trận kỹ năng [H1.01.02.04] có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR của

chương trình. CTDH Cử nhân ngành Kinh tế, trong tất cả các chuyên ngành đào tạo, đều được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ đại cương được thiết kế để đáp ứng các chuẩn đầu ra (1-5), cơ sở ngành đến ngành, ngành và chuyên sâu được thiết kế để đáp ứng các chuẩn đầu ra (6-15), trong đó bao gồm hai khối kiến thức là giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Theo đó, kiến thức nền tảng của chuyên ngành rộng, khối ngành Kinh tế và quản lý được trang bị thông qua 25 học phần (đáp ứng chuẩn đầu ra 1-5), 27 học phần đáp ứng năng lực (chuẩn đầu ra 6-10) và kỹ năng chuyên môn chuyên sâu của chuyên ngành và rèn luyện kỹ năng nghề, giữa kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành (chuẩn đầu ra 11-17). Ví dụ, các học phần về Toán và Thống kê cung cấp kiến thức nền tảng, khả năng tư duy, khả năng tính toán giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng vào thực tiễn các công cụ Toán Kinh tế, kiến thức cơ bản về Kinh tế; mối quan hệ giữa các yếu tố nguồn lực phát triển thức cơ sở. Các học phần thực tế doanh nghiệp người học vận dụng kiến thức về chuyên môn kết hợp với kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề [H1.01.02.04]. Tất cả học phần trong CTĐT được sắp xếp một cách hợp lý, logic và có sự tương thích về nội dung đảm bảo cho việc lĩnh hội kiến thức theo tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu, các học phần trong CTĐT cơ sự tương thích về nội dung để đảm bảo đạt được CĐR.

Ngoài ra, từng học phần trong CTDH Ngành Kinh tế đều thể hiện rõ nét tính tích hợp của phương pháp dạy và học, phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá, nội dung kiểm tra/đánh giá phù hợp CĐR và hỗ trợ nhau tốt để bảo đảm việc đạt CĐR, phương pháp giảng dạy, cách thức tổ chức giảng dạy nhằm đạt được CĐR của học phần, điều này được đánh giá tại các biên bản hội thảo về nội dung học phần, các biên bản làm việc với nhà tuyển dụng [H1.03.01.01], [H1.03.02.01]. Phương pháp đánh giá học phần được bố trí trong CTĐT đa dạng, phù hợp, có các hoạt động kiểm tra, đánh giá người học tương thích nhằm đảm bảo việc đạt được CĐR; trong đó, lấy ví dụ chuyên ngành KHPT: tất cả (56/56) học phần đánh giá chuyên cần, 32/56 học phần đánh giá qua bài tập lớn, tiểu luận, nghiên cứu tình huống, và trắc nghiệm; 7/56 học phần chuyên ngành sâu sử dụng bài tập mô phỏng trên máy tính, và tự luận [H1.02.01.02]. Việc đánh giá sinh viên của ngành được thực hiện bằng nhiều phương pháp nhằm mục đích đạt được CĐR của CTĐT. Cụ

thể, ở mỗi học phần điểm đánh giá sinh viên được thực hiện thông qua 2 thành phần: đánh giá quá trình và thi kết thúc học phần. Với mỗi thành phần, có các quy định với các trọng số rõ ràng (20/20/60). Đánh giá quá trình, giảng viên quy định các thành phần khác nhau tùy học phần như: Tham gia lớp học của sinh viên, làm bài tập nhóm, thuyết trình, kiểm tra cá nhân. Đối với thi kết thúc học phần, giảng viên có thể chọn hình thức tự luận hay trắc nghiệm. Mỗi học kỳ, Khoa tổ chức họp mặt toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy để thống nhất nội dung giảng dạy và hình thức thi cuối kỳ. Dựa vào các tiêu chí đánh giá sinh viên được quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, trong quy chế đào tạo đại học của Học viện, Khoa đã cụ thể thành các hướng dẫn Báo cáo thực tập tốt nghiệp, Khoá luận tốt nghiệp để đảm bảo kết hợp tốt giữa lý luận với thực tiễn.

Kết quả khảo sát về sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng cũng được phản hồi từ các bên liên quan đó là: mức khá (12%), mức tốt (64%), mức rất tốt 22%, và các ý kiến khác. Một số ý kiến cũng có trao đổi lại rằng các môn đại cương chưa thực sự có đóng góp rõ ràng vào việc đạt chuẩn đầu ra [H1.01.03.04], [H1.01.02.03], [H1.02.02.05], [H1.02.02.06].

## **2. Điểm mạnh:**

Tất cả học phần trong CTĐT Ngành Kinh tế và các Chuyên ngành thuộc Ngành được thiết kế rõ ràng, góp phần đạt được CDR.

## **3. Điểm tồn tại:**

Đóng góp của một số học phần ở khối kiến thức giáo dục đại cương chưa đóng góp rõ ràng vào CDR của chương trình.

## **4. Kế hoạch hành động:**

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục thể hiện rõ hơn nữa những đóng góp của từng học phần giúp đáp ứng CDR của CTDH. Đơn vị thực hiện: Khoa Kinh tế và các Khoa, Bộ môn trong Học viện. Thời gian thực hiện: Trong năm học 2020 - 2021.

### **- Khắc phục tồn tại:**

Trong năm học 2020 - 2021, Khoa sẽ phối hợp với các Khoa, Bộ môn phụ trách các học phần ở khối kiến thức đại cương (học phần ngoại ngữ, Toán...) điều chỉnh nội dung của học phần nhằm đáp ứng tốt hơn CDR của chương trình.

## **5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

### ***Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp***

#### **1. Mô tả**

Hội thảo về CTĐT ngành Kinh tế, cụ thể đối với các Chuyên ngành thuộc Ngành, các chuyên gia đã nhận xét các học phần trong CTĐT thiết kế theo cấu trúc nhất quán, trình tự logic, nội dung tương đối cập nhật và có tính tích hợp đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các khối kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành giúp cho chương trình trở thành một khối thống nhất [**H1.01.01.02**], [**H1.02.01.02**]. Tính cấu trúc của CTDH được thể hiện ở tỷ trọng và trình tự tiếp cận các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành... Cụ thể, CTĐT Cử nhân ngành Kinh tế, các chuyên ngành trực thuộc ngành đều được thiết kế trùng khớp kiến thức giáo dục đại cương (bao gồm 45 tín chỉ) và 86 tín chỉ kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được phân tách thành kiến thức cơ sở ngành (giống nhau ở tất cả các chuyên ngành thuộc Ngành), kiến thức ngành (giống nhau ở tất cả các chuyên ngành thuộc Ngành), kiến thức chuyên ngành (khác nhau ở các chuyên ngành) và thực tập, khoá luận tốt nghiệp. Các học phần kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành do Khoa giảng dạy được thảo luận cấp Bộ môn và Hội đồng Khoa nhằm đảm bảo tính tích hợp liên môn, với trình tự logic rõ ràng về kiến thức, kỹ năng và đạo đức cần trang bị cho người học trong suốt quá trình đào tạo, cụ thể như sau:

Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm các học phần chung về Lý luận chính trị, ngoại ngữ, Toán kinh tế, pháp luật đại cương, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Lý thuyết xác suất và thống kê toán... Các học phần này đảm bảo cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản cần thiết để có thể tiếp thu tốt các học phần trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời.

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm ba khối: (1) khối kiến thức cơ sở ngành; (2) khối kiến thức của ngành và (3) khối kiến thức chuyên ngành. Trong đó các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và ngành là các học phần trang bị các kiến thức căn bản cho khối kiến thức chuyên ngành. Các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp cho người học những kiến thức

chuyên sâu hơn mang tính nền tảng trong phân tích kinh tế, cũng như khả năng nghiên cứu, khả năng làm việc.

Tất cả các môn học trong CTDH được bố trí phù hợp đối với mỗi kỳ học để sinh viên có thể tiếp thu từ các kiến thức chung tới các kiến thức chuyên sâu. Tính trình tự và logic trong CTDH thể hiện ở lịch trình tiếp cận các khối kiến thức: khối kiến thức giáo dục đại cương được bố trí trong 3 học kỳ đầu tiên, kiến thức cơ sở chuyên ngành được thiết kế trong ba học kỳ tiếp theo bao gồm các học phần cơ sở chuyên ngành tự chọn. Các học phần chuyên ngành được tổ chức đào tạo vào học kỳ hai năm thứ ba và học kỳ đầu năm cuối cùng **[H1.01.01.02]** **[H1.02.01.02]**. Từ năm thứ 3 sinh viên được tổ chức học phần chuyên đề thực tế, hoặc năm thứ 4 trang bị học phần thực tập tốt nghiệp. Ví dụ: Học phần Kinh tế vĩ mô 2 được giảng dạy vào học kỳ thứ 5 với điều kiện học trước là học phần Kinh tế vĩ mô 1; học phần Phân tích và Dự báo Kinh tế vĩ mô được giảng dạy vào kỳ thứ 6 với điều kiện học trước là học phần Kinh tế vĩ mô 2. Tất cả các môn học trong CTDH được bố trí hợp lý: học phần tiên quyết được giảng dạy trước, thời lượng mỗi học phần từ 2-3 tín chỉ theo đúng quy định. Các học phần ngành và chuyên ngành bắt buộc được thiết kế 3 tín chỉ, các học phần tự chọn có thể là 2 hoặc 3 tín chỉ; Thực tập tốt nghiệp được thiết kế 4 tín chỉ và khóa luận tốt nghiệp là 6 tín chỉ. Đề cương học phần được thiết kế tương ứng với khung chương trình dạy học **[H1.01.01.02]**, **[H1.02.01.05]**. Việc bố trí qua 8 học kỳ thể hiện rõ các môn học điều kiện, tiên quyết, học phần học trước, học phần được học ở học kỳ tiếp theo, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên sắp xếp lịch học và đăng ký môn học trong từng học kỳ một cách linh động, giúp sinh viên có thể chủ động kế hoạch học tập. Các học phần giữa các khối kiến thức của CTĐT có sự hỗ trợ lẫn nhau, có tính kế thừa, đảm bảo quá trình phát triển có tính hệ thống của sản phẩm đào tạo cả về kiến thức và kỹ năng.

Ý kiến của chuyên gia tại các hội thảo về CTDH **[H1.01.03.04]** đều thống nhất cho rằng chương trình đảm bảo tính logic giữa các học phần, CTĐT quy định rõ ràng về điều kiện tiên quyết cho từng học phần cụ thể, học kỳ thực hiện... đều nêu rõ trong đề cương chi tiết của từng học phần.

Việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CTDH ngành Kinh tế, và các Chuyên ngành trực thuộc được tiến hành định kỳ và theo quy định của Bộ GD&ĐT

và Học viện. Trong giai đoạn 2015-2019, Học viện đã chỉ đạo điều chỉnh chương trình năm 2015 và năm 2018. Năm 2018 CTDH được thiết kế cập nhật theo hướng dẫn của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT [H1.03.03.02], [H1.01.01.01]. Bản cập nhật CTDH từ 2015 tới 2018 được sự góp ý của các bên liên quan, đặc biệt nhà tuyển dụng và cựu sinh viên. [H1.01.02.03], [H1.02.02.06]. Dù vậy, sau mỗi lần thay đổi, điều chỉnh CDR, việc tích hợp và cập nhật của một số môn học thuộc các khoa khác phụ trách còn chưa được đảm bảo nhanh chóng và kịp thời.

Việc điều chỉnh CTDH Ngành Kinh tế và các Chuyên ngành trực thuộc theo định kỳ không chỉ dựa trên phản hồi từ các bên liên quan mà còn được tham khảo các CTDH của các trường đại học uy tín quốc tế trong và ngoài nước cập nhật những kiến thức mới nhất trong chuyên ngành nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của Nhà sử dụng lao động. Khi điều chỉnh CTDH, Khoa đã tổ chức nghiên cứu, tham khảo CTĐT của các trường Đại học đào tạo khối ngành về kinh tế và kinh doanh có chương trình đào tạo tương đồng như Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Đà Nẵng,.. và một số chương trình của các trường đại học trên thế giới [H1.03.03.01] và có đối sánh nhằm xây dựng chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, các chuyên ngành đào tạo trực thuộc ngành Kinh tế: Đầu tư, KHPT, Kinh tế và Quản lý công, Đấu thầu và Quản lý dự án, Phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh [H1.01.01.02]. Vì vậy, CTDH Ngành Kinh tế bảo đảm tính tích hợp, tính liên thông trong việc học song ngành, song chuyên ngành hoặc học các bậc học cao hơn.

## **2. Điểm mạnh:**

Tham khảo được nhiều CTĐT của các trường đại học trong nước. CTĐT có cấu trúc và logic rõ ràng, các học phần trong CTDH được sắp xếp theo trình tự logic từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên sâu của ngành Kinh tế và các Chuyên ngành trực thuộc đảm bảo tính tích hợp và có nội dung cập nhật.

## **3. Điểm tồn tại:**

Tính cập nhật và tích hợp của một số học phần do các khoa/bộ môn khác phụ trách chưa được đảm bảo một cách tốt nhất, đặc biệt là khi có sự điều chỉnh trong chuẩn đầu ra của CTĐT.

#### **4. Kế hoạch hành động:**

- **Phát huy điểm mạnh:** Khoa tiếp tục phối hợp, trao đổi thông tin với các khoa, bộ môn khác trong Học viện để đảm bảo tính kế thừa, tích hợp liên môn đảm bảo đạt được CĐR. Tiếp tục tham khảo, cập nhật CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước. Đơn vị thực hiện: Khoa Kinh tế và các khoa, bộ môn. Thời gian thực hiện: Từ năm học 2020 – 2021.

- **Khắc phục tồn tại:** Kỳ 1 năm học 2021- 2022, Khoa chủ trì, phối hợp với Phòng QLĐT, lãnh đạo các Khoa phụ trách môn học và giảng viên giảng dạy rà soát lại sự cập nhật và tích hợp của các môn học trong chương trình với chuẩn đầu ra.

#### **5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7)

#### **KẾT LUẬN VỀ TIÊU CHUẨN 3:**

##### **- Điểm mạnh và những yếu tố cần phát huy của tiêu chuẩn:**

+ Công tác thiết kế CTDH Ngành Kinh tế hợp lý, CTDH được gắn kết chặt chẽ với CĐR, giúp phối hợp các nguồn lực, các phòng chức năng, các đơn vị trong Học viện; phối hợp trách nhiệm tham gia của DN, các đơn vị ngoài Học viện trong vận hành CTDH được thuận lợi và đạt CĐR một cách hiệu quả.

+ Tất cả học phần trong CTĐT Ngành Kinh tế được thiết kế rõ ràng, góp phần đạt được CĐR.

+ Tham khảo được nhiều CTĐT của các trường đại học trong nước. CTĐT có cấu trúc và logic rõ ràng, các học phần trong CTDH được sắp xếp theo trình tự logic từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên sâu của ngành Kinh tế đảm bảo tính tích hợp và có nội dung cập nhật.

##### **- Những tồn tại của tiêu chuẩn:**

+ Việc thiết kế CTDH để đạt được các kỹ năng nghề nghiệp chưa được thể hiện rõ.

+ Đóng góp của một số học phần ở khối kiến thức giáo dục đại cương chưa đóng góp rõ ràng vào CĐR của chương trình. Quá trình khảo sát các bên liên quan về sự đóng góp của các học phần trong việc đạt được CĐR triển khai chưa được

đầy đủ và có hệ thống.

+ CTĐT tham khảo ít CTĐT tiên tiến của khu vực và trên thế giới. Tính cập nhật và tích hợp của một số học phần do các khoa/bộ môn khác phụ trách chưa được đảm bảo một cách tốt nhất, đặc biệt là khi có sự điều chỉnh trong chuẩn đầu ra của CTĐT.

Học viện, Khoa Kinh tế đã có những kế hoạch hành động nhằm phát huy các điểm mạnh và khắc phục những tồn tại này.

- **Tóm tắt mức đạt của các tiêu chí trong tiêu chuẩn:** Tiêu chuẩn 3 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.



## **TIÊU CHUẨN 4.**

### **PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY HỌC**

#### **Mở đầu**

Học viện đã ban hành triết lý giáo dục và phổ biến tới người dạy, người học và công bố trên website của Học viện. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của Ngành Kinh tế thực hiện lấy người học làm trung tâm, sử dụng các phương pháp dạy và học đa dạng nhằm phát huy năng lực chuyên môn, tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của người học. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR về mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

***Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.***

#### **1. Mô tả**

Triết lý giáo dục của Học viện đã được tuyên bố chính thức tại Quyết định số 766/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016 về việc công bố “Sứ mạng, tầm nhìn và Triết lý giáo dục của Học viện Chính sách và Phát triển”, đó là “Chất lượng, Phát triển bền vững và Hội nhập quốc tế” [H1.01.01.03].

Triết lý giáo dục này đã được tất cả cán bộ, giảng viên và sinh viên Học viện hiểu rõ và thực hiện. Hàng năm, Học viện đều tổ chức khảo sát ý kiến sinh viên và giảng viên về tinh thần, thái độ và năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ để từ đó nâng cao chất lượng phục vụ của khối phòng ban, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [H1.04.01.01], [H1.02.02.05]. Các cán bộ khối phòng ban tích cực tham gia các khóa đào tạo, tham dự các hội thảo, hội nghị quốc tế nâng cao kiến thức và trình độ chuyên môn [H1.04.01.02], [H1.04.01.03]. Đối với giảng viên, việc hiểu rõ và thực hiện triết lý giáo dục được thể hiện thông qua quá trình xây dựng CTĐT, thiết kế nội dung các môn học, quá trình tự rèn luyện của giảng viên. CTĐT được xây dựng trên cơ sở có sự tham khảo, đối chiếu, so sánh với CTĐT của một số trường đại học trong nước và quốc tế hướng tới sự hội nhập về mặt kiến thức, được tiến hành rà soát và cập nhật định kỳ 2 năm và từ năm 2018 đã ban hành CDR đối

với từng CTĐT [H1.01.01.02], [H1.01.03.03], [H1.01.02.02]. Trong đề cương chi tiết các học phần đều có nội dung hướng dẫn tự học nhằm rèn luyện tinh thần học tập suốt đời cho người học [H1.02.01.05]. giảng viên Học viện có ý thức nâng cao trình độ chuyên môn thông qua việc học tập nâng cao trình độ, tham dự các khóa đào tạo ngắn hạn, buổi hội thảo quốc tế, tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện [H1.04.01.02], [H1.04.01.03], [H1.04.01.04]. Đối với người học, việc thực hiện Triết lý giáo dục còn được thể hiện thông qua việc Học viện khuyến khích và tạo điều kiện để sinh viên tham gia các cuộc thi dành cho sinh viên trong và ngoài Học viện về nghiên cứu khoa học, tiếng Anh, kỹ năng mềm, toán... [H1.04.01.05]. Song song với đánh giá kết quả học tập, Học viện đã ban hành quy chế về chấm điểm rèn luyện đối với sinh viên trong từng học kỳ để góp phần khuyến khích sinh viên tham gia tích cực vào các hoạt động chung của Khoa, Học viện và xã hội [H1.04.01.06]. Các câu lạc bộ sinh viên của Học viện hiện đã được thành lập, là nơi để sinh viên rèn luyện các kỹ năng mềm và củng cố kiến thức xã hội hướng tới phát triển toàn diện, bền vững, tăng tính hội nhập của sinh viên như Câu lạc bộ Sách và Hành động APD, Câu lạc bộ Tiếng Anh... [H1.04.01.07]. Học viện thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên và sinh viên tham dự các buổi hội thảo, tọa đàm có sự tham gia của các chuyên gia quốc tế để tăng cường tính hội nhập [H1.04.01.08].

Triết lý giáo dục của Học viện được phổ biến thông qua website để cán bộ, giảng viên, sinh viên cũng như các cơ quan quản lý, nhà tuyển dụng có thể tiếp cận [H1.04.01.09]. Triết lý giáo dục cũng được nhắc lại trong Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động hàng năm của Học viện [H1.04.01.10]. Triết lý giáo dục được phổ biến thông qua tờ rơi tuyển sinh của Học viện phát tại các trường THPT và Ngày hội Xúc tiến tuyển sinh các năm, được in trong “Sổ tay sinh viên” phát trong Tuần sinh hoạt công dân – học sinh sinh viên đầu khóa đối với tân sinh viên, nhắc lại trong tuần sinh hoạt chính trị đầu năm và các cuộc họp đối thoại với sinh viên tại các báo cáo sơ kết học kỳ và tổng kết năm học cấp Khoa [H1.04.01.12], [H1.04.01.13], [H1.04.01.14], [H1.04.01.15]. Theo kết quả khảo sát sinh viên đang học tập tại Học viện giai đoạn 2016-2019, xấp xỉ 96% người học của Ngành Kinh tế trả lời Đồng ý và Hoàn toàn đồng ý về việc “Triết lý giáo dục của Học viện được

phổ biến rõ ràng”, chỉ có xấp xỉ 4% trả lời Không có ý kiến, và không có ý kiến phản đối. Tuy vậy, đối với ý kiến phản hồi về nhận biết được triết lý giáo dục của Học viện từ phía các nhà tuyển dụng còn rất hạn chế.

## **2. Điểm mạnh**

Triết lý giáo dục của Học viện được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới cán bộ, giảng viên và người học để hiểu và thực hiện.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc tuyên truyền phổ biến Triết lý giáo dục đến các doanh nghiệp chưa được thực hiện đầy đủ và hiệu quả.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm 2020-2021, Khoa Kinh tế, phối hợp với các Khoa, Bộ môn, Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông tiếp tục phổ biến rộng rãi hơn nữa Triết lý giáo dục tới giảng viên, người học và các bên liên quan để dàng tiếp cận qua các buổi tọa đàm, hội thảo khoa học, website...

- **Khắc phục tồn tại:** Năm 2020-2021, Khoa Kinh tế phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông trong việc lồng ghép, phổ biến nội dung về triết lý giáo dục của Học viện tại các ngày hội việc làm, các buổi làm việc cùng một số đơn vị tuyển dụng. Cùng với đó, Khoa phối hợp với Phòng Chính trị và Công tác sinh viên trong việc tham gia phổ biến Triết lý giáo dục của Học viện tại những địa điểm kiến tập, thực tập đối với sinh viên năm thứ 3, năm thứ 4.

## **5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

### ***Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra***

#### **1. Mô tả**

Các học phần của Ngành Kinh tế có phương pháp giảng dạy hướng tới đáp ứng CDR [H1.03.01.03]. Ví dụ, trong chương trình Chuyên ngành KHPT, có 42/56 học phần giảng dạy được sử dụng phương pháp dạy là phương pháp thuyết giảng, thảo luận nhóm, thuyết trình; 10/56 học phần giảng dạy đưa các tình huống thực tế vào trong quá trình giảng dạy để người học cập nhật thông tin, trao đổi và thảo luận các vấn đề thực tế; 4/62 học phần yêu cầu người học thực hiện bài tập lớn, thực

hành trên máy... hướng tới đạt được CDR của từng học phần trong chương trình, là Tin học đại cương, Kinh tế lượng, Phân tích và Dự báo Kinh tế vĩ mô, Kế hoạch hóa phát triển. Tuy nhiên, do điều kiện về trang thiết bị cũng như kinh phí để mua bản quyền một số phần mềm, mô hình nên khả năng áp dụng công nghệ có liên quan tới các trang thiết bị, phần mềm trên ở một số môn còn hạn chế. Trong giai đoạn 2015 – 2019, Khoa Kinh tế cùng các khoa, bộ môn trong Học viện đã tổ chức các buổi hội thảo đổi mới phương pháp giảng dạy, nhằm cung cấp cho giảng viên phương pháp giảng dạy đa dạng và hiệu quả hơn **[H1.04.02.01], [H1.04.02.02]**.

Phương pháp giảng dạy mỗi học phần được thể hiện trong đề cương học phần, được ghi rõ và công bố ở dạng bản cứng và bản mềm qua đường link được công bố trên website của Học viện; công bố cho sinh viên trong mỗi đầu kỳ của các học phần **[H1.02.01.05], [H1.01.03.06]**.

Nhiệm vụ hướng dẫn học tập/nghiên cứu, hướng dẫn phương pháp học tập được ban hành trong Quy định về công tác Cố vấn học tập **[H1.04.02.03]**. Phương pháp học tập hiệu quả để đạt được CDR được trao đổi với người học qua buổi tọa đàm cấp Khoa và cấp Học viện, trong các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa, đầu năm, trong tổng kết học kỳ ở cấp Khoa và cấp Học viện **[H1.04.02.02], [H1.04.01.12], [H1.04.01.13], [H1.04.01.14], [H1.04.02.04]**. Các phương pháp học tập từng học phần được hướng dẫn người học ngay trong những tuần đầu triển khai học phần và ghi cụ thể ở đề cương học phần của CTĐT **[H1.02.01.05]**. Đối với hoạt động học tập, việc đào tạo theo học chế tín chỉ tăng cường hoạt động tự học, thúc đẩy người học chủ động hơn. Học viện đã thiết lập trang thông tin về đề cương học phần tại địa chỉ [www.decuongmonhoc.apd.edu.vn](http://www.decuongmonhoc.apd.edu.vn) và [www.tinchi.apd.edu.vn](http://www.tinchi.apd.edu.vn) để người học dễ dàng theo dõi nắm bắt những thông tin học tập từ phía Học viện và Khoa, chủ động trong kế hoạch học tập **[H1.04.02.05], [H1.01.03.06]**. Sinh viên được hướng dẫn tham gia vào các hoạt động thực tế tại cơ quan, doanh nghiệp từ mức độ tổng quan đến chi tiết nghiệp vụ chuyên môn qua các học phần Chuyên đề thực tế và Thực tập tốt nghiệp **[H1.04.02.06], [H1.04.02.07]**.

Đa số sinh viên và giảng viên hài lòng với các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT. Theo kết quả khảo sát sinh viên đang học tập tại Học viện giai đoạn 2015-2019, 85,2% người học của Ngành Kinh tế trả lời đồng ý và hoàn

toàn đồng ý về việc các học phần được giảng dạy “sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp”, 14,4% trả lời không có ý kiến, và chỉ có 0,04% có ý kiến phản đối. Điểm trung bình về mức độ hài lòng của sinh viên về các phương pháp giảng dạy giai đoạn 2015-2019 là 4,25/5 [H1.02.02.05]. Các cuộc họp chuyên môn của Khoa ghi nhận các giảng viên hài lòng về các phương pháp giảng dạy được áp dụng [H1.04.02.01].

## **2. Điểm mạnh**

Phương pháp dạy và học đa dạng, cập nhật trong từng học phần để đạt được CDR và đạt được sự hài lòng cao của người dạy, người học.

## **3. Điểm tồn tại**

Kỹ năng áp dụng công nghệ trong dạy và học ở một số môn còn hạn chế do điều kiện về kinh phí mua sắm trang thiết bị và phần mềm, mô hình chuyên dụng.

## **4. Kế hoạch hành động**

### ***- Phát huy điểm mạnh:***

Năm học 2020-2021, Phòng QLĐT chủ trì, phối hợp cùng các Khoa, Bộ môn triển khai tiếp tục cập nhật, đa dạng hóa phương pháp dạy và học bằng việc tổ chức tập huấn phương pháp giảng dạy mới đối với các học phần đại cương, học phần cơ sở ngành.

### ***- Khắc phục tồn tại:***

Năm học 2020-2021, Khoa phối hợp cùng Phòng QLĐT thống kê và đề xuất Học viện lập danh sách các trang thiết bị và mô hình, phần mềm cập nhật phục vụ cho giảng dạy một số môn chuyên ngành.

## **5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.***

### **1. Mô tả**

Đề cương chi tiết của tất cả các học phần giảng dạy của CTĐT Ngành Kinh tế năm 2018 mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy như thuyết trình, thảo luận, tham quan thực tế, làm việc nhóm, thực hiện mô phỏng... nhằm thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng

làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin... [H1.02.01.05].

Tất cả đề cương các học phần giảng dạy của CTĐT Ngành Kinh tế có phần hướng dẫn tự học, trong đó yêu cầu sinh viên tự nghiên cứu nội dung học tập các chương mục cụ thể của học phần, chỉ rõ nội dung, tài liệu tự học tập giúp sinh viên tự nghiên cứu học tập suốt đời, tuy nhiên chưa có cơ chế giám sát chặt chẽ việc thực hiện hoạt động này của sinh viên, chủ yếu dựa vào tính tự giác [H1.02.01.05].

Giảng viên giảng dạy Ngành Kinh tế và các Chuyên ngành sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Các giảng viên tham gia giảng dạy ngành Kinh tế (gồm cả giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng) đều sử dụng linh hoạt 3 phương pháp truyền thụ tri thức sau: (i) truyền thụ một chiều từ người dạy sang người học; (ii) phương pháp giải quyết vấn đề thông qua tình huống bài tập nhóm; (iii) tương tác trực tiếp/thực hành để giải quyết vấn đề. Trong đó, phương pháp giảng dạy bằng tình huống, tương tác trực tiếp để giải quyết vấn đề được đa số các giảng viên lựa chọn áp dụng cho những môn học chuyên ngành. Phương pháp này giúp người học nhớ lâu hơn, hình thành khả năng áp dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề gặp phải, hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Việc rèn luyện các kỹ năng và khả năng học tập suốt đời trong quá trình học tập tại Học viện giúp sinh viên Ngành Kinh tế được các nhà tuyển dụng đánh giá cao về năng lực chuyên môn cũng như các kỹ năng trong công việc. Kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng giai đoạn 2015-2019, có 60,2% số nhà tuyển dụng cho biết cử nhân Ngành Kinh tế của Học viện sau khi được tuyển dụng vào đơn vị đáp ứng được công việc, có thể sử dụng được ngay; 39,5% nhà tuyển dụng cho biết các cử nhân Ngành Kinh tế của Học viện sau khi được tuyển dụng vào đơn vị cơ bản đáp ứng được yêu cầu của công việc nhưng cần được đào tạo thêm [H1.04.03.01]. Kết quả khảo sát cựu sinh viên giai đoạn 2014-2018 cũng cho thấy 98,3% đồng ý và rất đồng ý về việc “giảng viên sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ sinh viên rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời”, có 1,17% không có ý kiến và không có ý kiến phản đối [H1.02.02.05].

## **2. Điểm mạnh**

Tất cả các học phần thuộc CTĐT Ngành Kinh tế và các Chuyên ngành đều có hướng dẫn tự học cho sinh viên, giúp nâng cao khả năng nghiên cứu và rèn luyện khả năng học tập suốt đời.

## **3. Điểm tồn tại**

Chưa có phương thức cụ thể để giám sát việc tự học, tự nghiên cứu tài liệu tham khảo trong đề cương một số học phần của CTĐT.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2020-2021, Khoa chủ trì phối hợp với Phòng QLĐT chỉ đạo các bộ môn tiếp tục bổ sung tài liệu tham khảo trong nội dung hướng dẫn tự học.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2020-2021, Khoa chủ trì phối hợp với Phòng QLĐT chỉ đạo các Bộ môn xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá năng lực tự học đối với tất cả các học phần của CTĐT.

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

## **KẾT LUẬN VỀ TIÊU CHUẨN 4:**

### ***- Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn***

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT có một số điểm mạnh:

+ Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới cán bộ, giảng viên và người học để hiểu và thực hiện;

+ Phương pháp dạy và học đa dạng, cập nhật trong từng học phần để đạt được CDR và đạt được sự hài lòng cao của người dạy, người học;

+ Tất cả các học phần đều có hướng dẫn tự học cho sinh viên, giúp nâng cao khả năng nghiên cứu và rèn luyện khả năng học tập suốt đời.

### ***- Tồn tại chủ yếu của tiêu chuẩn***

Tuy nhiên, trong việc thực hiện yêu cầu của tiêu chuẩn 4 còn có một số mặt cần phải hoàn thiện:

+ Việc tuyên truyền phổ biến Triết lý giáo dục đến các doanh nghiệp chưa được thực hiện đầy đủ và hiệu quả;

+ Kỹ năng áp dụng công nghệ trong dạy và học ở một số môn còn hạn chế

do điều kiện về kinh phí mua sắm trang thiết bị và phần mềm, mô hình chuyên dụng;

+ Chưa chỉ rõ cách thức giám sát quá trình tự học, tự nghiên cứu tài liệu tham khảo trong đề cương một số học phần của CTĐT.

Học viện, Khoa Kinh tế và các Khoa quản lý chuyên ngành, kết hợp với các đơn vị liên quan đã có những kế hoạch hành động nhằm phát huy các điểm mạnh và khắc phục những tồn tại này.

- **Tóm tắt mức đạt của các tiêu chí trong tiêu chuẩn:** Tiêu chuẩn 4 có 03 tiêu chí, trong đó có 02 tiêu chí đạt 5/7 điểm, 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm.



## **TIÊU CHUẨN 5.**

### **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC**

#### **Mở đầu**

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng trong giáo dục đại học. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cung cấp cho Học viện, Khoa Kinh tế và các Khoa chuyên ngành các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc đánh giá kết quả học tập của người học của Ngành Kinh tế được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được CDR, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như của ngành.

***Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.***

#### **1. Mô tả**

Học viện có các quy trình/kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá KQHT của người học. Các quy định về đánh giá KQHT đối với người học Ngành Kinh tế được quy định rõ ràng tại Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển (Quyết định số 668/QĐ-HVCSPT ngày 11/11/2015; Quyết định số 727/QĐ-HVCSPT ngày 14/12/2015; Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 08/08/2019) [**H1.02.01.06**]; Quy định tại mục 5.2 và 5.3 của Bản mô tả CTĐT chuyên ngành ban hành kèm Quyết định số 553/QĐ-HVCSPT ngày 14/8/2018 [**H1.02.01.02**] và đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT [**H1.02.01.05**]; Quy định kiểm tra - đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần (Quyết định số 248/QĐ-HVCSPT ngày 02/06/2015) [**H1.05.01.01**].

*Các văn bản, tài liệu hướng dẫn quy định về quy trình thi, kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tất cả các khâu trong quá trình đào tạo, thi và chấm khóa luận tốt nghiệp* luôn được bổ sung qua các năm và được quy định rõ trong Quyết định số 668/QĐ-HVCSPT ngày 11/11/2015; Quyết định số 727/QĐ-HVCSPT ngày

14/12/2015; Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 08/08/2019 [**H1.02.01.06**] và Quyết định số 248/QĐ-HVCSPT ngày 02/06/2015 [**H1.05.01.01**].

Đối với đánh giá quá trình/Đánh giá học phần được thực hiện theo quy định tại Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy. Theo Quyết định 502/QĐ-HVCSPT ngày 08/8/2019 việc kiểm tra, thi học phần và đánh giá kết quả học tập được quy định rõ trong Chương III với Điều 20 đánh giá học phần; Điều 21 điểm đánh giá của giảng viên đối với sinh viên; Điều 22 kiểm tra học phần; Điều 23 tổ chức thi hết học phần; Điều 24 đề thi học phần; Điều 25 coi thi kết thúc học phần; Điều 26 tổ chức chấm thi; thông báo kết quả thi học phần và Điều 27 cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần. Tất cả các thông tin về quy trình đánh giá kết quả học tập của người học đều được đăng tải công khai trên website [**H1.01.03.06**], tài liệu hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu năm đối với tân sinh viên [**H1.01.03.06**], giảng viên cố vấn học tập thông báo cho sinh viên, Phòng Quản lý đào tạo công bố trong buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa học. Đối với chuyên đề thực tế ở năm thứ 3 và thực tập tốt nghiệp năm cuối, trước mỗi kỳ Học viện và Khoa đều tổ chức hướng dẫn và công khai các tiêu chí đánh giá dựa trên những yêu cầu đạt được chuẩn đầu ra để sinh viên nắm được [**H1.04.02.06**], [**H1.05.01.03**].

Kế hoạch kiểm tra giữa kỳ được các giảng viên thông báo công khai trên lớp trước thời gian diễn ra ít nhất 01 tuần; Lịch thi cuối kỳ được thể hiện trong kế hoạch giảng dạy hàng năm [**H1.05.01.02**] và được công bố công khai trên website của Học viện vào cuối mỗi học kỳ, trước khi môn thi đầu tiên diễn ra từ 2-3 tuần [**H1.01.03.06**].

Hàng năm kế hoạch đánh giá học phần nêu rõ các nội dung liên quan đến công tác đề thi, coi thi và công tác làm phách bài thi cũng như các hướng dẫn tổ chức chấm khóa luận tốt nghiệp cho các bạn sinh viên cuối khóa [**H1.05.01.01**], [**H1.05.01.04**], [**H1.05.01.03**]. Các kết quả học tập của sinh viên các học phần được đăng tải trên website phần mềm quản lý đào tạo, trên cổng thông tin điện tử của học viện [**H1.01.03.06**].

Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được Học viện chỉ đạo Khoa, Bộ môn tới các giảng viên thiết kế phù hợp để có khả năng đánh giá, đo lường mức độ đạt được CDR. Các giảng viên thiết kế các phương pháp đánh giá cũng như xây dựng làm ngân hàng câu hỏi đề thi kết thúc học phần đều được đào tạo, có văn bản hướng dẫn trong quy định số 632/QĐ-HVCSPT ngày 20/9/2017 về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi được sửa đổi bổ sung [H1.05.01.04], và trong Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển (Quyết định số 668/QĐ-HVCSPT ngày 11/11/2015; Quyết định số 727/QĐ-HVCSPT ngày 14/12/2015; Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 08/08/2019) [H1.02.01.06]. Yêu cầu đánh giá kết quả chuyên đề thực tế, thực tập và khóa luận tốt nghiệp đều được phổ biến tới các giảng viên [H1.04.02.06], [H1.05.01.03].

Các quy trình xây dựng thiết kế phương pháp đánh giá, xây dựng ngân hàng đề thi, xây dựng quy chế đào tạo đều được thảo luận trong các buổi họp chuyên môn của các Khoa quản lý Ngành và Chuyên ngành, các buổi họp đánh giá cũng có sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài học viện thẩm định, kết thúc buổi họp đều có biên bản ghi rõ các nội dung cần chỉnh sửa bổ sung [H1.02.02.02]. Ngoài ra, các phương pháp đánh giá người học được so sánh với các phiên bản khác nhau của chương trình đào tạo [H1.01.02.04] nhằm lựa chọn những phương án phù hợp nhất.

Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đều được Hội đồng thẩm định đánh giá đảm bảo chất lượng, phù hợp với chương trình đào tạo [H1.02.02.02]. Các nội dung đánh giá đều được Hội đồng Khoa đánh giá đạt chuẩn đầu ra [H1.03.01.04].

Mỗi học phần đều có chuẩn đầu ra, đều có phương pháp đánh giá phù hợp với từng môn học thông qua đề cương chi tiết học phần của Ngành và Chuyên ngành [H1.02.01.05]. Tất cả các đề cương chi tiết học phần đều trình bày rõ về nội dung phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học, trong đó có mục đánh giá điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm tiểu luận và nội

dung thi bài thi kết thúc học phần được trình bày rõ phần câu hỏi trắc nghiệm chiếm bao nhiêu %, phần tự luận chiếm bao nhiêu %, thời gian làm bài thi, môn thi có được sử dụng tài liệu hay không [H1.02.01.05]. Tất cả đều được giảng viên giảng dạy công bố công khai trong buổi học đầu tiên của môn học và triển khai theo đúng quy định của Học viện. Tuy nhiên, đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo chuẩn đầu ra còn dựa nhiều vào việc kiểm tra khả năng tái hiện, tái tạo kiến thức, giải các bài tập trong lớp học hơn đánh giá kỹ năng và năng lực vận dụng vào thực tiễn của sinh viên.

## **2. Điểm mạnh**

Có các quy định rõ ràng về hình thức, kế hoạch, tiêu chí đánh giá kết quả học tập theo các CDR của CTĐT và của từng học phần. Quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên được xây dựng bám sát theo các yêu cầu về CDR đối với kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của CTĐT, nhằm đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức của sinh viên theo các bậc thang biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá. Hệ thống các phương pháp đánh giá (câu hỏi trắc nghiệm, tự luận, thuyết trình, bài tập nhóm, chuyên đề thực tế, thực tập...) được thiết kế phù hợp để có khả năng đo lường mức độ đạt CDR.

## **3. Điểm tồn tại**

Các quy trình, tài liệu hướng dẫn cụ thể về cách thức thiết kế phương pháp đánh giá phù hợp mức độ đạt được chuẩn đầu ra chưa cập nhật và rà soát thường xuyên. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo chuẩn đầu ra còn dựa nhiều vào việc kiểm tra khả năng tái hiện, tái tạo kiến thức, giải các bài tập trong lớp học hơn đánh giá kỹ năng và năng lực vận dụng vào thực tiễn của sinh viên.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong năm học 2020 – 2021, Khoa phối hợp với Phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL tổ chức tọa đàm để rà soát, thiết kế các phương pháp đánh giá cập nhật để đo lường mức độ đạt CDR.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong năm học 2020 – 2021, Khoa sẽ xây dựng bộ

tiêu chí hướng dẫn cụ thể về cách thức thiết kế phương pháp đánh giá đảm bảo đánh giá được những kỹ năng và năng lực vận dụng vào thực tiễn của sinh viên.

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

***Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.***

### **1. Mô tả**

Tài liệu hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi đều được quy định rõ ràng trong Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển (Quyết định số 668/QĐ-HVCSPT ngày 11/11/2015; Quyết định số 727/QĐ-HVCSPT ngày 14/12/2015; Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 08/08/2019) [**H1.02.01.06**].

Trong Chương III của Quy định đào tạo với nội dung về kiểm tra, thi học phần và đánh giá kết quả học tập đều được quy định cụ thể tại Điều 8 - Kiểm tra học phần, Điều 9 - Thi học phần, Điều 10 - Tính điểm học phần và Điều 11 - Tính điểm trung bình chung học tập. Tại Điều 8 và Điều 9 có quy định về thời gian làm bài kiểm tra học phần, hình thức kiểm tra học phần bao gồm kiểm tra viết (tự luận, kết hợp tự luận với trắc nhiệm trên giấy, làm bài tập...), vấn đáp, trắc nhiệm trên máy tính, thực hành, làm bài tập theo nhóm và các hình thức khác. Các quy trình tổ chức thi và chấm thi đều được quy định ở Điều 9. Cách tính điểm học phần thể hiện rõ ở Điều 10 và Điều 11, trong đó điểm kiểm tra học phần 20%, điểm đánh giá của giảng viên 20%, điểm thi học phần 60% cũng như công thức tính điểm trung bình chung học tập. Tiêu chí đánh giá người học được xếp loại đạt và không đạt, trong đó xếp loại đạt là từ điểm trung bình 4,0 điểm đến 10,0 điểm (từ điểm D trở lên theo thang điểm chữ) và không đạt có điểm số dưới 4,0 (điểm F), điểm học phần lấy lẻ đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ và chuyển sang thang điểm 4 như sau:

a) Loại đạt: sinh viên đáp ứng đủ 02 điều kiện sau:

- **Điều kiện 1:** Điểm thi học phần  $> 1$  (thang điểm 10)
- **Điều kiện 2:** Điểm học phần phải đạt như sau:

<i>TT</i>	<i>Thang điểm 10</i>	<i>Thang điểm chữ</i>	<i>Thang điểm 4</i>
1	Từ 9,3 đến 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 9,2	A	4,0
3	Từ 7,8 đến 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,7	B	3,0
5	Từ 6,3 đến 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,2	C	2,0
7	Từ 4,8 đến 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,0 đến 4,7	D	1,0

b) Loại không đạt:

<i>TT</i>	<i>Thang điểm 10</i>	<i>Thang điểm chữ</i>	<i>Thang điểm 4</i>
1	Điểm thi học phần $\leq 1$ hoặc điểm học phần đạt dưới 4,0	F	0,0

Riêng đối với các học phần Ngoại ngữ, điểm học phần là điểm đánh giá theo quá trình học tập học phần đó, là số trung bình chung của 04 điểm thành phần với trọng số của từng thành phần như sau: (i) Điểm kiểm tra học phần: 20%; (ii) Điểm đánh giá của giảng viên (bao gồm: thời gian lên lớp, phát biểu xây dựng bài, đóng góp ý kiến... của sinh viên): 20%; (iii) Điểm thi học phần: 60% (trong đó kỹ năng nói chiếm 15% và kỹ năng viết chiếm 45%).

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học cũng được quy định trong đề cương học phần của chương trình ở mục 10.2. Phương pháp đánh giá học phần trong tất cả các đề cương **[H1.02.01.05]**.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học trong quy chế đào tạo của Học viện được công bố công khai tới người học thông qua nhiều kênh

thông tin khác nhau như: Website của Học viện **[H1.01.03.06]**; Trong tài liệu Hướng dẫn ôn tập và viết bài thu hoạch tuần sinh hoạt chính trị đầu năm từ 2015 - 2019 **[H1.01.03.06]**; giảng viên cố vấn học tập thông báo cho sinh viên, Phòng QLĐT công bố trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa học **[H1.04.01.13]**. Đối với chuyên đề thực tế ở năm thứ 3 và thực tập tốt nghiệp năm cuối, trước mỗi kỳ Học viện và Khoa đều tổ chức hướng dẫn và công khai các tiêu chí đánh giá dựa trên những yêu cầu đạt được chuẩn đầu ra để sinh viên nắm được **[H1.04.02.06]** **[H1.05.01.03]**.

Kế hoạch kiểm tra giữa kỳ được các giảng viên thông báo công khai trên lớp trước thời gian diễn ra ít nhất 01 tuần; Lịch thi cuối kỳ được thể hiện trong kế hoạch giảng dạy hàng năm **[H1.05.01.02]** và được công bố công khai trên website của Học viện vào cuối mỗi học kỳ, trước khi môn thi đầu tiên diễn ra từ 2-3 tuần **[H1.01.03.06]**.

Đối với từng học phần, giảng viên thông báo công khai điểm đánh giá quá trình (điểm kiểm tra học phần và điểm đánh giá của giảng viên) cho người học trên lớp trước buổi học cuối cùng 1 tuần. Kết thúc thời hạn công bố điểm trên lớp 1 tuần, giảng viên nhập bảng điểm vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Học viện.

Ở giai đoạn đầu mỗi năm học các Khoa đều triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên về mức độ nắm rõ các quy định của Học viện về qui trình thi, kiểm tra, đánh giá nhằm có những kênh thông tin, truyền thông phù hợp đến sinh viên. Kết quả khảo sát cho thấy 100% sinh viên đều hiểu rõ quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học **[H1.05.02.01]**, và được Báo cáo trong sơ kết học kỳ và tổng kết năm học cấp Khoa **[H1.04.01.14]**.

Cơ chế phản hồi được quy định cụ thể trong Quy định về Công tác cố vấn học tập tại Học viện Chính sách và Phát triển **[H1.04.02.03]**, Quy chế giảng viên **[H1.05.02.02]**, Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển **[H1.02.01.06]**. Tất cả các ý kiến phản hồi của sinh

viên về công tác đánh giá kết quả người học ngành kế hoạch phát triển đều được phân tích, đánh giá tổng hợp và phản hồi một cách toàn diện [H1.05.02.01]. Tuy nhiên, do lịch học của sinh viên trong lớp khác nhau, cố vấn học tập lại là giảng viên kiêm nhiệm và phải hoàn thành rất nhiều công việc chuyên môn, việc tập hợp lớp không đơn giản. Vì vậy, tần suất gặp mặt trực tiếp giữa cố vấn học tập và tập thể sinh viên cả lớp không nhiều. Các quy định về đổi mới phương đánh giá kết quả học tập người học để đáp ứng với yêu cầu của người học cũng như đảm bảo tính cập nhật môn học chưa được triển khai rộng rãi và toàn diện, phụ thuộc chủ yếu vào tính chủ động của đội ngũ giảng viên của Khoa. Ngoài ra, trong đánh giá điểm quá trình, trong một số học phần, một vài tiêu chí đánh giá đôi khi còn mang tính định tính.

## **2. Điểm mạnh**

Các quy định về đánh giá kết quả học tập đều rõ ràng và được công bố rõ ràng, khoa học và được thông báo công khai tới người học, rộng rãi cho các bên liên quan nhằm đạt chuẩn đầu ra. Việc tổ chức thi, đánh giá kết quả học tập thể hiện rõ quy định trong các đề cương chi tiết học phần.

## **3. Điểm tồn tại**

Các quy định về đổi mới phương đánh giá kết quả học tập người học để đáp ứng với yêu cầu của người học cũng như đảm bảo tính cập nhật môn học chưa được triển khai rộng rãi và toàn diện, phụ thuộc chủ yếu vào tính chủ động của đội ngũ giảng viên của Khoa. Trong đánh giá điểm quá trình, trong một số học phần, một vài tiêu chí đánh giá đôi khi còn mang tính định tính.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục cải tiến quy trình đánh giá kết quả theo hướng đa dạng và phù hợp với thông lệ quốc tế. Khoa giao cho các Trưởng Bộ môn làm đầu mối, phối hợp với Bộ môn khác trong Khoa, kết hợp với Trung tâm KT&ĐBCL có kế hoạch mở các lớp tập huấn cho giảng viên về đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập người học để đáp ứng với yêu cầu thực tế.



- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2020-2021, Khoa tổ chức 1-2 buổi tọa đàm về đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập người học nhằm phù hợp hơn với nội dung, phương pháp giảng dạy (trong đó có tính tới đánh giá online). Đồng thời, Khoa đề nghị giảng viên của Khoa phải lượng hóa được các tiêu chí đánh giá đi kèm quá trình để tạo sự rõ ràng và thông hiểu thống nhất về tiêu chí đánh giá.

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.**

### **1. Mô tả**

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học đảm bảo đạt chuẩn đầu ra. Do đó, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được sử dụng đa dạng như: trắc nghiệm khách quan, tự luận, vấn đáp, bài tập lớn, đánh giá gián tiếp, đánh giá trực tiếp, đánh giá theo chuẩn và theo tiêu chí. Việc đánh giá kết quả của từng học phần do Khoa/Bộ môn phụ trách và được ghi rõ trong đề cương chi tiết và được công bố khai cho người học trước khi bắt đầu học mỗi học phần [H1.02.01.05]. Căn cứ trên quy định về thi, kiểm tra của Bộ GD&ĐT và Học viện [H1.05.01.01], tùy theo mục đích, yêu cầu của từng học phần, giảng viên Khoa lựa chọn và sử dụng tổ hợp các phương pháp đánh giá phù hợp với đặc điểm của từng môn học nhằm đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị và sự công bằng trong đánh giá kết quả học tập của người học. Các phương pháp đánh giá này được quy định trong đề cương học phần vì vậy có sự thống nhất giữa các giảng viên giảng dạy cùng một học phần về các phương pháp đánh giá người học. Khi giảng dạy các học phần trong CTĐT Ngành Kinh tế và các Chuyên ngành trực thuộc, nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng như: kiểm tra viết tại lớp (tự luận hoặc trắc nghiệm), bài tập (cá nhân, nhóm), thuyết trình... Tuy nhiên, tổ chức thi và kiểm tra chủ yếu là thi viết, hình thức thi vấn đáp còn hạn chế.

100% đề cương chi tiết học phần được thiết kế theo quy định tại Thông tư số

08/2011/TT-BGDĐT ngày 17/02/2011 của Bộ GD&ĐT và quy định của Học viện **[H1.02.02.01]**. Trong mỗi đề cương đều có mục 10.2 "*Phương pháp đánh giá học phần*" trong đó nêu rõ: (1) Điều kiện dự thi hết học phần; (2) Quy định về tỷ trọng các điểm thành phần: Điểm đánh giá của giảng viên: chiếm 20%, điểm bài kiểm tra (chiếm 20%), điểm thi hết học phần (chiếm 60%); (3) Hình thức thi đánh giá hết học phần (thi viết, thi nói, thi trắc nghiệm, bài tập lớn ....) **[H1.02.02.01]**.

Đối với chuyên đề thực tế ở năm thứ 3 và thực tập tốt nghiệp năm cuối, các phương pháp đánh giá theo quy định chung của Học viện và đặc thù của từng Chuyên ngành. Điểm đánh giá sẽ căn cứ vào kế hoạch thực tập thực tế, nhận xét của đơn vị thực tập, đánh giá sự phối hợp với giảng viên hướng dẫn và báo cáo thực tập tổng hợp **[H1.04.02.06]**. Đối với khóa luận tốt nghiệp, khoa có những yêu cầu cụ thể về quy cách. Việc chấm khóa luận tốt nghiệp có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, thuyết trình, nội dung,... Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị trong đánh giá khóa luận. Điểm khóa luận tốt nghiệp sẽ được đánh giá tổng hợp điểm cho của giảng viên hướng dẫn, điểm giảng viên phản biện và điểm các thành viên trong hội đồng chấm khóa luận khi sinh viên bảo vệ đề tài khóa luận **[H1.05.01.03]**.

Đối với môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp đánh giá sẽ dựa trên điểm đánh giá (20%) điểm kiểm tra giữa kỳ (20%) và điểm bảo vệ đề tài khoa học được tính điểm kết thúc học phần (60%) **[H1.02.01.05]**. Phương pháp chấm đề tài khoa học được đánh giá ở nội dung đề tài (đề cương logic, nội dung phù hợp, tính mới, mô hình phân tích...) và thuyết trình (tính lưu loát, tự tin, làm việc nhóm...) được thể hiện rõ trong mẫu phiếu chấm điểm **[H1.05.03.02]**.

Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học phân định rõ ràng mức độ đạt hay không đạt nhằm đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, khách quan và công bằng từ khâu ra đề thi, tổ chức thi, chấm thi và công bố kết quả. Mỗi học phần, trước khi được đưa vào giảng dạy, Bộ môn, Hội đồng Khoa đã họp xem xét và chấp nhận phương án sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập do bộ môn phụ trách đề xuất. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá điểm bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do Bộ

môn đề xuất qua Phòng QLĐT để trình Giám đốc phê duyệt và phải được ghi trong Đề cương chi tiết của học phần **[H1.02.01.05]**.

Các tiêu chí kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được quy định rõ ràng trong Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện CS&PT **[H1.02.01.06]** và trong Quyết định số 632/QĐ-HVCSPT ngày 20/9/2017 về việc ban hành Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần bậc đào tạo cử nhân **[H1.05.01.04]**. Các nội dung gồm về thời gian tổ chức thi, hình thức thi, điều kiện dự thi kết thúc học phần của sinh viên, các khâu của quá trình biên soạn và duyệt đề thi kết thúc học phần, in sao và đóng gói, bảo quản, lưu trữ đề thi kết thúc học phần, phân bổ cán bộ coi thi kết thúc học phần đều được thiết kế đúng theo các hướng dẫn của Học viện **[H1.05.03.03]**. Đề thi và đáp án thi cuối kỳ được Trưởng bộ môn phê duyệt để đảm bảo độ giá trị và tin cậy. Các lớp thi cùng 1 ca theo một bộ đề thi chung nhằm đảm bảo sự khách quan và công bằng. Bài thi của sinh viên được chấm theo đáp án đã được Bộ môn thảo luận và thống nhất, dưới quy trình chấm được chuẩn hóa (rọc phách, hai giảng viên cùng chấm tại văn phòng bộ môn, vào điểm theo quy định của Học viện...) để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học **[H1.05.03.03]**. Điểm thành phần các học phần sẽ được đăng tải công khai và người học sẽ được công khai biết trên trang thông tin của sinh viên tại địa chỉ [www.tinchi.apd.edu.vn](http://www.tinchi.apd.edu.vn). **[H1.01.03.06]**

Trong Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện CS&PT **[H1.02.01.06]** đã có những quy định rõ tại Chương III về nội dung Kiểm tra, thi học phần và đánh giá kết quả học tập. Các nội dung như số lần kiểm tra học phần, hình thức kiểm tra, đề kiểm tra, thời gian và chấm kiểm tra học phần được quy định tại Điều 8; Điều 9 liên quan đến nội dung thi học phần trong đó có quy định về hình thức thi, số lần dự thi, điều kiện được dự thi kết thúc học phần; Điều 10 quy định về tính điểm học phần trong đó quy định rõ xếp loại kết quả học tập ở hai loại là: mức độ đạt là từ 5,0 – 10 điểm và không đạt là mức dưới 5,0 điểm.

Ngoài ra, tại Điều 6 trong Quy định ban hành kèm Quyết định số 632/QĐ-HVCSPT ngày 20/9/2017 về quy định về thi, kiểm tra còn đưa ra các tiêu chí phân bổ câu hỏi thi theo cấp độ đánh giá bài làm của sinh viên, trong đó có 3 cấp độ đánh giá người học đó là đánh giá sự hiểu bài, kỹ năng phân tích tổng hợp và khả năng vận dụng và sáng tạo. Việc phân bổ câu hỏi thi phải đảm bảo 60% câu hỏi cấp độ 1 (dễ và trung bình); 50% câu hỏi cấp độ 2 (khó); 10% câu hỏi cấp độ 3 (rất khó), đối với câu hỏi tự luận phải đáp ứng được yêu cầu tại Khoản 1, Điều 6 trong quy chế ban hành kèm Quyết định 632/QĐ-HVCSPT. Các nội dung về tiêu chí trên đều được thảo luận, thống nhất thực hiện đối với các giảng viên tham gia giảng dạy [H1.05.01.04], và được công bố công khai với sinh viên ở mỗi học phần. Hàng năm, các bộ môn đều có những điều chỉnh và bổ sung các câu hỏi mới để đảm bảo độ giá trị và tin cậy của Ngân hàng đề thi. Sau mỗi đợt thi, Khoa/ Bộ môn đều phân tích kết quả thi, tổ chức các hội nghị/sơ kết hội nghị về các phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập [H1.02.02.02].

Một phần rất quan trọng trong việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên là phải luôn đảm bảo tính công bằng, minh bạch: các khâu ra đề, chấm thi, rọc phách, vào điểm luôn được đảm bảo đúng nguyên tắc tại các Điều 8, Điều 9 quy định trong Quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Học viện [H1.02.01.06].

Quy trình tổ chức ra đề thi được triển khai với tối thiểu 04 đề thi/học phần. Đề thi được lấy từ ngân hàng đề thi hoặc được thiết kế và sử dụng chung cho các lớp trong cùng một học kỳ. Ngoài ra, Học viện yêu cầu kết thúc mỗi học kỳ, các Bộ môn/Khoa rà soát, cập nhật, chỉnh sửa bộ câu hỏi thi. Tuy nhiên, việc rà soát và đổi mới bộ đề thi chưa thực hiện thường xuyên. Số lượng môn học có ngân hàng câu hỏi được nghiệm thu và được sử dụng chính thức chưa nhiều. Học viện chưa sử dụng phần mềm Turitin để kiểm tra tỉ lệ sao chép đối với các bài tập lớn, báo cáo thực tập và khoá luận tốt nghiệp của sinh viên.

Trung tâm KT&ĐBCL bắt thăm ngẫu nhiên tối thiểu 02 đề thi để đảm bảo tính khách quan. Việc chấm thi của tất cả các bậc đào tạo đều tuân thủ theo quy định: Bài thi được rọc phách và do hai giảng viên chấm độc lập đảm bảo tính công

bằng, khách quan. Kế hoạch thi được xây dựng từ giữa kỳ học và công bố công khai. Trong trường hợp có nhiều lớp thi phải thi làm nhiều ca, thì đề thi của các ca thi là khác nhau. Công tác coi thi do cán bộ, giảng viên trong Học viện đảm nhiệm, có sự giám sát của Hội đồng. Để đảm bảo quyền lợi cho sinh viên, các Khoa nói riêng và Học viện nói chung có quy định về việc tổ chức xem xét lại bài thi cho sinh viên. Công tác quản lý điểm được tách thành 03 khâu độc lập: giảng viên chấm bài, vào điểm theo phách do Trung tâm KT&ĐBCL cung cấp; Trung tâm KT&ĐBCL tổ chức thi và rọc phách; Phòng QLĐT quản lý điểm [H1.05.03.03].

Để đảm bảo phương pháp đánh giá kết quả học tập được khách quan, hàng năm Khoa phối hợp với phòng Công tác chính trị sinh viên và phòng Quản lý đào tạo tổ chức khảo sát lấy ý kiến sinh viên chuyên ngành KHPT về việc đánh giá phương pháp và quy trình đánh giá kết quả học tập. Phiếu đánh giá ở 5 tiêu chí liên quan tới đánh giá kết quả học tập [H1.05.02.01], được đánh giá tương ứng với 5 cấp độ khác nhau bao gồm hoàn toàn đồng ý; không đồng ý; bình thường; đồng ý; hoàn toàn đồng ý. Sau khi có kết quả phiếu điều tra, Khoa phối hợp với phòng Quản lý đào tạo làm báo cáo phân tích tổng hợp về phương pháp và quy trình đánh giá kết quả học tập hàng năm. Kết quả khảo sát cho thấy: trên 75% sinh viên được hỏi trả lời từ mức bình thường đến đồng ý và hoàn toàn đồng ý giảng viên đã sử dụng phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học phù hợp, tương ứng với mức điểm "khá" và "tốt". Không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập [H1.05.02.01].

Các kết quả sai lệch điểm thi theo quy định được phát hiện thông qua việc chấm phúc khảo đều được điều chỉnh và được thông báo đến cho sinh viên theo quy định của Học viện [H1.05.01.01].

## **2. Điểm mạnh**

Công tác đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách

quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng chung.

### **3. Điểm tồn tại**

Tổ chức thi và kiểm tra chủ yếu là thi viết, hình thức thi vẫn đáp còn hạn chế. Việc rà soát và đổi mới bộ đề thi chưa thực hiện thường xuyên. Số lượng môn học có ngân hàng câu hỏi được nghiệm thu và được sử dụng chính thức chưa nhiều. Học viện chưa sử dụng phần mềm Turitin để kiểm tra tỉ lệ sao chép đối với các bài tập lớn, báo cáo thực tập và khoá luận tốt nghiệp của sinh viên.

### **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Khoa tiếp tục phát huy tính nghiêm túc, khách quan và đảm bảo chất lượng chuẩn đầu ra trong công tác đánh giá kết quả học tập ở những giai đoạn tiếp theo.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2020 - 2021, Khoa Kinh tế phối hợp với các Khoa chuyên ngành, Trung tâm KT&ĐBCL và Phòng QLĐT xây dựng phương thức thi điểm thi vẫn đáp cho một số học phần. Khoa có kế hoạch đôn đốc các giảng viên tham gia giảng dạy hoàn thành ngân hàng câu hỏi theo đúng tiến độ của Học viện đã đề ra và thường xuyên cập nhật câu hỏi kể từ học kỳ 2 năm học 2019 – 2020. Ngoài ra, chậm nhất đến năm 2021 Học viện phải sử dụng phần mềm Turitin để kiểm tra tỉ lệ sao chép đối với các bài tập lớn, báo cáo thực tập và khoá luận tốt nghiệp của sinh viên.

### **5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

***Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.***

#### **1. Mô tả**

Học viện Chính sách và Phát triển có những quy định rõ ràng trong việc công bố công khai KQĐG của người học, cụ thể tại Điều 26 – Tổ chức chấm thi, thông

báo kết quả thi học phần của Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 502/QĐ-HVCSPT ngày 8/8/2019 [**H1.02.01.06**] và Điều 20 - Tổ chức chấm thi, thông báo kết quả thi học phần trong Quyết định số 248/QĐ-HVCSPT ngày 02/06/2015 về Quy định kiểm tra – đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển [**H1.05.01.01**]. Học viện có phần mềm quản lý đào tạo hỗ trợ người học phản hồi kịp thời để cải thiện việc học tập tại địa chỉ trực tuyến <http://tinchi.apd.edu.vn> [**H1.01.03.06**].

Với điểm quá trình, giảng viên phải công bố điểm đánh giá quá trình trên lớp trước buổi học cuối cùng một tuần để sinh viên biết và thắc mắc (nếu có), đồng thời giúp sinh viên có thể kịp thời nỗ lực và điều chỉnh việc học tập trong kỳ thi kết thúc học phần để cải thiện kết quả chung của học phần. Bảng điểm quá trình sau đó được giảng viên nhập trên hệ thống quản lý điểm và công bố cho sinh viên cũng như Trung tâm KT&ĐBCL lập danh sách tham dự thi chậm nhất 7 ngày trước khi học phần đó bắt đầu thi [**H1.01.03.06**].

Đối với điểm thi học phần cuối học kỳ, các giảng viên của Bộ môn chấm thi và nhập điểm lên hệ thống quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy định kiểm tra – đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và phát triển ban hành theo quyết định số 248/QĐ-HVCSPT ngày 02/06/2015 của Giám đốc Học viện [**H1.05.01.01**]. Tất cả các bài thi đều thực hiện làm phách, chấm thi được tổ chức tập trung tại văn phòng Khoa, Bộ môn, mỗi bài thi đều có 2 cán bộ chấm thi do Trưởng khoa, bộ môn phân công chấm [**H1.05.01.01**]. Trong vòng 07 ngày làm việc (tương ứng số lượng dưới 200 bài thi), 10 ngày làm việc (tương ứng với số lượng lớn hơn 200 bài thi) kể từ ngày nhận bài thi, các Khoa/Bộ môn phải hoàn thành việc chấm thi, hồi phách, nhập điểm theo số phách lên hệ thống quản lý đào tạo tại địa chỉ: [www.qldt.apd.edu.vn](http://www.qldt.apd.edu.vn). Sau 01 tuần, Phòng QLĐT có trách nhiệm thông báo điểm thi học phần và điểm học phần tới các Khoa/Bộ môn giảng dạy, Khoa Quản lý sinh viên. Khoa Quản lý sinh viên có trách nhiệm thông báo tới sinh viên. Đồng thời,

điểm bài thi cuối kì sẽ được công bố tới sinh viên thông qua tài khoản cá nhân trên phần mềm Quản lý đào tạo tại địa chỉ <http://tinchi.apd.edu.vn> để sinh viên xem và kiểm tra điểm học phần một cách nhanh chóng, kịp thời và đúng quy định về thời gian. Tuy nhiên, việc công bố điểm quá trình và điểm cuối kỳ của một số học phần đôi khi còn chậm so với qui định do một số giảng viên đôi khi còn nhập điểm muộn.

Sau khi có thông báo về phúc khảo bài thi, SV có thể nộp đơn xin phúc khảo nếu chưa hài lòng với kết quả đánh giá về Trung tâm KT&ĐBCL. Kết quả phúc khảo sẽ được thông báo cho sinh viên trong vòng 2 tuần và cập nhật điểm số vào hệ thống (*nếu có thay đổi kết quả*) và thông báo trên website Học viện [**H1.01.03.06**]. Bài thi được lưu trữ đến hết khóa học.

Các quy định trên đều được công bố công khai đến từng giảng viên và sinh viên trong Sổ tay sinh viên, Sổ tay cố vấn học tập [**H1.01.03.06**], và trên mục văn bản nội bộ <http://apd.edu.vn/van-ban-noi-bo> với tên đăng nhập là [vbnb@gmail.com](mailto:vbnb@gmail.com) dành cho giảng viên đang nhập và trên thông báo công khai của Học viện [www.apd.edu.vn/thong-bao-can-bo-giang-vien](http://www.apd.edu.vn/thong-bao-can-bo-giang-vien).

Khoa nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phản hồi kịp thời kết quả đánh giá kết quả học tập của sinh viên, do đó đã xây dựng hệ thống quản lý đo lường đánh giá chặt chẽ, khoa học, khách quan, chính xác công bằng và phản hồi kịp thời tới người học để nâng cao chất lượng đào tạo. Các Bộ môn/Khoa đều họp tổng kết học kỳ để rút kinh nghiệm và đề ra phương hướng cho học kỳ mới. Trong các nội dung được thảo luận luôn có việc phân tích kết quả đánh giá, phản hồi của người học để có thể cải thiện việc giảng dạy và học tập trong thời gian tới. Nội dung phân tích và đánh giá được thể hiện thông qua biên bản họp Tổng kết cuối học kỳ của Bộ môn. Trong báo cáo tổng kết công tác đào tạo và phương hướng nhiệm vụ cho năm học tới hàng năm của Học viện, Khoa đều đánh giá chi tiết về kết quả học tập của sinh viên, từ đó xác định rõ những nguyên nhân hạn chế trong công tác đánh giá kết quả học tập người học đưa vào phương hướng xử lý các năm học tiếp theo [**H1.04.01.14**] [**H1.04.02.04**].



Thông qua phiếu khảo sát và báo cáo tổng hợp về mức độ hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập được khảo sát từ các sinh viên sau mỗi năm học đều cho thấy trên 90% sinh viên cảm thấy hài lòng, cụ thể: 41,5% hài lòng rất tốt và 50,8% hài lòng tốt về về cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập đúng thời gian quy định của Học viện [H1.05.02.01].

Ngoài ra, kết thúc mỗi học kỳ Khoa đều bố trí các buổi cố vấn học tập họp lớp, tổng kết hoạt động học tập, ghi nhận những đánh giá của người học về việc đánh giá kết quả học phần, thời gian công bố điểm. Thông qua kết quả học tập này cố vấn học tập sẽ cùng người học có định hướng tốt hơn trong xây dựng kế hoạch học tập. Các sinh viên có kết quả học tập chưa đạt hoặc đạt thấp có thể đăng kí học lại hoặc học cải thiện các học phần (đạt điểm C, D). Cố vấn học tập sẽ cử các sinh viên có điểm kết quả học tập cao giúp đỡ các sinh viên có kết quả học tập thấp theo nhóm. Sau khi họp lớp, Khoa cũng tổ chức buổi tiếp xúc đối thoại giữa sinh viên, cố vấn học tập với các đơn vị liên quan để ghi nhận thêm ý kiến [H1.05.04.01], [H1.04.02.04]. Mặc dù vậy, vẫn còn một số sinh viên tuy đã nhận kết quả học tập không tốt nhưng vẫn chưa tích cực học hỏi, tham gia nhóm, đổi mới phương pháp và kỷ luật học tập, dẫn đến kết quả học tập thấp kéo dài nhiều kỳ. Thêm nữa, Khoa cũng thu thập các ý kiến phản hồi của người học, cựu người học thông qua điều tra bảng hỏi khảo sát về đánh giá kết quả học tập hàng năm và được tổng hợp phân tích hàng năm [H1.05.02.01].

Tỷ lệ hài lòng của người học về việc công bố, phản hồi kết quả đánh giá thông qua sự phản hồi kết quả học tập của sinh viên, đánh giá tổng hợp hoạt động học tập được Trung tâm KT&ĐBCL theo dõi, cụ thể: Trên 40,13% hài lòng rất tốt và 52,26% hài lòng tốt về kết quả học tập được công bố công khai, đúng thời gian quy định [H1.05.02.01].

## **2. Điểm mạnh**

Học viện có đầy đủ các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học. Kết quả đánh giá được công bố công khai đến người học; được lưu trữ

đầy đủ, chính xác và an toàn giúp người học cải thiện việc học tập, điều chỉnh phương pháp học tập.

### **3. Điểm tồn tại**

Việc công bố điểm quá trình và điểm cuối kỳ của một số học phần đôi khi còn chậm so với qui định. Một số ít sinh viên khi đã nhận kết quả học tập, chưa tích cực chủ động đổi mới phương pháp học tập để cải thiện việc học tập của mình.

### **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Khoa tiếp tục phát huy tính công khai, minh bạch trong việc công bố mọi kết quả học tập đến người học và được lưu trữ đầy đủ dữ liệu học tập của sinh viên tại Khoa, sẵn sàng cung cấp thông tin về kết quả học tập đến sinh viên một cách nhanh chóng, kịp thời nhất khi sinh viên cũng như giáo viên chủ nhiệm có yêu cầu.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Từ năm học 2020 - 2021, Khoa tiếp tục đôn đốc, nhắc nhở các giảng viên thực hiện đúng quy định về việc công bố điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần đồng thời có các biện pháp trao đổi với sinh viên thông qua cố vấn học tập hoặc các buổi toạ đàm nhằm cải thiện việc học tập của sinh viên.

### **5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).**

***Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.***

#### **1. Mô tả**

Học viện có các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học được quy định rõ trong Quyết định số 150/QĐ-HVCSPT ngày 17/04/2015 về việc ban hành Quy trình tổ chức đánh giá, thủ tục khiếu nại/phúc khảo [H1.05.01.01]. Tại Điều 7 trong quy định này có Quy định rõ ràng về quy trình xin xem xét lại điểm học tập, trong đó có 4 bước để thực hiện việc hoàn thành thủ tục khiếu nại về kết quả học tập. sinh viên có quyền đề nghị chấm phúc tra kết quả thi

kết thúc môn học. Đơn đề nghị phúc tra kết quả thi (mẫu 07.QLĐT/XNBD) được gửi tới các Khoa chuyên ngành, trợ lý Khoa là người tiếp nhận, trợ lý Khoa trực 6 ngày trong tuần, mỗi ngày 8 tiếng tại văn phòng Khoa. Trường hợp thắc mắc về điểm thành phần của môn học thì đơn được chuyển về các bộ môn, thắc mắc về điểm thi học phần thì chuyển cho Trung tâm KT&ĐBCL, nếu thắc mắc về điểm tổng kết học phần thì chuyển về Phòng QLĐT. Tất cả các đề nghị chấm phúc tra đều phải đóng lệ phí 50 nghìn đồng/lần phúc tra. Thời gian chấm phúc tra không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của sinh viên. Sau khi chấm phúc tra, nếu điểm cao hơn hoặc thấp hơn trước từ 1 điểm trở lên thì Trưởng khoa phải đề nghị một cán bộ thứ 2 có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng phải được Trưởng khoa và Giám đốc Trung tâm KT&ĐBCL ký xác nhận và được công bố công khai trên website Học viện **[H1.01.03.06]**. Tuy nhiên, việc chấm và công bố điểm giữa kỳ cũng như điểm cuối kỳ, điểm phúc tra ở một số học phần cho sinh viên đôi khi còn chậm so với quy định, đặc biệt là đối với những môn học do giảng viên thỉnh giảng đảm nhận.

Đầu năm học Khoa phối hợp với Phòng CT&CTSV tổ chức các buổi sinh hoạt chính trị đầu năm cung cấp/ phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học **[H1.04.01.12]**. Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa hàng năm được ban hành với các nội dung cụ thể, được quy định rõ ràng nhiệm vụ của từng đơn vị đào tạo trong việc giới thiệu mọi quy chế, quy định cho sinh viên. Trong đó Trung tâm KT&ĐBCL chịu trách nhiệm phổ biến về quy trình khiếu nại về kết quả học tập. Ngoài ra, trong Sổ tay sinh viên **[H1.01.03.06]** quy định rõ tại Điều 32 về quy trình phúc tra kết quả học tập.

Đối với từng học phần cụ thể, giảng viên trong buổi học đầu tiên giới thiệu về hình thức đánh giá kết quả học tập môn học; cũng như đều phải công bố công khai các điểm thành phần trước khi kết thúc buổi học cuối, đồng thời hướng dẫn các hình thức khiếu nại, thắc mắc về điểm với giảng viên (nếu có), sau đó giảng viên sẽ nhập điểm lên hệ thống quản lý điểm và công bố cho sinh viên **[H1.02.01.05], [H1.01.03.06]**.

Trong báo Báo cáo sơ kết học kỳ và tổng kết năm học cấp Khoa về công tác

đào tạo và phương hướng nhiệm vụ cho năm học tiếp theo hàng năm đều có thống kê, đánh giá công tác khiếu nại kết quả học tập do Trung tâm KT&ĐBCL cung cấp [H1.05.05.01]. Hàng năm đều có kết quả đánh giá về kết quả học tập của sinh viên năm cuối thông qua phiếu khảo sát đánh giá về mức độ hài lòng trong việc giải quyết xem xét lại bài thi được giải quyết thỏa đáng, khách quan và đáng tin cậy. Kết quả được tổng hợp thông qua báo cáo kết quả khảo sát về phương pháp và quy trình đánh giá kết quả học tập hàng năm. Trong đó, theo thống kê của Trung tâm KT&ĐBCL, số sinh viên khiếu nại về kết quả học tập hàng năm đều dưới 2% so với tổng sinh viên của Khoa, không có trường hợp khiếu nại phàn nàn về việc giải quyết chậm đối với quy trình phản hồi kết quả khiếu nại về kết quả học tập [H1.05.02.01], [H1.05.05.01].

## **2. Điểm mạnh**

Quy trình về khiếu nại về kết quả học tập bao gồm thủ tục, trình tự và thời gian giải quyết được quy định rõ ràng, công khai. sinh viên được dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình. Học viện, Khoa và Bộ môn đảm bảo được quyền lợi chính đáng cho người học khi có bất kỳ thắc mắc về kết quả học tập.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc chấm và công bố điểm giữa kỳ cũng như điểm cuối kỳ, điểm phúc tra ở một số học phần cho sinh viên đôi khi còn chậm so với quy định.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Duy trì và cải thiện quy trình khiếu nại về kết quả học tập theo hướng thực hiện online hoàn toàn, thay vì chỉ đăng ký phúc khảo qua mạng và in phiếu đến nộp trực tiếp như hiện nay. Đơn vị thực hiện: Trung tâm KT&ĐBCL. Thời gian thực hiện: Từ năm học 2020-2021.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2020 - 2021, Khoa phối hợp với Trung tâm KT&ĐBCL và Phòng QLĐT đôn đốc giảng viên chấm và công bố kịp thời các kết quả đánh giá theo quy định của Học viện.

## **5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

### **KẾT LUẬN VỀ TIÊU CHUẨN 5:**

#### ***- Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:***

+ Có các quy định rõ ràng về hình thức, kế hoạch, tiêu chí đánh giá kết quả học tập theo các CDR của CTĐT và của từng học phần. Quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên được xây dựng bám sát theo các yêu cầu về CDR đối với kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của CTĐT, nhằm đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức của sinh viên theo các bậc thang biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá. Hệ thống các phương pháp đánh giá (câu hỏi trắc nghiệm, tự luận, thuyết trình, bài tập nhóm, chuyên đề thực tế, thực tập...) được thiết kế phù hợp để có khả năng đo lường mức độ đạt CDR.

+ Các quy định về đánh giá kết quả học tập đều rõ ràng và được công bố rõ ràng, khoa học và được thông báo công khai tới người học, rộng rãi cho các bên liên quan nhằm đạt chuẩn đầu ra. Việc tổ chức thi, đánh giá kết quả học tập thể hiện rõ quy định trong các đề cương chi tiết học phần.

+ Công tác đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng chung.

+ Học viện có đầy đủ các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học. Kết quả đánh giá được công bố công khai đến người học; được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn giúp người học cải thiện việc học tập, điều chỉnh phương pháp học tập.

+ Quy trình về khiếu nại về kết quả học tập bao gồm thủ tục, trình tự và thời gian giải quyết được quy định rõ ràng, công khai. sinh viên được dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình. Học viện, Khoa và Bộ môn đảm bảo được

quyền lợi chính đáng cho người học khi có bất kỳ thắc mắc về kết quả học tập.

**- Điểm tồn tại chủ yếu:**

+ Các quy trình, tài liệu hướng dẫn cụ thể về cách thức thiết kế phương pháp đánh giá phù hợp mức độ đạt được chuẩn đầu ra chưa cập nhật và rà soát thường xuyên. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo chuẩn đầu ra còn dựa nhiều vào việc kiểm tra khả năng tái hiện, tái tạo kiến thức, giải các bài tập trong lớp học hơn đánh giá kỹ năng và năng lực vận dụng vào thực tiễn của sinh viên.

+ Các quy định về đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập người học để đáp ứng với yêu cầu của người học cũng như đảm bảo tính cập nhật môn học chưa được triển khai rộng rãi và toàn diện, phụ thuộc chủ yếu vào tính chủ động của đội ngũ giảng viên của Khoa. Trong đánh giá điểm quá trình, trong một số học phần, một vài tiêu chí đánh giá đôi khi còn mang tính định tính.

+ Tổ chức thi và kiểm tra chủ yếu là thi viết, hình thức thi vấn đáp còn hạn chế. Việc rà soát và đổi mới bộ đề thi chưa thực hiện thường xuyên. Số lượng môn học có ngân hàng câu hỏi được nghiệm thu và được sử dụng chính thức chưa nhiều. Học viện chưa sử dụng phần mềm Turitin để kiểm tra tỉ lệ sao chép đối với các bài tập lớn, báo cáo thực tập và khoá luận tốt nghiệp của sinh viên.

+ Việc công bố điểm quá trình và điểm cuối kỳ của một số học phần đôi khi còn chậm so với qui định. Một số ít sinh viên khi đã nhận kết quả học tập, chưa tích cực chủ động đổi mới phương pháp học tập để cải thiện việc học tập của mình.

+ Việc chấm và công bố điểm giữa kỳ cũng như điểm cuối kỳ, điểm phúc tra ở một số học phần cho sinh viên đôi khi còn chậm so với quy định.

Học viện, Khoa Kinh tế, các Khoa quản lý chuyên ngành và các Phòng, Ban liên quan đã có những kế hoạch hành động nhằm phát huy các điểm mạnh và khắc phục những tồn tại này.

**- Tóm tắt mức đạt của các tiêu chí trong tiêu chuẩn:** Tiêu chuẩn 5 có 05 tiêu chí, trong đó có 04 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm và 01 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

## **TIÊU CHUẨN 6.**

### **ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN**

#### **Mở đầu**

Tổng số cán bộ, giảng viên của Học viện tính tại thời điểm 31/11/2019 là 124 người, trong đó có 78 giảng viên cơ hữu, chiếm tỷ lệ 61,3% tổng số cán bộ, giảng viên cơ hữu toàn Học viện. Cơ cấu gồm 04 người là Phó Giáo sư, 23 người là Tiến sĩ (không kể PGS), 54 người là Thạc sĩ. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên (không kể PGS) trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện là 22,3%. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện là 71,1%. Học viện chưa thành lập Hội đồng Học viện.

Đội ngũ giảng viên Học viện nói chung và các Khoa quản lý Ngành, Chuyên ngành nói riêng được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình nghiên cứu khoa học khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Việc tuyển dụng, sử dụng, đề bạt cán bộ thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, đạo đức nghề nghiệp và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của giảng viên. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của giảng viên tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

***Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

#### **1. Mô tả:**

Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên của Học viện được thể hiện trong Kế hoạch tuyển dụng và Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên.

Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên của Học viện được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện CS&PT giai đoạn 2011 – 2015, tầm nhìn 2020

và Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện CS&PT giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030, cũng như trong Đề án Vị trí việc làm năm 2014 của Học viện được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông qua ngày 19/2/2014 tại Quyết định số 189/QĐ-BKHĐT [**H1.01.01.03**], [**H1.06.01.03**]. Kế hoạch tuyển dụng cán bộ, giảng viên cũng như trong các Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện nêu trên đều chỉ rõ chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Học viện, nhấn mạnh tới nội dung ưu tiên tuyển dụng người có học vị tiến sĩ từ nước ngoài hoặc từ các trường đại học có uy tín để bổ sung cho đội ngũ giảng viên, có chính sách, chế độ đãi ngộ cán bộ giảng viên để thu hút nhân tài [**H1.01.01.03**]. Trong Đề án vị trí việc làm xác định rõ số lượng cán bộ, giảng viên cần tuyển dụng đáp ứng các yêu cầu và vị trí việc làm của toàn Học viện nói chung cũng như của các Khoa Chuyên ngành triển khai chương trình Ngành Kinh tế nói riêng tại phụ lục 6 về mô tả vị trí việc làm [**H1.06.01.03**]<sup>1</sup>.

Đồng thời, trong Quyết định công bố về “Sứ mạng, tầm nhìn của Học viện Chính sách và Phát triển” tại Quyết định số 766/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016, Học viện công bố sứ mạng, mục tiêu đó là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bậc đại học, thạc sĩ, tiến sĩ về chính sách công, kinh tế và quản lý, có tư duy năng động sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong nước và quốc tế hướng tới đáp ứng tối đa nguyện vọng của người học và nhu cầu xã hội. Về lĩnh vực NCKH, chuyển giao công nghệ, Học viện phấn đấu đến năm 2020 là Học viện theo định hướng nghiên cứu. Hoạt động phục vụ cộng đồng được thể hiện trong chủ trương của Học viện về hoạt động NCKH, công tác xã hội đó là đổi mới nội dung các đề tài thiết thực và tính ứng dụng cao đáp ứng nhu cầu xã hội điển hình với các đề tài như: Cơ sở khoa học và giải pháp chính sách đột phá phát triển kinh tế bền vững các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam; Đánh giá và kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả đối với một số chính sách phát triển do Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất đã được các cấp có thẩm quyền ban hành; Xác định phạm vi nợ công và trần nợ công an toàn của Việt Nam giai đoạn 2014-2020; Nghiên cứu cải cách thể chế kinh tế Việt Nam giai đoạn 2014-2020, tầm nhìn 2025 [**H1.04.01.04**].

---

<sup>1</sup> Nhu cầu phát triển đội ngũ giảng viên của Học viện Chính sách và Phát triển được thể hiện trong chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2011-2020 với các nội dung cụ thể: dự kiến đến năm 2020 số lượng giảng viên cơ hữu của Học viện là 150 người, số lượng cán bộ quản lý đến năm 2020 là 52 người [**H1.01.01.03**]



Hàng năm, dựa trên nhu cầu nhân sự phục vụ hoạt động đào tạo (được xác định dựa vào các môn học mà Khoa được phân công phụ trách [H1.06.01.01]), NCKH của Khoa, Học viện sẽ lập kế hoạch tuyển dụng viên chức phù hợp [H1.06.01.04]. Công tác quy hoạch nhằm tạo nguồn đội ngũ cán bộ quản lý được Học viện thực hiện định kỳ theo đúng yêu cầu của Bộ GD&ĐT [H1.06.01.02]. Trên cơ sở yêu cầu của CTĐT, nhu cầu đào tạo, Chiến lược phát triển Học viện, Học viện đã xây dựng kế hoạch trung hạn về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ giảng viên. Hàng năm Học viện cũng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho từng năm [H1.06.01.05]. Trong đó, Học viện có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng Tin học, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm... cho các giảng viên trong Học viện.

Căn cứ vào Kế hoạch tuyển dụng hàng năm, Học viện tiến hành tuyển dụng giảng viên theo đúng quy trình tuyển dụng tại Quyết định số 40/QĐ- HVCSPT ngày 19/3/2012 của Học viện về việc ban hành quy trình tạm thời về tuyển dụng lao động hợp đồng của Học viện Chính sách và Phát triển. Trong 5 năm, Ngành Kinh tế đã tuyển được 4 giảng viên có trình độ thạc sỹ và 2 giảng viên có trình độ tiến sỹ. Tuy nhiên, kênh thông tin tuyển dụng của Học viện vẫn còn hạn chế, chủ yếu là đăng tin tuyển dụng trên trang website của Học viện.

Hàng năm, Học viện xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dựa trên Kế hoạch trung hạn, đề xuất của các khoa về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên [H1.06.01.05]. Các giảng viên tham gia đào tạo bồi dưỡng được hưởng các chính sách theo quy định. Học viện đã tổ chức nhiều đợt tập huấn ngắn hạn cho giảng viên, cử và tạo điều kiện cho giảng viên được học tập nâng cao trình độ. Giai đoạn 2015-2019, Học viện đã cử 06 giảng viên giảng dạy ngành Kinh tế đi học nghiên cứu sinh. Học viện và các Khoa đã cử các giảng viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng như: bồi dưỡng giảng viên chính, Nghiệp vụ sư phạm, Tiếng Anh... và cử đi tham gia các hội nghị, hội thảo. Các giảng viên đi học được hỗ trợ học phí theo quy định [H1.06.01.06].

Như vậy, nhìn chung đội ngũ giảng viên giảng dạy cho Ngành Kinh tế được quy hoạch và tuyển dụng đáp ứng yêu cầu của Bộ GD&ĐT và nhu cầu đào tạo, NCKH của Học viện. Các giảng viên được tuyển dụng, bổ nhiệm, cử đi học đều

dựa trên đòi hỏi thực tế của Khoa và Học viện đáp ứng yêu cầu về phát triển số lượng và chất lượng của Học viện.

## **2. Điểm mạnh:**

Học viện luôn chú trọng đến quy hoạch đội ngũ giảng viên để đảm bảo chất lượng đào tạo của Học viện cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Công tác kế hoạch/quy hoạch cán bộ giảng viên được tiến hành bài bản cho các giai đoạn ngắn hạn và trung hạn nhằm chủ động về công tác cán bộ.

## **3. Điểm tồn tại:**

Chưa có nhiều kênh truyền thông về thông tin tuyển dụng giảng viên và nghiên cứu viên.

## **4. Kế hoạch hành động:**

- **Phát huy mặt mạnh:** Từ năm 2020, Học viện tiếp tục chú trọng, đẩy mạnh công tác quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ trong các giai đoạn khác nhau phục vụ chiến lược phát triển Học viện trong giai đoạn mới.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Từ năm học 2020 – 2021, Phòng TC-HC phối hợp Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông sử dụng đa dạng các kênh thông tin về tuyển dụng để lan toả các thông tin tuyển dụng đến nhiều các ứng viên, giúp Khoa quản lý Chuyên ngành và Ngành, giúp Học viện tuyển dụng được nhiều cán bộ, giảng viên có chất lượng tốt.

## **5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

***Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

### **1. Mô tả**

Tỷ lệ giảng viên/người học của chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu được nêu trong Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 và Thông tư số 02/2019/TT-BGDĐT ngày 28/02/2019 của Bộ GD&ĐT. Từ năm 2009 đến nay, thực hiện công tác 3 công khai đối với toàn xã hội theo quy định của Bộ Giáo dục

và Đào tạo, Học viện CS&PT hàng năm công bố tổng số giảng viên cơ hữu và tổng số sinh viên để các đơn vị chức năng và toàn xã hội giám sát. Tính đến ngày 31/12/2019, số lượng giảng viên của Ngành là 30 người (gồm cả giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng), số lượng giảng viên quy đổi là 39,4 người, 100% giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên trong đó có 43,3% có trình độ từ Tiến sĩ trở lên. Số lượng sinh viên ngành Kinh tế chính quy là 908 người. Như vậy, tỷ lệ sinh viên/giảng viên chính quy quy đổi của ngành Kinh tế là 23,05 [H1.06.02.01], [H1.06.02.02], [H1.06.02.03].

**Bảng 6.2.1: Tỷ lệ giảng viên/người học ngành Kinh tế  
giai đoạn 2014-2019**

Năm học	Tổng số giảng viên	Số giảng viên quy đổi	Tổng số người học	Tỷ lệ giảng viên quy đổi/ người học
2014-2015	23	22,0	547	24,9
2015-2016	22	23,4	586	25,0
2016-2017	26	29,4	694	23,6
2017-2018	28	33,4	812	24,3
2018-2019	30	39,4	908	23,0

(Nguồn: Phòng TC-HC, Học viện CS&PT)

Khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tại Học viện được quy đổi theo giờ chuẩn và đo lường được. Hiện nay, khối lượng công việc, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của giảng viên Học viện CS&PT được thực hiện theo các quy định của Pháp luật và quy chế đặc thù của Học viện. Cụ thể, khối lượng công việc của giảng viên và nghiên cứu viên được thực hiện theo Quy chế giảng viên và Quy định chế độ làm việc của Học viện Chính sách và Phát triển ban hành theo Quyết định số 331/QĐ-HVCSPT ngày 30/11/2012 [H1.06.01.04]. Tổng quỹ thời gian làm việc của giảng viên trong một năm học để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác trong Học viện là 1760 giờ, sau khi trừ đi số ngày nghỉ theo quy định. Giờ chuẩn giảng dạy là đơn vị thời gian quy đổi để thực hiện một công việc tương đương cho một tiết giảng trên lớp theo niên chế bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau tiết giảng. Định mức giờ chuẩn giảng dạy cho giảng viên Học viện trong một

năm học theo hình thức tín chỉ là 245 giờ chuẩn; trong đó giờ trực tiếp lên lớp chiếm ít nhất 50% định mức quy định. Định mức giờ NCKH của từng chức danh giảng viên được thực hiện trên cơ sở quy định tại Quyết định số 331/QĐ-HVCSPT ngày 30/11/2012 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.06.01.04]. Cụ thể như sau:

**Bảng 6.2.2: Định mức giờ nghiên cứu khoa học  
đối với giảng viên Học viện Chính sách và Phát triển**

<b>Chức danh</b>	<b>Giáo sư</b>	<b>Phó Giáo sư</b>	<b>Giảng viên chính</b>	<b>Giảng viên</b>
Định mức (giờ chuẩn)	700	600	600	500

(Nguồn: Phòng TC-HC)

Đối với giảng viên thuộc các khoa/ bộ môn có đặc điểm đặc thù, định mức giờ NCKH do Giám đốc Học viện xem xét quyết định trên cơ sở đề xuất của Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác. Việc quy đổi giờ chuẩn đối với các hoạt động đào tạo, giảng dạy của giảng viên Học viện được quy định tại Quy chế thu chi nội bộ của Học viện [H1.06.01.06].

Học viện đã ban hành tài liệu hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. Các giờ dạy, giờ nghiên cứu khoa học, giờ chuyên môn khác, các nhiệm vụ kiêm nhiệm, chức vụ được quy đổi thành giờ tiêu chuẩn. Các tài liệu này bao gồm Quy định làm việc tại Học viện (ban hành theo Quyết định số 331/QĐ-HVCSPT ngày 30/11/2012), Quy chế thu chi nội bộ (ban hành theo Quyết định số 959/ QĐ - HVCSPT ban hành ngày 28/12/2017), Quy chế giảng viên (ban hành theo Quyết định số 978/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018), [H1.06.01.06], [H1.06.01.04].

Học viện có quy định cụ thể về số giờ giảng/ khối lượng công việc tiêu chuẩn tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ giảng viên. Các giảng viên phải đảm nhiệm khối lượng tối thiểu về giảng dạy là 245 giờ/năm, về nghiên cứu khoa học từ 500 - 600 giờ/năm (chưa tính miễn giảm định mức cho giảng viên đi học, kiêm nhiệm và thai sản) [H1.06.01.04]. Kết quả giảng dạy, nghiên cứu khoa học là căn cứ hàng tháng để Hội đồng xét thu nhập tăng thêm và Hội đồng Thi đua khen thưởng của Học viện bình

xét thu nhập tăng thêm và xếp loại thi đua [H1.06.02.04], [H1.06.02.06].

Hàng năm, các giảng viên trong Khoa Kinh tế và các khoa quản lý chuyên ngành đào tạo thuộc ngành Kinh tế đều đảm bảo đủ định mức thực tế giờ giảng dạy và NCKH thông qua thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành và hội thảo quốc gia, quốc tế [H1.06.02.05].

**Bảng 6.2.3. Khối lượng giờ dạy và giờ nghiên cứu khoa học bình quân/1giảng viên/ năm của Giảng viên Ngành Kinh tế**

(Đơn vị: Giờ)

TT	Tiêu chí	Năm học			
		2015 - 2016	2016 - 2017	2017- 2018	2018- 2019
1	Khối lượng giờ dạy bình quân/1giảng viên/ năm	208	229	206	295
2	Khối lượng giờ nghiên cứu khoa học bình quân/1giảng viên/ năm	215,9	555,9	801	1038

(Nguồn: Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác)

Như vậy qua bảng trên có thể thấy, giai đoạn 2015 - 2019, 100% giảng viên đảm bảo định mức giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Về cơ bản, giảng viên tham gia giảng dạy ngành Kinh tế đã tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, đảm bảo đủ định mức yêu cầu, chất lượng nghiên cứu khoa học có xu hướng tăng.

Học viện có quy định cụ thể về khối lượng công việc đối với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên làm căn cứ giám sát, trên cơ sở đó cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Các quy định này thể hiện trong Quy chế thu nhập tăng thêm của Học viện ban hành ngày 17/5/2017 theo Quyết định số 281/QĐ-HVCSPT [H1.06.02.04]. Theo Quy chế này, việc đánh giá, xếp loại giảng viên được quyết định căn cứ vào ba nhóm tiêu chí chính: (i) Căn cứ theo biên bản bình xét của Khoa/ Bộ môn (trưởng Khoa/ Bộ môn căn cứ vào kết quả, chất lượng, khối lượng công việc; số liệu chấm công của cán bộ, viên chức thuộc phạm vi quản lý để đánh giá, xếp loại); (ii) Căn cứ vào số liệu chấm công từ máy chấm công theo lịch giảng; (iii) Căn cứ vào báo cáo kết quả kiểm tra đột xuất của các

phòng ban chức năng.

Vào cuối mỗi năm học, các giảng viên Khoa Kinh tế và các khoa quản lý chuyên ngành thuộc ngành: KTPT, Chính sách công đều thực hiện việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và thông qua kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đầu năm học. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình và có sự đánh giá chung của lãnh đạo Khoa [H1.06.02.07]. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh quy định trong các quy chế về giảng viên về nghiên cứu khoa học, căn cứ nhiệm vụ được giao của các Khoa quản lý chuyên ngành, Ngành, cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, lãnh đạo Khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp Học viện đánh giá, bình xét xếp loại thi đua [H1.06.02.07], đồng thời việc đánh giá giảng viên còn thực hiện theo đánh giá của sinh viên trong năm học [H1.02.02.05].

## **2. Điểm mạnh**

Học viện có các quy định cụ thể về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên với các tiêu chí đánh giá rõ ràng và minh bạch. Các Khoa quản lý Ngành và Chuyên ngành có đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng để giảng dạy cho sinh viên ngành Kinh tế và sinh viên thuộc các ngành khác trong Học viện.

## **3. Điểm tồn tại:**

Các quy định về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên cũng như quy định về quy đổi khối lượng công việc tiêu chuẩn nằm ở nhiều văn bản khác nhau.

## **4. Kế hoạch hành động:**

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm 2020, Khoa Kinh tế, các Khoa quản lý chuyên ngành phối hợp với Phòng TC-HC tiếp tục rà soát, đề xuất với Ban Giám đốc Học viện đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực, chính sách khuyến khích NCKH.

- **Khắc phục tồn tại:** Từ năm học 2020-2021, Phòng TC-HC phối hợp với các đơn vị thuộc Học viện xây dựng một văn bản chung thống nhất quy định về khối lượng giờ giảng, giờ NCKH và cách thức quy đổi.

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.**

### **1. Mô tả**

Học viện có các văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (tiêu chí về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu, đóng góp cho cộng đồng...). Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên cho từng hạng giảng viên được quy định rõ ràng trong Quy chế giảng viên bao gồm tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ [**H1.06.01.04**]. Đề án Vị trí việc làm của Học viện ban hành ngày 19/2/2014 đã quy định cụ thể về các tiêu chí đối với giảng viên cần đạt được. Cụ thể: Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (Trình độ thạc sĩ trở lên từ các ngành: Kinh tế học, Kinh tế phát triển, Kinh tế lượng, Kinh tế đầu tư, Quản lý phát triển, Thống kê kinh tế); Tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ (năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực phù hợp, năng lực truyền đạt, năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực nâng cao trình độ); tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp và các tiêu chuẩn khác theo Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ [**H1.06.01.03**]. Tuy nhiên, một số tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ vẫn còn chung chung.

Trên cơ sở quy định về tiêu chí ở trên, trong giai đoạn 2015 - 2019, các Khoa Kinh tế và các khoa quản lý chuyên ngành đã được tuyển dụng 1 lần, các tiêu chí tuyển dụng được xây dựng trên cơ sở đề án được cụ thể hoá. Năm 2015 tiêu chí về thạc sĩ không đòi hỏi 1 năm kinh nghiệm giảng dạy. Năm 2018, với giảng viên ngành Kinh tế được quy định cụ thể hơn:

- Có trình độ từ Thạc sĩ trở lên (ưu tiên Tiến sĩ)
- Có năng lực giảng dạy, truyền đạt
- Có trình độ Ngoại ngữ phục vụ chuyên môn (ưu tiên ứng viên có khả năng tiếng Anh IELTS 6.0 trở lên hoặc tốt nghiệp từ các trường với ngôn ngữ đào tạo là tiếng Anh)
- Có kỹ năng tin học phù hợp với yêu cầu của công việc và của ngành.

- Có sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp.

Học viện đã ban hành Quyết định quy định chế độ làm việc ngày 30/11/2012 trong đó quy định rõ các tiêu chuẩn bổ nhiệm, miễn nhiệm cho các đối tượng lãnh đạo [H1.06.01.04]. Ngày 28/12/2018 Học viện ban hành quy chế đối với giảng viên Học viện CS&PT. Quy chế này đã cập nhật về các tiêu chuẩn nghề nghiệp để bổ nhiệm các vị trí cho giảng viên của Học viện đảm bảo đúng quy định của Bộ Nội vụ, Bộ GD&ĐT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư [H1.06.01.04].

Vào tháng 9 hàng năm, Phòng Tổ chức - Hành chính có thông báo tới các đơn vị về đánh giá năng lực của giảng viên, với nội dung bao gồm các tiêu chí trong đó có 8 tiêu chí về biên soạn bài giảng, giáo án, giáo trình, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đạo đức nhà giáo, trình độ chuyên môn, tự học, NCKH. Các tiêu chí này được xây dựng phản ánh từng vị trí theo Đề án vị trí việc làm [H1.06.01.03]. Từ năm 2018 để bắt kịp xu thế, Học viện ban hành Quy chế giảng viên trong đó ghi rõ tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho từng hạng giảng viên [H1.06.01.04].

Quy chế giảng viên và Đề án vị trí việc làm được các cán bộ, giảng viên góp ý công khai thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản [H1.06.03.01]. Quy chế giảng viên được công khai trên website Học viện, được gửi tới các Khoa để các Khoa quán triệt trong toàn đơn vị.

## **2. Điểm mạnh:**

Với những tiêu chuẩn rõ ràng, Học viện đã chuẩn hóa đội ngũ giảng viên đảm bảo chuyên môn và năng lực giảng dạy. Các hình thức đánh giá năng lực của giảng viên đa dạng, khách quan và được công bố công khai. Trước năm 2018 tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên còn chung chung, từ năm 2018 trở lại đây đã có tiêu chuẩn cụ thể cho từng hạng giảng viên.

## **3. Điểm tồn tại:**

Một số tiêu chuẩn chuyên môn trong Đề án Vị trí việc làm còn chưa cụ thể.

## **4. Kế hoạch hành động:**

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm 2020, Phòng TC-HC tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn tuyển dụng để lựa chọn được những giảng viên phù hợp, đáp ứng yêu cầu công việc.



- **Khắc phục điểm tồn tại:** Từ năm học 2020-2021, Phòng TC-HC xây dựng mới Đề án vị trí việc làm theo hướng cụ thể hóa các tiêu chuẩn đối với giảng viên.

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.**

### **1. Mô tả**

Học viện có các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của giảng viên. Trong Quy chế giảng viên có quy định rõ về năng lực chuyên môn và năng lực nghiệp vụ (sư phạm) của giảng viên. Các tiêu chí này được quy định riêng cho từng hạng giảng viên [**H1.06.01.04**]. Ví dụ: đối với giảng viên hạng II quy định rõ: a) Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy; b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giảng dạy cao đẳng, đại học cho giảng viên; c) Có chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II); d) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1), đ) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; e) chủ trì thực hiện ít nhất 01 (một) đề tài NCKH cấp cơ sở hoặc cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên; f) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo được sử dụng trong giảng dạy, đào tạo; g) Có ít nhất 03 (ba) bài báo khoa học đã được công bố... [**H1.06.01.04**].

Ngoài ra, Đề án Vị trí việc làm cũng quy định về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn của giảng viên cụ thể như sau: a) Xây dựng chương trình giảng dạy ở cấp độ môn học (viết một chương trình môn học/ học phần); b) Có các năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực phù hợp với chuyên môn của mình (giảng dạy bằng tình huống, thảo luận nhóm, khám phá, mô phỏng, dự án...) ; c) Năng lực truyền đạt (viết bài giảng và tài liệu học tập, trình bày, đặt câu hỏi, lắng nghe và phản hồi); d) Năng lực tham gia NCKH; e) Năng lực học tập nâng cao trình độ và phát triển bản thân. Tuy nhiên, một số tiêu chí trong các tiêu chuẩn còn chưa cụ thể dẫn tới một số khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai đánh giá xếp loại [**H1.06.01.03**].

Học viện có các văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá các năng lực của giảng viên, nghiên cứu viên đảm bảo việc đánh giá chính xác góp phần cải thiện và nâng cao năng lực của giảng viên [H1.06.04.01]. Đánh giá giảng viên được Học viện thực hiện hàng năm theo đúng quy định về đánh giá cán bộ, giảng viên của Học viện một cách công bằng và khách quan. Cuối mỗi năm học, dựa trên kết quả thực hiện các nhiệm vụ giảng viên, các giảng viên sẽ tiến hành đánh giá năng lực giảng viên, xếp hạng giảng viên. Việc đánh giá năng lực giảng viên thực hiện theo đúng quy trình từ các nhân tự đánh giá đến đơn vị đánh giá. Ngoài ra, mỗi giảng viên viết báo cáo đánh giá kết quả công tác cá nhân về giảng dạy, sáng kiến, bồi dưỡng rèn luyện để Khoa đánh giá theo 04 mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Sau đó, kết quả đánh giá này được tiếp tục đánh giá ở cấp Học viện [H1.06.02.06], [H1.06.02.07].

Năng lực của giảng viên còn được thể hiện thông qua đánh giá của sinh viên sau mỗi học kỳ [H1.06.04.02].

Trên cơ sở quy trình và quy định về đánh giá năng lực hàng năm của giảng viên, việc đánh giá giảng viên được thực hiện từ nhiều phía, bao gồm tự đánh giá, đánh giá của người học (thực hiện vào kỳ học kế tiếp), và đánh giá của đơn vị (thực hiện vào cuối năm học). Kết quả cho thấy, 100% giảng viên tham gia giảng dạy ngành Kinh tế đều đáp ứng tốt các yêu cầu cho giảng dạy và nghiên cứu khoa học [H1.06.04.02]. Các Khoa quản lý Ngành và Chuyên ngành cũng triển khai công tác dự giờ giảng viên theo đúng kế hoạch [H1.06.04.03].

Năng lực đội ngũ cán bộ giảng dạy của Học viện được xác định rõ ràng, nhất quán. Khoa và Học viện thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, giảng viên không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

## **2. Điểm mạnh:**

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng và đánh giá theo đúng quy trình và đảm bảo tính chính xác, khách quan. Khoa và Học viện thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

### **3. Điểm tồn tại:**

Trong Đề án Vị trí việc làm vẫn còn một số tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên, nghiên cứu viên còn chưa cụ thể.

### **4. Kế hoạch hành động:**

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong năm học 2020 – 2021, Phòng TC-HC kết hợp với Trung tâm KT&ĐBCL nghiên cứu, đề xuất phương án đánh giá năng lực giảng viên theo từng kỳ học.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong năm học 2020-2021, Phòng TC-HC chủ trì kết hợp với Khoa rà soát, điều chỉnh tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên trong Đề án vị trí việc làm 2014.

### **5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

***Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.***

#### **1. Mô tả**

Hàng năm, trên cơ sở quy định của Học viện, các Khoa quản lý ngành và chuyên ngành đều tiến hành tổng hợp nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng, sau đó nộp về Phòng TC-HC tổng hợp và ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên hàng năm. Bên cạnh đó, Học viện là một đơn vị trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư nên hàng năm Học viện nhận được các văn bản về khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. **[H1.06.05.01]**.

Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm, 5 năm và trong dài hạn được Khoa xây dựng, đề xuất. Học viện, trên cơ sở định hướng phát triển, đã xây dựng kế hoạch trung hạn về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ giảng viên **[H1.06.05.01]**. Hầu hết các giảng viên được tuyển dụng vào Học viện nói chung và Khoa KTPT nói riêng đều là những người có nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nâng cao năng lực giảng dạy và NCKH. Điều này phù hợp với quy định của Nhà nước về việc phải có trình độ thạc sỹ trở lên khi giảng dạy đại học và phải có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm. Tính đến nay, 100% giảng viên tham

gia giảng dạy có trình độ thạc sỹ trở lên, 100% có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giáo dục đại học **[H1.06.05.01]**.

Các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên của Học viện được xây dựng trên yêu cầu của CTĐT, phù hợp với kế hoạch, chiến lược phát triển của Học viện và được triển khai thực hiện. Nhằm từng bước xây dựng đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục Đại học và Điều lệ trường Đại học nên Học viện đã ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên giai đoạn 2015-2020 **[H1.06.05.01]**. Các giảng viên trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được giảm 100% khối lượng công việc, được hưởng 40% mức lương hiện hưởng và được đóng bảo hiểm xã hội; trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước được giảm 20% khối lượng công việc **[H1.06.01.06]**.

Học viện đã tổ chức nhiều đợt tập huấn ngắn hạn cho giảng viên, cử và tạo điều kiện cho giảng viên được học tập nâng cao trình độ. Giai đoạn 2014-2019, Ngành Kinh tế có 06 giảng viên đi học nghiên cứu sinh, đạt mục tiêu năm 2019 có 100% giảng viên tham gia giảng dạy ngành Kinh tế có trình độ thạc sỹ trở lên, thực hiện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thông qua các lớp bồi dưỡng chức danh giảng viên chính, bồi dưỡng ngoại ngữ, Tin học,... và cử đi tham gia các hội nghị, hội thảo. Các giảng viên đi học được hỗ trợ học phí theo quy định **[H1.06.01.06]** **[H1.06.05.02]**.

Học viện đặc biệt khuyến khích cán bộ đi học tập, nâng cao trình độ ở nước ngoài với các chương trình học bổng nước ngoài, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài được thông báo công khai và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ giảng viên trẻ tham gia. Trong giai đoạn 2014 – 2019, Ngành Kinh tế có 02 giảng viên được cử đi tham gia khoá đào tạo ngắn hạn tại Trung Quốc, 01 giảng viên được cử đi tham dự hội thảo quốc tế ở Malaysia nhằm nâng cao năng lực cán bộ, giảng viên trong Học viện. **[H1.06.05.04]**

Hàng năm, Khoa đều tổng kết về công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên. Trong giai đoạn 2014-2019, các giảng viên đều tham gia ít nhất 01 khóa học đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn trong năm. Các

giảng viên đều hài lòng với chất lượng của các khóa học do Học viện và Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ Kinh tế - Kế hoạch của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức. Tuy nhiên, các giảng viên có ý kiến về việc nhiều khóa học được tổ chức trùng với lịch giảng hoặc lịch thi học kỳ nên giảng viên khó tham dự [H1.06.05.03].

## **2. Điểm mạnh:**

Quá trình xác định nhu cầu đào tạo của đội ngũ giảng viên đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Khoa và Học viện luôn cập nhật nhu cầu đào tạo của cán bộ giảng viên theo yêu cầu của chương trình đào tạo và tạo điều kiện để đi học tập, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn.

## **3. Điểm tồn tại:**

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng chưa hoàn toàn phù hợp với lịch giảng dạy của giảng viên.

## **4. Kế hoạch hành động:**

- **Phát huy điểm mạnh:** Từ năm 2020 khoa Kinh tế, phối hợp với các Khoa, Bộ môn, Phòng TC-HC tổ chức lấy ý kiến đánh giá của giảng viên sau mỗi khóa học nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo.

- **Khắc phục tồn tại:** Từ năm 2020, Phòng TC-HC phối hợp các đơn vị chức năng và Khoa sắp xếp, tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng vào thời gian thích hợp với giảng viên (nghỉ hè, tuần dự trữ).

## **5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

***Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

### **1. Mô tả**

Tất cả giảng viên có kế hoạch công tác cụ thể theo năm học, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH. Vào đầu năm học, tất cả các giảng viên trong Khoa đều đăng ký kế hoạch công tác năm, chỉ rõ các nhiệm vụ cần hoàn thành trong năm như: giảng dạy các bậc đại học, chất lượng cao; NCKH (viết giáo trình, tài liệu, bài báo, tạp chí, hội thảo...); hướng dẫn

NCKH sinh viên, công tác cố vấn học tập, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng [H1.06.06.03].

Hàng tháng, Khoa đều tiến hành họp và đánh giá kết quả công việc của giảng viên trong tháng. Các cuộc họp đều có đầy đủ các thành viên của Khoa tham dự và các kết quả đánh giá đều có sự thống nhất của các thành viên. Dựa trên kết quả đánh giá của Khoa, Hội đồng xét thu nhập tăng thêm của Học viện đánh giá và công nhận kết quả phân loại theo tháng (xếp loại A, B, C, D) để làm cơ sở chi trả thu nhập tăng thêm cho giảng viên [H1.06.06.02]. Tuy nhiên, hiện nay tiêu chí đánh giá phân loại theo tháng đối với giảng viên và nhân viên của Khoa cũng như của Học viện nói chung hầu như chỉ dựa trên việc điểm danh bằng vân tay. Do đặc thù công việc chủ yếu là nghiên cứu và các công việc chuyên môn khác, các tiêu chí hoàn thành công việc được giao chưa thực sự để sử dụng trong đánh giá công việc.

Cuối mỗi năm học, các giảng viên đều phải thực hiện kê khai kết quả cụ thể khối lượng công việc đã thực hiện bao gồm giờ giảng dạy, giờ hướng dẫn thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, luận văn cao học, giờ trông thi, chấm thi, ra đề thi, giờ NCKH và các hoạt động chuyên môn khác cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng như tham gia hỗ trợ trong kỳ thi tuyển sinh tại các địa phương, thực hiện các dự án tư vấn doanh nghiệp... Sau đó Lãnh đạo Khoa, Phòng QLĐT, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác và Phòng Kế hoạch - Tài chính rà soát lại làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành công việc của giảng viên, và tính thừa giờ và công khai trên website Học viện hoặc đăng ở bản tin của Học viện [H1.06.06.01], [H1.06.02.07]. Mức độ hoàn thành công việc của giảng viên là cơ sở để đánh giá phân loại viên chức và xét các danh hiệu thi đua, và hình thức thi đua khen thưởng tại Học viện [H1.06.02.07].

Giảng viên các Khoa quản lý Ngành Kinh tế hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Học viện và các cấp có thẩm quyền. Tính đến thời điểm hiện nay không có đơn từ khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các giảng viên và các giảng viên đều đánh giá việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên là tốt (với tỷ lệ 37% giảng viên hoàn toàn đồng ý và 63% giảng viên đồng ý)

[H1.06.03.01], [H1.04.01.10] [H1.05.02.01].

## 2. Điểm mạnh

Học viện có quy định cụ thể, rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho giảng viên không chỉ giúp tạo ra động lực cho giảng viên trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được tốt.

## 3. Điểm tồn tại

Một số tiêu chí còn khó đo lường trong đánh giá thực tế công việc.

## 4. Kế hoạch hành động:

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong năm học 2020 – 2021, Học viện rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng, đãi ngộ nhằm khuyến khích giảng viên nỗ lực trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong năm học 2020 - 2021, Phòng TC-HC hoàn thiện các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc chi tiết và định lượng hơn (sử dụng KPI).

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

### 1. Mô tả

Học viện có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH mà giảng viên phải thực hiện. Các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trong Học viện và các Khoa triển khai Ngành Kinh tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước và quyết định số 161/2012/QĐ-KHCN và Quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện ban hành theo Quyết định số 655/ QĐ-HVCSPT ngày 05/11/2015; Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ban hành theo Quyết định số 514/QĐ-HVCSPT ngày 19/10/2015; Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ban hành theo Quyết định số 470/QĐ-HVCSPT ngày 30/07/2018; Quy chế giảng viên ban hành sửa đổi theo Quyết định số 978/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2018. [H1.06.07.01] [H1.06.01.04].

Các quy định trên chỉ rõ định mức về giờ NCKH, các loại hình hoạt động

NCKH mà mỗi giảng viên phải đảm nhiệm tùy vào trình độ học vấn. Tại điều 6 Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ban hành theo Quyết định số 470/QĐ-HVCSPT ngày 30/07/2018 quy định rõ: Đối với các giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp, giảng viên chính và các giảng viên có học vị tiến sỹ: 1) Hàng năm phải thực hiện được ít nhất 1 trong ba nhiệm vụ đó là: chủ nhiệm 01 đề tài/đề án khoa học từ cấp cơ sở (hoặc tương đương) trở lên; hoặc là có ít nhất 01 công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận xếp điểm đạt từ 0.5 trở lên; hoặc là tác giả chính thực hiện các đề án/bài viết phục vụ tham mưu cho Chính phủ hoặc lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư được Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện thông qua; 2) Trong thời gian đến 02 năm tối thiểu phải có 01 công trình cứu khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận xếp điểm đạt từ 0.75 trở lên. Đối với các giảng viên có trình độ thạc sỹ: 1) Hàng năm tối thiểu phải thực hiện được 1 trong hai nhiệm vụ đó là: tham gia 01 đề tài cấp cơ sở hoặc tương đương trở lên; có ít nhất 01 công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận xếp điểm đạt từ 0.25 trở lên; 2) Trong thời gian đến 02 năm tối thiểu phải là chủ nhiệm 01 đề tài/đề án khoa học từ cấp cơ sở (hoặc tương đương) trở lên (Đề tài được nghiệm thu); 3) Trong thời gian đến 02 năm tối thiểu phải có 01 công trình nghiên cứu khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước được Hội đồng Chức danh giáo sư Nhà nước công nhận xếp điểm đạt từ 0,5 trở lên. Tại điều 11 của Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ban hành theo Quyết định số 470/QĐ-HVCSPT ngày 30/07/2018 quy định rõ định mức giờ chuẩn NCKH của giảng viên như sau:

<b>Chức danh</b>	<b>Giáo sư, Giảng viên cao cấp</b>	<b>Phó Giáo sư, Giảng viên chính</b>	<b>Giảng viên</b>
Định mức giờ NCKH (giờ chuẩn NCKH)	700	600	500

Cuối mỗi năm học, các Khoa đều rà soát kết quả hoạt động NCKH của giảng viên, lập báo cáo tổng hợp về hoạt động NCKH của giảng viên trong khoa, có sự



đôi sánh kết quả qua các năm và với các khoa khác trong Học viện [H1.04.01.04]. Trên cơ sở đó, Khoa đề xuất với Học viện các biện pháp để thúc đẩy hoạt động NCKH của giảng viên. Các công trình nghiên cứu của các giảng viên trong khoa được ứng dụng vào giảng dạy các môn học và việc học tập của sinh viên như Giáo trình *Phân tích và Dự báo Kinh tế vĩ mô*, sách chuyên khảo *Chất lượng tăng trưởng công nghiệp thành phố Hà Nội - Rào cản và gợi ý chính sách* – NXB Dân Trí Hà Nội 2018; sách chuyên khảo *“Cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng ở Việt Nam”* – NXB Dân Trí Hà Nội 2019; sách chuyên khảo *“Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và làn sóng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam”* – NXB Dân Trí Hà Nội 2019... [H1.04.01.04].

Có sự thay đổi về số lượng, chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên sau mỗi lần đôi sánh. Trong giai đoạn 2014 – 2019, hoạt động nghiên cứu khoa học đã đa dạng hơn, bao gồm viết bài cho các tạp chí chuyên ngành có uy tín, tham dự hội thảo khoa học cấp quốc gia và quốc tế [H1.04.01.04]. Số lượng các bài viết cho tạp chí chuyên ngành, hội thảo có xu hướng ngày càng tăng.

**Bảng 6.7.1. Thống kê về hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Ngành Kinh tế giai đoạn 2014 – 2019**

TT	Phân loại	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Tổng
<b>A.</b>	<b>Đề tài nghiên cứu khoa học</b>						
1	Đề tài cấp NN	0	0	0	0	2	<b>2</b>
2	Đề tài cấp Bộ	2	0	2	5	1	<b>10</b>
3	Đề tài cấp cơ sở	4	3	1	3	2	<b>13</b>
<b>B.</b>	<b>Số bài đăng trên Tạp chí khoa học</b>						
1	Tạp chí khoa học quốc tế	3	3	2	2	5	<b>15</b>
2	Tạp chí khoa học	3	0	0	2	8	<b>13</b>
<b>C.</b>	<b>Số bài đăng tại Hội thảo khoa học</b>						
1	Hội thảo quốc tế	3	1	1	0	1	<b>6</b>
2	Hội thảo trong nước	1	0	0	2	3	<b>6</b>
3	Hội thảo cấp Học viện	3	0	0	0	0	<b>3</b>
<b>D.</b>	<b>Số đầu mục sách, giáo trình xuất bản</b>	0	2	2	2	1	<b>7</b>

(Nguồn: Phòng Quản lý Khoa học và hợp tác)

Tuy nhiên, hoạt động NCKH chủ yếu tập trung vào các giảng viên lớn tuổi,

có kinh nghiệm nghiên cứu nhiều năm. Các giảng viên trẻ còn chưa tích cực tham gia [H1.06.07.02].

## **2. Điểm mạnh**

Đội ngũ giảng viên ngành Kinh tế nói chung tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, viết các bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, bài báo khoa học trong các hội thảo trong nước và quốc tế, xuất bản giáo trình sách chuyên khảo.

## **3. Điểm tồn tại**

Hoạt động NCKH của giảng viên Ngành Kinh tế còn tập trung vào một số giảng viên lớn tuổi, có kinh nghiệm nghiên cứu.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- *Phát huy điểm mạnh*: Trong năm 2020 – 2021, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác phối hợp với Phòng TC-HC tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng, đãi ngộ nhằm khuyến khích giảng viên nỗ lực nghiên cứu khoa học.

- *Khắc phục điểm tồn tại*: Trong năm học 2020 – 2021, các Khoa triển khai Ngành Kinh tế giao các giảng viên có kinh nghiệm nghiên cứu hướng dẫn các giảng viên trẻ thực hiện viết và đăng bài trên các báo, tạp chí khoa học.

## **5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 6:**

#### **- Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:**

+ Học viện luôn chú trọng đến quy hoạch đội ngũ giảng viên để đảm bảo chất lượng đào tạo của Học viện cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Công tác kế hoạch/quy hoạch cán bộ giảng viên được tiến hành bài bản cho các giai đoạn ngắn hạn và trung hạn nhằm chủ động về công tác cán bộ.

+ Học viện có các quy định cụ thể về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên với các tiêu chí đánh giá rõ ràng và minh bạch. Khoa có đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng để giảng dạy cho sinh viên ngành Kinh tế và sinh viên thuộc các ngành khác trong Học viện.

+ Với những tiêu chuẩn rõ ràng, Học viện đã chuẩn hóa đội ngũ giảng viên đảm bảo chuyên môn và năng lực giảng dạy. Các hình thức đánh giá năng lực của

giảng viên đa dạng, khách quan và được công bố công khai. Trước năm 2018 tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên còn chung chung, từ năm 2018 trở lại đây đã có tiêu chuẩn cụ thể cho từng hạng giảng viên.

+ Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng và đánh giá theo đúng quy trình và đảm bảo tính chính xác, khách quan. Khoa và Học viện thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

+ Quá trình xác định nhu cầu đào tạo của đội ngũ giảng viên đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Khoa và Học viện luôn cập nhật nhu cầu đào tạo của cán bộ giảng viên theo yêu cầu của chương trình đào tạo và tạo điều kiện để đi học tập, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn.

+ Học viện có quy định cụ thể, rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho giảng viên không chỉ giúp tạo ra động lực cho giảng viên trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được tốt.

+ Đội ngũ giảng viên ngành Kinh tế tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, viết các bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, bài báo khoa học trong các hội thảo trong nước và quốc tế, xuất bản giáo trình sách chuyên khảo.

**- Điểm tồn tại chủ yếu của tiêu chuẩn:**

+ Chưa có nhiều kênh truyền thông về thông tin tuyển dụng giảng viên và nghiên cứu viên.

+ Các quy định về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên cũng như quy định về quy đổi khối lượng công việc tiêu chuẩn nằm ở nhiều văn bản khác nhau.

+ Một số tiêu chuẩn chuyên môn trong Đề án Vị trí việc làm còn chưa cụ thể.

+ Trong Đề án Vị trí việc làm vẫn còn một số tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên, nghiên cứu viên còn chưa cụ thể.

+ Thời gian đào tạo, bồi dưỡng chưa hoàn toàn phù hợp với lịch giảng dạy của giảng viên.

+ Một số tiêu chí còn khó đo lường trong đánh giá thực tế công việc.

+ Hoạt động NCKH của giảng viên Ngành Kinh tế còn tập trung vào một số giảng viên lớn tuổi, có kinh nghiệm nghiên cứu.

Học viện, các Khoa đã có những kế hoạch hành động nhằm phát huy các điểm mạnh và khắc phục những tồn tại này.

- **Tóm tắt mức đạt của các tiêu chí trong tiêu chuẩn:** Tiêu chuẩn 6 có 07 tiêu chí, trong đó cả 07 tiêu chí đều đạt mức 5/7 điểm.

## **TIÊU CHUẨN 7.**

### **ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN**

#### **Mở đầu**

Chất lượng CTĐT phần lớn phụ thuộc vào đội ngũ giảng viên, tuy nhiên đội ngũ giảng viên không thể thực hiện tốt nhiệm vụ nếu thiếu sự hỗ trợ của đội ngũ cán bộ, nhân viên các phòng, ban. Đội ngũ cán bộ này làm việc tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin, và các trung tâm, đơn vị dịch vụ hỗ trợ khác.

Đội ngũ cán bộ, nhân viên của Học viện gồm có 7 Trợ lý khoa làm việc tại Khoa chuyên ngành (Học viện có 8 Khoa chuyên ngành, mỗi khoa chuyên ngành có 1 trợ lý khoa), và 42 cán bộ, nhân viên làm việc tại các phòng, ban, trung tâm trực tiếp hỗ trợ các hoạt động giảng dạy và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho sinh viên và giảng viên công tác tại Học viện nói chung và Khoa chuyên ngành nói riêng. Các cán bộ, nhân viên đều có bằng cử nhân trở lên, vì vậy, họ có đủ khả năng để hỗ trợ cho cán bộ giảng dạy và tư vấn chuyên môn cho sinh viên.

***Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

#### **1. Mô tả:**

Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định rõ tầm nhìn xây dựng đội ngũ viên chức đủ về số lượng và chất lượng, có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp [H1.01.01.03]. Học viện hiện có 8 phòng chức năng và trung tâm, đảm nhiệm nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Học viện, gồm Phòng TC-HC, Phòng QLĐT, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng CT&CTSV, Trung tâm KT&ĐBCL, Trung tâm Dịch vụ và Hỗ trợ đào tạo và Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông [H1.07.01.01]. Hằng năm, Học viện đều có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực nói chung. Các phòng ban, trung tâm hằng năm đều có biên bản đề xuất nhu cầu nhân lực bổ sung căn cứ trên yêu cầu công việc thực tế [H1.07.01.02], [H1.07.01.03]. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, Phòng

TC-HC tổng hợp phân tích, trình lãnh đạo về nhu cầu nguồn nhân lực về những vị trí này của những phòng, ban liên quan. Trên cơ sở đó, Học viện đều xây dựng kế hoạch tuyển dụng cán bộ, viên chức và cán bộ lao động hợp đồng hàng năm [H1.06.01.04]. Trong kế hoạch đều căn cứ trên cơ sở chỉ tiêu và phân tích nhu cầu nguồn nhân lực thực tế để xác định số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cần tuyển thêm cho các phòng, ban, trung tâm dịch vụ và hỗ trợ khác.

Học viện đã có các quy định và chính sách nhằm thu hút và tuyển dụng mới đội ngũ cán bộ, nhân viên làm việc tại các phòng, ban, trung tâm hỗ trợ giảng dạy, đồng thời, có những quy định khuyến khích và phát triển nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên hiện tại đang làm việc tại các phòng, ban, trung tâm. Trong Quy chế thu chi nội bộ của Học viện ban hành theo Quyết định số 959/QĐ-HVCSPT ngày 28/12/2017, Học viện có đưa ra những quy định khuyến khích cán bộ, viên chức, nhân viên được cử đi học nghiên cứu sinh bảo vệ luận án tiến sỹ đúng hạn được thưởng 10 triệu [H1.06.01.06]. Chiến lược phát triển của Học viện cũng đã ghi rõ mọi nhân sự trong Học viện đều được tạo điều kiện về thời gian hoặc hỗ trợ kinh phí tham gia bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hàng năm. Phát huy tinh thần đó, trong giai đoạn 2015-2019 đã có khoảng hơn 100 lượt cán bộ nhân viên, chuyên viên được cử đi học thạc sỹ, tiến sỹ và các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ như nghiệp vụ kiểm định, nghiệp vụ thư viện, công nghệ thông tin..., [H1.06.01.05].

Hàng năm, Học viện đều có triển khai việc quy hoạch cán bộ quản lý, lãnh đạo cho các đơn vị phòng, ban, trung tâm [H1.06.01.02]. Trên cơ sở chiến lược đó, Đề án Vị trí việc làm đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 189/QĐ-BKHĐT ngày 19/2/2014 trong đó đã đưa ra quy hoạch về số lượng nhân sự các đơn vị trong Học viện, trong đó, thư viện có 2 nhân sự, quản trị thiết bị có 2 nhân sự, công nghệ thông tin có 2 nhân sự và các đơn vị hỗ trợ khác như y tế có 1 nhân sự, trợ lý các khoa có 7 nhân sự [H1.06.01.03]. Nhìn chung, tính đến hết tháng 12/2019, số lượng của nhân sự tại các đơn vị như thư viện, công nghệ thông tin, dịch vụ hỗ trợ đảm bảo theo đúng quy hoạch của Học viện. Cụ thể, công nghệ thông tin có 2 nhân sự, riêng vị trí y tế vượt quy hoạch. Tuy nhiên, trợ lý khoa đảm bảo đủ 7 người, nhưng tại khoa Luật Kinh tế trợ lý phải kiêm nhiệm, do số lượng

sinh viên ít. [H1.07.01.04]

Nhìn chung, nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, và các dịch vụ hỗ trợ khác đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong 5 năm, trong giai đoạn 2015-2019, khoảng 85% đạt đánh giá trong phân loại cán bộ viên chức đều xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” và được khen thưởng hàng năm [H1.06.02.07]. Đồng thời, hàng năm đều có khảo sát của giảng viên và sinh viên về sự hài lòng đối với chất lượng phục vụ của khối phòng, ban, trung tâm. Số liệu khảo sát đều cho thấy tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng đều đạt trên 90%, trong đó tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng của sinh viên là 94,6% và của giảng viên là 93,2% [H1.05.02.01].

## **2. Điểm mạnh**

Số lượng cán bộ, nhân viên của Học viện đạt yêu cầu về số lượng và chất lượng. Khảo sát đánh giá sự hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với hoạt động của khối phòng, ban, trung tâm đều đạt ổn định ở mức trên 90% hài lòng và rất hài lòng.

Tổng số cán bộ, nhân viên làm ở các phòng ban được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng (dài hạn và ngắn hạn) có số lượng lớn.

## **3. Điểm tồn tại**

Học viện hiện vẫn còn nhân viên trợ lý khoa kiêm nhiệm. Kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn khoảng gần 10% tỉ lệ chưa hài lòng với chất lượng phục vụ của khối phòng, ban, trung tâm.

## **4. Kế hoạch hành động:**

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong năm học 2020 – 2021, Phòng TC-HC rà soát, tham mưu Ban Giám đốc Học viện về đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực để duy trì và phát triển đội ngũ nhân viên giỏi.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong năm học 2020 – 2021, Phòng TC-HC xây dựng và tham mưu Ban Giám đốc Học viện về kế hoạch tuyển dụng, sắp xếp cán bộ trợ lý khoa dựa trên sự phát triển về quy mô của sinh viên. Đồng thời phòng TC-HC làm việc với các phòng, ban, trung tâm để phân tích về nguyên nhân vẫn có 1 tỉ lệ nhỏ giảng viên, sinh viên chưa hài lòng để cải thiện chất lượng phục vụ.

## **5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.**

### **1. Mô tả**

Học viện đã ban hành quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển cán bộ, nhân viên trong Quyết định số 40/QĐ-HVCSPT ngày 19/03/2012 về Quy trình tạm thời tuyển dụng lao động hợp đồng của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.06.01.04]. Theo đó, đối với cán bộ, nhân viên, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên bao gồm 8 bước. Cụ thể gồm: (1) Xác định nhu cầu tuyển dụng, (2) Kế hoạch nhân sự, (3) Phê duyệt kế hoạch nhân sự, (4) Thông báo tuyển dụng, (5) Thu nhận hồ sơ và sơ tuyển, (6) Tổ chức kiểm tra chuyên môn và phỏng vấn, (7) Thông báo kết quả và ký hợp đồng lao động, và (8) Tiếp nhận nhân viên mới.

Học viện cũng đưa ra những tiêu chí cụ thể để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển cán bộ, nhân viên các khối phòng, ban, trung tâm hỗ trợ tại từng đợt tuyển dụng cụ thể [H1.06.01.04] [H1.07.02.01]. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển cán bộ, nhân viên đều được dựa trên những tiêu chí rõ ràng về bằng cấp, tuổi đời, phẩm chất đạo đức, sức khỏe. Những tiêu chí này được đưa ra dựa trên yêu cầu của các vị trí công việc tại khối phòng, ban, trung tâm tại Đề án vị trí việc làm [H1.06.01.03].

Tất cả quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, và điều chuyển cán bộ, nhân viên đều được gửi dự thảo để lấy ý kiến của các đơn vị bằng văn bản cũng như lấy ý kiến tại các buổi Hội nghị Viên chức và người lao động hàng năm [H1.06.03.01], [H1.04.01.10] đồng thời được đăng công khai trên website Học viện tại địa chỉ [www.apd.edu.vn](http://www.apd.edu.vn). Tuy vậy, các kênh lấy ý kiến cán bộ, giảng viên vẫn còn khá hạn chế, chưa tiếp cận được đến từng cán bộ, nhân viên trong Học viện.

### **2. Điểm mạnh:**

Việc tuyển dụng, lựa chọn và điều chuyển đã có đầy đủ tiêu chí, qui trình rõ ràng, công bố công khai.

### **3. Điểm tồn tại:**

Các kênh để lấy ý kiến về quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, và điều



chuyển cán bộ, nhân viên còn chưa thật sự đa dạng.

#### **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong năm học 2020 – 2021, Phòng TC-HC rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn tuyển dụng để lựa chọn được những nhân viên phù hợp, đáp ứng yêu cầu công việc.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong năm học 2020 – 2021, Phòng TC-HC đa dạng hóa các kênh để lấy ý kiến từ cán bộ, giảng viên trong Học viện về quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, và điều chuyển cán bộ, nhân viên như gửi email, tổ chức lấy ý kiến tại cơ sở, phòng, ban,...

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

### ***Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.***

#### **1. Mô tả**

Thực hiện Nghị định 56/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 về đánh giá và phân loại cán bộ công chức và viên chức, hằng năm, Học viện đã thực hiện việc đánh giá theo đúng quy trình và tiêu chuẩn [H1.06.02.07]. Theo đó, đội ngũ cán bộ, nhân viên được đánh giá hàng năm thông qua các tiêu chí về mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm theo mức từ xuất sắc, tốt, hoàn thành và không hoàn thành. Quy trình đánh giá được thực hiện bắt đầu từ Bản kiểm điểm cá nhân của từng cán bộ, nhân viên. Bản kiểm điểm cá nhân được xem xét và đánh giá bởi đồng nghiệp và lãnh đạo đơn vị. Hội đồng thi đua khen thưởng của Học viện sẽ căn cứ trên đánh giá đó để xếp loại thi đua khen thưởng cho từng cán bộ, nhân viên của Học viện [H1.06.02.07]. Nhìn chung, quy trình đánh giá này được xây dựng trên phương pháp đánh giá đa chiều, gồm cả tự đánh giá của chính cán bộ, nhân viên, đồng nghiệp đánh giá, cấp trên đánh giá và có sự đánh giá của cả Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cấp [H1.06.02.07]. Dù vậy, trong các văn bản hướng dẫn đánh giá thi đua, khen thưởng các cấp đều có hạn mức cho từng hạng đánh giá. Điều này sẽ khiến nhiều cán bộ, nhân viên có thể đạt chuẩn theo các mức khen thưởng nhưng lại không được xét hạng khen thưởng.

Trên cơ sở quy trình đánh giá trên, các cán bộ, nhân viên được xếp loại thi đua khen thưởng theo các mức cụ thể từ Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, Lao động tiên

tiên và các cán bộ, nhân viên được Giám đốc Học viện tặng giấy khen. Trong giai đoạn từ 2015-2019, có tổng số 79 lượt cán bộ, nhân viên đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và 127 lượt cán bộ, nhân viên được Giám đốc Học viện tặng giấy khen. 85% cán bộ, nhân viên đạt danh hiệu Lao động tiên tiến hàng năm [H1.06.02.07], có 5 cán bộ, nhân viên được xét nâng bậc lương trước hạn [H1.07.03.01].

Ngoài đánh giá thi đua khen thưởng hàng năm, công việc của các cán bộ, nhân viên còn được đánh giá từ góc nhìn của các đối tượng thụ hưởng dịch vụ, là giảng viên và sinh viên Học viện thông qua các cuộc khảo sát đánh giá sự hài lòng của cán bộ, sinh viên đối với hoạt động của khối phòng, ban, trung tâm. Kết quả khảo sát hàng năm đều đạt tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng đều đạt trên 85% [H1.05.02.01].

## **2. Điểm mạnh**

Cán bộ, nhân viên được đánh giá thường xuyên (qua công việc hàng ngày) và định kỳ hàng năm dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai.

## **3. Điểm tồn tại**

Hệ thống đánh giá khen thưởng đều dựa vào các văn bản hướng dẫn của cấp trên, các chỉ tiêu khen thưởng đều có hạn mức. Do vậy, chưa thật sự khuyến khích đối với những cá nhân có nhiều đóng góp, chưa tính đến tính chất và điều kiện đặc thù của từng vị trí công việc, chưa định lượng nên chưa ghi nhận và tổng quát hết những đóng góp của mỗi cán bộ (chuyên viên).

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong năm học 2020 – 2021, Phòng TC-HC kết hợp cùng các khoa, phòng ban trong Học viện tiếp tục duy trì cách thức đánh giá cán bộ, nhân viên thường xuyên và định kỳ.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong năm học 2020 - 2021, ở cấp độ Học viện, phòng TC-HC hoàn thiện bộ tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ cán bộ (chuyên viên) hỗ trợ, tiêu chuẩn đánh giá kết quả công việc theo hướng định lượng; hoàn thiện quy trình đánh giá; Ở cấp độ Khoa, lãnh đạo Khoa sẽ lưu ý thêm một số đặc điểm đặc thù của công việc trước khi phân công công việc đối với các cán bộ trợ lý.

## **5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó**

**1. Mô tả**

Hàng năm, Học viện đều có thông báo thực hiện xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên, giảng viên đang công tác tại Học viện [H1.07.04.01]. Ngoài ra, Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ Kinh tế kế hoạch (thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cũng thường xuyên gửi các công văn về việc mở các lớp bồi dưỡng cho các cán bộ, chuyên viên đối với các đơn vị trực thuộc Bộ [H1.06.05.01].

Trên cơ sở nguyện vọng của từng cán bộ, nhân viên, cùng với những yêu cầu về trình độ của cán bộ, nhân viên theo từng vị trí việc làm, các phòng, ban, trung tâm đã họp đánh giá, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị mình, đồng thời, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên [H1.07.04.01]. Tuy nhiên, nhu cầu đào tạo mới được xác định hàng năm, các nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng dài hạn (trong 3 – 5 năm trở lên) hơn chưa được đề cập.

Thực hiện các kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, chuyên viên, trong giai đoạn 2015 – 2019, Học viện có 2 cán bộ, nhân viên được cử đào tạo Tiến sỹ, 6 cán bộ, nhân viên được cử đào tạo Thạc sỹ, 8 cán bộ, nhân viên được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn tại nước ngoài và khoảng hơn 100 lượt cán bộ, nhân viên được cử tham gia các khóa học bồi dưỡng trong nước [H1.06.05.01].

**2. Điểm mạnh:**

Có kế hoạch hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên. Đồng thời đã triển khai những hoạt động thiết thực đáp ứng nhu cầu đào tạo đó.

**3. Điểm tồn tại:**

Chưa có kế hoạch bồi dưỡng và phát triển chuyên môn dài hạn cho đội ngũ cán bộ, nhân viên.

**4. Kế hoạch hành động:**

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong năm học 2020 – 2021, Phòng TC-HC xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên

môn cho đội ngũ cán bộ, nhân viên.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm 2020 – 2021, Khoa sẽ phối hợp với Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch dài hạn bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, nhân viên tạo cơ hội phát triển cho đội ngũ này. Đồng thời, tích cực tìm nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo cho cán bộ.

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

### **1. Mô tả**

Học viện đã ban hành Đề án Vị trí việc làm có mô tả cụ thể nhiệm vụ và khối lượng công việc cho từng vị trí việc làm của cán bộ, nhân viên trong Học viện, gồm vị trí trợ lý các khoa chuyên ngành, chuyên viên các phòng ban chuyên môn, các trung tâm hỗ trợ và dịch vụ [H1.06.01.03]. Trên cơ sở đó, Học viện cũng đã có các quyết định quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, nhân viên [H1.06.02.06], [H1.06.01.04], [H1.06.06.02].

Việc triển khai theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công được thực hiện theo nhiều hình thức phù hợp với đặc thù công việc của cán bộ, chuyên viên. Hiện tại, Học viện thực hiện việc giám sát công việc của cán bộ, nhân viên thông qua hệ thống điểm danh. Học viện quy định cán bộ, nhân viên sẽ thực hiện điểm danh 3 lần 1 ngày làm việc, vào trước 8h00, 13h30 và 17h00 [H1.06.01.04]. Kết quả thực hiện giám sát công việc bằng điểm danh là cơ sở để xác định mức thu nhập tăng thêm hàng tháng. Tùy vào việc thực hiện điểm danh và mức độ hoàn thành các công việc cụ thể khác, cán bộ, nhân viên sẽ được xếp hạng theo 4 loại A, B, C, D và nhận mức thu nhập tăng thêm tương ứng 100%, 75%, 50% và 25%. Điều này được quy định cụ thể trong Quy chế thu chi nội bộ của Học viện [H1.06.01.06]. Học viện cũng chi trả thêm 10% phụ cấp cho cán bộ, nhân viên công tác tại Học viện qua chi trả thu nhập tăng thêm [H1.07.05.01]. Mức xếp hạng thu nhập tăng thêm cũng là cơ sở để xác định mức thưởng cuối năm dành cho toàn

thể cán bộ, nhân viên của Học viện [H1.06.06.02], [H1.07.05.02]. Tuy vậy, cách thức đánh giá bằng điểm danh được phản hồi là khá cứng nhắc, và mặc dù cán bộ, nhân viên đều có cơ hội giải trình khi có vấn đề liên quan, nhưng Học viện vẫn chưa phát triển được hệ thống đánh giá định lượng chất lượng công việc.

Tất cả các cán bộ, chuyên viên đều phải xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm căn cứ vào các nhiệm vụ nêu trong Đề án Vị trí việc làm và các công việc đặc thù khác. Kế hoạch này đều xác định rõ khối lượng công việc, tiến độ, thời gian hoàn thành và những nguồn lực cần thiết của thực hiện công việc của mỗi cán bộ, nhân viên theo từng vị trí việc làm [H1.07.05.03]. Đây là căn cứ quan trọng để đánh giá hiệu quả công việc, mức độ đóng góp trong hoạt động hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Tất cả những quy định liên quan đến việc đánh giá hiệu quả công việc đều được thảo luận rộng rãi với sự tham gia của 100% cán bộ, nhân viên, giảng viên của Học viện. Trong giai đoạn 2015-2019, Quy chế thu chi nội bộ đã được sửa đổi 2 lần, mỗi lần ban hành sửa đổi đều có sự thảo luận trong toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên toàn Học viện [H1.06.03.01]. Trong đó, nội dung về quy trình xét và xếp hạng thu nhập tăng thêm hàng tháng dựa trên giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành công việc cũng đều đảm bảo sự tham gia của 100% cán bộ, nhân viên trong xếp hạng, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của họ. Hội đồng xét thu nhập tăng thêm hàng tháng có sự tham gia của đại diện lãnh đạo các Khoa, phòng ban, trung tâm tiến hành thảo luận, xem xét, xếp hạng từng cán bộ, nhân viên trên cơ sở những đánh giá, xếp hạng tại từng đơn vị [H1.06.06.02]. Mỗi cán bộ, nhân viên đều có cơ hội giải trình, phản biện hoặc nêu ý kiến về những xếp hạng thu nhập tăng thêm hàng.

Ngoài việc được tham gia ý kiến và đảm bảo cơ hội giải trình trong các hoạt động xếp hạng, đánh giá kết quả công việc hàng tháng, cán bộ, nhân viên cũng được tham gia vào thảo luận và có ý kiến đóng góp trong tất cả các đánh giá thi đua khen thưởng hàng năm tại Hội nghị cán bộ công nhân viên chức hàng năm của Học viện [H1.06.02.07], [H1.06.03.01]. Ngoài ra, mỗi khi Học viện thay đổi hoặc điều chỉnh quy trình đánh giá, giám sát kết quả công việc, Học viện đều có tổ chức lấy ý kiến thảo luận của tất cả các cán bộ, nhân viên, giảng viên trong toàn Học viện,

nhằm đảm bảo tất cả nhân viên đều có cơ hội đóng góp ý kiến trong việc xây dựng các quy trình đánh giá và quản trị công việc của họ [H1.06.03.01].

Thông qua việc lấy ý kiến rộng rãi trước khi ban hành quy chế và việc đánh giá, bình chọn được tiến hành một cách khách quan, minh bạch nên tỉ lệ đồng thuận của cán bộ, chuyên viên đối với quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của cơ sở giáo dục và các cấp có thẩm quyền luôn rất cao, thường đạt 100% [H1.06.03.01].

## **2. Điểm mạnh:**

Việc quản trị theo kết quả công việc của cán bộ được quy định rõ ràng và công khai minh bạch; kết quả đánh giá đã khích lệ đội ngũ cán bộ thực hiện tốt công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

## **3. Điểm tồn tại:**

Hệ thống tiêu chí đánh giá định lượng chất lượng công việc chưa hoàn thiện vì thế còn một số bất cập trong hoạt động đánh giá.

## **4. Kế hoạch hành động:**

- **Phát huy điểm mạnh:** Từ năm 2020 – 2021, Phòng TC-HC là đầu mối tiếp tục phát huy và hoàn thiện hệ thống đánh giá và quản trị công việc theo kết quả, nhằm tạo động lực làm việc cho đội ngũ cán bộ, nhân viên.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2020-2021, Khoa phối hợp với Phòng TC-HC hoàn thiện bộ tiêu chí định lượng để đánh giá chất lượng công việc.

## **5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 7:**

#### **- Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn**

+ Số lượng cán bộ, nhân viên của Học viện đạt yêu cầu về số lượng và chất lượng. Khảo sát đánh giá sự hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với hoạt động của khối phòng, ban, trung tâm đều đạt ổn định ở mức trên 85-90% hài lòng và rất hài lòng.

+ Việc tuyển dụng, lựa chọn và điều chuyển đã có đầy đủ tiêu chí, qui trình rõ ràng, công bố công khai. Cán bộ, nhân viên được đánh giá thường xuyên (qua điểm danh hằng ngày, đánh giá thu nhập tăng thêm hàng tháng) và định kỳ cuối

năm học dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai. Có kế hoạch hoạt động đào tạo và phát triển cũng như thi đua khen thưởng đội ngũ cán bộ, nhân viên.

+ Cán bộ, nhân viên được đánh giá thường xuyên (qua công việc hàng ngày) và định kỳ hàng năm dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai.

+ Có kế hoạch hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên. Đồng thời đã triển khai những hoạt động thiết thực đáp ứng nhu cầu đào tạo đó.

+ Việc quản trị theo kết quả công việc của cán bộ được quy định rõ ràng và công khai minh bạch; kết quả đánh giá đã khích lệ đội ngũ cán bộ thực hiện tốt công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

**- Tồn tại chủ yếu của tiêu chuẩn:**

+ Vẫn còn khoảng 10% tỉ lệ chưa hài lòng với chất lượng phục vụ của khối cán bộ, nhân viên phòng, ban, trung tâm. Các kênh phổ biến thông tin tuyển dụng chưa thật sự đa dạng và phong phú. Đồng thời, kinh phí dành cho việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho khối cán bộ, nhân viên còn hạn chế.

+ Hệ thống đánh giá khen thưởng đều dựa vào các văn bản hướng dẫn của cấp trên, các chỉ tiêu khen thưởng đều có hạn mức. Do vậy, chưa thật sự khuyến khích đối với những cá nhân có nhiều đóng góp, chưa tính đến tính chất và điều kiện đặc thù của từng vị trí công việc, chưa định lượng nên chưa ghi nhận và tổng quát hết những đóng góp của mỗi cán bộ (chuyên viên).

+ Chưa có kế hoạch bồi dưỡng và phát triển chuyên môn dài hạn cho đội ngũ cán bộ, nhân viên.

+ Hệ thống tiêu chí đánh giá định lượng chất lượng công việc chưa hoàn thiện vì thế còn một số bất cập trong hoạt động đánh giá.

Học viện, Khoa KTPT đã có những kế hoạch hành động nhằm phát huy các điểm mạnh và khắc phục những tồn tại này.

**- Tóm tắt mức đạt của các tiêu chí trong tiêu chuẩn:** Tiêu chuẩn 7 có 05 tiêu chí, trong đó cả 05 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

## **TIÊU CHUẨN 8.**

### **NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC**

#### **Mở đầu**

Hàng năm, cùng với chính sách tuyển sinh của Học viện, Khoa Kinh tế đã công bố công khai các chính sách tuyển sinh và các tiêu chí, quy mô tuyển sinh của các ngành, trong đó có ngành Kinh tế, các chuyên ngành thuộc ngành Kinh tế như: KHPT, Đầu tư, Đấu thầu và Quản lý dự án, Kinh tế và Quản lý công, Dữ liệu cho Kinh tế và Kinh doanh tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Sinh viên Khoa Kinh tế và các Khoa quản lý chuyên ngành được giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện chặt chẽ bởi một hệ thống phù hợp từ phần mềm đến hệ thống giảng viên, CVHT, trợ lý và cán bộ của Khoa, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị liên quan trong Học viện. Khoa Kinh tế cũng luôn tạo môi trường thân thiện, đoàn kết, cởi mở và trách nhiệm, lấy sinh viên làm trung tâm, góp phần nâng cao nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, tạo cho sinh viên sự tự tin để có thể thành công trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

***Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.***

#### **1. Mô tả**

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, đầy đủ và chi tiết trong nội dung đề án tuyển sinh của Học viện qua các năm đúng theo các quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H1.08.01.01], [H1.08.01.02]. Trong đề án đã xác định đối tượng tuyển sinh, chính sách xét tuyển, chính sách ưu tiên xét tuyển, đối tượng xét tuyển và phương pháp xét tuyển, phạm vi, ngành tuyển sinh, lịch tuyển sinh, phương thức đăng ký dự tuyển, lệ phí tuyển sinh và học phí dự kiến của các chương trình. Kế hoạch xúc tiến tuyển sinh [H1.08.01.03], thông báo tuyển sinh đều được cập nhật hàng năm [H1.08.01.05].

Theo đó, phương thức tuyển sinh ngành Kinh tế gồm: (1) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT, lịch xét tuyển theo quy định của Bộ GD&GD và (2) Xét



tuyển kết hợp (từ năm 2017), nhận hồ sơ ngay sau khi có điểm thi THPT quốc gia. Chỉ tiêu tuyển sinh ngành Kinh tế được xác định rõ ràng hằng năm với 240 chỉ tiêu/năm, các mã tổ hợp môn xét tuyển theo các khối A00 (Toán, Vật lý, Hóa học); A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh); D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh) và C02 (Toán, Vật lý, Ngữ văn). Quy trình xét tuyển được xây dựng một cách rõ ràng từ quy định, nguyên tắc xét tuyển đến hồ sơ đăng ký, thời gian và địa điểm nhận hồ sơ xét tuyển. Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh ngành Kinh tế (như ưu tiên xét tuyển, đối tượng ưu tiên...) được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, đó là mức điểm cộng đối tượng ưu tiên từ 1-2 điểm, mức điểm cộng khu vực ưu tiên từ 0,25-0,75 điểm [H1.08.01.01].

Từ năm 2014 trở về trước, Học viện CS&PT thực hiện tuyển sinh hệ đại học ngành Kinh tế theo hình thức thi tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT. Bắt đầu từ năm 2015 trở đi, Học viện CS&PT thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh đại học. Theo đó, phương thức tuyển sinh ngành Kinh tế của Học viện có các phương thức sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để xét tuyển với tổ hợp các khối A00, A01, D01, C02. Từ năm 2017, Học viện mở rộng phương thức tuyển sinh bên cạnh xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT, Học viện mở rộng thêm phương thức xét tuyển kết hợp đối với cả hệ đào tạo đại trà và chất lượng cao. Năm 2019 phương thức xét tuyển kết hợp gồm 02 đối tượng: (i) Thí sinh có tổng điểm thi THPT quốc gia năm 2019 của môn Toán và 02 môn bất kỳ đạt từ 18,0 điểm trở lên (gồm cả điểm ưu tiên); (ii) Thí sinh có Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 4,5 trở lên (hoặc tương đương) và có tổng điểm thi THPT quốc gia năm 2019 của môn Toán và 01 môn bất kỳ (trừ môn Tiếng Anh) đạt từ 12,0 điểm trở lên (gồm cả điểm ưu tiên). Thông tin về học phí của từng năm học, các mức điểm trúng tuyển 02 năm trước liền kề được cập nhật đầy đủ, đối với ngành Kinh tế năm 2018, 2019 mức điểm trúng tuyển lần lượt là 19,0; 20,0 [H1.08.01.01]. Kết quả thi, xét tuyển của Học viện/Khoa được thông báo công khai trên Cổng thông tin tra cứu điểm thi tuyển sinh của Học viện; Quyết định trúng tuyển, gửi Giấy báo nhập học cho thí sinh trúng tuyển được thực hiện theo đúng quy trình tuyển sinh.

Chính sách tuyển sinh ngành Kinh tế được công bố công khai. Các thông tin

về tuyển sinh được Học viện và Khoa công bố công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, tờ rơi trên các kênh thông tin như website chính thức của Học viện tại địa chỉ [www.apd.edu.vn](http://www.apd.edu.vn), cổng thông tin tuyển sinh <http://tuyensinh.apd.edu.vn>. Đề án tuyển sinh của Học viện trong 5 năm ghi rõ, với đối tượng thí sinh trong phạm vi cả nước cụ thể: Học sinh tốt nghiệp THPT; đủ sức khoẻ; không vi phạm pháp luật. Quy trình và phương thức xét tuyển được ghi rõ. Phương thức tuyển sinh đa dạng trên các phương tiện thông tin đại chúng. Hàng năm, Học viện xây dựng kế hoạch xúc tiến tuyển sinh [**H1.08.01.03**] nhằm truyền tải thông tin giúp phụ huynh và thí sinh hiểu rõ chương trình đào tạo và giải đáp các thắc mắc. Các kênh truyền thông được thực hiện đó là: website của Học viện, trang Facebook tư vấn, tuyển sinh của Học viện tại địa chỉ: <https://www.facebook.com/tvtsapd/>, trang Facebook tư vấn tuyển sinh của các Khoa quản lý chuyên ngành thuộc ngành Kinh tế như: Khoa Kinh tế, và Khoa KTPT tại địa chỉ: <https://www.facebook.com/kehoachphattrien/>, truyền thông qua các kênh báo điện tử (Dân trí, Giáo dục và Thời đại, Đầu tư...), tờ rơi, poster... [**H1.04.01.11**]. Đồng thời Học viện cũng tiến hành quảng bá tuyển sinh qua các kênh truyền thông trực tiếp như chuyên tài liệu về các trường THPT, tham gia các hội chợ tư vấn tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Báo Tuổi trẻ tổ chức tại Hà Nội và một số địa phương khác, truyền thông qua sinh viên đang theo học tại Học viện về các trường THPT đã theo học với phong trào “Chúng tôi nói về chúng tôi” để sinh viên tự giới thiệu các thông tin về Học viện tới các học sinh tại các trường THPT cũ mà các sinh viên đã từng theo học. Các chương trình tư vấn tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Báo tuổi trẻ tổ chức [**H1.08.01.04**]. Mọi thông tin tuyển sinh được hỗ trợ kịp thời 24/7 trên các số điện thoại cố định, di động được công khai trên website Học viện. Học viện còn tổ chức các buổi đến phổ biến các thông tin tuyển sinh ở các trường cấp 3 vào thời điểm từ tháng 3 đến tháng 5 hàng năm để giúp học sinh, phụ huynh hiểu rõ về các chỉ tiêu tuyển sinh của Học viện và Khoa, các điều kiện tuyển sinh cũng như giải đáp các băn khoăn thắc mắc của các phụ huynh, học sinh [**H1.08.01.03**].

Chính sách tuyển sinh của ngành Kinh tế được sự góp ý của các bên liên quan tại hội nghị công tác tuyển sinh hàng năm của Học viện, cuộc họp Hội đồng

tuyển sinh về chính sách tuyển sinh nhiều các ý kiến về phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực của xã hội dựa trên các số liệu thứ cấp như các kênh thông tin của báo chí, các cơ sở dữ liệu từ các sở ban ngành, từ đó đưa ra các chính sách tuyển sinh của ngành Kinh tế [H1.08.01.07], [H1.08.01.08].

Với chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công khai và cập nhật. Ngành Kinh tế đã tuyển sinh được số lượng người học như bảng 8.1.1 sau:

**Bảng 8.1.1: Kết quả tuyển sinh ngành Kinh tế**

Năm tuyển sinh	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
Số lượng thí sinh trúng tuyển	195	222	226	270	378
Số lượng nhập học	173	164	199	252	340
Điểm trúng tuyển	17,5-20/30	19/30	19,5/30	19-20/30	17-19/30
Điểm trung bình của thí sinh được tuyển	18	20	20,5	19,4	18,3
Tỷ lệ số lượng thí sinh trúng tuyển so với năm trước	103%	114%	102%	119%	140%
Tỷ lệ nhập học/trúng tuyển	88,7%	73,9%	88,1%	93,3%	90%

(Nguồn: Phòng Quản lý Đào tạo)

Trong giai đoạn 2014 - 2019, số lượng sinh viên trúng tuyển nhập học ngành Kinh tế có xu hướng tăng. Tỷ lệ sinh viên nhập học so với số lượng thí sinh trúng tuyển đạt tỉ lệ cao, tuy nhiên tỷ lệ này năm sau có giảm đôi chút so với năm trước. Điểm trúng tuyển cũng có đôi chút thấp hơn. Kết thúc năm tuyển sinh, việc phân tích số liệu tuyển sinh như chỉ số trúng tuyển theo ngành, chỉ số trúng tuyển, chỉ số phân tích về điểm trúng tuyển luôn được đưa vào báo cáo đánh giá công tác tuyển sinh, làm cơ sở, báo cáo Bộ GD&ĐT giúp cho việc thực hiện và triển khai các kế hoạch năm tiếp theo [H1.08.01.06].

## 2. Điểm mạnh

Học viện đã công bố chính sách tuyển sinh công khai và đa dạng về hình thức (cổng thông tin, tờ gập, tờ rơi, báo, fanpage...). Phương thức tuyển sinh của Học

viện cũng được đa dạng hóa: tăng tổ hợp tuyển sinh, xét kết hợp.

### **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù mặt bằng điểm trúng tuyển chung của cả nước có giảm, nhưng việc điểm trúng tuyển và tỷ lệ nhập học/trúng tuyển giảm đi cũng cho thấy sự chững lại trong phát triển thương hiệu của chuyên ngành.

### **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong học kỳ 2, năm học 2020 – 2021, Khoa phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông của Học viện phát triển thêm nhiều kênh thông tin tiếp cận với các đối tượng tuyển sinh của Học viện. Đồng thời nghiên cứu mở rộng thêm nhiều hình thức tuyển sinh đa dạng và phong phú hơn.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong học kỳ 2, năm học 2020 – 2021, Khoa sẽ tăng cường các hoạt động chuyên môn và hoạt động xã hội nhằm quảng bá về chuyên môn, nội dung đào tạo để nâng cao thương hiệu của chuyên ngành.

### **5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

***Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.***

#### **1. Mô tả**

Đối với tuyển sinh đại học, Học viện thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Các thông tin về tiêu chí tuyển sinh/tuyển chọn, các phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn rất rõ ràng [H1.08.01.01]. Trong các năm qua, Học viện CS&PT có các phương pháp tuyển sinh bao gồm xét tuyển theo kết quả điểm thi trung học phổ thông, tuyển thẳng, xét tuyển kết hợp, ưu tiên xét tuyển. Học viện đã đưa ra những quy định rõ ràng về đối tượng tuyển sinh, các ngành tuyển sinh, khối tuyển sinh, chỉ tiêu, thời gian và cách thức tuyển sinh. Những thông tin về tuyển thẳng, xét tuyển kết hợp, ưu tiên xét tuyển người học cũng rất rõ ràng bao gồm các thông tin đối tượng, điều kiện, hồ sơ xét tuyển, địa điểm thời gian nộp hồ sơ [H1.08.02.01].

Các tiêu chí tuyển sinh rất rõ ràng đối với từng phương pháp tuyển sinh. Cụ

thể: Trước năm 2017, ngành Kinh tế thực hiện tuyển sinh theo ngành dựa trên kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia, tổ hợp các môn thi của ngành, lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của ngành với 06 tổ hợp A00, A01, C02, D01, với phạm vi tuyển sinh từ Quảng Bình trở ra. Từ năm 2017 trở đi, Học viện xét tuyển theo 2 phương thức: Xét tuyển kết hợp<sup>2</sup> và Xét tuyển theo kết quả thi THPT Quốc gia với 06 tổ hợp xét tuyển như sau: A00, A01, C02, D01, với phạm vi tuyển sinh trên cả nước. Như vậy về cơ bản có thể thấy, trong Đề án tuyển sinh của Học viện đã xác định rõ đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến, tổ hợp môn xét tuyển, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận đăng ký xét tuyển, chính sách ưu tiên xét tuyển, tuyển thẳng, hồ sơ đăng ký, thời gian đăng ký, lệ phí xét tuyển/thi tuyển, học phí. Bên cạnh đó, các thông tin về điểm trúng tuyển các năm gần nhất với năm tuyển sinh, tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp được cung cấp để thí sinh có căn cứ lựa chọn ngành học [H1.08.01.01].

Hàng năm, Học viện/Khoa lập kế hoạch tuyển sinh [H1.08.02.01] và triển khai thực hiện theo đúng Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT và các quy định về tuyển sinh của Học viện. Các chính sách về tuyển sinh của Học viện được xin ý kiến tại các cuộc họp [H1.08.01.07], sau đó hội đồng tuyển sinh của Học viện được tổ chức để lấy ý kiến góp ý về tiêu chí và xác định các phương thức tuyển chọn người học để thực hiện công khai đề án tuyển sinh đại học chính quy [H1.08.01.08].

Kết thúc mùa tuyển sinh, Học viện thực hiện tổng kết công tác tuyển sinh nhằm rà soát, đánh giá tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học, nêu rõ kết quả tuyển sinh về số lượng, chất lượng đầu vào, phổ điểm xét tuyển và phân tích các khó khăn, thuận lợi để đưa ra các điều chỉnh cho các năm kế tiếp [H1.08.01.06].

---

<sup>2</sup> Đối tượng xét tuyển kết hợp: Xét tuyển kết hợp gồm các đối tượng sau:

- Thí sinh có tổng điểm thi THPT quốc gia năm 2019 của môn Toán và 02 môn bất kỳ đạt từ 18,0 điểm trở lên (gồm cả điểm ưu tiên).

- Thí sinh có Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 4.5 trở lên (hoặc tương đương) và có tổng điểm thi THPT quốc gia năm 2019 của môn Toán và 01 môn bất kỳ (trừ môn Tiếng Anh) đạt từ 12,0 điểm trở lên (gồm cả điểm ưu tiên).

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, kết quả tuyển sinh được sử dụng để phân tích thông qua các công cụ thống kê nhằm mục đích đánh giá tính hợp lý. Những thông tin về xu hướng chọn ngành, nguồn gốc thí sinh dự thi cũng được phân tích nhằm thu hút thí sinh từ các trường cấp 3 có uy tín. Các bất cập khác trong quy trình, hình thức tuyển sinh cũng được thảo luận. [H1.08.01.07]. Tuy nhiên, do nguồn lực hạn chế nên không thể làm quá nhiều việc cùng lúc, các hoạt động đánh giá này thường có độ trễ.

**Bảng 8.2.1. Thống kê tình hình tuyển sinh ngành Kinh tế giai đoạn 2014 -2019**

Năm học	Thí sinh				
	Số người nộp hồ sơ dự tuyển	Số người trúng tuyển	Số người nhập học/ ghi danh	Tổng số thí sinh theo học	Ghi chú
2014 - 2015	315	195	173	173	
2015 - 2016	571	222	164	164	
2016 - 2017	320	226	199	199	
2017 - 2018	531	270	252	252	
2018 - 2019	605	378	340	293	

(Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo)

## 2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Học viện xác định rõ ràng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

## 3. Điểm tồn tại

Có độ trễ trong phân tích và đánh giá tính hợp lý của quá trình tuyển sinh trước và sau kỳ tuyển sinh.

## 4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Khoa phối hợp với Phòng QLĐT tiếp tục nghiên cứu các hình thức và phương pháp tuyển chọn người học phù hợp với tình hình thực tiễn, công bố rộng rãi các hình thức và phương pháp tuyển sinh một cách công khai

và minh bạch.

- **Khắc phục tồn tại:** Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Khoa tăng cường thảo luận thông qua các cuộc họp online, đồng thời phối hợp với Phòng QLĐT thực hiện phân tích tình hình, đánh giá tính hợp lý của quá trình tuyển sinh trước và sau kỳ tuyển sinh.

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.**

### **1. Mô tả**

Khoa Kinh tế và Học viện có một hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học Ngành Kinh tế một cách chặt chẽ và hiệu quả. Trên cơ sở kế hoạch của Học viện, Khoa Kinh tế, Khoa Kinh tế phát triển, Khoa Chính sách Công trực tiếp tham gia vào hệ thống quản lý giám sát theo học chế tín chỉ để giám sát, theo dõi và đánh giá sự tiến bộ của người học của từng chuyên ngành được quản lý bao gồm: (1) giảng viên giảng dạy học phần, (2) Cố vấn học tập, (3) Trợ lý khoa, (4) Phòng CT&CTsinh viên, Phòng QLĐT, (5) hệ thống phần mềm quản lý theo học chế tín chỉ tại địa chỉ địa chỉ <http://qldt.apd.edu.vn>; [Tinchi.apd.edu.vn](http://Tinchi.apd.edu.vn) [**H1.05.04.01**], [**H1.08.03.05**]. Hiện nay, các CVHT trong Khoa Kinh tế, Khoa KTPT, Khoa Chính sách công đều là các thầy cô có nhiều năm kinh nghiệm, am hiểu về ngành đào tạo và CTĐT để có thể sát sao với các sinh viên, tư vấn một cách hiệu quả về kế hoạch và tiến độ học tập, phương pháp học tập, phương thức kiểm tra, đánh giá học tập theo học chế tín chỉ. Việc tư vấn học tập được tiến hành đều đặn thường kỳ trong các buổi sinh hoạt lớp hay trong tuần sinh hoạt chính trị đầu năm cho sinh viên, đặc biệt các sinh viên thuộc diện cảnh báo kết quả học tập [**H1.05.04.01**].

Đánh giá kết quả học tập rèn luyện của người học được quy định tại Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện [**H1.02.01.06**], [**H1.08.03.01**], [**H1.08.03.02**]. Giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, thành quả học tập, khối lượng học tập của người học được thiết lập trên cơ sở thu thập, khai thác và sử dụng các thông tin liên quan đến: (1) chuẩn mực đạo đức của

người học (tình trạng khen thưởng, kỷ luật, rèn luyện...); (2) số lượng tín chỉ hoàn thành theo kế hoạch học tập và (3) kết quả học tập **[H1.04.01.06]**, **[H1.02.01.06]**.

Các hoạt động quản lý giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học theo học chế tín chỉ được thực hiện theo quy trình như sau:

- Để đánh giá kết quả học tập của người học, đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT ngành Kinh tế cũng đã nêu rõ phương thức đánh giá mỗi học phần. Nội dung phương thức đánh giá mỗi học phần bao gồm: Hình thức thi, thời gian thi kết thúc học phần; thành phần điểm: điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần; cấu trúc đề thi theo thang **[H1.02.01.05]**.

- Đối với từng lớp học, căn cứ theo quy định về công tác CVHT, đội ngũ CVHT hàng tháng sẽ gặp lớp quản lý theo quy định của Học viện. Các CVHT có trách nhiệm phổ biến các thông báo chính sách từ nhà trường đến sinh viên, lắng nghe và tư vấn sinh viên các vấn đề về học tập, giám sát quá trình học tập của sinh viên. Bên cạnh đó Trợ lý khoa, các giảng viên giảng dạy và cán bộ lớp cũng là đội ngũ giúp công tác giám sát và theo dõi quá trình và tiến độ học tập của sinh viên được sát sao, kịp thời và có hiệu quả **[H1.05.04.01]**, **[H1.08.03.06]**.

- Vào cuối mỗi học kỳ, sinh viên phải tự đánh giá về kết quả học tập và rèn luyện của mình, tự chấm điểm phân loại Phiếu tự đánh giá sẽ được cán bộ lớp và CVHT cùng toàn thể lớp họp bình xét, kết quả. Phiếu tự đánh giá được nộp lại cho Trợ lý khoa Khoa. Khoa sẽ tiến hành họp xét điểm rèn luyện cho sinh viên. Đây cũng là căn cứ để đề nghị xét học bổng và các khen thưởng năm học cho sinh viên theo quy định **[H1.08.03.04]**.

- Học viện cũng rà soát, thông báo tới các sinh viên thuộc diện cảnh báo kết quả học tập hàng năm **[H1.08.03.03]**. Học viện luôn cố gắng xây dựng hệ thống theo dõi tình hình học tập của sinh viên có sự liên kết giữa Học viện với gia đình sinh viên thông qua việc gửi kết quả học tập về cho gia đình **[H1.08.03.06]**.

Mọi thông tin về kế hoạch học tập, thời khóa biểu, lịch thi kết thúc học kỳ, điểm thi và các thông tin liên quan đến người học được thông báo kịp thời và đầy



đu theo đường công văn, trên bảng thông báo, trên website của Học viện. Học viện CS&PT đã nỗ lực triển khai hệ thống công thông tin cho người học có thể theo dõi và tra cứu thời khóa biểu, đề cương các học phần, lịch giảng dạy của giảng viên, kết quả học tập tại địa chỉ [www.tinchi.apd.edu.vn](http://www.tinchi.apd.edu.vn). Mỗi người học có một tài khoản truy cập riêng để theo dõi kết quả học tập, rèn luyện theo từng năm học và kết quả này được lưu trữ tại hệ thống cơ sở dữ liệu của Học viện.

**Bảng 8.3.1: Tình hình sinh viên ngành Kinh tế thô học  
giai đoạn 2014 -2019**

<b>Năm học</b>	<b>Tổng số sinh viên ngành kinh tế thô học</b>	<b>Số nghỉ học tự nguyện</b>	<b>Số nghỉ học do chất lượng học tập thấp</b>	<b>Số bị buộc thô học do vi phạm kỉ luật</b>
2014 – 2015	26	20	0	6
2015 - 2016	18	17	0	1
2016 - 2017	22	14	0	8
2017 - 2018	28	19	0	9
2018 - 2019	16	16	0	0
<b>Cộng</b>	<b>110</b>	<b>86</b>	<b>0</b>	<b>24</b>

(Nguồn: Phòng Quản lý Đào tạo)

Đối với điểm rèn luyện, Khoa tổ chức xét điểm rèn luyện theo học kỳ sau khi có kết quả học tập của sinh viên. Quy trình được thực hiện từ việc các lớp sinh viên tổ chức xét điểm rèn luyện, cố vấn học tập kiểm tra lại dựa theo các tiêu chí về học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động khác. Khoa sẽ tổ chức xét điểm rèn luyện chung cho cả Khoa, thành phần bao gồm đại diện Học viện (Phòng CT&CTSV), lãnh đạo khoa, trợ lý khoa và cố vấn học tập các lớp. Điểm rèn luyện cả năm được nhập trên phần mềm quản lý điểm rèn luyện, kết quả xét ĐRL được Học viện phê duyệt sẽ được gửi lại cho các khoa qua email. Kết quả học tập và điểm rèn luyện là căn cứ để xét khen thưởng các danh hiệu cho cá nhân sinh viên, danh hiệu cho tập thể lớp. Các tiêu chí khen thưởng được quy định rõ ràng [H1.04.01.06].

Có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện, theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp. Học viện sử dụng phần mềm quản lý đào tạo CMC để quản lý đào tạo. Phần mềm này có 2 hệ thống: (1) Hệ thống tác nghiệp dành cho các phòng/ban chức năng; (2) Hệ thống quản lý đăng ký tín chỉ và quản lý quá trình học của sinh viên. Hệ thống tác nghiệp gồm 09 chức năng chính và 2 modul cài đặt: (1) quản lý học viên, sinh viên; (2) quản lý đào tạo; (3) quản trị hệ thống; (4) quản trị nhân sự; (5) đánh giá, phân loại xếp hạng; (6) hệ thống báo cáo; (7) phân quyền dữ liệu; (8) modul xếp lịch học; (9) module xếp lịch thi. Tuy nhiên, một số nội dung hiển thị ở phần mềm này như trích xuất kết quả sinh viên nợ môn, sinh viên nợ học phí theo kỳ hơi khó quan sát. Đối với sinh viên, hệ thống quản lý đăng ký tín chỉ và quản lý quá trình học của sinh viên dùng để theo dõi sự tiến bộ, thành tích và khối lượng học tập của sinh viên. Mỗi sinh viên được cung cấp tài khoản cá nhân để truy cập vào hệ thống bất kỳ lúc nào để nắm rõ các thông tin cần biết như: chương trình đào tạo, quy trình đăng ký môn học, thông báo, đăng ký các học phần của kỳ hiện tại, thời khoá biểu, lịch học, lịch thi, điểm các học phần và quản lý học phí [H1.08.03.05].

**Bảng 8.3.2: Bảng theo dõi tỷ lệ sinh viên hoàn thành CTĐT Kinh tế giai đoạn 2014 – 2019**

Khóa sinh viên	Số liệu nhập học		Sinh viên hoàn thành CTĐT 4 năm	
	Năm học	Số lượng sinh viên	Năm học	Số lượng sinh viên tốt nghiệp đúng hạn
K2	2011-2012	125	2014-2015	117
K3	2012 - 2013	91	2015 - 2016	83
K4	2013 - 2014	134	2016 - 2017	110
K5	2014 - 2015	173	2017 - 2018	115
K6	2015 - 2016	164	2018 - 2019	50
K7	2016 - 2017	199		

K8	2017 - 2018	252	Chưa hoàn thành
K9	2018 - 2019	293	

(Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo)

Bên cạnh đó, hàng năm Học viện tổ chức các kết quả khảo sát trung cầu ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy, về những điều kiện đảm bảo chất lượng học phần, mức độ hài lòng của sinh viên đối với CTĐT cũng được Học viện sử dụng trong việc bổ sung hay điều chỉnh các hoạt động giám sát, hỗ trợ người học [H1.01.02.03], [H1.02.02.05], [H1.05.02.01].

## 2. Điểm mạnh

Có đầy đủ quy chế và cơ sở dữ liệu giám sát kết quả học tập và khối lượng học tập của người học.

## 3. Điểm tồn tại

Việc theo dõi sinh viên nợ môn và nợ học phí trên website vẫn còn hơi khó do giao diện kém thân thiện, đôi khi làm một số cố vấn học tập bị lúng túng.

## 4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong học kỳ 2 năm học 2020 – 2021, Học viện giao Phòng QLĐT phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông đề xuất và thực hiện hiện đại hóa hệ thống cơ sở vật chất lưu trữ dữ liệu một cách hệ thống, cập nhật, hiện đại.

- **Khắc phục điểm yếu:** Trong học kỳ 2 năm học 2020– 2021, Phòng QLĐT phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông đề xuất yêu cầu với Công ty CMC thay đổi giao diện chức năng theo dõi sinh viên nợ môn và nợ học phí.

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học**

### 1. Mô tả

Trong việc tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học của sinh viên, Học viện và Khoa Kinh tế

đã huy động toàn hệ thống chính trị vào cuộc. Những bộ phận chịu trách nhiệm chính là Đảng ủy Học viện, Lãnh đạo Học viện, lãnh đạo Khoa, các phòng ban chức năng, Đoàn Thanh niên Học viện, Liên Chi đoàn Khoa, cố vấn học tập [H1.07.01.01], [H1.08.04.02], [H1.04.01.07], [H1.08.04.04]. Với sinh viên mới nhập học, nhằm giúp các em có thể sớm hòa nhập với môi trường học tập trong trường đại học, Học viện đã phổ biến nội quy, quy chế, phương pháp học tập cho sinh viên trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá. Đối với các sinh viên đang học tập, cùng với các phòng ban chức năng, Khoa Kinh tế là đơn vị trực tiếp quản lý, tư vấn và hỗ trợ sinh viên ngành Kinh tế trong quá trình học tập. Các em sinh viên được giải đáp các thắc mắc qua cố vấn học tập, ban cán sự lớp. Hình thức tư vấn có thể thông qua email, tài khoản trực tuyến của sinh viên, mục diễn đàn, góp ý trên website chính thức của trường, hoặc gặp trực tiếp trong giờ làm việc của các đơn vị, hoặc thông qua các buổi gặp mặt, họp lớp, sinh hoạt học thuật, hoặc các buổi đối thoại sinh viên... được tổ chức cho sinh viên. Bên cạnh đó, hàng năm Khoa còn chủ động tổ chức buổi gặp mặt tân sinh viên của khoa để trao đổi với các tân sinh viên về nội quy, quy chế học tập, rèn luyện tại Khoa và Học viện, về công tác NCKH sinh viên, công tác Đoàn Thanh niên. Hàng năm, hội nghị đối thoại sinh viên đều được tổ chức để lắng nghe ý kiến phản hồi của người học về các nội dung như học tập, cơ sở vật chất, nghiên cứu khoa học, công tác đoàn thể... Hội nghị đối thoại sinh viên hàng năm đều mời các đại diện của các bộ phận chức năng để giải đáp các ý kiến của người học [H1.04.02.04].

**Bảng 8.4.1: Thống kê tình hình sinh viên tốt nghiệp  
và được hỗ trợ giới thiệu có việc làm trong 5 năm 2014 - 2019**

Năm học	Số sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn/số sinh viên học đủ 4 năm		Số sinh viên được tư vấn, giới thiệu việc làm		Số sinh viên tốt nghiệp và có việc làm sau 1 năm ra trường	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)

2014-2015	117	93,6	125	100%	103	88,7
2015-2016	83	91,2	91	100%	72	87,8
2016 - 2017	110	82,1	134	100%	89	81,4
2017 - 2018	87	44,2	173	100%	74	85,9
2018 - 2019	43	26,2	164	100%	39	87,4

(Nguồn: Phòng CT&CTsinh viên)

Phòng CT&CTSV là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc tư vấn việc làm cho sinh viên tại Học viện Chính sách và Phát triển [H1.08.04.02]. Đơn vị này phối hợp với Khoa có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học để: liên hệ thực tập thực tế; trao đổi, hợp tác với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng; tăng cường kỹ năng mềm, các Hội chợ việc làm, hội thảo tuyển dụng, seminar hướng nghiệp cuối khóa tạo điều kiện để từ đó sinh viên hiểu biết về nghề nghiệp sau này và có thông tin cũng như cơ hội về thị trường việc làm [H1.08.04.03], [H1.08.04.05].

Học viện đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện thường xuyên các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập cho sinh viên đang học tại Học viện. Các hoạt động có thể kể đến là: công tác tư vấn, hỗ trợ học tập của lãnh đạo Khoa, các giảng viên với vai trò CVHT, nghiên cứu khoa học sinh viên, các đợt thăm quan thực tế các doanh nghiệp, tổ chức hội chợ việc làm, trò chuyện thực tế với các chuyên gia (trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, giám đốc các doanh nghiệp, kế toán trưởng các doanh nghiệp...)... [H1.08.04.01], [H1.04.02.04], [H1.08.04.05]. Dù vậy, nguồn lực dành cho các hoạt động tư vấn hỗ trợ và tham quan thực tế còn hạn chế, vì vậy, ngoài những hỗ trợ của Học viện, sinh viên phải tự đóng góp một phần chi phí trong những hoạt động tham quan thực tế đó.

Để tạo điều kiện cho sinh viên nâng cao các kỹ năng mềm, giao lưu trong học tập, trao đổi kiến thức cho sinh viên, Học viện đã thành lập một số Câu lạc bộ, các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo, các giải thể thao, bóng đá, văn nghệ, các câu lạc bộ, nghiên cứu Khoa học sinh viên... Hưởng ứng hoạt động của các Câu lạc bộ, hoạt động ngoại khóa này, sinh viên Ngành Kinh tế tham gia khá tích cực, là những sân chơi thú vị, mới mẻ, bổ ích và lành mạnh cho các bạn sinh viên để tăng

cường các kỹ năng mềm và cân bằng cuộc sống [H1.04.01.07]. Mặc dù vậy, các hoạt động của Câu lạc bộ mới chỉ có sức lan tỏa đến một bộ phận các sinh viên có thái độ tích cực, thường xuyên tham gia các hoạt động của Khoa.

Sinh viên được bố trí thời gian đi thực tập tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên tìm hiểu thực tế, vận dụng những kiến thức đã học vào làm thực tế nên tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành Kinh tế sau 12 tháng tốt nghiệp 5 năm gần đây đều trên 80%. Kết quả của các hoạt động hỗ trợ học tập hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học thể hiện trực tiếp thông qua tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm hàng năm đều trên 80% (Bảng 8.4.1) và mức độ hài lòng của người sử dụng lao động về sinh viên đã tốt nghiệp.

Người học, người tốt nghiệp hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Khảo sát ý kiến người học cho thấy Học viện chăm lo tốt nhu cầu cho sinh viên về sức khỏe, nhu cầu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao (tỷ lệ 19% người được hỏi hoàn toàn đồng ý, 57% đồng ý), các hoạt động Đoàn giúp ích và có tác dụng thiết thực đối với sinh viên (tỷ lệ 27% người được hỏi hoàn toàn đồng ý, 66% đồng ý); sinh viên được định hướng nghề nghiệp tốt từ phía Khoa (tỷ lệ 13% người được hỏi hoàn toàn đồng ý, 51% đồng ý) [H1.05.02.01].

## **2. Điểm mạnh**

Học viện, Khoa luôn có kế hoạch chi tiết triển khai định kỳ các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ sinh viên tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp sinh viên nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường.

Có mạng lưới đa dạng các cơ quan doanh nghiệp hợp tác chặt chẽ hỗ trợ, tư vấn các hoạt động cho sinh viên.

## **3. Điểm tồn tại**

- Sức lan tỏa của các Câu lạc bộ trong Khoa còn hạn chế.
- Nguồn lực dành cho các hoạt động tư vấn hỗ trợ còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong năm học 2020 – 2021, Khoa phối hợp với Phòng CT&CTSV và các phòng ban chức năng liên quan tiếp tục tổ chức thêm

nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động chuyên môn hỗ trợ sinh viên tăng cường kiến thức thực tiễn. Khoa cũng kết hợp với Phòng CT&CTSV và các đơn vị chức năng của Học viện kết nối và kí thêm nhiều biên bản hợp tác giữa khoa với các doanh nghiệp nhằm tăng cường phối hợp đào tạo và tăng thêm cơ hội việc làm cho sinh viên.

- **Khắc phục điểm yếu:** Trong năm học 2020 - 2021, Khoa Kinh tế và các Khoa liên quan tăng thêm nhân lực hỗ trợ hoạt động Câu lạc bộ trong Khoa; bổ sung kinh phí hỗ trợ các hoạt động tư vấn thực tế tại các doanh nghiệp.

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 4/7).

***Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học***

### **1. Mô tả**

Khuôn viên, diện tích, điều kiện cơ sở vật chất của Học viện tạo môi trường học tập thân thiện tạo ra được môi trường tâm lý thoải mái cho người học. Học viện đang sử dụng 08 tầng thuộc tòa nhà làm việc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư do Phòng Quản trị 2 (QT2) – Văn phòng Bộ có trách nhiệm quản lý chung tòa nhà với cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại. Tại các khu vực giảng đường Học viện đều có các khẩu hiệu nhắc nhở sinh viên về ý thức kỉ luật, giữ vệ sinh tại nơi học tập. Khuôn viên Học viện rộng rãi, thoáng mát và được đầu tư vào công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, lớp học luôn sạch sẽ, hệ thống thoát nước tốt. Các hành lang, sảnh đều có bố trí cây xanh phù hợp [H1.08.05.01], [H1.08.05.02]. Tuy nhiên, cơ sở học tập tại trụ sở D25 có diện tích còn khiêm tốn, khu vận động của sinh viên còn hạn chế.

Học viện, Khoa Kinh tế, Khoa KTPT, và Khoa Chính sách công cũng luôn tạo điều kiện cho các câu lạc bộ như Câu lạc bộ Starup and marketing, Câu lạc bộ Kỹ năng sống, Câu lạc bộ Thanh niên Tình nguyện, Câu lạc bộ Nhạc cụ, Câu lạc bộ Tiếng Anh hình thành, phát triển tạo không khí học tập và rèn luyện sôi nổi. Ngoài ra, để tạo ra môi trường làm việc thân thiện, thoải mái, nhà trường đã tổ chức hàng loạt các sân chơi giúp sinh viên tham gia các hoạt động tập thể, Học viện đã hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động, điển hình như các hội thao, hội diễn văn nghệ, các cuộc

thi nhảy, thi tài năng, ngày hội các câu lạc bộ, tham gia các chương trình liên hoan nghệ thuật quốc tế. Chuỗi sự kiện văn hóa, văn nghệ này đã trở thành hoạt động tinh thần không thể thiếu được của các sinh viên **[H1.04.01.07]**.

Về công tác an toàn, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy được chú trọng. Học viện tổ chức tập huấn về phòng cháy chữa cháy cho toàn thể cán bộ và sinh viên của Học viện và thường xuyên kiểm tra thiết bị, hệ thống chữa cháy và lập Biên bản kiểm tra/nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường **[H1.08.05.03]**. Hệ thống PCCC của Học viện do Phòng Quản trị 2 thuộc Văn phòng Bộ quản lý, là hệ thống PCCC chung của cả tòa nhà D25. Quy chế công tác phòng cháy và chữa cháy của tòa nhà D25 đã được Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt; thiết bị PCCC được trang bị đầy đủ ở các tầng và được bảo dưỡng định kỳ.

Từ học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, Học viện chuyển về cơ sở mới tại Nam An Khánh đây là cơ sở mới hiện đại đáp ứng đầy đủ các nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học và giải trí phù hợp với tất các đối tượng trong Học viện , có hệ thống giảng đường, ký túc xá, nhà ăn, sân tập... hiện đại tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong sinh hoạt **[H1.08.05.01]**.

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, Học viện duy trì tổ chức hoạt động khám sức khỏe cho sinh viên mới nhập học hàng năm. Học viện có bộ phận y tế giám sát học đường, bộ phận y tế của Học viện phối hợp với các đơn vị chức năng tuyên truyền vận động, đôn đốc, kiểm tra vệ sinh môi trường, nơi làm việc, giảng đường để phòng chống dịch bệnh, thông báo về nguy cơ nhiễm bệnh theo mùa. sinh viên và cán bộ của Học viện đều có bảo hiểm y tế **[H1.08.05.04]**.

Hàng năm Học viện tiến hành lấy ý kiến tham khảo và phản hồi của người học và các bên liên quan về môi trường tâm lí, xã hội và cảnh quan của Học viện. Trên 90% người học và 95% giảng viên và cán bộ Học viện đều cho rằng Học viện đã tạo điều kiện môi trường thuận lợi tối đa cho người học, các phòng ban được bố trí thuận lợi, cảnh quan môi trường sạch sẽ, văn minh **[H1.05.02.01]**.



## 2. Điểm mạnh

Học viện luôn không ngừng nâng cấp, cải thiện môi trường cảnh quan, hoàn thiện môi trường tâm lý, xã hội, quan tâm chăm lo sức khỏe cho sinh viên, tạo điều kiện học tập tốt nhất cho sinh viên trong Học viện.

## 3. Điểm tồn tại

Cơ sở học tập tại trụ sở D25 có diện tích còn khiêm tốn, khu vận động của sinh viên còn hạn chế.

## 4. Kế hoạch hành động

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong học kỳ 2 năm học 2020 – 2021, Trung tâm Hỗ trợ Đào tạo phối hợp với Phòng TC-HC, Phòng CT&CTSV tăng cường công tác tuyên truyền, bảo vệ cảnh quan môi trường Học viện tới tất cả các bên liên quan đến cơ sở mới tại Nam An Khánh.

- **Khắc phục tồn tại:** Năm học 2020-2021, Học viện chuyển hoàn toàn các chương trình bậc Đại học về cơ sở mới tại Nam An Khánh đảm đầy đủ toàn diện các yếu tố về môi trường cảnh quan đáp ứng yêu cầu người học.

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

### Kết luận về Tiêu chuẩn 8:

#### - Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

+ Học viện công bố chính sách tuyển sinh công khai, đa dạng về hình thức; Phương thức tuyển sinh của Học viện cũng được đa dạng hóa.

+ Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Học viện xác định rõ ràng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

+ Học viện có đầy đủ quy chế và cơ sở dữ liệu giám sát kết quả học tập và khối lượng học tập của người học.

+ Học viện và Khoa luôn có kế hoạch chi tiết triển khai định kỳ các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ sinh viên tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp sinh viên nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường; Xây dựng được mạng lưới đa dạng các cơ quan doanh

nghiệp hợp tác chặt chẽ hỗ trợ, tư vấn các hoạt động cho sinh viên.

+ Học viện luôn không ngừng nâng cấp, cải thiện môi trường cảnh quan, hoàn thiện môi trường tâm lý, xã hội, quan tâm chăm lo sức khỏe cho sinh viên, tạo điều kiện học tập tốt nhất cho sinh viên trong Học viện.

**- Tồn tại chủ yếu của tiêu chuẩn:**

+ Mặt bằng điểm trúng tuyển và tỷ lệ nhập học/trúng tuyển chưa tăng lên trong những năm gần đây;

+ Việc phân tích và đánh giá tính hợp lý của quá trình tuyển sinh trước và sau kỳ tuyển sinh còn có độ trễ;

+ Việc theo dõi sinh viên nợ môn và thiếu học phí trên website vẫn còn hơi khó do giao diện kém thân thiện, đôi khi làm một vài cố vấn học tập bị lúng túng;

+ Cơ sở học tập tại trụ sở D25 có diện tích còn khiêm tốn, khu vận động của sinh viên còn hạn chế.

Học viện, Khoa đã xây dựng kế hoạch hành động nhằm khắc phục những điểm tồn tại này.

**- Tóm tắt mức đạt của các tiêu chí trong tiêu chuẩn:** Tiêu chuẩn 8 có 05 tiêu chí, trong đó có 04 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm và 01 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

## **TIÊU CHUẨN 9.**

### **CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ**

#### **Mở đầu**

Một trong những điều kiện tiên quyết để đảm bảo cho việc triển khai và thực hiện được CTĐT; đảm bảo cho việc thực hiện được các mục tiêu đào tạo và đạt được CDR của CTĐT là cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học. Học viện CS&PT đã trang bị một hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, thư viện và các nguồn học liệu đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các CTĐT thuộc hệ đại học và sau đại học, trong đó có CTĐT cử nhân ngành Kinh tế.

***Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

#### **1. Mô tả**

Học viện CS&PT có đầy đủ phòng làm việc, phòng học đáp ứng đủ theo yêu cầu thiết kế của CTĐT. Tại cơ sở D25, Học viện hiện có 27 phòng làm việc, trong đó khoa Kinh tế, và các Khoa Quản lý chuyên ngành được bố trí 01 phòng làm việc, với diện tích 23m<sup>2</sup>; Học viện có 26 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 2.351,8 m<sup>2</sup> [H1.09.01.01]. Diện tích sàn xây dựng phục vụ trực tiếp đào tạo tính trên 01 sinh viên đại học hệ chính quy là 7,05 m<sup>2</sup>/sinh viên. Tại cơ sở Nam An Khánh, Học viện hiện có 93 phòng làm việc, 95 phòng học, hội trường, phòng hội thảo với diện tích sử dụng là 50.876 m<sup>2</sup> [H1.09.01.02], tuy nhiên, tính đến tháng 2/2020, hệ thống phòng làm việc chưa hoàn thiện, các khoa và các phòng còn phải ngồi chung nhau trên các phòng giảng đường. Khoa Kinh tế sử dụng phòng học chung với các khoa khác trong Học viện. Trước học kỳ 1 năm học 2019 – 2020, các học phần Giáo dục thể chất Học viện tổ chức học tại nhà thi đấu của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh [H1.09.01.03]. Đối với học phần Giáo dục quốc phòng, Học viện tổ chức cho sinh viên học tập tại Trung tâm giáo dục quốc phòng – Trường đại học Sư phạm Hà Nội 2 [H1.09.01.04]. Từ học kỳ 2 năm học 2019 – 2020, Học viện có khu liên hiệp thể thao phục vụ cho việc học Giáo dục thể chất và

hoạt động ngoài giờ, đảm bảo thiết kế theo đúng tiêu chuẩn [**H1.09.01.02**].

Các phòng chức năng của Học viện gồm: Phòng Trang thiết bị, Phòng CT&CTSV, Bộ phận Y tế, Phòng Giám đốc, Thư viện, Phòng TC-HC, Phòng QLĐT, Phòng họp, Phòng Kế hoạch tài chính, Phòng Phó Giám đốc, Phòng Khoa học và Hợp tác, Trung tâm KT&ĐBCL. Các phòng chức năng trực tiếp hỗ trợ cho hoạt động của khoa. Các đơn vị chức năng này đều được bố trí từ một đến hai phòng làm việc với diện tích trung bình từng năm như sau: 10,84m<sup>2</sup>/người (2014), 10,55 m<sup>2</sup>/người (2015); 10,32m<sup>2</sup>/người (2016); 12,66m<sup>2</sup>/người (2017), 13,35m<sup>2</sup>/người (2018 – 2019) [**H1.09.01.01**].

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Học viện được trang bị đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, máy chiếu, loa, micro...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [**H1.09.01.05**]. Tại cơ sở D25, các phòng làm việc được thiết kế đạt tiêu chuẩn, đều có hệ thống ánh sáng, điều hòa với đầy đủ bàn ghế, máy tính, máy in, máy photo đảm ứng yêu cầu của các phòng, ban, khoa. Văn phòng Khoa Kinh tế có 01 máy tính, máy in, bộ lưu điện, điện thoại bàn, bàn làm việc, ghế, tủ sắt 8 ngăn và 6 ngăn, tủ đựng tài liệu quạt đảo trần, TP-Link,... phục vụ sinh hoạt khoa [**H1.09.01.05**]. Tất cả các phòng học được trang bị máy chiếu, bảng, máy tính và hệ thống âm thanh để hỗ trợ hoạt động giảng dạy. Học viện đã có quy định về trang bị, quản lý và sử dụng trang thiết bị, cơ sở vật chất một cách chặt chẽ [**H1.09.01.06**].

Định kỳ, hàng năm Học viện luôn tổ chức kiểm kê tài sản theo đúng chế độ quy định [**H1.09.01.05**]. Phần lớn các trang thiết bị được quản lý theo phương thức dùng chung giữa các đơn vị trong Học viện nên tận suất và hiệu quả sử dụng thiết bị cao, linh hoạt trong giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên, học tập hiệu quả ở sinh viên [**H1.09.01.06**]. Hiện nay, tại cơ sở Nam An Khánh, Học viện đã có kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị. Cụ thể, tại các giảng đường, các trang thiết bị sẽ được nâng cấp bao gồm hệ thống bóng đèn chiếu sáng, màn chiếu, máy chiếu projector, hệ thống âm thanh, micro, hệ thống điều hòa, phương tiện dạy học trực tuyến, phòng học trực tuyến ... [**H1.09.01.05**]. Bắt đầu từ học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, Học viện chuyển sang làm việc tại trụ sở Nam An Khánh. Tại đây, ngoài trang thiết bị đồng bộ và hiện đại, Học viện còn có số lượng

các giảng đường, phòng chức năng, ký túc xá, sân chơi,... và các điều kiện cần thiết khác để phục vụ tốt nhất công tác đào tạo của Học viện bắt đầu từ năm 2020.

## **2. Điểm mạnh**

Học viện luôn có trang bị hệ thống giảng đường và các trang thiết bị đồng bộ, hiện đại đáp ứng các yêu cầu cơ bản cho công tác đào tạo, nghiên cứu, cũng như quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên ở cả hai cơ sở là D25 và sau đó là Nam An Khánh.

Bắt đầu từ học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, Học viện chuyển sang làm việc tại trụ sở Nam An Khánh. Tại đây, ngoài trang thiết bị đồng bộ và hiện đại, Học viện còn có số lượng các giảng đường, phòng chức năng, ký túc xá, sân chơi,... và các điều kiện cần thiết khác để phục vụ tốt nhất công tác đào tạo của Học viện bắt đầu từ năm 2020.

## **3. Điểm tồn tại**

Hiện nay, Học viện đã chuyển về trụ sở mới ở Nam An Khánh. Tại đây, một số phòng hiện chưa hoàn thiện nên các phòng làm việc, văn phòng các khoa, và phòng chức năng đang được phân chia bằng vách ngăn trong các phòng học lớn, không gian làm việc khó tránh được ồn ào và dễ gây mất tập trung.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Từ năm học 2020-2021, Học viện giao Ban Quản lý Đầu tư phối hợp với Phòng Kế hoạch Tài chính tiếp tục thực hiện kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong năm học 2020-2021, Học viện giao Ban Quản lý dự án hoàn thiện các phòng làm việc, văn phòng Khoa và phòng chức năng để đưa vào hoạt động, chấm dứt tình trạng các bộ phận này phải ngồi chung tại các phòng giảng đường.

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

***Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

### **1. Mô tả**

Thư viện Học viện CS&PT (sau đây gọi tắt là Thư viện) được thành lập theo

Quyết định số 356/QĐ-HVCSPT của Giám đốc Học viện ngày 31/7/2009 [H1.09.02.09]. Hiện nay Thư viện trực thuộc Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông được thành lập ngày 30 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định số 828/QĐ-HVCSPT của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển [H1.09.02.10].

Tổng diện tích sử dụng của Thư viện tại cơ sở D25 là 146 m<sup>2</sup> bao gồm các gian liên thông với nhau trên cùng một mặt bằng để tiện thủ tục mượn trả, tìm tài liệu, đọc sách, tự học, gồm: khu vực bàn làm việc của cán bộ, kho sách, kho báo tạp chí, kho tài liệu nội sinh và phòng đọc sách có sức chứa khoảng 60 chỗ ngồi [H1.09.01.01].

Tổng diện tích sử dụng của Thư viện tại cơ sở Nam An Khánh trong học kỳ II – năm học 2019 – 2020 là 168m<sup>2</sup>, phòng đọc 60 chỗ ngồi. Trong học kỳ I năm học 2020 – 2021, Thư viện chính thức tại cơ sở này sẽ được hoàn thiện với 04 tầng sử dụng và đầy đủ trang thiết bị hiện đại [H1.09.01.07]. Như vậy, có thể thấy trước khi Thư viện mới ở cơ sở Nam An Khánh đi vào hoạt động, tại cơ sở D25 và Thư viện tạm thời ở Nam An Khánh có diện tích phòng đọc phục vụ tại thư viện còn khiêm tốn, chưa đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của sinh viên, đặc biệt là số lượng đông đảo sinh viên lên học tập, mượn tài liệu vào mùa thi.

Bên cạnh thư viện truyền thống, Học viện xây dựng thư viện số với nguồn tài liệu tiếng Việt và tiếng nước ngoài phong phú, đa dạng, được cập nhật thường xuyên (có khoảng 1,2 triệu đầu tài liệu) tại địa chỉ: <http://thuvienso.apd.edu.vn/> và có liên kết tới thư viện số của khoảng 81 Trường Đại học trong cả nước (thể hiện trong website thư viện số) [H1.09.02.06]. Tất cả cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên đang làm việc, học tập và nghiên cứu tại Học viện đều được cấp tài khoản sử dụng thư viện số miễn phí [H1.09.02.06].

Thư viện có 02 nhân viên, 02 máy tính làm việc và 02 máy tính tra cứu. Thư viện còn có 01 máy photo để phục vụ photo tài liệu cho bạn đọc nếu có yêu cầu. Nhìn chung, số lượng máy tính phục vụ sinh viên tra cứu tài liệu còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu của sinh viên, nhất là vào mùa thi.

Toàn bộ tài liệu, giáo trình, sách tham khảo được liệt kê trong đề cương nghiên cứu các môn học trong CTĐT của Ngành Kinh tế đều đảm bảo có sẵn ở thư viện của Học viện để sinh viên tham khảo. Thư viện có 110 đầu sách phục vụ cho

các học phần của chương trình đào tạo Ngành Kinh tế gồm 50 đầu giáo trình, 60 đầu tài liệu tham khảo [H1.09.02.01], số tạp chí chuyên ngành là 15 (năm 2014), 18 (năm 2015), 20 (năm 2016), 26 (năm 2017) [H1.09.02.02]. Có 520 khóa luận, 146 luận văn thạc sĩ, 38 luận án tiến sĩ [H1.09.02.03]. Bên cạnh đó, thư viện còn có 164 đầu sách là các tài liệu phục vụ cho việc giải trí, mở rộng kiến thức cho giảng viên và sinh viên của chuyên ngành như các sách kỹ năng về giao tiếp, đàm phán, chiến lược học tập, phương pháp giảng dạy bậc đại học [H1.09.02.05].

Hàng năm Học viện dành kinh phí để mua sách cho thư viện theo danh sách giáo trình và tài liệu do các khoa đề xuất [H1.09.02.08]. Tổng kinh phí hàng năm dao động quanh mức 300 triệu dành để bổ sung sách, 80 triệu dùng để bổ sung báo, tạp chí. Trong 5 năm đã mua mới 13.000 tài liệu bản cứng cho thư viện [H1.09.02.04].

Từ năm 2012, HV quản lý thư viện bằng phần mềm I-lib version 2008, được bảo trì, gia hạn vào năm 2016 để quản lý toàn bộ tài liệu của thư viện [H.1.09.02.07].

## **2. Điểm mạnh**

Thư viện có đầy đủ cơ sở, vật chất, trang thiết bị và nguồn học liệu đáp ứng khá tốt yêu cầu của người học. Các nguồn học liệu, tài liệu, thông tin đầy đủ, phù hợp và có tính cập nhật. Quy trình phục vụ của thư viện dễ hiểu, thuận tiện, cán bộ thư viện nghiêm túc và nhiệt tình.

## **3. Điểm tồn tại**

Số lượng máy tính và diện tích phòng đọc phục vụ tại thư viện còn chưa đáp ứng được nhu cầu của người đọc, đặc biệt là vào mùa thi.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong học kỳ 1 năm học 2020 - 2021, Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông tiếp tục mở rộng liên kết thư viện điện tử, bố trí cán bộ liên kết với các thư viện quốc tế và cơ sở dữ liệu quốc tế, ít nhất tại các thời điểm các thư viện đó mở miễn phí cho các trường đại học ở các nước đang phát triển, để hướng dẫn giảng viên, sinh viên, nghiên cứu viên của Học viện tiếp cận và sử dụng dữ liệu từ các kho tàng quốc tế. Việc làm này sẽ giúp bổ sung kho tàng học liệu, tài liệu của thư viện, đồng thời tiện lợi cho việc tìm kiếm và

sử dụng tài liệu của sinh viên và giảng viên.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong học kỳ I năm học 2020 - 2021, Phòng Kế hoạch - Tài chính và Phòng Quản lý thiết bị bố trí kinh phí bổ sung thêm hai máy tính để tra cứu tài liệu trong thư viện. Ban Quản lý Dự án bố trí thêm một phòng tự học, tự đọc sách cho sinh viên, giảng viên, người nghiên cứu để nâng cao khả năng tự học của người học.

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu**

#### **1. Mô tả**

Học viện có phòng thực hành Tin học, ngoại ngữ diện tích 120 m<sup>2</sup> [H1.09.01.01], [H1.09.03.01] với 40 máy tính được kết nối Internet, phòng được thiết kế theo tiêu chuẩn yêu cầu chất lượng dịch vụ TESTSITE của Công ty cổ phần IIG Việt Nam phù hợp với đào tạo Tin học, ngoại ngữ theo chuẩn IC3. Từ năm 2013 đến năm 2016, phòng thực hành tin học được bố trí tại giảng đường 503, được trang bị 30 máy tính kết nối internet [H1.09.03.04]. Từ năm 2017, Học viện tiếp nhận bàn giao tầng 17 [H1.09.01.01] để bố trí thành phòng thực hành tin học với diện tích 267,9 m<sup>2</sup> được Học viện trang bị 57 máy tính có kết nối internet tốc độ cao [H1.09.01.05], các phòng thực hành Ngoại ngữ được bố trí tại tầng 8 của tòa nhà [H1.09.03.02]. Từ học kỳ 2 năm học 2019-2020, tại Trụ sở Nam An Khánh, Học viện bố trí các phòng thực hành Tin học, Ngoại ngữ với đầy đủ các trang thiết bị loa, mic, tai nghe, hệ thống máy tính kết nối internet. Các máy tính trong phòng thực hành được cài đặt phần mềm như Eviews, Stata, SPSS để phục vụ các học phần như Phân tích và Dự báo kinh tế vĩ mô, Nghiên cứu thị trường, Hệ thống tài khoản quốc gia, Kế hoạch hóa phát triển [H1.09.03.03]. Tuy nhiên, phòng thực hành máy tính cần mua bổ sung máy tính, bàn ghế để đáp ứng quy mô sĩ số lớp của một số học phần như Phân tích và Dự báo kinh tế vĩ mô, Nghiên cứu thị trường, Hệ thống tài khoản quốc gia... cũng như quy mô tuyển sinh của Học viện ngày càng tăng trong những năm tới. Từ học kỳ 2 năm học 2019 - 2020, Học viện bố trí khu vực học giáo dục thể chất cho sinh viên trong khuôn viên của Học viện tại trụ sở



Nam An Khánh [**H1.09.03.03**].

Hàng năm, Học viện có bố trí ngân sách và có kế hoạch mua sắm để cập nhật, nâng cấp, đồng thời cũng có kế hoạch và ngân sách cho việc duy tu, bảo dưỡng trang thiết bị trong các phòng thực hành để phục vụ công tác đào tạo của Học viện [**H1.09.01.05**].

Hiện nay, Học viện giao Phòng TC-HC bố trí cán bộ theo dõi, quản lý trang thiết bị tại các phòng thực hành; xây dựng và ban hành các quy định sử dụng trang thiết bị và lập sổ theo dõi tần suất sử dụng trang thiết bị tại các giảng đường, phòng thực hành. Việc kiểm kê tài sản tại phòng thực hành được diễn ra định kỳ theo quy định [**H1.09.01.05**].

## **2. Điểm mạnh**

Các phòng thực hành của Học viện được quan tâm đầu tư, các thiết bị mới, đồng bộ, hiện đại, có kết nối Internet, phần mềm đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu.

## **3. Điểm tồn tại**

Số máy tính trong một phòng thực hành còn ít. Một số học phần như Phân tích và Dự báo kinh tế vĩ mô, Kế hoạch hóa phát triển, Thẩm định dự án đầu tư, Thị trường chứng khoán, Phân tích kỹ thuật trong đầu tư,... có số lượng sinh viên mỗi lớp học phần khá đông, nên nếu một máy tính nào đó gặp trục trặc trong giờ học, việc đổi máy tính cho sinh viên sẽ gặp khó khăn.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Năm học 2020-2021, Học viện giao Phòng Quản lý đào tạo dựa trên đề xuất của các khoa để cập nhật và cài đặt thêm các phần mềm hiện đại để sử dụng trong các môn học của chương trình đào tạo.

- **Khắc phục tồn tại:** Học viện giao Ban Quản lý dự án đầu tư phối hợp với Phòng TC-HC trong học kỳ I năm học 2020 – 2021 mua thêm máy tính cho phòng thực hành tin và ngoại ngữ để phục vụ hoạt động giảng dạy của các môn học tại phòng học này.

## **5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

***Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

**1. Mô tả:**

Để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu, Học viện đã đầu tư trang bị hệ thống CNTT như máy tính, mạng internet, hệ thống phần mềm, máy in... đảm bảo phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Tại trụ sở D25, số lượng máy tính được trang bị là 180 máy. Cán bộ quản lý, chuyên viên các phòng ban, khoa đều được trang bị máy vi tính, máy in cố định. Máy vi tính dành cho giảng dạy, học tập được lắp đặt tại phòng thực hành máy tính, thư viện, văn phòng Khoa, tại các giảng đường. Tất cả máy tính của Học viện đều được kết nối internet. Tất cả các địa điểm của Học viện đều có thể bắt được wifi phục vụ cho việc giảng dạy, học tập, NCKH và các hoạt động khác [H1.09.04.01]. Hệ thống máy tính được cài đặt các phần mềm có bản quyền để phục vụ theo các chức năng hoạt động phục vụ cho công tác đào tạo và học tập [H1.09.04.02], [H1.09.04.03]. Theo kế hoạch, từ học kỳ 2 năm học 2019 – 2020, Học viện sẽ trang bị một số lượng lớn máy tính phục vụ cho hoạt động giảng dạy [H1.09.03.05]. Đối với hoạt động đào tạo, Học viện trang bị phần mềm quản lý [H1.09.04.04], bao gồm phân hệ cho người quản lý (cán bộ các phòng ban, giảng viên) tại địa chỉ [www.apd.edu.vn](http://www.apd.edu.vn) và phân hệ cho người học tại địa chỉ [www.tinchi.apd.edu](http://www.tinchi.apd.edu). Hiện nay, Học viện có cổng thông tin điện tử tại địa chỉ [www.apd.edu.vn](http://www.apd.edu.vn) [H1.09.04.05], fanpage cấp Học viện (<https://www.facebook.com/tvtsapd/>), kênh truyền thông trên Youtube (APD TV Channel), một website Khoa KTPT (<http://apd.edu.vn/khoa-ke-hach-phat-trien>) và Khoa Kinh tế (<http://apd.edu.vn/khoa-kinh-te>) một fanpage Khoa KTPT (<https://www.facebook.com/Khoa-Kinh-t%E1%BA%BF-ph%C3%A1t-tri%E1%BB%83n-APD-682910635179551/>) [H1.09.04.06]. Học viện được trang bị hệ thống internet cáp quang với 03 đường truyền tốc độ 45MB/s và tất cả các khu vực trong Học viện đều được trang bị wifi dành cho cán bộ, giảng viên và sinh viên trong Học viện [H1.09.04.01]. Wifi của Học viện ổn định, người học và cán bộ giảng viên có thể truy cập Internet cho dù họ ngồi ở bất cứ đâu. Cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Học viện đều được cung cấp email có tên miền [apd.edu.vn](mailto:apd.edu.vn) không giới hạn dung lượng và rất tiện lợi cho việc đăng ký sử dụng nhiều tiện ích

về tài liệu và nghiên cứu quốc tế [H1.09.04.05]. Sinh viên theo học trong Học viện đều được cung cấp tài khoản truy cập hệ thống phần mềm và được hướng dẫn sử dụng [H1.09.04.07]. Bên cạnh đó, Học viện luôn cập nhật kịp thời các phần mềm như win 7 Pro SP1, Kav 2011, Kav VI, Bộ công cụ đăng ký học trực tuyến, phần mềm hiển thị lịch công tác tuần giúp cán bộ, giảng viên, sinh viên ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc và học tập [H1.09.04.02].

Hàng năm, Học viện có bố trí ngân sách và có kế hoạch cho việc duy tu, bảo dưỡng trang thiết bị công nghệ thông tin để phục vụ công tác đào tạo của Học viện [H1.09.04.05].

Hiện nay, Học viện giao Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông bố trí cán bộ theo dõi, quản lý và duy tu các trang web và các fanpage phục vụ hoạt động của Học viện, bố trí cán bộ duy tu, bảo dưỡng định kỳ đảm bảo vận hành hạ tầng mạng [H1.09.02.10].

Theo kết quả khảo sát trung bình trung trong 05 năm học vừa qua, 86,8% sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý hệ thống mạng máy tính trong trường đáp ứng được nhu cầu trong tra cứu, học tập và 94,2% giảng viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý trang thiết bị Tin học, mạng máy tính đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng [H1.05.02.01].

## **2. Điểm mạnh**

Hệ thống wifi ổn định, có đầy đủ các website và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ quản lý đào tạo tại lớp và giảng dạy trực tuyến, được cung cấp miễn phí cho toàn bộ cán bộ, giảng viên và sinh viên của Học viện.

## **3. Điểm tồn tại**

Đôi khi trang web đăng ký tin chỉ của sinh viên (tinchi.apd.edu.vn) còn bị nghẽn mạng ở giờ cao điểm đăng ký tin chỉ. Vẫn còn tình trạng sinh viên phải gửi đơn viết tay để đăng ký tin chỉ.

## **4. Kế hoạch hành động**

- *Phát huy điểm mạnh*: Trong học kỳ I năm học 2020 – 2021, Học viện giao Trung tâm Công nghệ thông tin thư viện và Truyền thông đăng ký và phổ biến việc sử dụng các phần mềm tiện ích khác để hỗ trợ việc đào tạo trực tuyến; giao Phòng CT&CT sinh viên ứng dụng công nghệ thông tin và chế độ một cửa

trong quản lý sinh viên.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong năm học 2020-2021, Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông nâng cấp website, khắc phục những trục trặc của hoạt động đăng ký tín chỉ.

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

### ***Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật***

#### **1. Mô tả**

Học viện làm việc trong tòa nhà Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tại Ngõ 7 Phố Tôn Thất Thuyết nên việc thiết kế xây dựng tòa nhà không hướng đến nhu cầu của sinh viên khuyết tật. Theo thiết kế xây dựng Học viện tại trụ sở Nam An Khánh, Học viện xây dựng đảm bảo lối đi riêng cho người khuyết tật tại sảnh chính và tầng hầm của Học viện. Đảm bảo việc di chuyển thuận lợi cho sinh viên khuyết tật khi đến các giảng đường. Học viện có các hợp đồng quy định về việc đảm bảo môi trường sạch sẽ, thông thoáng trong và phạm vi Học viện. Đồng thời, Học viện cũng thực hiện khám sức khỏe cho sinh viên theo khóa, cho cán bộ và giảng viên hàng năm để đảm bảo theo dõi sức khỏe cho sinh viên và cán bộ, giảng viên. Ngoài ra, các quy định về an ninh an toàn trong Học viện đều phù hợp với yêu cầu chung của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, và được áp dụng nghiêm túc trong phạm vi Học viện [H1.09.05.01].

Các quy định về an toàn bao gồm: (i) các quy định liên quan đến phòng cháy, chữa cháy nằm trong Quy chế công tác phòng cháy và chữa cháy của Bộ Kế hoạch và Đầu tư [H1.09.05.05]; (ii) Học viện có văn bản quy định về an toàn trong các phòng thực hành, nằm trong Quy chế sử dụng phòng Lab, Quyết định ban hành nội quy cơ quan, nội quy phòng thực hành thí nghiệm, nội quy giảng đường [H1.09.05.03].

Các quy định này đã được Học viện áp dụng trong quá trình vận hành, sử dụng trụ sở D25 như [H1.09.05.02]: Thành lập Hội đồng an ninh trật tự Học viện Chính sách và Phát triển; Thành lập Đội an ninh xung kích thực hiện mô hình “Nhà trường an toàn về an ninh trật tự”; Thành lập Trung đội Tự vệ và tổ chức luyện tập

Quân sự hàng năm; Quy định đối với nhân viên bảo vệ; vệ sinh khu vực làm việc và các giảng đường; Có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cho lực lượng bảo vệ. Ngoài ra Học viện có đội ngũ nhân viên vệ sinh chuyên trách làm công tác dọn vệ sinh chung tại khuôn viên Học viện [H1.09.05.01], [H1.09.05.04].

Các giảng đường có dán nội quy giảng đường và thiết bị hỗ trợ giảng dạy; quy chế quản lý và sử dụng phòng thực hành của Học viện. Học viện cũng ban hành Quy chế làm việc của Học viện CS&PT [H1.09.05.03].

Học viện định kỳ tập huấn, hướng dẫn việc đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn cháy nổ cho cán bộ, giảng viên. Học viện cũng đã tổ chức các buổi tập huấn, diễn tập với các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm hoặc xử lý các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn một cách nghiêm túc đến toàn thể cán bộ và giảng viên [H1.09.05.04]. Học viện có thiết bị cứu hỏa và treo tiêu lệnh, phương án PCCC và thiết bị PCCC như bình bột MFZ4, MFZ35, bình khí CO<sub>2</sub>, lăng vòi, máy bơm chữa cháy, họng nước vách tường, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn Exit chỉ dẫn thoát nạn. Các thiết bị PCCC được lắp đặt phù hợp với quy mô của các tòa nhà [H1.09.05.05].

Học viện có phòng Y tế riêng, đáp ứng được nhu cầu trợ giúp kịp thời của sinh viên khi gặp vấn đề về sức khỏe. Định kỳ hàng năm, Học viện có kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho sinh viên, Cán bộ, giảng viên [H1.09.05.06]. sinh viên được tham gia 100% bảo hiểm y tế [H1.09.05.07].

Tuy nhiên, do điều kiện về cơ sở vật chất dùng chung với nhiều đơn vị khác, Học viện chưa tổ chức được những buổi diễn tập quy mô lớn cho toàn bộ sinh viên Học viện về các biện pháp ứng phó khẩn cấp với tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm hoặc xử lý các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn khác.

Theo kết quả khảo sát trung bình trung trong năm năm học vừa qua, 85,7% sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý với nhận định “Cảnh quan sạch sẽ, vệ sinh, an toàn, thoải mái” và 100% giảng viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý với nhận định “Học viện có môi trường cảnh quan làm việc thân thiện thoải mái tạo thuận lợi cho hoạt động giảng dạy và NCKH” [H1.05.02.01].

## **2. Điểm mạnh**

Ở cả hai cơ sở, Học viện đều tuân theo quy định hiện hành của Nhà nước, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hoặc có quy định chi tiết về các tiêu chuẩn an toàn,

môi trường và sức khỏe, có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật. Học viện luôn chú trọng triển khai, hướng dẫn và diễn tập thực hiện các quy định để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho người học và người làm việc tại Học viện. Các tiêu chuẩn dần đi vào nền nếp và trở thành văn hóa của Học viện.

### **3. Điểm tồn tại**

Học viện chưa tổ chức được những buổi diễn tập quy mô lớn cho toàn bộ sinh viên Học viện về các biện pháp ứng phó khẩn cấp với tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm hoặc xử lý các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn khác.

### **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Trong kỳ 1 năm học 2020-2021, Học viện giao Trung tâm Dịch vụ và Hỗ trợ đào tạo phối hợp Phòng CT&CTSV tiếp tục triển khai các buổi phổ biến các tiêu chuẩn về an toàn, môi trường và sức khỏe tới cán bộ, giảng viên, và sinh viên, tạo thành nếp văn hóa phổ biến trong toàn Học viện.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong kỳ 2 năm học 2020-2021, Học viện giao Trung tâm Dịch vụ và Hỗ trợ đào tạo xây dựng chương trình để phổ biến hoặc diễn tập cho sinh viên về các biện pháp ứng phó khẩn cấp với tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm, và các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn khác.

### **5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 9:**

#### **- Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn**

+ Có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng, phòng thực hành với trang thiết bị hiện đại.

+ Thư viện hiện đại, đầy đủ nguồn học liệu.

+ Các phòng thực hành của Học viện được quan tâm đầu tư, các thiết bị mới, đồng bộ, hiện đại, có kết nối Internet, phần mềm đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu.

+ Hệ thống wifi ổn định, có đầy đủ các website và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ quản lý đào tạo tại lớp và giảng dạy trực tuyến, được cung cấp miễn phí cho toàn bộ cán bộ, giảng viên và sinh viên của Học viện.

+ Các tiêu chuẩn về an toàn, sức khỏe và môi trường có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật và được triển khai thực hiện đầy đủ, dần đi vào nề nếp và trở thành văn hóa của Học viện và nhận được sự hài lòng từ người học, cán bộ và giảng viên Học viện.

**- Tồn tại chủ yếu của tiêu chuẩn:**

+ Hiện nay các phòng làm việc và văn phòng Khoa tại cơ sở Nam An Khánh chưa được về văn phòng riêng và vẫn đang ngồi chung phòng trong các giảng đường.

+ Số lượng máy tính và diện tích phòng đọc phục vụ tại thư viện còn chưa đáp ứng được nhu cầu của người đọc, đặc biệt là vào mùa thi.

+ Một số phòng thực hành chưa có máy tính dự phòng cho các lớp học đông sinh viên.

+ Website phục vụ đăng ký tín chỉ đôi khi bị quá tải vào giờ cao điểm đăng ký tín chỉ.

+ Chưa có diễn tập quy mô lớn đối với các tình huống liên quan đến môi trường, an toàn và sức khỏe cho toàn bộ sinh viên Học viện.

Học viện đã có những kế hoạch hành động nhằm phát huy các điểm mạnh và khắc phục những tồn tại này.

**- Tóm tắt mức đạt của các tiêu chí trong tiêu chuẩn:** Tiêu chuẩn 9 có 05 tiêu chí, trong đó cả 05 tiêu chí đều đạt mức 5/7 điểm.

## **TIÊU CHUẨN 10. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG**

### **Mở đầu**

Học viện và Khoa Kinh tế, phối hợp với các Khoa quản lý chuyên ngành đã không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo đối với Ngành Kinh tế. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng) giúp Khoa có cơ sở thiết kế và phát triển CTDH hiệu quả. Trong quá trình triển khai giảng dạy, học tập, các kết quả từ việc dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan thúc đẩy việc cải tiến chất lượng đào tạo.

***Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.***

### **1. Mô tả**

Học viện và Khoa Kinh tế, các Khoa quản lý chuyên ngành thuộc ngành Kinh tế có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực đối với cử nhân tốt nghiệp Ngành Kinh tế và thu thập ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, của sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên và các chuyên gia, nhà quản lý trong quá trình phát triển chương trình dạy học giai đoạn 2015-2019. Thông tin thu thập đa dạng và mang tính hệ thống được nêu trong Quy định về đảm bảo chất lượng của Học viện ban hành theo quyết định số 969 ngày 27/12/2017. Theo đó, Học viện có các kênh thu thập thông tin phản hồi của các bên qua các hòm thư đặt tại Học viện, Website, phòng tiếp công dân và các kênh riêng từ các khoa và phòng, ban chức năng, từ các buổi toạ đàm cấp khoa, cấp Học viện; Đồng thời thu thập dữ liệu sơ cấp phản hồi theo hình thức bảng hỏi trực tuyến trên nền tảng Google Form, trong nhiều trường hợp có thể khảo sát bằng bản giấy [**H1.10.01.01**].

Để thu thập dữ liệu khảo sát một cách hiệu quả, hệ thống, Học viện đã ban hành các quy định về công tác khảo sát thu thập dữ liệu sơ cấp lấy ý kiến của các



bên liên quan đảm bảo chất lượng đào tạo từ năm 2014, sửa đổi vào năm 2017 [H1.10.01.02]. Ở quy định năm 2018, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đầu mối thu thập dữ liệu phối hợp với các bộ phận có liên quan theo chức năng thực hiện [H1.10.01.03].

Trong giai đoạn 2015-2019, khoa đã tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT vào năm 2015, 2018. Mỗi lần thay đổi, nhóm rà soát chương trình đều dựa trên thông tin phản hồi thu thập được: từ tọa đàm đóng góp ý kiến của các chuyên gia, nhà quản lý, giảng viên và một số khách mời, doanh nghiệp [H1.10.01.04]; đồng thời từ kết quả phân tích dữ liệu thu thập qua việc khảo sát nhu cầu nhân lực Ngành Kinh tế, chuyên ngành Đầu tư, KHPT, Đấu thầu và Quản lý Dự án, Phân tích dữ liệu lớn trong Kinh tế và Kinh doanh, Kinh tế và Quản lý Công [H1.10.01.05]. Khoa Kinh tế và các Khoa quản lý chuyên ngành (Khoa KTPT, Khoa Chính sách công) đã có tiếp thu chỉnh sửa chương trình qua các ý kiến góp ý từ các bên [H1.10.01.06] và được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện thông qua [H1.10.01.07].

Chương trình ngành Kinh tế năm 2018 so với năm 2015 đã được điều chỉnh là: Bổ sung học phần Phân tích dữ liệu lớn, học phần Quản trị chuỗi cung ứng. Thời lượng đối với học phần Toán cao cấp, Giáo dục thể chất, Tiếng Anh được điều chỉnh phù hợp để đảm bảo người học đạt được CDR theo đúng chuyên ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của các thị trường lao động [H1.10.01.02].

## **2. Điểm mạnh**

Hệ thống thu thập thông tin của Học viện được tổ chức khoa học, có hệ thống, phân công rõ ràng giữa các đơn vị thực hiện giúp việc thu thập và phân tích dữ liệu từ các bên liên quan trong việc điều chỉnh CTĐT khá hiệu quả.

## **3. Điểm tồn tại**

Học viện chưa trang bị phần mềm riêng trong thực hiện khảo sát các bên liên quan để thu thập dữ liệu sơ cấp, các hình thức, công cụ triển khai hiện tại còn nặng về thu thập trực tiếp hoặc các ứng dụng miễn phí (Google) nên còn mất khá nhiều thời gian và công sức của các đơn vị thực hiện khảo sát.

## **4. Kế hoạch hành động**

- *Phát huy điểm mạnh*: Tiếp tục thực hiện khảo sát các bên liên quan về

CTDH theo kế hoạch hằng năm của Khoa, dựa trên bảng khảo sát các bên liên quan đã được kiểm định; Khoa Kinh tế và các khoa quản lý chuyên ngành tiếp tục sử dụng phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở để điều chỉnh CTDH ngày càng phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và xu hướng phát triển của nền kinh tế.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong năm học 2020-2021, Học viện chỉ đạo Trung tâm KT& ĐBCL đặt mua phần mềm khảo sát phù hợp trong việc thu thập ý kiến sinh viên, và cựu sinh viên vì với số lượng thu thập và xử lý cơ sở dữ liệu ngày càng tăng, thì việc ứng dụng công nghệ để tối ưu hóa công việc là tất yếu, giảm thiểu thời gian, công sức, sai sót trong khâu thu thập và phân tích dữ liệu.

#### **5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).**

***Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.***

##### **1. Mô tả**

Học viện đã ban hành quy trình thiết kế và phát triển CTDH từ năm 2015, trong đó hướng dẫn tổ soạn thảo xây dựng đào tạo với 8 bước bao gồm, và điều chỉnh chương trình với 4 bước được quy định tại Quyết định số 346/QĐ-HVCSPT ngày 27/7/2015 [**H1.10.02.01**]. Theo đó, quy trình xây dựng có sự tham gia của giảng viên ở cấp bộ môn, khoa, sau đó được thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Học viện. Định kỳ 2 năm 1 lần, CTĐT được rà soát và điều chỉnh. Quy trình được xác định gồm các bước: (1) Khảo sát, xác định nhu cầu và yêu cầu nhân lực theo trình độ và ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành đào tạo; (2) Xây dựng mục tiêu chung; mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; (3) Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra; (4) Đối chiếu, so sánh với các CTĐT cùng trình độ, cùng ngành của các cơ sở đào tạo khác để hoàn thiện CTĐT; (5) Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo CTĐT đã xác định; (6) Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp về CTĐT; (7) Hoàn thiện dự thảo CTĐT trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo các cấp xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng; (8) Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung

chương trình môn học và phương pháp giảng dạy dựa trên các yêu cầu sử dụng lao động và các tiến bộ của lĩnh vực chuyên ngành. Trong mỗi bước lại xác định các nội dung công việc cụ thể cần thực hiện. Như việc xây dựng đề cương chi tiết học phần: Học viện ban hành hướng dẫn rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần; Khoa phụ trách xây dựng đề cương chi tiết theo hướng dẫn; Hội đồng Khoa Kinh tế, Khoa KTPT, các Khoa, Bộ môn liên quan họp và thông qua đề cương chi tiết các học phần [**H1.10.02.02**]. Khi có sự thay đổi trong CTĐT và đề cương học phần, những điều chỉnh này được thảo luận và phản ánh trong bài giảng của giảng viên, phương thức tổ chức giảng dạy.

Tuy vậy, quy trình hướng dẫn xây dựng CTĐT năm 2015 còn chưa rõ ràng, đặc biệt hướng dẫn việc thu thập thông tin trong bước 1, và chưa có hướng dẫn đồng thời về việc xây dựng các chuẩn đầu ra tương ứng với mục tiêu đào tạo. Nhận thấy một số vấn đề đó, Học viện đã tiến hành rà soát thông qua xin ý kiến chuyên gia: Bao gồm một số nhà quản lý giáo dục, các cán bộ phòng Quản lý đào tạo một số Trường Đại học, đồng thời căn cứ sát với các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, Thông tư số 22/2017 TT-BGDĐT ...).

Để cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH, Học viện phối hợp với phòng QLĐT lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan thông qua các phiếu điều tra khảo sát và phân nhỏ bằng hình thức phiếu online. Bên cạnh đó, Học viện đã tổ chức cuộc họp nhằm thảo luận thay đổi quy trình thiết kế CTDH [**H1.01.02.03**], [**H1.02.02.06**].

Trên cơ sở kết luận của cuộc họp, Học viện đã ban hành quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTDH (QĐ 450/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2017 thay thế cho Quyết định số 346/QĐ-HVCSPT ngày 27/7/2015). Đến năm 2017, Học viện ban hành quy trình, trong đó tích hợp hướng dẫn quy trình xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan và đúng quy định. Quy trình mới đã cải tiến theo góp ý của các bên liên quan và khi đưa vào triển khai tại Học viện đã khá thuận lợi cho các CTĐT được rà soát năm 2018. Chương trình đào tạo ngành Kinh tế năm 2018 được rà soát, điều chỉnh cũng dựa theo quy định này

[H1.01.01.02]. Bên cạnh việc rà soát sửa đổi CTĐT thì đề cương, bài giảng của các học phần cũng được điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật và biên soạn mới [H1.02.01.05]. Tuy vậy, quy trình thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH chưa được cải tiến theo xu hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ (sử dụng mạng internet để trao đổi thông tin và thu thập ý kiến).

## **2. Điểm mạnh**

Quy trình xây dựng CTDH năm 2017 của Học viện được xây dựng khá rõ ràng, hướng dẫn chi tiết, thuận lợi cho các nhóm rà soát CTĐT. Quy trình phát triển CTDH đảm bảo sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

## **3. Điểm tồn tại**

Quy trình thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH chưa được cải tiến theo xu hướng ứng dụng công nghệ (sử dụng mạng internet để trao đổi thông tin và thu thập ý kiến) nên việc tiến hành còn mất nhiều thời gian và chi phí.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Học viện và Khoa tiếp tục duy trì các mối quan hệ tốt với chuyên gia, nhà quản lý có kinh nghiệm và thường xuyên lắng nghe, xin ý kiến của họ, ngày càng hoàn thiện quy trình xây dựng CTĐT.

- **Khắc phục tồn tại:** Trong kỳ 2 năm học 2020 -2021, Học viện chỉ đạo Phòng QLĐT phối hợp với các khoa cần rà soát, xin ý kiến các chuyên gia, các nhà quản lý để điều chỉnh quy trình thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH theo xu hướng công nghệ 4.0.

## **5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).**

**Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.**

### **1. Mô tả**

Học viện có ban hành văn bản quy định hướng dẫn các khoa, các đơn vị phòng, ban thực hiện việc rà soát đánh giá quá trình dạy và học [H1.10.02.01]. Theo đó đánh giá giảng dạy của giảng viên từ (i) Khoa/bộ môn quản lý giảng viên,

(ii) Trung tâm KT&ĐBCL thực hiện lấy ý kiến của sinh viên theo các tiêu chí được nêu trong Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng của Học viện **[H1.10.01.03]**.

Đánh giá kết quả học tập của người học được nêu tại Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện **[H1.02.01.06]**, Quy định kiểm tra đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện **[H1.05.01.01]**, Quy chế tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện **[H1.04.01.06]**. Các quy định này đã hướng dẫn cụ thể hoạt động đánh giá kết quả học tập của sinh viên bao gồm: kiểm tra định kỳ, kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần, xếp loại và xét công nhận tốt nghiệp... Ngoài ra, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học còn được quy định rõ trong đề cương học phần của Ngành Kinh tế và các chuyên ngành: KHPT, Đầu tư, Kinh tế và Quản lý công, Phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh đã được Khoa và Học viện công bố công khai **[H1.02.01.05]**: Hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần.

Việc đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của sinh viên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR được thực hiện thường xuyên. Cụ thể, trong giai đoạn 2015-2019, Khoa Kinh tế và Khoa Kinh tế phát triển đã thực hiện rà soát và điều chỉnh CTĐT, đề cương chi tiết các học phần 2 lần vào năm 2015 và năm 2018 **[H1.02.01.05]**.

Học viện và Khoa Kinh tế thực hiện rà soát đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên một cách thường xuyên. Trung tâm KT&ĐBCL thực hiện khảo sát ý kiến đánh giá từ sinh viên vào cuối mỗi học kỳ. Kết quả khảo sát được phân tích gửi tới lãnh đạo khoa để phản hồi tới giảng viên **[H1.02.02.05]**. Giảng viên giảng dạy các học phần thuộc Ngành Kinh tế được sinh viên đánh giá cao về việc giảng dạy đáp ứng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, điểm đánh giá trung bình các năm của giảng viên trong khoa từ 4,0-4,4/5 điểm. Hàng kỳ, sau khi dự giờ một số giảng viên giảng dạy, và từ thông báo của Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Khoa Kinh tế và các khoa/bộ môn giảng dạy liên quan đến chương trình ngành Kinh tế đều hợp góp ý về việc giảng dạy của giảng viên theo các tiêu chí như chuẩn bị bài giảng, phương pháp giảng dạy **[H1.10.03.02]**.

Khoa Kinh tế đã tổ chức Tọa đàm giữa giảng viên, sinh viên, khách mời là giảng viên của các khoa, cán bộ trong Học viện hoặc ngoài Học viện về phương pháp giảng dạy và học tập theo định hướng nghề nghiệp, đáp ứng chuẩn đầu ra.

Các ý kiến đóng góp tại buổi toạ đàm rất cởi mở, thẳng thắn sao cho việc dạy và học đạt hiệu quả tốt nhất [H1.10.03.03].

Tất cả những ý kiến phản hồi từ các bên liên quan của người học, cựu sinh viên, giảng viên... về phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập được tiếp thu và giúp cho Học viện xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng, cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo. Sau khi nhận kết quả đánh giá, Trung tâm KT&ĐBCL phối hợp với Khoa chuyên môn có một số điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo như nâng cao vai trò tự học, nghiên cứu của sinh viên, yêu cầu sinh viên thảo luận nhóm và thuyết trình nhiều hơn, giảng viên tăng cường hướng dẫn sinh viên tự học, cập nhật tài liệu [H1.10.03.01].

## **2. Điểm mạnh**

Học viện rà soát và đánh giá thường xuyên chương trình đào tạo, giảng viên đã thực hiện nghiêm túc đề cương môn học, luôn bám sát mục tiêu của môn học và mục tiêu chương trình đào tạo, đạt CĐR. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá nghiêm túc, hình thức đánh giá đa dạng thông qua điểm chuyên cần, giữa kỳ và bài thi hết môn, thực tập và khóa luận tốt nghiệp đạt CĐR.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về đánh giá quá trình dạy và học còn chưa kịp thời. Ngoài ra, còn một số sinh viên do trình độ đầu vào hạn chế gặp khó khăn để đạt được CĐR

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện các chương trình đào tạo, cải tiến phương pháp giảng dạy, đa dạng hóa và linh hoạt hơn nữa các hoạt động đánh giá kết quả học tập của sinh viên nhằm bao quát và đảm bảo tính chuẩn xác trong quá trình đánh giá.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Từ năm học 2020-2021, Học viện tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy định liên quan đến lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đảm bảo tính chặt chẽ, hệ thống và cập nhật theo năm học. Tăng cường hỗ trợ, động viên và khuyến khích sinh viên thông qua hệ thống cố vấn học tập để sinh viên đạt được CĐR.

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.**

**1. Mô tả**

Trong thời gian 5 năm gần đây, các giảng viên trong Khoa hàng năm đều đảm bảo định mức NCKH theo quy định của Học viện. Nhiều giảng viên trong Khoa đã tham gia và hoàn thành các đề án, các đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Học viện với kết quả được đánh giá cao. Bên cạnh đó, giảng viên trong Khoa cũng đã có các bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế và trong nước có uy tín; tích cực tham gia các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; xuất bản giáo trình, sách chuyên khảo ... [H1.06.02.05], [H1.10.04.04]. Học viện và Khoa Kinh tế, các Khoa, Bộ môn liên quan rất quan tâm đến việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học thông qua việc biên soạn và chỉnh sửa tài liệu, giáo trình giảng dạy. Hàng năm, Học viện đều bố trí ngân sách cho việc biên soạn giáo trình và đăng ký đề tài NCKH cấp cơ sở [H1.10.04.02]. Khoa luôn đón đầu, khuyến khích các giảng viên tham gia thông qua các buổi họp chuyên môn của Khoa.

Nhiều kết quả NCKH của giảng viên được chuyển tải thành các nội dung giảng dạy trong CTDH, đặc biệt là đối với các học phần chuyên sâu [H1.10.04.06].

**Bảng 10.4.1: Danh sách các đề tài được ứng dụng trong hoạt động giảng dạy, học tập**

STT	Tên đề tài	Năm	Học phần ứng dụng
1	Chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam	2014	Giáo trình Phân tích và Dự báo kinh tế
2	Chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam	2014	Chuyên đề Những vấn đề cập nhật Kinh tế vĩ mô
3	Cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng ở Việt Nam	2016	Chuyên đề Những vấn đề cập nhật Kinh tế vĩ mô
4	Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và làn sóng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam	2018	Chuyên đề Những vấn đề cập nhật Kinh tế vĩ mô
5	Chất lượng tăng trưởng công nghiệp thành phố Hà Nội - Rào cản và gợi ý chính sách	2018	Chuyên đề Những vấn đề cập nhật Kinh tế vĩ mô

(Nguồn: Báo cáo NCKH của khoa Kinh tế, Khoa KTPT, Khoa CSC [H1.10.04.04])

Hàng kỳ Khoa tổ chức các buổi tọa đàm về đổi mới phương pháp và nội dung giảng dạy có sử dụng các kết quả từ hoạt động nghiên cứu khoa học làm căn cứ để nâng cao chất lượng các hoạt động giảng dạy và học tập. Bên cạnh đó, hàng năm hội nghị sáng kiến cấp Học viện, kết quả các nghiên cứu khoa học được sử dụng là các nguồn sáng kiến nhằm áp dụng trực tiếp vào nâng cao hiệu quả hoạt động giảng dạy và học tập tại Học viện và các Khoa.

Ngoài ra Khoa cũng tích cực triển khai NCKH sinh viên, số lượng các sản phẩm NCKH của sinh viên ngày càng tăng về số lượng và chất lượng [H1.10.04.03]. Hoạt động này góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng NCKH độc lập của sinh viên, hình thành năng lực tự học cho sinh viên; góp phần tạo ra tri thức, sản phẩm mới cho xã hội [H1.10.04.04], [H1.10.04.05].

Trong báo cáo hội nghị tổng kết nghiên cứu khoa học đã khẳng định tính tích cực của hoạt động NCKH đối với giảng viên và sinh viên cũng như sự đóng góp vào việc dạy và học [H1.10.04.04], [H1.10.04.05]. Chính vì vậy, bài giảng và nội dung học của sinh viên luôn có những điểm cập nhật và cải tiến cả về nội dung và phương pháp.

## **2. Điểm mạnh**

Hoạt động NCKH được triển khai bài bản, có hiệu quả. Nhiều kết quả nghiên cứu được chuyển hóa thành nội dung giảng dạy trong CTDH.

## **3. Điểm tồn tại:**

Trong 5 năm gần đây, các đề tài NCKH của khoa chủ yếu là đề tài NCKH cấp Học viện.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục đẩy mạnh phong trào NCKH ở cả giảng viên và sinh viên trong Khoa Kinh tế và các Khoa quản lý chuyên ngành trong giai đoạn tới. Từ năm 2020, Khoa sẽ chủ động hơn nữa trong việc định hướng nghiên cứu cho cả giảng viên và sinh viên đối với các hướng nghiên cứu mới phù hợp với xu thế phát triển của Ngành Kinh tế. Đơn vị thực hiện: Khoa Kinh tế và các Khoa,



Bộ môn liên quan. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Từ năm 2020, đề nghị Học viện cần tập trung nguồn lực đầu tư cho giảng viên tham gia các đề tài, dự án lớn của nhà nước, Bộ KHĐT. Khoa ban hành thêm các chính sách động viên khuyến khích các giảng viên và sinh viên tích cực hơn nữa trong hoạt động NCKH.

#### **5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

***Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.***

##### **1. Mô tả**

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng công tác giảng dạy, học tập, NCKH nên Học viện và các phòng ban chức năng và Khoa luôn xác định nhiệm vụ trọng tâm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích và thái độ phục vụ trong đơn vị mình.

Quy định chung về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đào tạo được Học viện ban hành từ năm 2017 nhằm đảm bảo việc đánh giá thường xuyên làm căn cứ để nâng cao chất lượng ở các hoạt động hỗ trợ này. **[H1.10.05.01]**.

Hàng năm vào tháng 6, Học viện đều thực hiện đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ trên qua việc khảo sát. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan phát phiếu khảo sát, thu thập và xử lý dữ liệu.

Kết quả điều tra trung bình trong 5 năm gần đây từ việc đánh giá của giảng viên, nhân viên về dịch vụ này được tóm tắt như sau:

<b>Yếu tố</b>	<b>Đánh giá năm 2017</b>	<b>Đánh giá năm 2019</b>
Chất lượng dịch vụ hỗ trợ của thư viện	3.8/5 điểm	3.8/5 điểm
Chất lượng dịch vụ hỗ trợ của hệ thống công nghệ thông tin	4.0/5 điểm	4.2/5 điểm
Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ khác	3.5/5 điểm	4/5 điểm

*Nguồn: Trích từ [H1.10.05.01].*

Ngoài ra, có khá nhiều ý kiến được trả lời trong nhận xét năm 2017 là hệ thống máy chiếu của Học viện có nhiều trục trặc khi giảng viên bắt đầu thao tác vào lớp.

Kết quả đánh giá của sinh viên về các dịch vụ trên cụ thể mức điểm đối với giai đoạn 2015- 2019 là:

<b>Yếu tố</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>
Chất lượng dịch vụ hỗ trợ của thư viện	3.8	3.9	3.9	4.0	3.9
Chất lượng dịch vụ hỗ trợ của hệ thống công nghệ thông tin	3.8	3.8	4.1	4.2	4.3
Hỗ trợ của cố vấn học tập	4.1	4.2	4.5	4.6	4.6
Hoạt động của các câu lạc bộ	3.5	3.8	4.2	4.3	4.5
Hoạt động ngoại khóa	3.8	3.8	4.2	4.3	4.5

*Nguồn: Trích từ [H1.10.05.02].*

Ngoài ra, trong những năm 2015, 2016, sinh viên đều có thêm các ý kiến nhận xét riêng là hệ thống công nghệ thông tin không đáp ứng tốt cho việc đăng ký tín chỉ của sinh viên **[H1.05.02.01]**.

Kết quả khảo sát về hiệu quả hoạt động của thư viện được Học viện sử dụng làm cơ sở để tiến hành cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện. Năm 2017, sau khi có kết quả khảo sát, Phòng QLĐT đã chỉ đạo bộ phận Thư viện tiến hành nhiều thay đổi để cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, trong đó nổi bật là:

- Rà soát lại toàn bộ giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ từng môn học theo các chương trình đào tạo của Học viện nhằm bổ sung thêm đầu sách mới, số lượng bản/đầu sách và bản cập nhật của một số đầu sách hiện có trong Thư viện.

- Nghiên cứu lại danh mục báo, tạp chí đặt mua theo hướng tập trung vào các tạp chí chuyên ngành.

- Thư viện được trang bị camera phục vụ kiểm soát an ninh tài nguyên thông tin.

- Mạng wifi tại Thư viện hoạt động ổn định với chất lượng đường truyền tốt.

## **2. Điểm mạnh**

Chất lượng dịch vụ hỗ trợ cho người học được đánh giá tốt, liên tục được cải tiến.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc nâng cấp số lượng đầu sách và cải thiện chất lượng phục vụ tại thư viện chưa được như kỳ vọng do không gian thư viện tại cơ sở D25 còn chật hẹp.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục cải tiến hoạt động cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và các tiện ích. Đơn vị thực hiện: Phòng CT&CT sinh viên, Trung tâm CNTT, Thư viện & truyền thông. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

- **Khắc phục tồn tại:** Từ năm 2020 khi Học viện chuyển sang cơ sở mới tại khu đô thị Nam An Khánh với không gian rộng rãi sẽ bố trí không gian thư viện dành cho giảng viên và sinh viên đảm bảo tiêu chuẩn ở mức cao so với các khu vực riêng biệt. Bên cạnh đó, đề nghị Học viện bố trí thêm nguồn ngân sách mua sắm mỗi năm tăng 10% số đầu sách.

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

***Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.***

### **1. Mô tả**

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống từ cấp Học viện đến các Khoa, được thể hiện cụ thể trong Quy định về đảm bảo chất lượng của Học viện Chính sách và Phát triển [H1.10.01.01] và Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng đào tạo tại Học viện [H1.10.01.02]. Trong quy định 970 ban hành năm 2017 nêu rõ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị/bộ phận thu thập thông tin, quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan đảm bảo không chồng chéo, mang tính hệ thống. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng là đơn vị đầu mối phụ trách hoạt động, phối hợp với các Khoa, Phòng, Trung tâm trong Học viện trong thực hiện đối với từng nội dung nhận phản hồi. Việc thu thập, xử lý, phân tích thông tin khảo sát dữ liệu sơ cấp được quy định công cụ thực hiện,

thời gian thực hiện, các phương pháp triển khai.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định năm 2014 ở lần ban hành theo quyết định số 688, Khi Học viện chưa có bộ phận đảm bảo chất lượng thì việc thu thập ý kiến phản hồi của các bên là rất tản mạn và kế hoạch thu thập dữ liệu không rõ ràng [H1.10.05.01]. Sau khi Học viện tiến hành mời đánh giá ngoài cơ sở đào tạo thì các chuyên gia khuyến nghị cần có bộ phận đảm bảo chất lượng, trong đó có vấn đề chất lượng thông tin và cơ chế phản hồi cần được chú trọng hơn nữa. Học viện cũng đã có các cuộc họp giữa các đơn vị liên quan để đánh giá thêm vấn đề đó từ đề xuất của chuyên gia [H1.10.06.01].

Ngày 29/12/2018, Học viện đã ban hành quyết định 969/QĐ-HVCSPT thay thế cho quyết định 688 được ban hành năm 2014 từ việc tiếp thu ý kiến của các chuyên gia. Trong đó cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được cải tiến. Bằng việc quy định rõ Trung tâm Khảo thí là đầu mối thu thập dữ liệu phản hồi của các bên liên quan, bao gồm từ sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, giảng viên, nhân viên. Các ý kiến được thu thập từ mỗi đối tượng trên cũng đều rõ ràng và tiêu chí, có hướng dẫn rõ ràng để các bên phối hợp thực hiện [H1.10.05.01]. Tuy vậy, Học viện chưa có quy định riêng về Hệ thống thông tin phản hồi, không những chỉ là thu thập từ dữ liệu khảo sát, mà cần quy định rõ hơn về việc tiếp nhận thông tin từ các nguồn khác nhau.

Đồng thời, năm 2019, Học viện đã tiếp thu ý kiến của giảng viên và sinh viên ban hành Quy định tạm thời thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông đối với sinh viên tại Học viện [H1.10.06.01] để nâng cao hiệu quả cho việc tiếp thu ý kiến của sinh viên và giải quyết thủ tục hành chính.

## **2. Điểm mạnh**

Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã được cải tiến.

## **3. Điểm tồn tại**

Học viện chưa có quy định riêng về Hệ thống thông tin quản lý, trong đó nêu rõ cơ chế phản hồi của các bên để Học viện có thể thu thập được nhiều thông tin hơn từ các nguồn khác nhau.

## **4. Kế hoạch hành động**

- **Phát huy điểm mạnh:** Học viện tiếp tục thiết lập cơ chế phản hồi hiệu quả, có tính hệ thống.

- **Khắc phục tồn tại:** Từ năm 2020, Học viện giao Trung tâm Khảo thí đảm bảo chất lượng soạn thảo quy định về hệ thống thông tin quản lý trong đó có yêu cầu đầy đủ hơn về cơ chế phản hồi.

#### **5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).**

### **KẾT LUẬN VỀ TIÊU CHUẨN 10:**

#### **- Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn**

+ Hệ thống thu thập thông tin của Học viện được tổ chức khoa học, có hệ thống, phân công rõ ràng giữa các đơn vị thực hiện giúp việc thu thập, đảm bảo những ý kiến/góp ý được phản ánh trong những điều chỉnh của CTDH.

+ Quy trình xây dựng CTDH năm 2017 của Học viện được xây dựng khá rõ ràng, hướng dẫn chi tiết, thuận lợi cho các nhóm rà soát CTĐT. Quy trình phát triển CTDH đảm bảo sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

+ Có quy trình rõ ràng, minh bạch trong việc đánh giá quá trình dạy và học. Hoạt động đánh giá được triển khai định kỳ.

+ Hoạt động NCKH được triển khai bài bản, có hiệu quả. Nhiều kết quả nghiên cứu được chuyển hóa thành nội dung giảng dạy trong CTDH.

+ Chất lượng dịch vụ hỗ trợ cho người học được đánh giá tốt, liên tục được cải tiến.

+ Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Học viện đặc biệt là về CTĐT, CTDH, công tác cố vấn học tập, đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên.

#### **- Tồn tại chủ yếu của tiêu chuẩn:**

+ Học viện chưa trang bị phần mềm riêng trong thực hiện khảo sát các bên liên quan, các hình thức triển khai thu thập hiện tại còn nặng về thu thập trực tiếp hoặc các ứng dụng miễn phí (Google) nên còn mất khá nhiều thời gian và công sức của bộ phận thu thập dữ liệu sơ cấp.

+ Quy trình thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH chưa được cải tiến theo xu

hướng công nghệ (sử dụng mạng internet để trao đổi thông tin và thu thập ý kiến) nên việc tiến hành còn mất nhiều thời gian và chi phí.

+ Việc đánh giá kết quả các học phần tiếng Anh chưa được kịp thời dẫn tới một số do trình độ đầu vào hạn chế gặp khó khăn để đạt được CDR.

+ Trong 5 năm gần đây, các đề tài NCKH của khoa chủ yếu là đề tài NCKH cấp Học viện.

+ Việc nâng cấp số lượng đầu sách và cải thiện chất lượng phục vụ tại thư viện chưa được như kỳ vọng do không gian thư viện tại cơ sở D25 còn chật hẹp.

+ Chưa có sự đánh giá đầy đủ của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, cựu sinh viên về cơ sở vật chất phục vụ cho việc đào tạo.

Học viện, Khoa Kinh tế và các Khoa quản lý chuyên ngành đã có những kế hoạch hành động nhằm phát huy các điểm mạnh và khắc phục những tồn tại này.

- **Tóm tắt mức đạt của các tiêu chí trong tiêu chuẩn:** Tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí, trong đó cả 06 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

## **TIÊU CHUẨN 11.**

### **KẾT QUẢ ĐẦU RA**

#### **Mở đầu**

Chất lượng đầu ra của CTĐT là nhân tố quan trọng đối với sự bền vững của CTĐT. Chất lượng đầu ra có thể được thể hiện ở tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp; thời gian tốt nghiệp trung bình; tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp; loại hình và số lượng nghiên cứu của NH; và mức độ hài lòng của các bên liên quan (bao gồm đánh giá của NH; cựu học viên, nhà tuyển dụng và giảng viên). Những tiêu chí này được đặt ra để giám sát, xem xét đối chiếu nhằm quản lý chất lượng đầu ra của quá trình đào tạo. Ngành Kinh tế của Học viện CS&PT được bắt đầu đào tạo từ năm 2010, nguồn sinh viên đầu vào của chuyên ngành được chọn lọc từ các sinh viên có điểm trúng tuyển tương đối cao của Học viện trong kỳ thi THPT Quốc gia. Cùng với đó, các sinh viên Ngành Kinh tế được đào tạo bài bản và có sự đánh giá, giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tập nên khi ra trường được các doanh nghiệp và xã hội thừa nhận, qua đó khẳng định chất lượng đầu ra của CTĐT luôn được đảm bảo

***Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

#### **1. Mô tả:**

Hiện nay Học viện sử dụng phần mềm quản lý đào tạo của CMC để theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện, theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp [H1.09.04.07]. Phần mềm này có 2 hệ thống: (1) Hệ thống tác nghiệp dành cho các phòng/ban chức năng; (2) Hệ thống quản lý đăng ký tín chỉ và quản lý quá trình học của sinh viên. Hệ thống tác nghiệp gồm 09 chức năng chính và 2 module cài đặt: (1) quản lý học viên, sinh viên; (2) quản lý đào tạo; (3) quản trị hệ thống; (4) quản trị nhân sự; (5) đánh giá, phân loại xếp hạng; (6) hệ thống báo cáo; (7) phân quyền dữ liệu; (8) modul xếp lịch học; (9) module xếp lịch thi. Tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) của Ngành Kinh tế được xác lập dựa vào cơ sở dữ liệu về sinh viên Ngành bao gồm: kết quả tuyển sinh đầu vào [H1.08.01.06], bảng điểm học phần các năm [H1.10.03.05], kết quả chấm khóa luận tốt nghiệp [H1.11.01.02], kết quả rèn luyện [H1.08.03.04], kết

quả xét tốt nghiệp [H1.11.01.03], thống kê danh sách sinh viên nghỉ học, tỷ lệ thôi học [H1.11.01.04]. Trên cơ sở sử dụng phần mềm QLĐT EduSoft, Phòng QLĐT được giao nhiệm vụ đầu mối quản lý học tập của sinh viên, theo dõi và cập nhật tình hình học tập, sinh viên bảo lưu, thôi học. Phòng CT & CTsinh viên theo dõi và cập nhật kết quả rèn luyện của sinh viên. Các phòng chức năng phối hợp với Khoa, cùng đội ngũ CVHT, theo từng lớp, từng ngành học để hỗ trợ sinh viên trong suốt quá trình học tập. Số lượng sinh viên Ngành Kinh tế thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hàng năm theo đúng quy định của Học viện [H1.11.01.03], [H1.11.01.04].

Theo thống kê, tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm trong giai đoạn đánh giá của ngành Kinh tế là đạt trung bình 72,5%/năm, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn (4 năm) đạt trung bình 67,5%/năm. Tỷ lệ thôi học của sinh viên ngành Kinh tế có sự khác nhau giữa các khoá sinh viên trong giai đoạn đánh giá. Tỷ lệ thôi học của K2 (khoá 2011 – 2015) là 7,2%, của K3 (khoá 2012-2016) là 8,8%, K4 (khoá 2013-2017) là 10,4%, của K5 (khoá 2014 – 2017) là 21,3%, của K6 (khoá 2015 – 2019) là 12,8%. Tỷ lệ thôi học của K4, K5, K6 cao nhưng hầu hết là trường hợp thôi học tự nguyện và chủ yếu là sinh viên thôi học sau 1 năm do cảm thấy không thích hoặc không phù hợp với khả năng [H1.11.01.03], [H1.11.01.04].

Số sinh viên thôi học ngành Kinh tế có hai dạng là tự nguyện và buộc thôi học. Với trường hợp buộc thôi học theo quy định của Học viện, nguyên nhân là do kết quả học tập kém không đủ theo quy định hoặc sinh viên tự ý bỏ học một hoặc nhiều học kỳ liên tiếp [H1.02.01.06]. Sau mỗi học kỳ, Khoa Kinh tế và các Khoa liên quan đều thực hiện rà soát các sinh viên có kết quả học tập ở mức cảnh báo cũng như phát hiện những sinh viên có thể bị buộc thôi học. CVHT đã thực hiện gặp mặt, trao đổi, tư vấn để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của người học qua các buổi họp giữa CVHT và lớp sinh viên được phân công [H1.05.04.01], [H1.11.01.05] [H1.11.01.06]. Những sinh viên có kết quả học tập yếu kém cũng được trực tiếp đối thoại với các thầy cô trong khoa và Học viện tại buổi sơ kết học kỳ và tổng kết năm học [H1.04.02.04]

Với trường hợp thôi học tự nguyện: khi sinh viên nộp đơn thôi học, CVHT đều



trao đổi trực tiếp với sinh viên và gia đình để tìm hiểu nguyên nhân thôi học, cũng như đưa ra một số tư vấn trao đổi với sinh viên và gia đình. Các nguyên nhân thôi học thường thấy là: sinh viên đi du học nên xin thôi học tại Học viện, sinh viên cảm thấy không phù hợp với việc học tập tại Học viện nên muốn chuyển sang ngành học khác phù hợp hơn, vì lý do gia đình nên sinh viên không thể tiếp tục theo học tại Học viện... Bên cạnh đó, quyết định thôi học được lưu trong hồ sơ [H1.11.01.03], và được cập nhật trên phần mềm hệ thống QLĐT của Học viện, điều này giúp thuận tiện cho việc giám sát sinh viên trong quá trình đào tạo.

Trên cơ sở tìm hiểu và phân tích các nguyên nhân thôi học, cố vấn học tập báo cáo lãnh đạo Khoa, từ đó Lãnh đạo Khoa có ý kiến với Ban Giám đốc và Phòng QLĐT trong các cuộc họp để có các biện pháp giảm thiểu tỉ lệ thôi học của sinh viên [H1.11.01.04]. Các biện pháp cụ thể được nêu ra như: thực hiện tốt công tác tư vấn tuyển sinh để sinh viên có thể có định hướng đúng với ngành/chuyên ngành mình đăng ký ở Học viện, tránh tình trạng sau khi học sinh viên cảm thấy không phù hợp và muốn thôi học để thi lại trường khác; phổ biến sâu rộng các chính sách chế độ hỗ trợ sinh viên trong tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khoá để sinh viên có thể tiếp cận các nguồn tài chính, phục vụ cho quá trình học tập tại Học viện [H1.04.01.12].

Ngoài ra, Học viện xây dựng kế hoạch đăng ký học phần phù hợp với quá trình học tập của sinh viên [H1.11.01.07] để CVHT các lớp có thể tư vấn cho sinh viên, qua đó đảm bảo sinh viên có thể hoàn thành các môn học và tốt nghiệp đúng hạn, nâng cao tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp cũng như hạn chế đến mức thấp nhất số lượng sinh viên bị buộc thôi học hoặc sinh viên cảm thấy không phù hợp mà nghỉ học (thôi học tự nguyện) [H1.11.01.05], [H1.11.01.06].

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp cũng là vấn đề được bàn bạc, trao đổi thảo luận trong các cuộc họp chuyên môn của Khoa, trong hội nghị tổng kết năm học của Học viện [H1.11.01.01], [H1.04.01.14], [H1.04.02.04], từ đó tìm hiểu và phân tích nguyên nhân và đề xuất các biện pháp khả thi.

**Bảng 11.1.1: Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành Kinh tế so với ngành KTQT và ngành QTKD giai đoạn 2014 – 2019**

*Đơn vị: %*

Ngành học	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
Ngành Kinh tế	92,9	90,5	89,6	47,2	30,5
Ngành KTQT	99,0	96,3	92,9	68,8	50,9
Ngành QTKD	-	100	87,8	52,5	31,4

*(Nguồn: [H1.11.01.03], [H1.11.01.04])*

Kết quả đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành Kinh tế với ngành KTQT và ngành QTKD (Bảng 11.1.1) cho thấy: Tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành Kinh tế hằng năm tương đương tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành QTKD và thấp hơn ngành KTQT từ 6% - 20%. Đối sánh với tỷ lệ thôi học của SV ngành Kinh tế giai đoạn 2014 - 2019 cho thấy: Tỷ lệ SV thôi học của SV ngành Kinh tế 3 năm học cuối của chu kỳ KĐCLGD có xu hướng giảm nhưng vẫn cao hơn tỷ lệ sinh viên thôi học của ngành KTQT và tương đương với tỷ lệ thôi học của ngành QTKD (bảng 11.1.1b).

**Bảng 11.1.1b: Đối sánh tỷ lệ sinh viên thôi học của ngành Kinh tế với ngành KTQT và ngành QTKD**

*Đơn vị: %*

Ngành học	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
Ngành Kinh tế	0,73	0,51	4,61	3,45	1,87
Ngành KTQT	0,3	0,3	4,09	3,15	1,45
Ngành QTKD	0	0	8,91	2,1	2,54

*Nguồn: [H1.11.01.03], [H1.11.01.04]*

Nguyên nhân chính khiến tỷ lệ tốt nghiệp của Học viện nói chung và Khoa nói riêng giảm mạnh là do sinh viên chưa đáp ứng được chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ. Nắm được nguyên nhân này, cố vấn học tập, Khoa, phòng QLĐT và Bộ môn Ngoại ngữ đã cùng nhau phối hợp để đôn đốc, nhắc nhở, động viên, mở các lớp ôn tập để sinh viên có kế hoạch học tập phù hợp chuẩn bị cho chuẩn đầu ra ngoại ngữ. Trong năm 2019, từ ngày 20/06/2019 đến 01/07/2019, Học viện đã mở 03 lớp ôn tập và giới thiệu định dạng bài thi Redesigned TOEIC Bridge để sinh viên có thể tham gia học và thi lấy chứng chỉ Tiếng Anh. Tổng cộng có 72 sinh viên tham dự [H1.11.01.08]. Ngoài ra, từ tháng 5 năm 2018, Bộ môn Ngoại ngữ phối hợp với IIG tổ chức hỗ trợ cho sinh viên đăng ký thi TOEIC tại Học viện và tổ chức thi TOEIC ngay tại Học viện. Từ tháng 5/2018 – 06/2019 có 675 sinh viên đăng ký thi tại Học viện [H1.11.01.09].

## **2. Điểm mạnh:**

Học viện thực hiện quản lý, thống kê tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp bằng phần mềm QLĐT, nhờ đó có thể đối sánh được tỷ lệ tốt nghiệp giữa các năm với độ chuẩn xác cao; kịp thời đưa ra danh sách cảnh báo với những sinh viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp để có biện pháp nhắc nhở phù hợp. Đội ngũ CVHT nhiệt tình, có kinh nghiệm trong việc tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập.

## **3. Điểm tồn tại:**

Còn nhiều sinh viên chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ nên tỷ lệ tốt nghiệp bị giảm trong hai năm gần đây. Khoa vẫn còn tỷ lệ sinh viên thôi học dù tỷ lệ này không lớn.

## **4. Kế hoạch hành động:**

- **Phát huy điểm mạnh:** Khoa tiếp tục phát huy vai trò của đội ngũ CVHT trong việc đôn đốc, tư vấn kế hoạch học tập hiệu quả cho sinh viên để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong học kỳ 2 năm 2020-2021, Học viện giao bộ môn Ngoại ngữ bổ sung thêm các chuẩn tương đương, đặc biệt với các sinh viên đến hạn ra trường (năm thứ 6) mà chưa đạt chuẩn để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp. Bên cạnh đó, đội ngũ CVHT tiếp tục theo sát, tư vấn và hỗ trợ quá trình học tập của sinh

viên để giảm tỷ lệ thôi học.

## **5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

### ***Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

#### **1. Mô tả:**

Theo quy định của Quy chế đào tạo, thời gian tốt nghiệp của cử nhân Ngành Kinh tế là 4 năm và tối đa là 6 năm theo hình thức đào tạo tín chỉ được Học viện triển khai thực hiện từ năm 2012 [**H1.02.01.06**]. Từ năm 2018, Chương trình đào tạo ngành Kinh tế được điều chỉnh, các Khoa quản lý chuyên ngành thực hiện chỉnh sửa CTĐT cử nhân chuyên ngành, theo đó thời gian đào tạo là 3,5 – 4 năm (tức là sinh viên có thể tốt nghiệp sớm nửa năm). Trong giai đoạn 2014 – 2019, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành Kinh tế là 4,04 năm. Thời gian tốt nghiệp của sinh viên cũng là vấn đề được bàn bạc, trao đổi thảo luận trong các cuộc họp của các Khoa quản lý sinh viên chuyên ngành, Học viện [**H1.04.01.14**]. Qua đó, thực hiện đối sánh thời gian tốt nghiệp của sinh viên qua các năm, giữa các ngành đào tạo của Học viện [**H1.04.01.14**]. Kết quả thống kê cho thấy: so với 02 CTĐT Ngành Quản trị doanh nghiệp và Ngành Kinh tế Quốc tế tại Học viện CS&PT, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên Ngành Kinh tế không có sự khác biệt.

Trước năm 2018, tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn 4 năm của sinh viên ngành Kinh tế là 86,8%. Tuy nhiên, từ năm 2018, tỷ lệ người học kéo dài thời gian tốt nghiệp lớn hơn 4 năm (tốt nghiệp muộn) tăng lên. Khoa đã họp khoa để tìm hiểu và phân tích các nguyên nhân sinh viên tốt nghiệp muộn để xuất các biện pháp hỗ trợ sinh viên giảm tối đa thời lượng học tập, có thể tốt nghiệp sớm hoặc đúng hạn [**H1.11.02.03**].

Các nguyên nhân khiến cho tỷ lệ tốt nghiệp muộn tăng lên là do Học viện quy định thêm chuẩn đầu ra tiếng Anh (TOEIC, IELTS) và Tin học (IC3, MOS) [**H1.01.02.02**]; sinh viên chưa có kế hoạch học tập phù hợp ở từng học kỳ; Học viện chỉ có 02 đợt xét tốt nghiệp một năm... Để khắc phục tình trạng này, các biện pháp hỗ trợ sinh viên có thể rút ngắn hoặc tốt nghiệp đúng hạn đã được đề xuất và

triển khai. Cụ thể: Học viện đã tổ chức các lớp học tiếng Anh tăng cường, ôn tập tiếng Anh miễn phí cho sinh viên năm cuối trước khi tốt nghiệp để sinh viên cải thiện kết quả tiếng Anh của mình [H1.11.01.08], tuy nhiên kết quả vẫn chưa khả quan nên thời gian tốt nghiệp của sinh viên vẫn bị kéo dài thêm. Ngoài ra, Khoa Kinh tế và các Khoa quản lý sinh viên chuyên ngành thuộc ngành Kinh tế cũng thực hiện xây dựng kế hoạch đăng ký học phân phù hợp với quá trình học tập của sinh viên để CVHT các lớp có thể tư vấn cho sinh viên, qua đó đảm bảo sinh viên có thể hoàn thành các môn học và tốt nghiệp đúng hạn [H1.11.01.07]. Học viện thực hiện nhiều đợt xét tốt nghiệp bổ sung để sinh viên đáp ứng được chuẩn đầu ra Tiếng Anh và Tin học có thể được tốt nghiệp [H1.11.02.01].

Phòng QLĐT đã tổ chức toạ đàm để đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp, trên cơ sở đó tiếp thu ý kiến góp ý của lãnh đạo các khoa cũng như các chuyên gia để có những điều chỉnh phù hợp [H1.11.02.02]. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm, Phòng QLĐT cũng thực hiện đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ sinh viên rút ngắn thời gian tốt nghiệp đã triển khai thực hiện, để phát huy những ưu điểm và hạn chế những nhược điểm của các biện pháp đó [H1.11.01.01].

## **2. Điểm mạnh:**

Học viện có phần mềm quản lý, thống kê, theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp của các khoá học trong cùng một chương trình đào tạo một cách chuẩn xác và nhanh chóng. Ngoài ra, đội ngũ cố vấn học tập chuyên nghiệp, sát sao với sinh viên trong quá trình tư vấn và giúp đỡ sinh viên đạt kết quả học tập tốt nhất, đúng thời gian quy định.

## **3. Điểm tồn tại:**

Từ năm 2018, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn bị giảm xuống do nguyên nhân chủ yếu là nhiều sinh viên chưa đáp ứng được chuẩn đầu ra về ngoại ngữ.

## **4. Kế hoạch hành động:**

- **Phát huy điểm mạnh:** Tiếp tục phát huy vai trò của đội ngũ cố vấn học tập, tăng cường sự phối hợp của cố vấn học tập với Phòng QLĐT để giúp người học có kế hoạch học tập phù hợp, từ đó rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Từ năm học 2020 – 2021, Bộ môn Ngoại ngữ

phối hợp với Phòng QLĐT có phương án đào tạo ngoại ngữ hiệu quả hơn, đồng thời cân nhắc bổ sung thêm các chuẩn Ngoại ngữ tương đương, đặc biệt với các sinh viên đến hạn ra trường (năm thứ 6) mà chưa đạt chuẩn nhằm giúp người học tốt nghiệp.

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 5/7).

***Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

**1. Mô tả:**

Phòng CT&CTSV là đơn vị chủ trì được Học viện giao nhiệm vụ phối hợp với Trung tâm KT&ĐBCL và Khoa Kinh tế phụ trách thực hiện việc thống kê và lưu trữ danh sách sinh viên tốt nghiệp có việc làm, vị trí việc làm, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác [**H1.11.03.01**]. Đồng thời, Khoa Kinh tế và các Khoa quản lý sinh viên chuyên ngành cũng thành lập Ban liên lạc Hội cựu sinh viên của Khoa [**H1.11.03.03**]. Ban liên lạc Hội cựu sinh viên của Khoa thực hiện vai trò kết nối liên lạc của các sinh viên đã tốt nghiệp, cũng như phối hợp với Khoa để tổ chức các buổi nói chuyện, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm học tập, làm việc cũng như cơ hội tìm việc làm với các sinh viên đang theo học của Khoa.

Hằng năm, Học viện xây dựng kế hoạch khảo sát việc làm sinh viên sau khi tốt nghiệp [**H1.01.02.03**]. Trên cơ sở đó, Phòng CT&CTSV cùng với Khoa tổ chức khảo sát tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp. Các đợt khảo sát đều nhận được phản hồi tích cực từ các cựu sinh viên, do đó số liệu về tỷ lệ người học có việc làm trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp thu được từ khảo sát đều đáng tin cậy. Các số liệu này được lưu trữ để phục vụ cho việc phân tích, đánh giá và các báo cáo kết quả. Kết quả thống kê cho thấy tỷ lệ sinh viên Ngành Kinh tế có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp đạt mức cao với các khoá đã tốt nghiệp. Cụ thể: tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo trong vòng 6 tháng hoặc 12 tháng sau khi tốt nghiệp của K1 (Niên khoá 2010-2014) là 88,7%, K2 (Niên khoá 2011-2015) là 87,8%, K3 (Niên khoá 2012-2016) là 81,4%, K4 (Niên khoá 2013-2017) là 85,9% và K5 (Niên khoá 2014-2018) là 87,4% [**H1.01.02.03**].

Đối sánh tỷ lệ có việc làm của sinh viên Ngành Kinh tế với chương trình đào

tạo Ngành Kinh tế quốc tế trong Học viện cho thấy tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp của Ngành Kinh tế, và Ngành Kinh tế quốc tế có việc làm trong vòng 6 tháng hoặc 12 tháng sau khi tốt nghiệp đều cao trên 80%. So với Ngành Kinh tế quốc tế, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp của Ngành Kinh tế không có sự chênh lệch quá lớn.

**Bảng 11.3.1: Đối sánh tỷ lệ % sinh viên có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp của Ngành Kinh tế, ngành QTKD và Ngành Kinh tế quốc tế**

Ngành	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	6	12	6	12	6	12	6	12	6	12
Kinh tế	46,3	92,3	44,6	92,7	53,0	94,0	45,6	93,9	45,8	94,2
QTKD	-	-	-	-	88,5	100	60,5	90,7	55,3	91,5
KTQT	40,0	83,8	38,5	92,7	31,9	91,7	42,6	85,5	8,8	91,2

*(Nguồn: Báo cáo kết quả khảo sát việc làm của Ngành Kinh tế và Kinh tế Quốc tế)*

Tỷ lệ sinh viên có việc làm cũng là vấn đề được bàn bạc, trao đổi thảo luận trong các cuộc họp của Khoa Kinh tế và các Khoa quản lý chuyên ngành [H1.11.03.05]. Trong đó, sau 1 năm tốt nghiệp trung bình có khoảng 86,24 % sinh viên có việc làm, tuy nhiên nhiều sinh viên phải sau 6 tháng mới tìm được việc làm. Nguyên nhân chính khiến sinh viên chưa tìm được việc làm ngay sau khi tốt nghiệp là do thiếu kinh nghiệm tìm kiếm việc làm, thiếu định hướng nghề nghiệp hoặc không tìm được công việc có thu nhập mong muốn, thiếu kỹ năng mềm... Trên cơ sở đó, Học viện đã xây dựng Quy trình thực hiện hỗ trợ người tốt nghiệp chưa có việc làm [H1.11.03.02]; Khoa và Học viện có những định hướng cải tiến trong công tác đào tạo nhằm nâng cao chất lượng sinh viên Ngành Kinh tế nói riêng sau khi ra trường, đáp ứng tốt nhu cầu xã hội, như bổ sung thêm các môn học Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô, Thẩm định dự án đầu tư... để tăng khả năng phân tích, đánh giá kinh tế vĩ mô cho sinh viên chuyên ngành [H1.01.02.04]. Hằng năm, Học viện thường xuyên có những hoạt động nhằm giúp đỡ sinh viên định hướng nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm cho bản thân như tổ chức hội trợ việc làm, tư vấn định

hướng nghề nghiệp cho sinh viên, ký kết thỏa thuận hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động để tăng cơ hội việc làm cho sinh viên, thường xuyên gửi thông tin tuyển dụng của các đơn vị đến sinh viên... Ngoài ra, Học viện và Khoa thông qua Ban liên lạc Hội cựu sinh viên để hỗ trợ công tác định hướng nghề nghiệp cho các sinh viên đang theo học [H1.11.03.04], [H1.11.03.06].

## **2. Điểm mạnh:**

Thông tin liên hệ với người học sau khi tốt nghiệp được Khoa và Học viện duy trì thường xuyên, chặt chẽ, nhờ đó tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp của người học thuộc Ngành Kinh tế nói riêng và các chuyên ngành khác của Học viện nói chung có thể được thống kê nhanh chóng, giám sát chặt chẽ, đảm bảo sự chính xác, so sánh giữa các năm tốt nghiệp, đối sánh giữa các CTĐT để cải tiến chất lượng. Công tác tư vấn hỗ trợ người học chưa có việc làm bước đầu đạt kết quả nhất định, qua đó tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

## **3. Điểm tồn tại:**

Vai trò hướng nghiệp của Ban liên lạc cựu sinh viên đối với các sinh viên đang theo học tại Học viện vẫn chưa mạnh.

## **4. Kế hoạch hành động:**

- **Phát huy điểm mạnh:** Khoa Kinh tế và các Khoa quản lý sinh viên chuyên ngành, kết hợp với các Phòng, Ban liên quan tiếp tục duy trì thông tin liên lạc với người học sau tốt nghiệp; đẩy mạnh công tác tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên của Ngành. Khoa tiếp tục phối hợp với Phòng CT&CTSV tổ chức giao lưu rộng rãi với các đơn vị sử dụng lao động, tham gia các hội chợ tuyển dụng, hội chợ giới thiệu việc làm để sinh viên của Khoa và Học viện có thể sớm tiếp cận với các nhu cầu tuyển dụng, nắm bắt được các yêu cầu thực tế của thị trường lao động để chuẩn bị và đáp ứng được các yêu cầu đó, giúp tăng tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Từ năm học 2020-2021, các Khoa quản lý sinh viên phối hợp với Ban liên lạc cựu sinh viên đẩy mạnh tổ chức những buổi nói chuyện của cựu sinh viên, đặc biệt là cựu sinh viên đã thành công trong công việc, với sinh viên trong khoa để các sinh viên đang theo học có cơ hội trao đổi trực tiếp những băn khoăn vướng mắc của mình đối với công việc sau khi ra trường.



## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 6/7).

*Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.*

### 1. Mô tả:

Hàng năm, Học viện CS&PT đều xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển Khoa học công nghệ của Học viện. Trên cơ sở đó, Học viện và Khoa xây dựng Kế hoạch NCKH đối với sinh viên của cả Học viện cũng như của Khoa [H1.11.04.01]. Hàng năm, Khoa có khoảng 5-10 đề tài NCKH của sinh viên đăng ký, được phê duyệt để triển khai và thực hiện, các đề tài này đều có giảng viên hướng dẫn để hỗ trợ sinh viên trong quá trình nghiên cứu. Ngoài ra, năm học 2018 – 2019, hoạt động NCKH của sinh viên cũng được thực hiện trong nội dung môn học PPNCKH. Sinh viên của lớp KHPT8A và KHPT8B, Đầu tư 8A, Đầu tư 8B được chia thành các nhóm sinh viên và được phân công giảng viên trong khoa hướng dẫn, theo dõi tiến độ và đánh giá kết quả thực hiện (sinh viên thực hiện báo cáo kết quả nghiên cứu và giảng viên hướng dẫn và giảng viên phản biện đánh giá cho điểm) [H1.10.04.03] [H1.11.04.03].

Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác là đầu mối chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và hoạt động NCKH của sinh viên trong Học viện, bao gồm sinh viên Ngành Kinh tế. Hoạt động NCKH của sinh viên được thực hiện theo quy định tại điều 38 Quyết định 470/QĐ-HVCSPT ngày 30/7/ 2018 ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện [H1.06.07.01]. Hàng năm, theo thông báo của Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác, các Khoa quản lý sinh viên chuyên ngành thuộc ngành Kinh tế lập danh sách đăng ký các đề tài NCKH của sinh viên, dự trù nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH của sinh viên của Khoa trình Hội đồng Khoa thông qua và phân công giảng viên hướng dẫn, sau đó trình lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện quyết định [H1.10.04.03]. Trên cơ sở đó, Giám đốc Học viện sẽ phê duyệt danh sách đề tài và phê duyệt kinh phí. Trong quá trình thực hiện, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác cũng thực hiện theo dõi tiến độ thực hiện các đề tài NCKH và ra thông báo về việc tổ chức Hội nghị NCKH sinh viên cấp Khoa/Học viện để đánh giá các đề tài sau khi hoàn thành

và công bố các kết quả đạt được của hoạt động NCKH của sinh viên trên website của Học viện [H1.11.04.02], [H1.11.04.03].

Đối sánh số lượng đề tài và số sinh viên tham gia của sinh viên Ngành Kinh tế với Ngành Kinh tế quốc tế của Học viện được thể hiện ở bảng 11.4.1. Kết quả cho thấy sinh viên Ngành Kinh tế tham gia NCKH đều trong các năm học, riêng số đề tài và số sinh viên tham gia năm học 2018 – 2019 tăng lên là do yêu cầu của môn Phương pháp nghiên cứu khoa học. Tuy vậy, số lượng đề tài và thời gian NCKH của sinh viên ngoài yêu cầu của môn Phương pháp NCKH còn chưa nhiều. Điều này cho thấy niềm đam mê NCKH trong sinh viên chưa được nhân rộng trong Khoa.

**Bảng 11.4.1: Đối sánh hoạt động NCKH của sinh viên chuyên ngành Kinh tế Quốc tế và Kinh tế tại Học viện Chính sách và Phát triển**

Ngành	SL	SV	2014-2015		2015-2016		2016-2017		2017-2018		2018-2019	
			SL	SV	SL	SV	SL	SV	SL	SV	SL	SV
Kinh tế	178	525	24	91	30	116	44	75	41	133	42	244
KTQT	52	190	7	39	7	35	9	17	6	6	23	93

*Nguồn: Thống kê sinh viên tham gia NCKH hàng năm của Học viện*

Hàng năm, Học viện tổ chức Hội nghị NCKH sinh viên cấp Học viện để đánh giá hoạt động NCKH của sinh viên các khoa. Hàng năm, các Khoa đều có 1-3 đề tài NCKH sinh viên của Khoa dự thi cấp Học viện và đều được giải [H1.11.04.03]. Cụ thể, năm học 2015 – 2016: 01 giải Ba cấp Học viện; năm học 2016 – 2017: 01 giải Nhất và 01 giải Ba cấp Học viện; năm học 2018 – 2019: 01 giải Nhất và 01 giải Nhì cấp Học viện. Bên cạnh đó, sinh viên của Ngành Kinh tế cũng tham gia các cuộc thi NCKH của sinh viên ở bên ngoài Học viện. Đây là cơ hội để sinh viên của Ngành nói riêng cũng như Học viện nói chung có cơ hội để cọ xát, đối sánh với các cơ sở giáo dục khác trong cùng khối ngành Kinh tế. Năm học 2017 - 2018, sinh viên của Ngành đạt 01 giải nhì trong cuộc thi Olympic Kinh tế lượng ứng dụng; năm học 2018 – 2019, sinh viên của Ngành đạt 02 giải khuyến

khích trong cuộc thi Olympic Kinh tế lượng ứng dụng toàn quốc, năm 2019, Ngành có 03 nhóm sinh viên tham gia cuộc thi Eureka và đều đã vào đến vòng bán kết. Các đề tài của sinh viên Ngành Kinh tế cũng được các hội đồng đánh giá cao về chất lượng so với các đề tài dự thi của sinh viên các trường khác. Tuy thành tích NCKH sinh viên Ngành Kinh tế khá tốt nhưng mới chỉ tập trung ở một số nhóm nhỏ sinh viên.

Hàng năm, Khoa đều xây dựng đề xuất NCKH dành cho sinh viên của Khoa thuộc chuyên ngành Đầu tư, CSC, KHPT [H1.11.04.01]. Các đề xuất NCKH này đều phù hợp với xu thế phát triển của thời đại với các vấn đề có tính thực tiễn, ứng dụng cao, đã được Hội đồng Khoa và Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện thảo luận và phê duyệt. Các đề tài NCKH của sinh viên được đề xuất dựa trên các kiến thức sinh viên được học trong CTĐT nên khả năng thực hiện được các đề tài này của sinh viên là rất lớn. Sinh viên năm 3 của Ngành Kinh tế đã có thể thực hiện được các đề tài NCKH phù hợp với khả năng. Nhờ được làm quen tiếp xúc với NCKH từ năm thứ 3 nên sinh viên của Ngành Kinh tế khi làm khoá luận ở năm thứ 4 cũng không gặp nhiều khó khăn bỡ ngỡ.

## **2. Điểm mạnh:**

Hoạt động NCKH cho sinh viên được triển khai thường xuyên, đều đặn hàng năm với chất lượng cao. Hoạt động NCKH được theo dõi, hỗ trợ và hướng dẫn đầy đủ từ phía Khoa và Học viện.

## **3. Điểm tồn tại:**

Số lượng đề tài và thời gian NCKH của sinh viên ngoài yêu cầu của môn Phương pháp NCKH còn chưa nhiều. Niềm yêu thích NCKH trong sinh viên chưa được nhân rộng.

## **4. Kế hoạch hành động:**

- **Phát huy điểm mạnh:** Các Khoa quản lý sinh viên Ngành Kinh tế, chủ trì là Khoa Kinh tế tiếp tục duy trì và phát huy hoạt động NCKH của sinh viên trong những năm học tiếp theo.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Trong năm học 2020–2021, Học viện và Khoa thực hiện tăng thời gian cho sinh viên làm NCKH bằng cách điều chỉnh giảm giờ lý thuyết, tăng giờ thực hành và tự học trong các học phần. Ngoài ra, Khoa phối hợp

với Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác tổ chức các buổi giao lưu nói chuyện của các sinh viên được giải NCKH cấp Học viện và Quốc gia với sinh viên của Khoa và Học viện nói chung để nhân rộng niềm yêu thích đối với NCKH trong sinh viên.

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 6/7).

***Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

**1. Mô tả:**

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ giảng viên, người học, cơ sở vật chất... được thống kê, đánh giá, phân tích trong các báo cáo kết quả khảo sát với đầu mối tổng hợp là Trung tâm KT&ĐBCL [H1.10.01.03] [H1.10.05.02]. Việc khảo sát được thực hiện bằng nhiều phương pháp: khảo sát trực tuyến hoặc khảo sát trực tiếp bằng phiếu. Tuy nhiên, các câu hỏi trong các phiếu khảo sát chưa thực sự được chuẩn hoá.

Việc khảo sát đối với người học gồm sinh viên đang học được thực hiện định kỳ khi kết thúc học phần [H1.11.05.01] và sinh viên năm 4 trước khi tốt nghiệp do các Khoa trực tiếp triển khai theo đúng quy trình của Học viện. Nội dung khảo sát là mức độ hài lòng của người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên [H1.02.02.05], hoạt động hỗ trợ NH của các phòng ban, cơ sở vật chất [H1.05.02.01]. Kết quả khảo sát cho thấy có 91,2% người học hài lòng đối với công tác giảng dạy của giảng viên; 93,4% người học đánh giá cao sự hỗ trợ của các Phòng QLĐT, Phòng CT&CTSV trong giải quyết các thủ tục liên quan đến người học; 90,9% người học hài lòng về sự phục vụ của thư viện, giảng đường trong quá trình học tập tại Học viện. Bên cạnh đó, cần còn một số người học cảm thấy chưa hài lòng và đưa ra các ý kiến góp ý đối với giảng viên, cán bộ phòng ban và cơ sở vật chất [H1.02.02.05], [H1.05.02.01].

Việc khảo sát sinh viên tốt nghiệp về mức độ hài lòng với CTĐT được Khoa triển khai [H1.01.02.03]. Kết quả điều tra cho thấy năm 2019: 62% sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt

nghiệp; 29,2% sinh viên trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp; 8,8% sinh viên trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp. Một số sinh viên cho rằng CTĐT cần tăng thời lượng cho khối kiến thức chuyên ngành, tăng cường kỹ năng ngoại ngữ, tin học và các kỹ năng mềm trong chương trình đào tạo [H1.01.02.03].

Việc khảo sát cán bộ nhân viên, giảng viên cũng được Trung tâm KT&ĐBCL phối hợp với Phòng TC-HC thực hiện hàng năm [H1.05.02.01]. Có 86,6% giảng viên hài lòng với các dịch vụ hỗ trợ giảng viên trong quá trình giảng dạy cũng như NCKH. Có 81,3% giảng viên và 83,4% cán bộ nhân viên hài lòng về cơ sở vật chất phục vụ cho công việc của mình. Các giảng viên và cán bộ nhân viên đều cảm thấy hài lòng vì có thể phản hồi trực tiếp các ý kiến của mình tại Hội nghị viên chức và người lao động toàn Học viện hàng năm. [H1.05.02.01].

Đối với nhà sử dụng lao động: Khoa thực hiện khảo sát lấy ý kiến của nhà tuyển dụng về mức độ hài lòng đối với năng lực của sinh viên tốt nghiệp, mục tiêu đào tạo của CTĐT Ngành Kinh tế cũng như các ý kiến đóng góp [H1.01.02.03]. Kết quả cho thấy năm 2019: 50,8% nhà sử dụng lao động cho rằng sinh viên tốt nghiệp Ngành Kinh tế đáp ứng được yêu cầu công việc, có thể sử dụng được ngay; 42,2% nhà sử dụng lao động cho rằng sinh viên tốt nghiệp Ngành Kinh tế cơ bản đáp ứng được yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm; 7% nhà sử dụng lao động cho rằng sinh viên tốt nghiệp phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng. Tuy nhiên, số lượng nhà tuyển dụng tham gia khảo sát vẫn chưa nhiều (chỉ khoảng 20 doanh nghiệp).

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan được Khoa thực hiện so sánh với kết quả khảo sát mức độ hài lòng trước đó. Qua bảng 11.5.1, có thể thấy mức độ hài lòng của người học tốt nghiệp đối với CTĐT Ngành Kinh tế được cải thiện hơn trong giai đoạn 2014 – 2019 với tỷ lệ người học trả lời đã học được và học được một phần những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp tăng lên qua các năm, từ 88,3% năm 2014 lên 91,2% năm 2019. Số

người học cho rằng không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành đào tạo cũng đã giảm từ 11,7% năm 2014 xuống 8,8% năm 2019.

**Bảng 11.5.1: So sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT Ngành Kinh tế giai đoạn 2014 – 2019**

<b>Nội dung khảo sát</b>	<b>2014 - 2015</b>	<b>2015 - 2016</b>	<b>2016 - 2017</b>	<b>2017 - 2018</b>	<b>2018 - 2019</b>
Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	56,3	57,0	62,8	61,5	62
Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	32	34,5	24	28,5	29,2
Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	11,7	8,5	13,2	10	8,8

(Nguồn: Báo cáo khảo sát nhằm điều chỉnh CTĐT Ngành Kinh tế)

Mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp Ngành Kinh tế có việc làm đúng ngành đào tạo cũng tăng lên trong giai đoạn 2014 – 2019. Tỷ lệ nhà tuyển dụng cho rằng người học đáp ứng được yêu cầu của công việc có thể sử dụng được ngay và cơ bản đáp ứng được yêu cầu của công việc nhưng phải đào tạo thêm đã tăng từ 81,7% năm 2014 lên 93% năm 2019. Tỷ lệ nhà tuyển dụng cho rằng người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng đã giảm từ 18,3% năm 2014 xuống 7% năm 2019.

**Bảng 11.5.2: So sánh mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp Ngành Kinh tế có việc làm đúng ngành đào tạo**

<b>Nội dung khảo sát</b>	<b>2014 - 2015</b>	<b>2015 - 2016</b>	<b>2016 - 2017</b>	<b>2017 - 2018</b>	<b>2018 - 2019</b>
--------------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------	--------------------

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	44,2	50,1	49,2	53,5	50,8
Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	37,5	35,7	40,9	38,2	42,2
Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	18,3	14,2	9,9	8,3	7,0

(Nguồn: Báo cáo khảo sát nhằm điều chỉnh CTĐT Ngành Kinh tế)

Mức độ hài lòng của người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên và các dịch vụ hỗ trợ NH cũng được so sánh qua các học kỳ trong báo cáo kết quả khảo sát gửi cho các giảng viên và các phòng, ban, bộ phận liên quan. Điều này giúp cho giảng viên, cán bộ nhân viên có thể thấy được sự thay đổi cũng như những vấn đề cần cải tiến, rút kinh nghiệm [H1.02.02.05] [H1.05.02.01].

Trung tâm KT&ĐBCL thực hiện khai thác, xử lý số liệu khảo sát và gửi lại kết quả cho các đầu mối và các bên liên quan. Trên cơ sở kết quả khảo sát thu được và các ý kiến phản hồi của các bên liên quan, cũng như so sánh kết quả khảo sát qua các năm, Học viện và Khoa đã tiếp thu các ý kiến phản hồi và thực hiện triển khai các hoạt động cụ thể nhằm cải tiến chất lượng CTĐT Ngành Kinh tế [H1.11.05.03]. Khoa đã tiếp thu, thực hiện mô tả cụ thể hơn về chuẩn đầu ra, thực hiện chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2018 trong đó bổ sung thêm 02 khối kiến thức là Kiến thức Ngành bắt buộc và Kiến thức Ngành lựa chọn để giúp người học nắm vững hơn kiến thức của ngành đào tạo; xây dựng ma trận kỹ năng ; điều chuyển một số môn giữa các khối kiến thức (ví dụ: đưa môn **Nghiên cứu thị trường** vào khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc thay vì để ở Khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, chuyển môn **Quản trị chiến lược** từ Khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc sang khối kiến thức chuyên ngành lựa chọn, chuyển các môn **Kinh tế công cộng, Kinh tế đầu tư, Kinh tế vi mô 2** và **Kinh tế vĩ mô 2** sang Khối kiến thức ngành bắt buộc thay vì để trong Khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc ...), bổ sung hướng dẫn tự học trong các đề cương chi tiết các học phần, tăng cường áp dụng công nghệ trong quá trình giảng dạy...[H1.01.02.04]. Bên cạnh đó, Khoa

cũng thực hiện các buổi họp Khoa để đánh giá công tác giảng dạy của giảng viên, rút kinh nghiệm đối với những ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên để nâng cao mức độ hài lòng của người học, qua đó nâng cao chất lượng CTĐT [H1.11.05.02].

## **2. Điểm mạnh:**

Phương pháp khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi đa dạng, được cải tiến, ứng dụng công nghệ thông tin (khảo sát trực tuyến). Các kết quả khảo sát được phân tích và sử dụng làm cơ sở điều chỉnh CTĐT, cải tiến chất lượng đào tạo.

## **3. Điểm tồn tại:**

Số lượng nhà tuyển dụng trả lời khảo sát của Khoa Kinh tế hàng năm còn hạn chế. Các câu hỏi khảo sát chưa thực sự được chuẩn hoá.

## **4. Kế hoạch hành động:**

- **Phát huy điểm mạnh:** Học viện và Khoa Kinh tế tiếp tục thực hiện và sử dụng các kết quả khảo sát để làm cơ sở cải tiến CTĐT.

- **Khắc phục điểm tồn tại:** Ban lãnh đạo Khoa Kinh tế tổ chức thêm các buổi gặp gỡ, giao lưu với các nhà tuyển dụng, tăng cường mối quan hệ với các nhà tuyển dụng để tăng số lượng các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát của Khoa. Trung tâm KT&ĐBCL làm đầu mối phối hợp với Khoa Kinh tế và các phòng ban chức năng thực hiện xây dựng chỉnh sửa, chuẩn hoá các câu hỏi khảo sát từ từ quý 4 năm 2020 và hoàn thành vào quý 1 năm 2021.

## **5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt (mức 6/7)

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 11:**

#### **- Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn**

+ Học viện thực hiện quản lý, thống kê tỷ lệ sinh viên thôi học, sinh viên tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp bằng phần mềm QLĐT, nhờ đó có thể đối sánh được tỷ lệ tốt nghiệp giữa các năm và giám sát thời gian tốt nghiệp của các khoá học trong cùng CTĐT một cách chuẩn xác, nhanh chóng; kịp thời đưa ra danh sách cảnh báo với những sinh viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp hoặc chậm tốt nghiệp để có biện pháp nhắc nhở phù hợp.

+ Đội ngũ cố vấn học tập nhiệt tình, có kinh nghiệm trong việc tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập.



+ Thông tin liên hệ với người học sau khi tốt nghiệp được Khoa và Học viện duy trì thường xuyên, chặt chẽ, nhờ đó tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp của người học thuộc Ngành Kinh tế nói riêng và các chuyên ngành khác của Học viện nói chung có thể được thống kê nhanh chóng, giám sát chặt chẽ, đảm bảo sự chính xác, so sánh giữa các năm tốt nghiệp, đối sánh giữa các CTĐT để cải tiến chất lượng. Công tác tư vấn hỗ trợ người học chưa có việc làm bước đầu đạt kết quả nhất định, qua đó tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

+ Hoạt động NCKH cho sinh viên được triển khai thường xuyên, đều đặn hàng năm với chất lượng cao. Hoạt động NCKH được theo dõi, hỗ trợ và hướng dẫn đầy đủ từ phía Khoa và Học viện.

+ Phương pháp khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi đa dạng, được cải tiến, ứng dụng công nghệ thông tin (khảo sát trực tuyến). Các kết quả khảo sát được phân tích và sử dụng làm cơ sở điều chỉnh CTĐT, cải tiến chất lượng đào tạo.

***- Tồn tại chủ yếu của tiêu chuẩn:***

+ Còn nhiều sinh viên chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ nên tỷ lệ tốt nghiệp nói chung và tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn nói riêng bị giảm trong hai năm gần đây. Khoa vẫn còn tỷ lệ sinh viên thôi học dù tỷ lệ này không lớn.

+ Vai trò hướng nghiệp của Ban liên lạc cựu sinh viên đối với các sinh viên đang theo học tại Học viện vẫn chưa mạnh.

+ Số lượng đề tài và thời gian NCKH của sinh viên ngoài yêu cầu của môn Phương pháp NCKH còn chưa nhiều. Niềm yêu thích NCKH trong sinh viên chưa được nhân rộng.

+ Số lượng nhà tuyển dụng trả lời khảo sát hàng năm còn hạn chế. Các câu hỏi khảo sát chưa thực sự được chuẩn hoá.

Học viện, Khoa Kinh tế, các Khoa, Phòng, Ban liên quan đã có những kế hoạch hành động nhằm phát huy các điểm mạnh và khắc phục những tồn tại này.

***Tóm tắt mức đạt của các tiêu chí trong tiêu chuẩn:*** Tiêu chuẩn 11 có 05 tiêu chí, trong đó có 03 tiêu chí đạt 5/7 điểm, 02 tiêu chí đạt 6/7 điểm.

## PHẦN 3. KẾT LUẬN

### 3.1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy

#### - *Tiêu chuẩn 1:*

+ Mục tiêu của CTĐT Ngành Kinh tế được xác định rõ ràng phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Học viện CS&PT.

+ CDR của CTĐT đảm bảo được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt trong đào tạo đó là trang bị cho người học chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp, chuẩn đầu ra về Tiếng Anh và Tin học giúp người học có triển vọng nghề nghiệp tốt trong tương lai.

+ CDR của CTĐT Ngành Kinh tế được kịp thời bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các tài liệu, các ý kiến của các bên liên quan theo hướng đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội và được công bố rộng rãi tới xã hội.

#### - *Tiêu chuẩn 2:*

+ Bản mô tả CTĐT có đầy đủ nội dung và các thông tin cần thiết, thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào CDR rõ ràng.

+ Đề cương môn học trong CTĐT được xây dựng đầy đủ thông tin, tạo điều kiện cho người học có thể dễ dàng tra cứu nội dung của môn học cũng như các tài liệu tham khảo phục vụ cho việc học và nắm vững phương pháp đánh giá đối với môn học. Ngoài ra, đề cương các môn học trong CTĐT được cập nhật định kỳ để đảm bảo phù hợp với thực tế đào tạo và nhu cầu của người sử dụng lao động, đảm bảo cập nhật các thông tin mới nhất.

+ Bản mô tả CTĐT Ngành Kinh tế và đề cương học phần trong CTĐT được công bố đầy đủ bằng một phần mềm riêng và cá nhân hóa tới từng sinh viên, công khai tới các cơ quan chủ quản và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

#### - *Tiêu chuẩn 3:*

+ Công tác thiết kế CTDH Ngành Kinh tế hợp lý, CTDH được gắn kết chặt chẽ với CDR, giúp phối hợp các nguồn lực, các phòng chức năng, các đơn vị trong Học viện; phối hợp trách nhiệm tham gia của DN, các đơn vị ngoài Học viện trong vận hành CTDH được thuận lợi và đạt CDR một cách hiệu quả.

+ Tất cả học phần trong CTĐT Ngành Kinh tế được thiết kế rõ ràng, góp

phần đạt được CĐR.

+ Tham khảo được nhiều CTĐT của các trường đại học trong nước. CTĐT có cấu trúc và logic rõ ràng, các học phần trong CTDH được sắp xếp theo trình tự logic từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên sâu của ngành Kinh tế đảm bảo tính tích hợp và có nội dung cập nhật.

**- Tiêu chuẩn 4:**

+ Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới cán bộ, giảng viên và người học để hiểu và thực hiện;

+ Phương pháp dạy và học đa dạng, cập nhật trong từng học phần để đạt được CĐR và đạt được sự hài lòng cao của người dạy, người học;

+ Tất cả các học phần đều có hướng dẫn tự học cho sinh viên, giúp nâng cao khả năng nghiên cứu và rèn luyện khả năng học tập suốt đời.

**- Tiêu chuẩn 5:**

+ Có các quy định rõ ràng về hình thức, kế hoạch, tiêu chí đánh giá kết quả học tập theo các CĐR của CTĐT và của từng học phần. Quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên được xây dựng bám sát theo các yêu cầu về CĐR đối với kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của CTĐT, nhằm đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức của sinh viên theo các bậc thang biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá. Hệ thống các phương pháp đánh giá (câu hỏi trắc nghiệm, tự luận, thuyết trình, bài tập nhóm, chuyên đề thực tế, thực tập...) được thiết kế phù hợp để có khả năng đo lường mức độ đạt CĐR.

+ Các quy định về đánh giá kết quả học tập đều rõ ràng và được công bố rõ ràng, khoa học và được thông báo công khai tới người học, rộng rãi cho các bên liên quan nhằm đạt chuẩn đầu ra. Việc tổ chức thi, đánh giá kết quả học tập thể hiện rõ quy định trong các đề cương chi tiết học phần.

+ Công tác đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học

phần và đảm bảo chất lượng chung.

+ Học viện có đầy đủ các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học. Kết quả đánh giá được công bố công khai đến người học; được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn giúp người học cải thiện việc học tập, điều chỉnh phương pháp học tập.

+ Quy trình về khiếu nại về kết quả học tập bao gồm thủ tục, trình tự và thời gian giải quyết được quy định rõ ràng, công khai. sinh viên được dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình. Học viện, Khoa và Bộ môn đảm bảo được quyền lợi chính đáng cho người học khi có bất kỳ thắc mắc về kết quả học tập.

- ***Tiêu chuẩn 6:***

+ Học viện luôn chú trọng đến quy hoạch đội ngũ giảng viên để đảm bảo chất lượng đào tạo của Học viện cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Công tác kế hoạch/quy hoạch cán bộ giảng viên được tiến hành bài bản cho các giai đoạn ngắn hạn và trung hạn nhằm chủ động về công tác cán bộ.

+ Học viện có các quy định cụ thể về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên với các tiêu chí đánh giá rõ ràng và minh bạch. Khoa có đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng để giảng dạy cho sinh viên ngành Kinh tế và sinh viên thuộc các ngành khác trong Học viện.

+ Với những tiêu chuẩn rõ ràng, Học viện đã chuẩn hóa đội ngũ giảng viên đảm bảo chuyên môn và năng lực giảng dạy. Các hình thức đánh giá năng lực của giảng viên đa dạng, khách quan và được công bố công khai. Trước năm 2018 tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên còn chung chung, từ năm 2018 trở lại đây đã có tiêu chuẩn cụ thể cho từng hạng giảng viên.

+ Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng và đánh giá theo đúng quy trình và đảm bảo tính chính xác, khách quan. Khoa và Học viện thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

+ Quá trình xác định nhu cầu đào tạo của đội ngũ giảng viên đảm bảo tính

thiết thực, phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Khoa và Học viện luôn cập nhật nhu cầu đào tạo của cán bộ giảng viên theo yêu cầu của chương trình đào tạo và tạo điều kiện để đi học tập, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn.

+ Học viện có quy định cụ thể, rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho giảng viên không chỉ giúp tạo ra động lực cho giảng viên trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được tốt.

+ Đội ngũ giảng viên ngành Kinh tế tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, viết các bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, bài báo khoa học trong các hội thảo trong nước và quốc tế, xuất bản giáo trình sách chuyên khảo.

- **Tiêu chuẩn 7:**

+ Số lượng cán bộ, nhân viên của Học viện đạt yêu cầu về số lượng và chất lượng. Khảo sát đánh giá sự hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với hoạt động của khối phòng, ban, trung tâm đều đạt ổn định ở mức trên 85-90% hài lòng và rất hài lòng.

+ Việc tuyển dụng, lựa chọn và điều chuyển đã có đầy đủ tiêu chí, qui trình rõ ràng, công bố công khai. Cán bộ, nhân viên được đánh giá thường xuyên (qua điểm danh hàng ngày, đánh giá thu nhập tăng thêm hàng tháng) và định kỳ cuối năm học dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai. Có kế hoạch hoạt động đào tạo và phát triển cũng như thi đua khen thưởng đội ngũ cán bộ, nhân viên.

+ Cán bộ, nhân viên được đánh giá thường xuyên (qua công việc hàng ngày) và định kỳ hàng năm dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai.

+ Có kế hoạch hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên. Đồng thời đã triển khai những hoạt động thiết thực đáp ứng nhu cầu đào tạo đó.

+ Việc quản trị theo kết quả công việc của cán bộ được quy định rõ ràng và công khai minh bạch; kết quả đánh giá đã khích lệ đội ngũ cán bộ thực hiện tốt công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- **Tiêu chuẩn 8:**

+ Học viện công bố chính sách tuyển sinh công khai, đa dạng về hình thức; Phương thức tuyển sinh của Học viện cũng được đa dạng hóa.

+ Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Học viện xác định rõ ràng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

+ Học viện có đầy đủ quy chế và cơ sở dữ liệu giám sát kết quả học tập và khối lượng học tập của người học.

+ Học viện và Khoa luôn có kế hoạch chi tiết triển khai định kỳ các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ sinh viên tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp sinh viên nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường; Xây dựng được mạng lưới đa dạng các cơ quan doanh nghiệp hợp tác chặt chẽ hỗ trợ, tư vấn các hoạt động cho sinh viên.

+ Học viện luôn không ngừng nâng cấp, cải thiện môi trường cảnh quan, hoàn thiện môi trường tâm lý, xã hội, quan tâm chăm lo sức khỏe cho sinh viên, tạo điều kiện học tập tốt nhất cho sinh viên trong Học viện.

- **Tiêu chuẩn 9:**

+ Có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng, phòng thực hành với trang thiết bị hiện đại.

+ Thư viện hiện đại, đầy đủ nguồn học liệu.

+ Các phòng thực hành của Học viện được quan tâm đầu tư, các thiết bị mới, đồng bộ, hiện đại, có kết nối Internet, phần mềm đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu.

+ Hệ thống wifi ổn định, có đầy đủ các website và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ quản lý đào tạo tại lớp và giảng dạy trực tuyến, được cung cấp miễn phí cho toàn bộ cán bộ, giảng viên và sinh viên của Học viện.

+ Các tiêu chuẩn về an toàn, sức khỏe và môi trường có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật và được triển khai thực hiện đầy đủ, dần đi vào nề nếp và trở thành văn hóa của Học viện và nhận được sự hài lòng từ người học, cán bộ và giảng viên Học viện.

- **Tiêu chuẩn 10:**

+ Hệ thống thu thập thông tin của Học viện được tổ chức khoa học, có hệ thống, phân công rõ ràng giữa các đơn vị thực hiện giúp việc thu thập, đảm bảo những ý kiến/góp ý được phản ánh trong những điều chỉnh của CTDH.

+ Quy trình xây dựng CTDH năm 2017 của Học viện được xây dựng khá rõ ràng, hướng dẫn chi tiết, thuận lợi cho các nhóm rà soát CTĐT. Quy trình phát triển CTDH đảm bảo sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

+ Có quy trình rõ ràng, minh bạch trong việc đánh giá quá trình dạy và học. Hoạt động đánh giá được triển khai định kỳ.

+ Hoạt động NCKH được triển khai bài bản, có hiệu quả. Nhiều kết quả nghiên cứu được chuyển hóa thành nội dung giảng dạy trong CTDH.

+ Chất lượng dịch vụ hỗ trợ cho người học được đánh giá tốt, liên tục được cải tiến.

+ Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Học viện đặc biệt là về CTĐT, CTDH, công tác cố vấn học tập, đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên.

- ***Tiêu chuẩn 11:***

+ Học viện thực hiện quản lý, thống kê tỷ lệ sinh viên thôi học, sinh viên tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp bằng phần mềm QLĐT, nhờ đó có thể đối sánh được tỷ lệ tốt nghiệp giữa các năm và giám sát thời gian tốt nghiệp của các khoá học trong cùng CTĐT một cách chuẩn xác, nhanh chóng; kịp thời đưa ra danh sách cảnh báo với những sinh viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp hoặc chậm tốt nghiệp để có biện pháp nhắc nhở phù hợp.

+ Đội ngũ cố vấn học tập nhiệt tình, có kinh nghiệm trong việc tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập.

+ Thông tin liên hệ với người học sau khi tốt nghiệp được Khoa và Học viện duy trì thường xuyên, chặt chẽ, nhờ đó tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp của người học thuộc Ngành Kinh tế và các chuyên ngành khác của Học viện nói chung có thể được thống kê nhanh chóng, giám sát chặt chẽ, đảm bảo sự chính xác, so sánh giữa các năm tốt nghiệp, đối sánh giữa các CTĐT để cải tiến chất lượng. Công tác tư vấn hỗ trợ người học chưa có việc làm bước đầu đạt kết quả nhất định, qua đó tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

+ Hoạt động NCKH cho sinh viên được triển khai thường xuyên, đều đặn hàng năm với chất lượng cao. Hoạt động NCKH được theo dõi, hỗ trợ và hướng

dẫn đầy đủ từ phía Khoa và Học viện.

+ Phương pháp khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi đa dạng, được cải tiến, ứng dụng công nghệ thông tin (khảo sát trực tuyến). Các kết quả khảo sát được phân tích và sử dụng làm cơ sở điều chỉnh CTĐT, cải tiến chất lượng đào tạo.

### **3.2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng**

#### **- Tiêu chuẩn 1**

+ Mục tiêu của CTĐT Ngành Kinh tế được xác định theo hướng dẫn trong Quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT của Học viện. Tuy nhiên hướng dẫn đó chưa thực sự chi tiết về yêu cầu đối với việc xây dựng mục tiêu của CTĐT nên khi xác định mục tiêu, tổ soạn thảo chương trình đã có các khó khăn nhất định trong việc phân biệt mục tiêu và CDR của CTĐT.

+ Việc lấy ý kiến của các đối tượng liên quan để góp ý cho CDR chưa nhiều, cần phải gia tăng số lượng ý kiến của từng đối tượng khảo sát.

+ Việc rà công bố CDR tới các bên liên quan mặc dù được triển khai định kỳ nhưng cần có nhiều kênh công bố thông tin rộng khắp hơn nữa.

#### **- Tiêu chuẩn 2:**

+ Bản mô tả CTĐT chưa giới thiệu đề cương các học phần theo khối kiến thức như Giáo dục đại cương, Cơ sở ngành, Ngành, Chuyên ngành. Việc mô tả một số đề cương còn hơi ngắn gọn, sơ sài, chưa cung cấp đủ thông tin cho người đọc quan tâm.

+ Việc lấy ý kiến khảo sát từ các bên liên quan đối với CTĐT dù đủ đối tượng, nhưng số lượng ý kiến của từng đối tượng đối với đề cương môn học trong CTĐT còn chưa nhiều.

+ Khoa chưa chủ động gửi thông tin bản mô tả CTĐT, đề cương học phần tới các bên liên quan nên việc tiếp cận thông tin trong bản mô tả CTĐT và đề cương học phần của người sử dụng lao động còn khó khăn.

#### **- Tiêu chuẩn 3:**

+ Việc thiết kế CTDH để đạt được các kỹ năng nghề nghiệp chưa được thể hiện rõ.

+ Đóng góp của một số học phần ở khối kiến thức giáo dục đại cương chưa đóng góp rõ ràng vào CDR của chương trình. Quá trình khảo sát các bên liên quan về sự đóng góp của các học phần trong việc đạt được CDR triển khai chưa



được đầy đủ và có hệ thống.

+ CTĐT tham khảo ít CTĐT tiên tiến của khu vực và trên thế giới. Tính cập nhật và tích hợp của một số học phần do các khoa/bộ môn khác phụ trách chưa được đảm bảo một cách tốt nhất, đặc biệt là khi có sự điều chỉnh trong CDR của CTĐT.

- **Tiêu chuẩn 4:**

+ Việc tuyên truyền phổ biến Triết lý giáo dục đến các doanh nghiệp chưa được thực hiện đầy đủ và hiệu quả;

+ Kỹ năng áp dụng công nghệ trong dạy và học ở một số môn còn hạn chế do điều kiện về kinh phí mua sắm trang thiết bị và phần mềm, mô hình chuyên dụng;

+ Chưa chỉ rõ cách thức giám sát quá trình tự học, tự nghiên cứu tài liệu tham khảo trong đề cương một số học phần của CTĐT.

- **Tiêu chuẩn 5:**

+ Các quy trình, tài liệu hướng dẫn cụ thể về cách thức thiết kế phương pháp đánh giá phù hợp mức độ đạt được chuẩn đầu ra chưa cập nhật và rà soát thường xuyên. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo chuẩn đầu ra còn dựa nhiều vào việc kiểm tra khả năng tái hiện, tái tạo kiến thức, giải các bài tập trong lớp học hơn đánh giá kỹ năng và năng lực vận dụng vào thực tiễn của sinh viên.

+ Các quy định về đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập người học để đáp ứng với yêu cầu của người học cũng như đảm bảo tính cập nhật môn học chưa được triển khai rộng rãi và toàn diện, phụ thuộc chủ yếu vào tính chủ động của đội ngũ giảng viên của Khoa. Trong đánh giá điểm quá trình, trong một số học phần, một vài tiêu chí đánh giá đôi khi còn mang tính định tính.

+ Tổ chức thi và kiểm tra chủ yếu là thi viết, hình thức thi vấn đáp còn hạn chế. Việc rà soát và đổi mới bộ đề thi chưa thực hiện thường xuyên. Số lượng môn học có ngân hàng câu hỏi được nghiệm thu và được sử dụng chính thức chưa nhiều. Học viện chưa sử dụng phần mềm Turitin để kiểm tra tỉ lệ sao chép đối với các bài tập lớn, báo cáo thực tập và khoá luận tốt nghiệp của sinh viên.

+ Việc công bố điểm quá trình và điểm cuối kỳ của một số học phần đôi khi

còn chậm so với qui định. Một số ít sinh viên khi đã nhận kết quả học tập, chưa tích cực chủ động đổi mới phương pháp học tập để cải thiện việc học tập của mình.

+ Việc chấm và công bố điểm giữa kỳ cũng như điểm cuối kỳ, điểm phúc tra ở một số học phần cho sinh viên đôi khi còn chậm so với qui định.

- **Tiêu chuẩn 6:**

+ Chưa có nhiều kênh truyền thông về thông tin tuyển dụng giảng viên và nghiên cứu viên.

+ Các quy định về khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên cũng như quy định về quy đổi khối lượng công việc tiêu chuẩn nằm ở nhiều văn bản khác nhau.

+ Một số tiêu chuẩn chuyên môn trong Đề án Vị trí việc làm còn chưa cụ thể.

+ Trong Đề án Vị trí việc làm vẫn còn một số tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên, nghiên cứu viên còn chưa cụ thể.

+ Thời gian đào tạo, bồi dưỡng chưa hoàn toàn phù hợp với lịch giảng dạy của giảng viên.

+ Một số tiêu chí còn khó đo lường trong đánh giá thực tế công việc.

+ Hoạt động NCKH của giảng viên Ngành Kinh tế còn tập trung vào một số giảng viên lớn tuổi, có kinh nghiệm nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn 7:**

+ Vẫn còn khoảng 10% tỉ lệ chưa hài lòng với chất lượng phục vụ của khối cán bộ, nhân viên phòng, ban, trung tâm. Các kênh phổ biến thông tin tuyển dụng chưa thật sự đa dạng và phong phú. Đồng thời, kinh phí dành cho việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho khối cán bộ, nhân viên còn hạn chế.

+ Hệ thống đánh giá khen thưởng đều dựa vào các văn bản hướng dẫn của cấp trên, các chỉ tiêu khen thưởng đều có hạn mức. Do vậy, chưa thật sự khuyến khích đối với những cá nhân có nhiều đóng góp, chưa tính đến tính chất và điều kiện đặc thù của từng vị trí công việc, chưa định lượng nên chưa ghi nhận và tổng quát hết những đóng góp của mỗi cán bộ (chuyên viên).

+ Chưa có kế hoạch bồi dưỡng và phát triển chuyên môn dài hạn cho đội

ngũ cán bộ, nhân viên.

+ Hệ thống tiêu chí đánh giá định lượng chất lượng công việc chưa hoàn thiện vì thế còn một số bất cập trong hoạt động đánh giá.

- **Tiêu chuẩn 8:**

+ Mặt bằng điểm trúng tuyển và tỷ lệ nhập học/trúng tuyển chưa tăng lên trong những năm gần đây;

+ Việc phân tích và đánh giá tính hợp lý của quá trình tuyển sinh trước và sau kỳ tuyển sinh còn có độ trễ;

+ Việc theo dõi sinh viên nợ môn và thiếu học phí trên website vẫn còn hơi khó do giao diện kém thân thiện, đôi khi làm một vài cố vấn học tập bị lúng túng;

+ Cơ sở học tập tại trụ sở D25 có diện tích còn khiêm tốn, khu vận động của sinh viên còn hạn chế.

- **Tiêu chuẩn 9:**

+ Hiện nay các phòng làm việc và văn phòng Khoa tại cơ sở Nam An Khánh chưa được về văn phòng riêng và vẫn đang ngồi chung phòng trong các giảng đường.

+ Số lượng máy tính và diện tích phòng đọc phục vụ tại thư viện còn chưa đáp ứng được nhu cầu của người đọc, đặc biệt là vào mùa thi.

+ Một số phòng thực hành chưa có máy tính dự phòng cho các lớp học đông sinh viên.

+ Website phục vụ đăng ký tín chỉ đôi khi bị quá tải vào giờ cao điểm đăng ký tín chỉ.

+ Chưa có diễn tập quy mô lớn đối với các tình huống liên quan đến môi trường, an toàn và sức khỏe cho toàn bộ sinh viên Học viện.

- **Tiêu chuẩn 10:**

+ Học viện chưa trang bị phần mềm riêng trong thực hiện khảo sát các bên liên quan, các hình thức triển khai thu thập hiện tại còn nặng về thu thập trực tiếp hoặc các ứng dụng miễn phí (Google) nên còn mất khá nhiều thời gian và công sức của bộ phận thu thập dữ liệu sơ cấp.

+ Quy trình thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH chưa được cải tiến theo xu hướng công nghệ (sử dụng mạng internet để trao đổi thông tin và thu thập ý kiến)

nên việc tiến hành còn mất nhiều thời gian và chi phí.

+ Việc đánh giá kết quả các học phần tiếng Anh chưa được kịp thời dẫn tới một số do trình độ đầu vào hạn chế gặp khó khăn để đạt được CDR.

+ Trong 5 năm gần đây, các đề tài NCKH của khoa chủ yếu là đề tài NCKH cấp Học viện.

+ Việc nâng cấp số lượng đầu sách và cải thiện chất lượng phục vụ tại thư viện chưa được như kỳ vọng do không gian thư viện tại cơ sở D25 còn chật hẹp.

+ Chưa có sự đánh giá đầy đủ của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, cựu sinh viên về cơ sở vật chất phục vụ cho việc đào tạo.

- **Tiêu chuẩn 11:**

+ Còn nhiều sinh viên chưa đạt CDR về ngoại ngữ nên tỷ lệ tốt nghiệp nói chung và tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn nói riêng bị giảm trong hai năm gần đây. Khoa vẫn còn tỷ lệ sinh viên thôi học dù tỷ lệ này không lớn.

+ Vai trò hướng nghiệp của Ban liên lạc cựu sinh viên đối với các sinh viên đang theo học tại Học viện vẫn chưa mạnh.

+ Số lượng đề tài và thời gian NCKH của sinh viên ngoài yêu cầu của môn Phương pháp NCKH còn chưa nhiều. Niềm yêu thích NCKH trong sinh viên chưa được nhân rộng.

+ Số lượng nhà tuyển dụng trả lời khảo sát của khoa KHPT hàng năm còn hạn chế. Các câu hỏi khảo sát chưa thực sự được chuẩn hoá.

### **3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT**

- **Tiêu chuẩn 1:**

+ Từ năm học 2020-2021, Khoa Kinh tế chủ trì, phối hợp với phòng QLĐT cập nhật chương trình đào tạo, cụ thể hóa hơn nữa các mục tiêu cụ thể của chương trình, nhằm thể hiện rõ rệt nhất Sứ mạng, Tầm nhìn của Học viện.

+ Từ năm học 2020 – 2021, Trung tâm KT&KĐCL phối hợp với Khoa và các Phòng, Ban liên quan triển khai lấy nhiều hơn ý kiến của các bên liên quan đối với CĐT của CTĐT.

+ Từ năm học 2020-2021, Học viện trang bị phần mềm khảo sát online nhằm thuận tiện hơn trong việc tiếp cận tới các bên liên quan, tiếp cận nhiều hơn từng

loại đối tượng, đặc biệt nhà tuyển dụng, người học để công bố rộng rãi hơn CĐR của CTĐT.

- **Tiêu chuẩn 2:**

+ Để đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của các bên liên quan về thông tin trong bản mô tả CTĐT, Khoa sẽ phối hợp với các phòng, ban liên quan như Trung tâm KT&ĐBCL lấy ý kiến phản hồi của người học năm cuối, cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng để rà soát, cập nhật và chỉnh sửa bản mô tả CTĐT vào năm học 2021-2022. Rà soát, đánh giá tiến trình học theo hướng hỗ trợ người học thời gian nhiều hơn cho ngành, chuyên ngành.

+ Từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, Khoa Kinh tế sẽ phối hợp với các Phòng, Ban liên quan lấy nhiều hơn ý kiến phản hồi của người học năm cuối, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về đề cương môn học trong CTĐT để cập nhật, chỉnh sửa phù hợp.

+ Đầu năm học 2020-2021, Khoa Kinh tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong Học viện như Trung tâm KT&ĐBCL, Phòng TC-HC triển khai gửi bản mô tả CTĐT tới các bên liên quan giúp Khoa có nhiều kênh thông tin hơn cho việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh bản mô tả CTĐT; bổ sung các hình thức khảo sát online đối với các bên liên quan.

- **Tiêu chuẩn 3:**

+ Khoa phối hợp với Phòng QLĐT và các khoa, bộ môn trong Học viện tiến hành rà soát, điều chỉnh CTDH, tăng thời lượng thực hành so với lý thuyết của học phần chuyên ngành Phân tích dự báo kinh tế vĩ mô và Thẩm định dự án đầu tư trong CTĐT.

+ Khoa sẽ phối hợp với các Khoa, Bộ môn phụ trách học phần đại cương (học phần ngoại ngữ, toán...) điều chỉnh nội dung của học phần nhằm đáp ứng tốt hơn CĐR của chương trình.

+ Kỳ 1 năm học 2021- 2022, Khoa chủ trì, phối hợp với Phòng QLĐT, lãnh đạo các Khoa phụ trách môn học và giảng viên giảng dạy rà soát lại sự cập nhật và tích hợp của các môn học trong chương trình với chuẩn đầu ra.

- **Tiêu chuẩn 4:**

+ Năm 2020-2021, Khoa Kinh tế phối hợp với Phòng Chính trị và Công tác sinh viên đưa nội dung phổ biến và giải thích Triết lý giáo dục tới sinh viên trong các tuần sinh hoạt chính trị công dân đầu khóa.

+ Năm học 2020-2021, Phòng QLĐT chủ trì phối hợp cùng Khoa tiến hành nghiên cứu cách thức tăng cường áp dụng công nghệ vào công tác dạy và học thông qua việc thiết kế các mô hình, phần mềm để sinh viên thực hành trong các học phần chuyên ngành.

+ Năm học 2020-2021, Khoa chủ trì phối hợp với Phòng QLĐT chỉ đạo các Bộ môn xây dựng cơ chế giám sát tự học đối với tất cả các học phần của CTĐT.

- ***Tiêu chuẩn 5:***

+ Trong năm học 2020 - 2021, Khoa dự kiến phối hợp với Phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL tổ chức tọa đàm nhằm rà soát, hoàn thiện công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập để nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp của người học trong thực tiễn, đáp ứng nhu cầu xã hội trong lĩnh vực chuyên môn.

+ Tiếp tục cải tiến quy trình đánh giá kết quả theo hướng đa dạng và phù hợp với thông lệ quốc tế. Khoa giao cho các Trưởng bộ môn làm đầu mối, phối hợp với bộ môn khác trong Khoa, kết hợp với Trung tâm KT&ĐBCL có kế hoạch mở các lớp tập huấn cho giảng viên về đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập người học để đáp ứng với yêu cầu thực tế.

+ Khoa Kinh tế tiếp tục phát huy tính nghiêm túc, khách quan và đảm bảo chất lượng chuẩn đầu ra trong công tác đánh giá kết quả học tập ở những giai đoạn tiếp theo.

+ Khoa tiếp tục đôn đốc, nhắc nhở các giảng viên thực hiện đúng quy định về việc công bố điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần đồng thời có các biện pháp trao đổi với sinh viên thông qua cố vấn học tập hoặc các buổi tọa đàm nhằm cải thiện việc học tập của sinh viên.

+ Khoa tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan, đặc biệt là Trung tâm KT&ĐBCL duy trì và cải thiện quy trình khiếu nại về kết quả học tập theo hướng thực hiện online hoàn toàn, thay vì chỉ đăng ký phúc khảo qua mạng và in phiếu đến nộp trực tiếp như hiện nay.

- **Tiêu chuẩn 6:**

+ Từ năm học 2020 – 2021, Phòng TC-HC phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông sử dụng đa dạng các kênh thông tin về tuyển dụng để lan toả các thông tin tuyển dụng đến nhiều các ứng viên, giúp Khoa KTPT và Học viện tuyển dụng được nhiều cán bộ, giảng viên có chất lượng tốt.

+ Từ năm học 2020-2021, Phòng TC-HC phối hợp với các các đơn vị thuộc Học viện xây dựng một văn bản chung thống nhất quy định về khối lượng giờ giảng, giờ NCKH và cách thức quy đổi.

+ Từ năm học 2020-2021, Phòng TC-HC xây dựng mới Đề án Vị trí việc làm theo hướng cụ thể hóa các tiêu chuẩn đối với giảng viên.

+ Trong năm học 2020-2021, Phòng TC-HC chủ trì kết hợp với Khoa rà soát, điều chỉnh tiêu chí đánh năng lực giảng viên trong Đề án vị trí việc làm 2014.

+ Từ năm 2020, Phòng TC-HC phối hợp với các đơn vị chức năng và Khoa trong việc sắp xếp, tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng vào thời gian thích hợp với giảng viên (nghỉ hè, tuần dự trữ).

+ Trong năm học 2020 - 2021, Phòng TC-HC hoàn thiện các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc chi tiết và định lượng hơn (sử dụng KPI).

+ Trong năm học 2020 – 2021, Khoa Kinh tế và các Khoa quản lý chuyên ngành giao các giảng viên có kinh nghiệm nghiên cứu hướng dẫn các giảng viên trẻ thực hiện viết và đăng bài trên các báo, tạp chí khoa học.

- **Tiêu chuẩn 7:**

+ Từ năm học 2020 – 2021, Phòng TC-HC xây dựng và tham mưu Ban Giám đốc Học viện về kế hoạch tuyển dụng, sắp xếp cán bộ trợ lý khoa dựa trên sự phát triển về quy mô của sinh viên. Đồng thời Phòng TC-HC làm việc với các phòng, ban, trung tâm để phân tích về nguyên nhân vẫn có 1 tỉ lệ nhỏ giảng viên, sinh viên chưa hài lòng để cải thiện chất lượng phục vụ.

+ Từ năm học 2020 – 2021, Phòng TC-HC tiếp tục đa dạng hơn các kênh để lấy ý kiến từ cán bộ, giảng viên trong Học viện về quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, và điều chuyển cán bộ, nhân viên như gửi email, tổ chức lấy ý kiến tại

cơ sở, phòng, ban.

+ Từ năm học 2020 - 2021, ở cấp độ Học viện, Phòng TC-HC sẽ nghiên cứu đề xuất với Ban Giám đốc hoàn thiện bộ tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ cán bộ (chuyên viên) hỗ trợ, tiêu chuẩn đánh giá kết quả công việc theo hướng định lượng; hoàn thiện quy trình đánh giá; Ở cấp độ Khoa, lãnh đạo Khoa sẽ lưu ý thêm một số đặc điểm đặc thù của công việc trước khi phân công công việc đối với các cán bộ trợ lý.

+ Năm 2020 – 2021, Khoa sẽ phối hợp với Phòng TC-HC xây dựng kế hoạch dài hạn bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, nhân viên tạo cơ hội phát triển cho đội ngũ này. Đồng thời, tích cực tìm nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo cho cán bộ.

+ Năm học 2020-2021, Khoa phối hợp với Phòng TC-HC hoàn thiện bộ tiêu chí định lượng để đánh giá chất lượng công việc.

- ***Tiêu chuẩn 8:***

+ Khoa triển khai các hoạt động chuyên môn và hoạt động xã hội nhằm quảng bá về chuyên môn, nội dung đào tạo để nâng cao thương hiệu của chuyên ngành.

+ Khoa thường xuyên thảo luận thông qua các cuộc họp online, đồng thời phối hợp với Phòng QLĐT thực hiện phân tích tình hình, đánh giá tính hợp lý của quá trình tuyển sinh trước và sau kỳ tuyển sinh.

+ Phòng QLĐT phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông đề xuất yêu cầu với Công ty CMC thay đổi giao diện chức năng theo dõi sinh viên nợ môn và nợ học phí.

+ Khoa Kinh tế tăng thêm nhân lực hỗ trợ hoạt động Câu lạc bộ trong Khoa; bổ sung kinh phí hỗ trợ các hoạt động tư vấn thực tế tại các doanh nghiệp.

+ Năm học 2020-2021, Học viện chuyển về cơ sở mới tại Nam An Khánh đảm đầy đủ toàn diện các yếu tố về môi trường cảnh quan đáp ứng yêu cầu người học.

- ***Tiêu chuẩn 9:***



+ Học viện giao Ban Quản lý Đầu tư tiếp tục hoàn thiện các phòng làm việc, văn phòng khoa, và phòng chức năng để đưa vào hoạt động, chấm dứt tình trạng các bộ phận này phải ngồi chung tại các phòng giảng đường.

+ Phòng Kế hoạch - Tài chính và Phòng Quản lý thiết bị bố trí kinh phí bổ sung thêm hai máy tính để tra cứu tài liệu trong thư viện. Ban Quản lý Dự án bố trí thêm một phòng tự học, tự đọc sách cho sinh viên, giảng viên, người nghiên cứu để nâng cao khả năng tự học của người học.

+ Học viện giao Ban Quản lý dự án đầu tư phối hợp với Phòng TC-HC trong học kỳ I năm học 2020 – 2021 mua thêm máy tính cho phòng thực hành Tin học và ngoại ngữ để phục vụ hoạt động giảng dạy của các môn học tại phòng học này.

+ Học viện giao cho Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông lên phương án nâng cấp website, khắc phục những trục trặc của hoạt động đăng ký tín chỉ;

+ Học viện giao Trung tâm Dịch vụ và Hỗ trợ đào tạo xây dựng chương trình để phổ biến hoặc diễn tập cho sinh viên về các biện pháp ứng phó khẩn cấp với tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm, và các tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn khác.

- **Tiêu chuẩn 10:**

+ Trong năm học 2020-2021, Học viện chỉ đạo Trung tâm KT&ĐBCL đặt mua phần mềm khảo sát phù hợp trong việc thu thập ý kiến sinh viên, đặc biệt triển khai đối với sinh viên năm cuối và cựu sinh viên vì với số lượng thu thập và xử lý cơ sở dữ liệu ngày càng tăng, thì việc ứng dụng công nghệ ngày càng quan trọng.

+ Học viện chỉ đạo Phòng QLĐT phối hợp với các khoa cần rà soát, xin ý kiến các chuyên gia, các nhà quản lý để điều chỉnh quy trình thiết kế, phát triển và cải tiến CTDH theo xu hướng công nghệ 4.0.

+ Học viện tiến hành rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định liên quan đảm bảo tính chặt chẽ, hệ thống và cập nhật theo năm học. Tăng cường hỗ trợ, động viên và khuyến khích sinh viên thông qua hệ thống CVHT để sinh viên đạt được CDR.

+ Học viện cần tập trung nguồn lực đầu tư cho giảng viên tham gia các đề tài, dự án lớn của nhà nước, Bộ KHĐT. Khoa ban hành thêm các chính sách động viên khuyến khích các giảng viên và sinh viên tích cực hơn nữa trong hoạt động NCKH.

+ Khi Học viện chuyển sang cơ sở mới tại khu đô thị Nam An Khánh với không gian rộng rãi sẽ bố trí không gian thư viện dành cho giảng viên và sinh viên đảm bảo tiêu chuẩn ở mức cao so với các khu vực riêng biệt. Bên cạnh đó, đề nghị Học viện bố trí thêm nguồn ngân sách mua sắm mỗi năm tăng 10% số đầu sách.

+ Khoa phối hợp với Trung tâm KT&ĐBCL và các phòng ban chức năng nghiên cứu đề xuất chỉnh sửa và bổ sung các quy định trong hoạt động khảo sát.

- ***Tiêu chuẩn 11:***

+ Học viện giao bộ môn Ngoại ngữ bổ sung thêm các chuẩn tương đương, đặc biệt với các sinh viên đến hạn ra trường (năm thứ 6) mà chưa đạt chuẩn để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp. Bên cạnh đó, đội ngũ CVHT tiếp tục theo sát, tư vấn và hỗ trợ quá trình học tập của sinh viên để giảm tỷ lệ thôi học.

+ Bộ môn Ngoại ngữ phối hợp với Phòng QLĐT có phương án đào tạo ngoại ngữ hiệu quả hơn, đồng thời cân nhắc bổ sung thêm các chuẩn Ngoại ngữ tương đương, đặc biệt với các sinh viên đến hạn ra trường (năm thứ 6) mà chưa đạt chuẩn nhằm giúp người học tốt nghiệp.

+ Khoa Kinh tế phối hợp với Ban liên lạc cựu sinh viên đẩy mạnh tổ chức những buổi nói chuyện của cựu sinh viên, đặc biệt là cựu sinh viên đã thành công trong công việc, với sinh viên trong khoa để các sinh viên đang theo học có cơ hội trao đổi trực tiếp những băn khoăn vướng mắc của mình đối với công việc sau khi ra trường.

+ Học viện và Khoa thực hiện tăng thời gian cho sinh viên làm NCKH bằng cách điều chỉnh giảm giờ lý thuyết, tăng giờ thực hành và tự học trong các học phần. Ngoài ra, Khoa phối hợp với Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác tổ chức các buổi giao lưu nói chuyện của các sinh viên được giải NCKH cấp Học viện và Quốc gia với sinh viên của Khoa và Học viện nói chung để nhân rộng niềm yêu thích đối với NCKH trong sinh viên.

+ Khoa Kinh tế tổ chức thêm các buổi gặp gỡ, giao lưu với các nhà tuyển dụng, tăng cường mối quan hệ với các nhà tuyển dụng để tăng số lượng các nhà tuyển dụng trả lời khảo sát của khoa Kinh tế. Trung tâm KT&ĐBCL làm đầu mối phối hợp với Khoa Kinh tế và các phòng ban chức năng thực hiện xây dựng chỉnh sửa, chuẩn hoá các câu hỏi khảo sát từ từ quý 4 năm 2020 và hoàn thành vào quý 1 năm 2021.

### **3.4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT**

Căn cứ vào Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT – Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT, gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kinh tế cả 50 tiêu chí đều đạt yêu cầu. Cụ thể, các kết quả được tổng hợp như các Bảng ở dưới đây:

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên cơ sở giáo dục: **Học viện Chính sách và Phát triển**

Tên chương trình đào tạo: **Ngành Kinh tế**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
				④	⑤	⑥	⑦			
<b>Tiêu chuẩn 1</b>								5,00	3	100
Tiêu chí 1.1				5						
Tiêu chí 1.2				5						
Tiêu chí 1.3				5						
<b>Tiêu chuẩn 2</b>								5,00	3	100
Tiêu chí 2.1				5						
Tiêu chí 2.2				5						
Tiêu chí 2.3				5						
<b>Tiêu chuẩn 3</b>								5,00	3	100
Tiêu chí 3.1				5						
Tiêu chí 3.2				5						
Tiêu chí 3.3				5						
<b>Tiêu chuẩn 4</b>								4,67	3	100
Tiêu chí 4.1			4							
Tiêu chí 4.2				5						
Tiêu chí 4.3				5						
<b>Tiêu chuẩn 5</b>								4,80	5	100
Tiêu chí 5.1				5						
Tiêu chí 5.2				5						
Tiêu chí 5.3				5						
Tiêu chí 5.4			4							
Tiêu chí 5.5				5						
<b>Tiêu chuẩn 6</b>								5,00	7	100



<b>Tiêu chuẩn 11</b>										
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3						6				
Tiêu chí 11.4						6				
Tiêu chí 11.5					5					
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>								<b>4,93</b>	<b>50</b>	<b>100</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2020

**GIÁM ĐỐC**



**PGS.TS. Đào Văn Hùng**

## PHẦN 4. PHỤ LỤC

### CƠ SỞ DỮ LIỆU

#### KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2019

#### I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Học viện Chính sách và Phát triển
  - Tiếng Anh: Academy of Policy and Development
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
  - Tiếng Việt: HCP
  - Tiếng Anh: APD
3. Tên trước đây (nếu có): Không có
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5. Địa chỉ: Học viện Chính sách và Phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Khu đô thị Nam An Khánh – Xã An Thượng – Huyện Hoài Đức – Thành phố Hà Nội
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 024.37957368. Số fax: 024.35562392.
7. E-mail: Website: <http://www.apd.edu.vn>
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 04/01/2008
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Năm 2010
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: Năm 2014
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
  - Công lập  Bán công  Dân lập  Tư thực
  - Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): Không

#### II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Khoa Kinh tế
  - Tiếng Anh: Faculty of Economics
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
  - Tiếng Việt: Khoa Kinh tế
  - Tiếng Anh:
14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Kế hoạch phát triển
15. Tên CTĐT

- Tiếng Việt: Ngành Kinh tế

- Tiếng Anh: Economics

16. Mã CTĐT: 7310101

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Không có

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 7, phòng 701B, tòa nhà Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ngõ 7 Tôn Thất Thuyết – Cầu Giấy – Hà Nội.

19. Số điện thoại liên hệ: 024.37957366

20. E-mail: Website: <http://apd.edu.vn/khoa-ke-hach-phat-trien>

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2009

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): Năm 2010

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): Năm 2014

### **III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

24. Khái quát về đơn vị triển khai chương trình đào tạo ngành Kinh tế

Ngành Kinh tế hiện có 05 chuyên ngành, trong đó 03 chương trình (Đầu tư, Đấu thầu và quản lý dự án, Phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh) thuộc khoa Kinh tế được giao triển khai; chương trình Kế hoạch phát triển thuộc khoa Kinh tế phát triển được giao triển khai và chương trình Kinh tế và Quản lý công thuộc khoa Chính sách công được giao triển khai.

Khoa Kinh tế (tiền thân là Khoa Kế hoạch phát triển) được thành lập năm 2010, ngay từ khi thành lập Học viện, chịu trách nhiệm quản lý, triển khai CTĐT ngành Kinh tế với các hướng chuyên sâu là kế hoạch phát triển. Năm 2017, Học viện bổ sung tuyển sinh sinh viên ngành Kinh tế với hướng chuyên sâu là đầu tư. Năm 2019, Học viện bổ sung tuyển sinh sinh viên ngành Kinh tế với hướng chuyên sâu đấu thầu và quản lý dự án, kinh tế và quản lý công và phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh. Sau hơn mười năm hình thành và phát triển, Khoa đã nhận được bằng khen của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về thành tích xuất sắc trong đào tạo và phát triển Học viện vào năm 2015 và 2017 (Quyết định số 382/QĐ-BKHĐT ngày 29/3/2016 về việc khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc cơ quan Bộ năm 2015 và Quyết định số 383/QĐ-BKHĐT ngày 28/3/2018 về việc khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan Bộ năm 2017).

**Cơ cấu tổ chức của Khoa:** Khoa Kinh tế có Trưởng khoa, trợ lý khoa và các giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy. Hội đồng Khoa được thành lập theo Quyết



định của Giám đốc Học viện, bao gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 01 Thư ký và các thành viên. Về công tác Đảng, các cán bộ, giảng viên của Khoa là Đảng viên tham gia sinh hoạt tại Chi bộ 2 (Chi bộ khối cán bộ phòng ban) và Chi bộ 3 (Chi bộ khối cán bộ giảng viên). Về công tác Đoàn, một số cán bộ, giảng viên của Khoa tham gia sinh hoạt tại Chi đoàn khối cán bộ giảng viên của Học viện. Các cán bộ giảng viên trong Khoa đều là thành viên của Tổ công đoàn Khoa trực thuộc Công đoàn Học viện CS&PT.

***Hoạt động đào tạo của Khoa:***

Tính đến tháng 12/2019, đã có 06 khoá sinh viên ngành Kinh tế ra trường với 590 sinh viên tốt nghiệp. Tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm sau khi ra trường sau một năm tốt nghiệp đạt khoảng 90%, số sinh viên làm đúng chuyên ngành đạt khoảng 87%.

***Hoạt động NCKH của Khoa:*** Hoạt động NCKH của Khoa được triển khai đối với cả giảng viên và sinh viên. Các giảng viên trong Khoa hàng năm đều đảm bảo định mức NCKH theo quy định của Học viện. Nhiều giảng viên trong Khoa đã tham gia và hoàn thành các đề án, các đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Học viện với kết quả được đánh giá cao. Bên cạnh đó, giảng viên trong Khoa cũng đã có các bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế và trong nước có uy tín; tích cực tham gia các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; xuất bản giáo trình, sách chuyên khảo (như Giáo trình “*Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô*” – NXB Đại học Quốc gia Hà Nội 2014; sách tham khảo “*Chất lượng tăng trưởng công nghiệp thành phố Hà Nội-Rào cản và gợi ý chính sách*” – NXB Dân Trí Hà Nội 2018; sách chuyên khảo “*Cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng ở Việt Nam*” – NXB Dân Trí Hà Nội 2019; sách chuyên khảo “*Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và làn sóng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam*” – NXB Dân Trí Hà Nội 2019... ).

Về hoạt động NCKH của sinh viên: sinh viên Khoa Kinh tế có truyền thống NCKH tốt, được đánh giá cao trong Học viện. Hoạt động NCKH sinh viên được triển khai hàng năm theo kế hoạch NCKH của Học viện. Nhiều đề tài NCKH của sinh viên trong Khoa đã giành giải Nhất, Nhì cấp Học viện. Ngoài ra, sinh viên Trịnh Thị Huyền còn được giải Nhì trong cuộc thi Olympic kinh tế lượng ứng dụng toàn quốc năm 2017 – 2018 với đề tài “*Lợi suất giáo dục tại các khu vực kinh tế của Việt Nam theo số liệu VHLSS 2016*”. sinh viên của Khoa cũng đã có bài báo

đăng trên tạp trí quốc tế có uy tín như Trịnh Thị Huyền (2017) – *The relationship between fiscal status with economic growth, inflation and unemployment in Vietnam period 1996 – 2016* – International Journal of Research in Economics and Social Science (IJRESS); Hoang Lan Chi (2017) – *Analysis of factor impacting on money demand in Vietnam* – International Journal of Research in Finance and Marketing; hoặc bài báo đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học cấp Học viện như Vũ Hải Đăng (2017 – đồng tác giả) - *Các yếu tố đóng góp vào thay đổi giá trị xuất khẩu của Việt Nam trên thị trường ASEAN* - Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Giảng dạy và NCKH trong bối cảnh quốc tế”.

### ***Hoạt động về công tác sinh viên:***

Khoa Kinh tế luôn là lá cờ đầu trong các hoạt động văn nghệ và thể thao. sinh viên của khoa đã nhiều năm dành được cúp vô địch trong các giải thể thao, văn nghệ, nấu ăn, sinh viên thanh lịch... của Học viện.

Với vai trò là Khoa quản lý sinh viên, lãnh đạo và cán bộ giảng viên trong Khoa đã thường xuyên phối hợp cùng các đơn vị khác trong Học viện triển khai nhiều hoạt động cho sinh viên trong suốt quá trình học tập tại Học viện như chào tân sinh viên, Tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, thi tiếng Anh, Rung chuông vàng... Các bạn sinh viên mới sẽ nhận được sự hướng dẫn, giúp đỡ nhiệt tình của các anh chị sinh viên các khóa trước, được kết nối, chia sẻ từ chỗ ở, kinh nghiệm học tập, thi cử ...v.v

Công tác quản lý sinh viên, khai báo tạm trú luôn được Khoa và Học viện thực hiện nghiêm túc, góp phần định hướng sinh viên tránh xa các tệ nạn xã hội, tập trung cho công việc học tập và rèn luyện tại Học viện.

Đội ngũ cố vấn học tập là các giảng viên trong Khoa luôn sâu sát, quan tâm đến các lớp sinh viên được phân công phụ trách, qua đó nhanh chóng nắm bắt được những khó khăn của sinh viên để kịp thời hỗ trợ, tìm ra các giải pháp phù hợp.

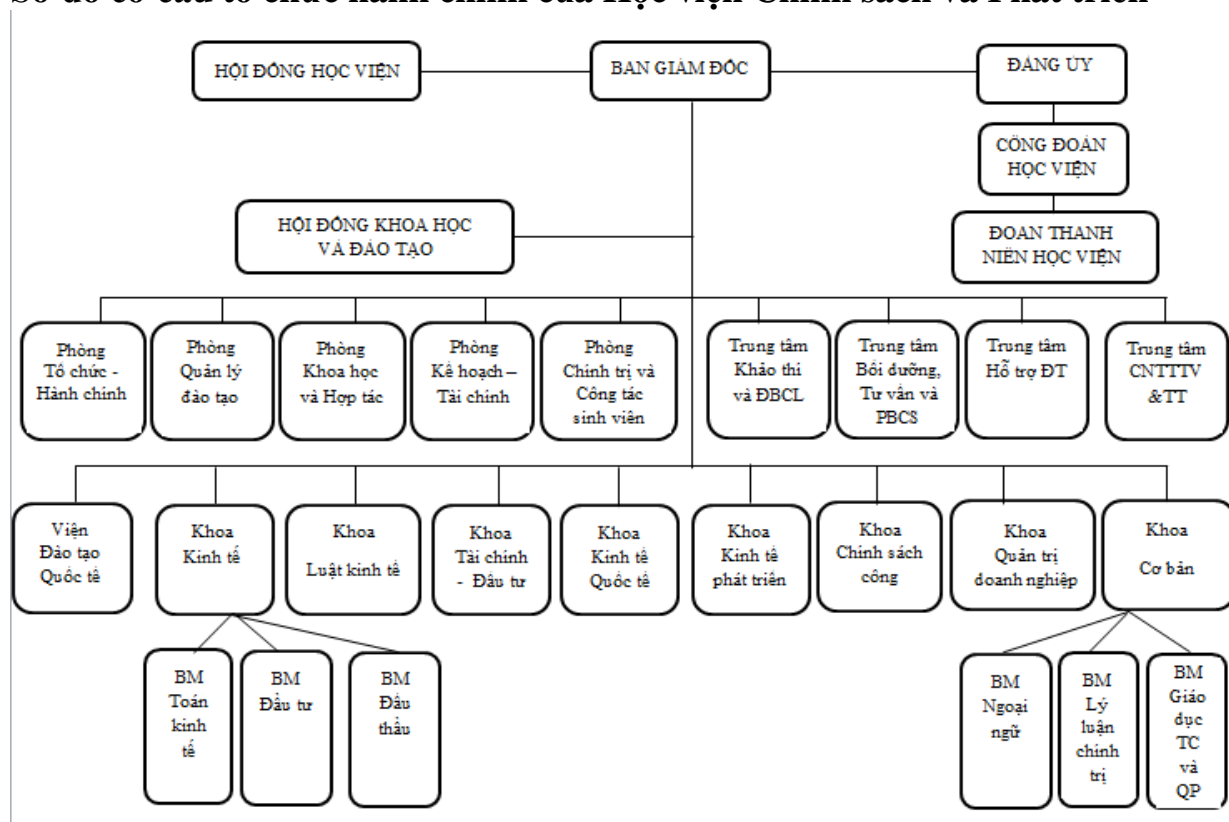
### ***Hoạt động hợp tác của Khoa:***

Học viện nói chung và Khoa nói riêng có quan hệ hợp tác với đội ngũ chuyên gia Hàn Quốc trong hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo. Khoa đã mời các chuyên gia Hàn Quốc nói chuyện với sinh viên K2 (khóa 2011 – 2015) của Khoa trong quá trình học tập để tăng thêm các kiến thức thực tế cho sinh viên. Bên cạnh đó, Học viện đã phối hợp với Tổ chức trao đổi nguồn lực quốc tế REI (năm

2018) để tổ chức các buổi hợp tác đào tạo kỹ năng cho sinh viên của các khoa, trong đó có Khoa Kinh tế. Các buổi trao đổi với chuyên gia của tổ chức REI đều được sinh viên của Khoa tham gia và hưởng ứng nhiệt tình.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

**Sơ đồ cơ cấu tổ chức hành chính của Học viện Chính sách và Phát triển**



26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
<b>Ban giám đốc Học viện</b>						
	Ban Giám đốc	Đào Văn Hùng	1960	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Giám đốc, giảng viênCC	0903418235	daohungvan@gmail.com
		Trần Trọng Nguyên	1972	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Phó Giám đốc, giảng viênCC	0912142282	trongnguyen@mpi.gov.vn
		Giang Thanh Tùng	1967	Tiến sĩ, Phó Giám đốc, CVC	0904121967	tunggiangthanh@mpi.gov.vn

		Nguyễn Thế Vinh	1977	Tiến sĩ, Phó Giám đốc, giảng viênC	0903282737	<a href="mailto:vinh.nt@apd.edu.vn">vinh.nt@apd.edu.vn</a>
<b>Đơn vị thực hiện CTĐT – Ngành Kinh tế</b>						
1.	Khoa Kinh tế	Nguyễn Thanh Bình	1973	Tiến sĩ, Trưởng khoa, giảng viênC	0983835518	<a href="mailto:nguyenthanhbinhapd@gmail.com">nguyenthanhbinhapd@gmail.com</a>
	Khoa Kinh tế phát triển	Lê Huy Đoàn	1975	Tiến sĩ, Phó Trưởng khoa, giảng viên	0965799007	<a href="mailto:doanlhaptl@gmail.com">doanlhaptl@gmail.com</a>
	Khoa Chính sách công	Ngô Phúc Hạng	1977	Phó giáo sư, Tiến sĩ, Phụ trách khoa, giảng viên chính	0912482399	<a href="mailto:nphanh39@gmail.com">nphanh39@gmail.com</a>
	Trợ lý Khoa	Nguyễn Thị Lan Anh	1985	Thạc sỹ, CV	0988389385	<a href="mailto:tuonglananh@gmail.com">tuonglananh@gmail.com</a>
	Trợ lý Khoa	Nguyễn Thị Diệu Linh	1985	Thạc sỹ, CV	0968544333	<a href="mailto:linhnhd88@gmail.com">linhnhd88@gmail.com</a>
	Trợ lý Khoa	Nguyễn Quang Sơn	1985	Cử nhân, CV	0989131434	<a href="mailto:quangson1104@gmail.com">quangson1104@gmail.com</a>
<b>Các đơn vị phối hợp thực hiện CTĐT</b>						
1.	Viện Đào tạo quốc tế	Đào Hoàng Tuấn	1985	Tiến sĩ, Viện trưởng, giảng viên	0966192042	<a href="mailto:tuandhapd@apd.edu.vn">tuandhapd@apd.edu.vn</a>
2.	Khoa Luật kinh tế	Nguyễn Như Hà	1982	Tiến sĩ, phụ trách Khoa, giảng viên	0902468579	<a href="mailto:Nhuha.apd@gmail.com">Nhuha.apd@gmail.com</a>

3.	Khoa Tài chính – Đầu tư	Nguyễn Thạc Hoát	1960	Tiến sĩ, Trưởng khoa, giảng viên	0978430366	thachcoat123@gmail.com
4.	Khoa Kinh tế đối ngoại	Bùi Thúy Vân	1977	Tiến sĩ, Trưởng khoa, giảng viên	0355100506	bx.van@apd.edu.vn
5.	Bộ môn LLCT	Ngô Minh Thuận	1979	Phó Bộ môn, Phụ trách, giảng viên chính	0983700876	duythuan1981@gmail.com
6.	Khoa Quản trị doanh nghiệp	Vũ Thị Minh Luận	1975	Tiến sĩ, Trưởng khoa, giảng viên chính	0979128458	<u>vuminhluan@gmail.com</u>
7.	Khoa Cơ bản	Trần Trọng Nguyên	1972	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trưởng khoa, giảng viên cao cấp	0912142282	trongnguyen@mpi.gov.vn
8.	Phòng Quản lý đào tạo	Nguyễn Thế Hùng	1977	Tiến sĩ, Trưởng phòng, giảng viên	0772555669	<u>hungnt888@gmail.com</u>
9.	Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác	Võ Xuân Hoài	1984	Thạc sĩ, Phụ trách Phòng	0904849515	<u>vo.xuanhoai@gmail.com</u>
10.	Phòng Tổ chức – Hành chính	Lê Hồng Quân	1967	Thạc sĩ, Trưởng phòng	0904281693	<u>hongquanle271@gmail.com</u>
11.	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Chu Thị Ngọc Trâm	1980	Thạc sĩ, Kế toán trưởng	0903449498	<u>ngoctram.apd@gmail.com</u>

12.	Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	Nguyễn Tiến Hùng	1971	Tiến sĩ, Trưởng phòng, giảng viên chính	0904694099	<a href="mailto:hunghoavi@gmail.com">hunghoavi@gmail.com</a>
13.	Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Lê Minh Vân	1962	Cử nhân, Giám đốc Trung tâm, nghiên cứu viên chính	0904281734	<a href="mailto:vanylempi@yahoo.com">vanylempi@yahoo.com</a>
14.	Trung tâm Hỗ trợ đào tạo	Nguyễn Mã Lương	1978	Thạc sĩ, Giám đốc Trung tâm, giảng viên	0977626233	<a href="mailto:nguyenmaluong03@gmail.com">nguyenmaluong03@gmail.com</a>
15.	Trung tâm Công nghệ thông tin, Thư viện và Truyền thông	Đàm Thanh Tú	1981	Tiến sĩ, Giám đốc Trung tâm, giảng viên	0912426326	<a href="mailto:dt.hvtc@gmail.com">dt.hvtc@gmail.com</a>
16.	Trung tâm Tư vấn, Bồi dưỡng và Phản biện chính sách	Võ Xuân Hoài	1984	Thạc sĩ, Phụ trách Trung tâm	0904849515	<a href="mailto:vo.xuanhoai@gmail.com">vo.xuanhoai@gmail.com</a>

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

Số lượng ngành đào tạo đại học: 01

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

29. Tổng số các ngành đào tạo: 01

#### IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <sup>3</sup> Trong đó:	19	14	33
I.1	Cán bộ trong biên chế	15	12	27
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	04	02	06
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng <sup>4</sup> )	02	02	04
	<b>Tổng số</b>	<b>21</b>	<b>16</b>	<b>37</b>

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

<sup>3</sup>Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>4</sup>Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

### 31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn 5 trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	2	1			1	
3	Tiến sĩ khoa học	0					
4	Tiến sĩ	11	7	3		1	
5	Thạc sĩ	19	14	4		2	
6	Đại học						
7	Cao đẳng						
8	<b>Trình độ khác</b>						
	<b>Tổng số</b>	<b>32</b>	<b>22</b>	<b>7</b>		<b>4</b>	

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 28 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 28/35 ~ 85%

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

<sup>5</sup>Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.



Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng	Giảng viên quốc tế	Giảng viên quy đổi
				Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0	2	1			1		3,6
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0						0
4	Tiến sĩ	2	11	7	3		1		20,4
5	Thạc sĩ	1	19	14	4		2		16,4
6	Đại học	0,3							
	<b>Tổng</b>		<b>32</b>	<b>22</b>	<b>6</b>		<b>4</b>		<b>40,4</b>

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	01	3,8	01				01		
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	10	37	09	01		05	05		
5	Thạc sĩ	17	59,2	06	10	06	10			
6	Đại học									
	<b>Tổng</b>	<b>28</b>	<b>100</b>							

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 36 tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 11/28 ~ 39%

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 28/28 = 100%

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

T T	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	15	75
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	60	20
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	20	5
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	5	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	<b>Tổng</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

#### V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2014-2015	315	195	1-1.6	173	17.5-20/30	18	0
2015-2016	571	222	1-2.6	164	19/30	20	0
2016-2017	320	226	1-1.4	199	19.5/30	20.5	0
2017-2018	531	270	1-2	252	19-20/30	19.4	0
2018-2019	605	378	1-1.6	340	17-19/30	18.3	0

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy. (Điền số 0 vào các cột trống)

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:	547	586	694	812	908
Hệ chính quy	547	586	694	812	908
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

	Năm học				
	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

100% người học của CTĐT chuyên ngành Kế hoạch phát triển không ở ký túc xá

Các tiêu chí	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	0	0	0	0	0
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	547	586	694	812	908
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	0	0	0	0	0
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)	0	0	0	0	0

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học
--	---------

	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019
Số lượng (người)	89	56	76	6	218
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	16,27	9,56	10,95	0,74	24,01

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	117	86	120	115	50
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

*(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)*

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	117	86	120	115	50
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	93,6	94,5	89,6	66,5	30,5
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4					
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019
→ điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	56,3	57,0	62,8	61,5	62
3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	32	34,5	24	28,5	29,2
3.3. Tỷ lệ người học trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	11,7	8,5	13,2	10	8,8
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	33,3 88,7	42,7 87,8	34,8 81,4	45,6 85,9	40,8 87,4
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	11,3	12,2	18,6	14,1	12,6
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (trđ)	5,5	6,7	7,4	7,6	7,6
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	44,2	50,1	49,2	53,5	50,8
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng	37,5	35,7	40,9	38,2	42,2

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019
phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	18,3	14,2	9,9	8,3	7,0

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

## VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	1	0	2	4	14
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	2	4	3	4	20	33
3	Đề tài cấp trường	0,5	3	9	2	5	16	17,5
4	Tổng		5	14	5	11	40	64,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 64,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 64,5/33 ~ 1,95

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực

hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ được chuyển về tài khoản của Học viện, không chuyển trực tiếp về Khoa.

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	20...			
2	20...			
3	20...			
4	20...			
5	20...			

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	4	8	18	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	4	2	
Trên 6 đề tài	0	1	0	
Tổng số cán bộ tham gia	4	19	20	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014 -2015	2015 -2016	2016 -2017	2017 -2018	2018 -2019	
1	Sách chuyên khảo	2,0				1	5	12
2	Sách giáo trình	1,5	2		2	1	2	10,5
3	Sách tham khảo	1,0						0
4	Sách hướng dẫn	0,5						0
	Tổng		2	0	2	2	7	22,5

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 22,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 22,5/33 ~ 0,68

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	4	5	0	
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	4	5	0	

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	
			4 - 5	5 - 6	6 - 7	7 - 8	8 - 9	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5			1	5	2	12
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	2	11	8	8	21	50
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5						0
	Tổng		2	11	9	13	23	62

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 62

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 62/33 ~ 1,88

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	5	16	0
Từ 6 đến 10 bài báo	0	1	0



Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	5	17	0

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	
1	Hội thảo quốc tế	1,0			0	1	4	5
2	Hội thảo trong nước	0,5	1	2	2	2	10	8,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25		1		2		0,75
4	Tổng		1	3	2	5	14	14,25

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 14,25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 14,25/33 ~ 0,43

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	3	9	3
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	1	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	3	10	3

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2014 - 2015	0
2015 – 2016	0
2016 – 2017	0
2017 – 2018	0
2018– 2019	0

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	445	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	445	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	01 giải Nhì cấp Học viện	01 giải Ba cấp Học viện	01 giải Nhất và 02 giải Ba cấp Học	01 giải Nhì Olympic kinh tế lượng ứng dụng (cấp	01 giải Nhất; 02 giải Nhì và 01 giải Ba cấp Học viện

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019
				viện	quốc gia)	02 giải Khuyến khích Olympic kinh tế lượng ứng dụng (cấp Quốc gia)
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	-	-	02 bài báo quốc tế 01 bài báo trên Kỷ yếu Hội thảo NCKH cấp Học viện	01 bài đăng trên Kỷ yếu Hội thi Olympic Kinh tế lượng ứng dụng quốc gia	-

## VII. Cơ sở vật chất, thư viện

	Cơ sở tại D25	Cơ sở tại Nam An Khánh
53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m <sup>2</sup> ):	2.351,8	50.876
54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m <sup>2</sup> )	2.351,8	50.876
55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m <sup>2</sup> ):		
- Nơi làm việc:	872,9	4.020
- Nơi học:	1.950	14.884
Nơi vui chơi giải trí:	0	3.160
56. Diện tích phòng học (tính bằng m <sup>2</sup> )		
- Tổng diện tích phòng học:	1.950	13.811
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:	1	5

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông

tin – Thư viện: 1600 đầu sách, hơn 20 báo và tạp chí và trên 5000 tài liệu số.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 0

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: 136

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 79

- Dùng cho người học học tập: 136

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,15

### VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

#### 1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 28

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 80

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 41%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 59%

#### 2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 908

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 22,5

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 39%

#### 3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 62

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 29,2

#### 4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 87,4

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 12,6

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 7,6

#### 5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng

ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 50,8

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 42,2.

#### 6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,95

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,68

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,88

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,43

#### 7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,15

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 5

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 1,24

*(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).*

## Phụ lục 2. QUYẾT ĐỊNH VÀ KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
HỌC VIỆN  
**CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**  
Số: 070/QĐ-HVCSPT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2019

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá  
chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế  
Học viện Chính sách và Phát triển

#### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ- BKHĐT ngày 18/07/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 504/QĐ-HVCSPT ngày 8/8/2018 của Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và Phó Trường khoa Kế hoạch phát triển;

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế Học viện Chính sách và Phát triển gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế Học viện Chính sách và Phát triển theo Quy định về tiêu



chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Văn bản hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 1.3;
- Khoa KHPT (để thực hiện)
- Lưu: TCHC; KT&ĐBCL(10 bản).

**GIÁM ĐỐC**



**PGS, TS. Đào Văn Hùng**



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH KINH TẾ  
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**

*(Kèm theo Quyết định số 170/QĐ-HVCSPT ngày 12 tháng 8 năm 201  
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đào Văn Hùng	Bí thư Đảng ủy, GD Học viện	Chủ tịch
2	Trần Trọng Nguyên	P.GD Học viện	P.Chủ tịch
3	Lê Huy Đoàn	P.Trưởng Khoa KHPT	P.Chủ tịch thường trực
4	Lê Minh Vân	Giám đốc TTKT&ĐBCL	Thư ký
5	Lê Hồng Quân	Chủ tịch công đoàn, Trưởng P.TCHC	Ủy viên
6	Vũ Đình Hòa	Bí thư đoàn thanh niên, P.Trưởng khoa QTKD	Ủy viên
7	Bùi Thị Hoàng Mai	Giảng viên khoa KHPT	Ủy viên thường trực
8	Trần Thị Trúc	Giảng viên khoa KHPT	Ủy viên
9	Nguyễn Thế Hùng	Trưởng phòng QLĐT	Ủy viên
10	Ngô Minh Thuận	P.Trưởng bộ môn Triết	Ủy viên
11	Đỗ Thị Hoa	P. trưởng Bộ môn NN	Ủy viên
12	Nguyễn Tiến Hùng	Trưởng phòng CT& CTSV	Ủy viên
13	Nguyễn Văn Tuấn	P.Trưởng bộ môn toán	Ủy viên
14	Chu Thị Ngọc Trâm	Kế toán trưởng	Ủy viên
15	Nguyễn Mã Lương	Trưởng Bộ môn GDTC& ANQP	Ủy viên
16	Nguyễn Thị Đông	P.Trưởng phòng QLĐT	Ủy viên
17	Nguyễn Thị Thu Hường	Sinh viên K7, chuyên ngành KHPT	Ủy viên

*(Danh sách gồm có 17 người).*



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ**

(Kèm theo Quyết định số 170/QĐ-HVCSPT ngày 14 tháng 8 năm 2011 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Lê Minh Vân	Giám đốc TT KT&ĐBCL	Trưởng Ban thư ký
2	Trần Thị Thanh Minh	Chuyên viên TT KT&ĐBCL	P.Trưởng Ban thư ký
3	Nguyễn Thị Mai	Chuyên viên TT KT&ĐBCL	Thành viên
4	Nguyễn Thị Hà	Chuyên viên TT KT&ĐBCL	Thành viên
5	Nguyễn Đức Hiếu	Chuyên viên TT KT&ĐBCL	Thành viên

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH**  
 (Kèm theo Quyết định số 370/QĐ- HVCSPT ngày 12 tháng 9 năm 201  
 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

Tiêu chuẩn	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
<b>Nhóm 1:</b> Tiêu chuẩn: 1;2;3,4;11	ThS. Lê Huy Đoàn	P.Trưởng khoa KHPT	Trưởng nhóm
	Phan Lê Nga	Giảng viên khoa KHPT	Thành viên
	Nguyễn Quang Sơn	Trợ lý khoa KHPT	Thành viên
	Nguyễn Thị Đông	P. Trưởng P.QLĐT	Thành viên
	Nguyễn Tiến Thành	Chuyên viên P. TCHC	Thành viên
	Nguyễn T.Minh Hạnh	Chuyên viên P.HTQT	Thành viên
	Chu Thị Ngọc Trâm	Kế toán trưởng	Thành viên
	Nguyễn Đức Hiếu	Chuyên viên TT KT&ĐBCL	Thư ký
<b>Nhóm 2:</b> Tiêu chuẩn 6;7;9	Bùi Thị Hoàng Mai	Giảng viên khoa KHPT	Trưởng nhóm
	Nguyễn T.Bích Phương	Giảng viên khoa KHPT	Thành viên
	Bùi Quang Nghĩa	Chuyên viên P. TCHC	Thành viên
	Lê Thị Cẩm Thơ	Chuyên viên P.QLĐT	Thành viên
	Đỗ Thị Hà Anh	Chuyên viên P.HTQT	Thành viên
	Phạm Thị Nhâm	Nghiên cứu viên P.KHTC	Thành viên
	Nguyễn Thị Hà	Chuyên viên TT KT&ĐBCL	Thư ký
<b>Nhóm 3:</b> Tiêu chuẩn 5;8;10	Trần Thị Trúc	Giảng viên khoa KHPT	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thành Đô	Giảng viên khoa KHPT	Thành viên
	Tô Trọng Hùng	Giảng viên khoa KHPT	Thành viên
	Nguyễn Thu Phương	Chuyên viên P.QLĐT	Thành viên
	Đỗ Kiến Vọng	P. Trưởng Phòng CT&CTSV	Thành viên
	Ngô Thị Thanh Hoa	Chuyên viên P.TCHC	Thành viên
	Nguyễn Thị Mai	Chuyên viên TT TT&ĐBCL	Thư ký

(Danh sách gồm có 22 người)

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2019

## KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Mục đích tự đánh giá

Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo cử nhân ngành Kinh tế so với bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trên cơ sở kết quả đánh giá để Khoa và Học viện xây dựng kế hoạch đảm bảo, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân ngành Kinh tế.

Làm căn để Học viện đăng ký kiểm định chất lượng theo Bộ Tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động thực hiện CTĐT của ngành Kinh tế theo bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học.

### 3. Công cụ đánh giá

Sử dụng bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ đại học được ban hành tại thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các tài liệu hướng dẫn khác có liên quan.

### 4. Hội đồng tự đánh giá

#### 4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Kinh tế được thành lập theo Quyết định số /QĐ-HVCPST ngày 12/08/2019 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển, Hội đồng gồm có 17 thành viên (danh sách kèm theo)

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo)

#### 4.3. Phân công thực hiện

STT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1+2+3+4+11	Nhóm 1		
2	Tiêu chuẩn 6+7+9	Nhóm 2		

3	Tiêu chuẩn 5+8+10	Nhóm 3		
---	-------------------	--------	--	--

### 5. Kế hoạch thuê chuyên gia từ bên ngoài

Trong quá trình thực hiện công tác tự đánh giá nếu có vấn đề gì liên quan đến nội dung cần phải tư vấn thì khoa sẽ chủ động đề xuất thuê chuyên gia thông qua Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trung tâm sẽ làm đầu mối tổng hợp và báo cáo Giám đốc quyết định.

### 6. Thời gian biểu

Thời gian	Các hoạt động
<b>Tuần 1 - 2</b> <b>10/2019</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hợp Ban Giám đốc và Lãnh đạo Ngành Kinh tế để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá.</li> <li>• Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá:</li> <li>• Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.</li> <li>• Dự kiến các nhóm công tác chuyên trách để giúp các thành viên Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ được giao.</li> </ul>
<b>Tuần 3-4</b> <b>10/2019</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Học viện tổ chức tập huấn tự đánh giá CTĐT.</li> <li>• Hợp Hội đồng TĐG để thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng và Ban thư ký.</li> <li>• Thông qua dự thảo kế hoạch tự đánh giá.</li> <li>• Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ giảng viên, nhân viên và sinh viên.</li> <li>• Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt</li> <li>• Trưởng 03 nhóm tổ chức họp các nhóm chuyên trách: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu, phân tích nội hàm từng tiêu chuẩn/tiêu chí;</li> <li>- Xây dựng danh mục minh chứng dự kiến cần thu thập (Xác định các minh chứng đã có, các minh chứng nào cần được phục dựng);</li> <li>- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm.</li> </ul> </li> </ul>
<b>Tháng</b> <b>11/2019</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các nhóm tiến hành thu thập minh chứng theo phân công của trưởng nhóm.</li> <li>• Bắt đầu thu thập số liệu của phụ lục 8.</li> <li>• Trưởng 03 nhóm tổ chức họp các nhóm chuyên trách: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu nội dung của minh chứng để đánh giá mức độ phù</li> </ul> </li> </ul>

	<p>hợp;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân công các thành viên viết báo cáo cho từng tiêu chí, thực hiện mã hóa minh chứng khi viết báo cáo;</li> <li>- Thu thập bổ sung thông tin, minh chứng (nếu cần thiết)</li> </ul>
<b>Tuần 1-2 12/2019</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trưởng 03 nhóm tổ chức họp các nhóm chuyên trách: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua báo cáo tiêu chí và đề xuất chỉnh sửa;</li> <li>- Thành viên nhóm chuyên trách chỉnh sửa theo góp ý của Nhóm;</li> <li>- Trưởng nhóm chuyên trách và thư ký tổng hợp thành báo cáo tiêu chuẩn và nộp cho Thư ký Hội đồng.</li> <li>- Thu thập bổ sung thông tin minh chứng (nếu cần thiết)</li> </ul> </li> </ul>
<b>Tuần 3-4 12/2019</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thư ký Hội đồng TĐG họp với các nhóm chuyên trách để thông qua báo cáo tổng hợp, thống nhất cách mã hóa lại minh chứng cho toàn báo cáo.</li> <li>• Thu thập bổ sung thông tin, minh chứng (nếu cần thiết)</li> <li>• Viết các phần mở đầu và kết luận của báo cáo TĐG</li> <li>• Thư ký Hội đồng họp với các nhóm chuyên trách: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí của các nhóm chuyên trách;</li> <li>- Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG;</li> <li>- Tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo TĐG CTĐT;</li> <li>- Kết nối, biên tập phần báo cáo;</li> <li>- Kết nối, biên tập phần minh chứng và phụ lục;</li> <li>- Xác định các thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung.</li> </ul> </li> <li>• Ban Thư ký gửi báo cáo cho Hội đồng TĐG để xin ý kiến.</li> </ul>
<b>Tuần 1-2 01/2020</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ban thư ký chỉnh sửa báo cáo TĐG theo góp ý của Hội đồng TĐG.</li> <li>• Ban Thư ký công bố bản báo cáo TĐG và xin ý kiến góp ý của các bên liên quan.</li> <li>• Ban Thư ký họp các nhóm chuyên trách thống nhất về việc chỉnh sửa báo cáo để có số liệu thống nhất chung cho toàn báo cáo.</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hội đồng TĐG CTĐT họp để bổ sung, hoàn thiện báo cáo TĐG</li> </ul>
<p><b>Tuần 3</b> <b>Tháng</b> <b>01/2020</b></p> <p><b>Tuần 1</b> <b>Tháng</b> <b>02/2020</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ban Thư ký họp các nhóm chuyên trách rà soát lại báo cáo TĐG, danh mục minh chứng chính sửa theo góp ý của Hội Đồng TĐG lần cuối.</li> <li>Hội đồng TĐG CTĐT họp để chốt bản báo cáo TĐG cuối cùng.</li> <li>Hoàn thiện thủ tục hồ sơ báo cáo TĐG gửi Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và đào tạo.</li> <li>Đăng ký đánh giá ngoài CTĐT.</li> </ul>

**Nơi nhận:**

- Khoa KHPT (để thực hiện)
- BGĐ (để b/c)
- Lưu: TCHC; KT&ĐBCL(20 bản).

**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên, đóng dấu)



**PGS. TS. Đào Văn Hùng**